

CHÂN

DUNG

tự vẽ



NGUYỄN LỆ UYÊN

Nguyễn Lệ Uyên

CHÂN DUNG TỰ VẼ

Tập truyện

Đồng làng

Trông tre buổi xế trưa gió hiu nhẹ như chiếc quạt to phẩy mát cho các bà ngồi túm lại hóng mát, làm những chuyện vặt. Nhưng hơn hết là cái cơ để dòm ngó vào đời tư kẻ khác như một trò giải trí không mất tiền.

Đám phụ nữ đó trên dưới bốn mươi đầu chùng bảy tám người. Trước, họ là những nông dân rất. Nay thì cái “mác” nông dân của họ đã thực sự lụi sâu vào quá khứ. Họ đã được tách bỏ bao nỗi nhọc nhằn ra khỏi cuộc đời. Những thửa ruộng sinh không còn chỗ gieo sạ cây lúa, không nơi đào ao nuôi tôm cá mà là những nhà máy sừng sững cao ngất, đè tất cả quá khứ khốn khổ bên dưới những ống tròn xịt khói nhuộm đen cả xóm làng. Những cột khói ấy đang từ từ giải phóng họ. Và những con người ấy đang trở thành những kẻ nhàn hạ ngay chính trên mẫu ruộng nhỏ giờ nhô cao hơn nền đình làng.

Món tiền được đền bù là khúc rẽ cuộc đời của làng Nam Thổ, nằm kẹp giữa khúc sông rộng và quốc lộ chạy xuôi theo hướng bắc-nam.

Có lúc Chèo đứng soi mặt mình trước tấm gương to bằng cuốn vở học trò, móc trên cột gỗ góc nhà và bỗng khám phá ra rằng da mặt mình giờ mịn màng, trắng trẻ hơn. Những sợi lông tơ phơn phớt nhuộm đôi gò má ửng hồng, khác với mấy tháng trước, khi hai chân cô còn thọc sâu dưới đồng ruộng sinh, chia mặt hứng những ngọn gió nam khô khốc, táp cháy da; những sợi roi mưa theo gió mùa đông bắc cửa quạt buốt mặt mũi, tay chân. Bất giác cô đưa mu bàn tay cọ lên má. Một cảm giác nhột nhạt, gậy gậy rung lên. Bàn tay tự rơi xuống cổ. Chiếc cổ dài và trắng. Nhưng chiếc cổ ấy có vẻ như không chịu đựng nổi những cái cọ vuốt nhẹ của đôi tay làm cho khuôn mặt cô lúc nghiêng bên này, nghiêng bên kia trước tấm gương soi. Cuối cùng bàn tay của chính cô thả xuống ngực. Bộ ngực phập phồng qua làn vải dày sấp nhảy ra ngoài với đôi tay. Chèo đỏ mặt, buông tay quay đi chỗ khác. Chèo không còn thấy khuôn mặt mình nhảy múa trong gương soi. Sự tách đôi đột ngột che khuất cái nhìn nhưng có sức hút khuấy trộn để cô trộm nghĩ về nhan sắc mình: Nó cũng dễ coi. Nó không đến nỗi nào.

Nó chính là cái cơ để bà Tư Bèo, thốt lên kinh ngạc trong lần về quê ăn tết, bất ngờ nhìn thấy cô đang thờ thần ngoài ngõ: “Trời, con Chèo đó hử? Đẹp chi mà đẹp nào đẹp nùng. Con mẹ mày hồi xưa đẹp nhất làng. Mẹ mày mất, giờ thì mày đẹp nhất làng chớ còn ai vào tranh. Mày cứ ở mãi xó này lại phí cuộc đời”. Những lời khen ngọt lim líp kèm theo những ngón tay trái chuối trôi trên bàn tay Chèo, trôi vào cõi lòng Chèo với cảm giác rất lạ: ấm áp và lạnh lẽo trộn lẫn. Cô cúi đầu không trả lời. Mà cô cũng chẳng biết phải trả lời sao cho phải khi nhìn thấy cái nguýt dài và nhọn như lưỡi mát dưới đuôi mắt bà Tư. Cô giật nhẹ tay khỏi lớp mỡ màng của người đàn bà tròn như đòn bánh tết, bước lui ngượng nghịu, tai nghe với mấy lời vói theo: “Con nói chiều cô qua thăm anh Năm ghen”.

Bà Tư mất hút đầu đó trong kiệt nhỏ. Chèo thở phào như vừa tránh con rắn dưới gan bàn chân trần, trở vào nhà cầm chiếc rổ tre ra vườn ngắt những cọng bồ ngót, rau dền, bình bát, đầu óc lờn vờn những hình ảnh của sự gặp gỡ xanh lè ngoài ngõ với bà Tư lúc này.

Con mụ - cả làng đều gọi bà Tư Bèo là con mụ - bỏ làng mấy năm sau mới quay về. Bà rục rịch, loá sáng giữa giữa đám dân làng xóc xếch, vàng xuyên đầy tay, dây chuyền kéo trễ xuống tới bộ ngực chảy xệ, đồ sộ. Con mụ che chiếc dù đỏ, môi son đỏ hoét, mắt mang kính

đen, vắt chéo chân từng bước từ kiệt tre vào nhà. Con mụ nói giọng chót chả, cười rung đôi má, rung chiếc bụng đầy mỡ khiến những đứa con gái như Chèo vừa sợ hãi vừa thèm thuồng.

Dân làng kêu: Không biết con mụ làm cái giống gì mà chỉ ba năm sau người dất đầy vàng? Người độc miệng nói: Mả cha con mụ phát đấy!

Sự “phát” của nhân vật kỳ lạ, hành tung không bình thường này, bữa nay đột ngột xuất hiện và được bà Hai Côm vêu mở lên với đám chị em, chắc như đinh đóng cột:

- Bộ dạng ấy không làm dĩ thì cũng dất mồi, tú bà.

Người đàn bà ngồi trước rổ hột điều, hai tay thoăn thoắt lột lớp vỏ lụa, bày bộ ngực nhão, phơi lòng thông ra bên ngoài để thằng con nhỏ trườn lên, miệng mút chùn chụt núm vú nhần nheo, một tay giữ chặt núm còn lại như sợ có đứa nào lấy mất, hắt cằm lên, cãi:

- Già khụ. Bốn năm mươi còn dĩ điểm cái giống gì, đâu như thời còn Tây còn Mỹ?

Một bà khác tay đập chành chạch những con bồ hóng bay vo ve trên mắt, cười hềnh hếch:

- Nghe nói nay Tây ba lô qua mình nhiều.

Bà Hai Côm:

- Ừa, có thể lắm.

Chèo đặt chiếc rổ tre lên đùi, lật lại những cọng rau xanh, khép nép nghe những lời bình phẩm, không tham gia.

Câu chuyện bất ngờ chuyển qua hướng khác. Chị đàn bà có chiếc vú mướp bỏ trần ra ngoài xoắn những hột đào trong chiếc cảo bung vành, thành nhiều vòng:

- Đòi này sướng thiệt đấy. Thằng cha Tám Cận goá vợ nhận cục tiền đên sào ruộng đầu bảy triệu, liền xuống phố tậu ngay chiếc xe máy Tàu chạy mù trời.

- Máy bà không biết gì sao? – Bà Ba Vịt lộn kêu lên - Thằng chả đem nào cũng mò xuống con mẹ Bình bán trắng làng dưới. Có bữa ghé lại chỗ tôi mua cả chục.

- Vịt lộn để nhử hả? - Tiếng the thé của ai đó như tiếng bà Năm Dây Sên cất lên bõn cọt, bới móc.

Chị vú mướp trề môi:

- Nhử gì nữa mà nhử. Để tằm bỏ mấy bà ơi! Thằng chả bảy mươi, con mẹ sáu mươi.

Hồi xuân. Sung lắm.

- Mày thử rồi sao biết sung? – Bà Vịt lộn thêm.

Câu nói vừa rơi vãi ra quanh chỗ bọn họ ngồi, bay lá tả, lập tức những tiếng cười ngặt nghèo tràn ra kèm theo những tiếng “quỷ, quỷ” đầy lỗ tai. Và phụ họa vào những tràng ngặt nghèo quỷ kia là những âm thanh phát ra từ những chiếc loa thùng quanh xóm, xoắn theo gió bay về. Những âm thanh lạc quạc, ngọng nghịu, những ca từ kéo dài, thu ngắn từ những chiếc miệng móm người già, chưa tròn chữ của trẻ con phát ra ong ồng, vương vীu lên tận đọt tre cao.

- Nhà bà Năm Sinh mới tậu dàn *raoke* hôm qua. Chính mắt tôi thấy. Xịn lắm!

- Chỉ là chức trưởng ban con con, sao bằng của ông bí thư huyện?

- *Chời ơi!* của công nạp, bòn rút mà đi so bì?

- Nghe thằng chả mèo mỡ với con Châu bỏ chồng, đi lại với nhiều cán bộ. Lão mua chiếc *Pa Xy* mới cứng tặng *con dĩ* đó đó?

- Hèn chi cứ thấy thằng chả chiều chiều đảo qua trường Dầu rồi mát hút...

- Toàn lũ điểm thú, thú từ con dĩ tới thằng quan – Giọng nói của ai đó văng ra cùng với bãi đờm nhổ toẹt ra bên hông.

Đúng lúc này thì bà Tư Bèo đột ngột xuất hiện trước những cặp mắt ngỡ ngàng, soi mói. Đám đàn bà quê như muốn lột trần con người đàn bà kỳ lạ kia ra. Mọi con mắt đều đổ dồn

về phía bà Tư đang vắt chéo chân từng bước ngắn về phía đám người ngồi lê. Chuyện riêng tư của các cán bộ được bọn họ lập tức xếp gọn trong cổ họng.

Bà Tư Bèo cất giọng chả chót:

- Chào mấy chị. Mạnh giỏi há? Mà làng mình nay giàu quá héng? Nhà nào cũng xe máy, cũng karaoke. Chẳng bù hồi tui còn ở làng, nghèo mốc đất.

- Giàu chi – bà Hai Côm vẫu mỏ lên – có chút tiền đền bù mới ra thế. Giỏi ca hát ba tháng là đỏi *dánh bánh*.

- Đỏi đâu chưa thấy, nhưng giờ nghe ca hát vang trời là thấy vui rồi – Bà Tư Bèo nói vừa nhún nhẩy, ư ừ: *Sáu mươi năm cuộc đời... Hai mươi năm đầu vui sướng không bao lâu, hai mươi năm sau ừ ừ ừ ừ...*

- Phước đức nhà chị đi làm ăn xa giàu có, chớ ở làng như bọn này có ngày xách bị đi ăn xin.

- Sao vậy? – Bà Tư Bèo ngạc nhiên.

- Sao nữa? Ruộng đất sạch sẽ. Trên thu hết của dân rồi đưa cho thằng giàu mở nhà máy này, xưởng chế tạo kia. Mà chế tạo con khi mốc. Chúng nó sang tay nhau ăn chệnh lệch. Làm dân thời chó nào cũng khổ như trâu bò. Máy móc ai người ta dùng đám khu đen này? Quét rác đồ thùng đâu phải dùng đến trăm người?

- Vậy sao? – Bà Tư Bèo thốt lên bằng cái giọng vô cảm, rồi nhìn xoắn vào chỗ con Chèo đang ngồi thu lu, núp sau lưng bà vú mướp - Chèo à, con dẫn cô vào chào anh Năm đi con.

Không đợi Chèo trả lời, bà xắn lại, xốc cổ tay cô lôi dụng dẫy, kéo đi. Rổ rau trên tay Chèo chao đi mấy vòng, suýt rơi xuống đất.

- Chào mấy chị nghen.

Ông Năm Thọt trước kia là anh thợ cày giỏi nhất làng. Đem ra nọc rom rút rom cho đôi bò, bị du kích địa phương bắt lên núi, ấn cho cây súng và biến thành anh Việt cộng một cách dễ dàng, trơn tru. Năm Thọt có tên cúng cơm là Tâm, Võ Văn Tâm. Sau trận càn năm 72, ông bị trúng mấy phát đạn vào chân, không chạy được, bị bắt làm tù binh, bị giam ngoài Côn Đảo đầu hai năm rồi trả về địa phương với chân trái lệch đến mười phân nên dân làng lấy tướng đi đặt chết tên cho ông. Nếu chỉ dừng lại ở đây thì ông còn may mắn hơn nhiều người khác (nói về số phận). Nhưng đời không phải vậy, không suôn sẻ. Mấy tay ở xã ngấm nghĩa tướng mạo ông sao đó, bèn đề nghị lên quận bắt ông làm ấp phó. Cái chức ấy chẳng mùi mẽ, quyền lực, cũng không com cháo gì trong cái xóm nhỏ chỉ còn lèo tèo vài người già. Thanh niên lớp lên núi, lớp xuống biển rồi gặp nhau ở chỗ nào đó phang vào nhau âm âm, cứ như hồi còn để chỏm chia phe đảng giặc giả. Có điều đám giặc giả ngày nào giờ thành thiệt rồi: Một bên cầm súng Nga xô, Tàu; một bên cầm súng Mỹ nhắm vào nhau mà bắn. Bắn đến lòi ruột, phọt óc, tan nát thịt xương mới thôi, cho dù trước đó chúng đã từng chia nhau trái ổi, cắn chung cục kẹo nỏ, rủ nhau đi hái trộm me... Năm Thọt trong số đó. Ông từ chối thế nào cũng không xong, bèn tự nhủ: Ấp phó trong cái làng chỉ còn hàng tre và mấy con chó ốm chạy rông thì tội nợ gì. Cứ từ từ ít tháng rồi tìm cách! Là nghĩ bụng thế thôi, chứ cách gì thì nghĩ mãi mà không tìm ra. Còn chân cao chân thấp chạy lên núi lần nữa, sao leo gộp được? Vớ lại... Đúng, cứ lì dưới này coi bộ sướng.

Đám đông những người như Năm Thọt chỉ có thể nhìn thấy đường gần mà không thể tính nổi đường xa; chân chỉ có thể chạm mặt đất chứ hai tay không thành cánh mà bay lên trời cao, nên chỉ hai tháng sau là các đồng chí cũ tràn về làm chủ. Ông bị liệt vào hàng ngũ địch.

Làm tay sai cho địch. Lại vác tay nải, lương khô đi cải tạo. Đủ hạn lại trở về như bao người khác, mặt cảm xuống đồng sinh, chổng đít lên trời như kêu oan!

Giờ chỉ còn hai cha con trong căn nhà gạch ba gian. Tuy cũ kỹ, rêu mốc nhưng không đến nỗi nào. Không làm cán bộ thì nông dân, mất mát chi, ông nhiều lần tự nhủ như vậy. Khô tâm là cốt nông dân bị lột trụi như người ta nhổ lông con chim cu hơ lên lửa: lớp da đỏ hồng phút chốc đen thui, mỡ chảy xèo xèo. Và như bao dân làng khác, bọn ông chỉ có dùm chữ, chẳng nghề nông, biết chuyên đôi làm thứ gì? Ngay cả chuyện ông viết đơn xin chân bảo vệ một nhà máy trong khu công nghiệp, người ta liếc ngang nhìn dọc tâm lý lịch, rồi lịch sự: “Đạ có người rồi, thưa bác!”. Chỗ nào cũng một giọng ấy khiến ông ngán ngấm quay về, lật tung lớp đất cằn trong mảnh vườn nhỏ, trồng các thứ rau kiếm đồng chợ.

Bữa gặp Chín Phước – cựu chủ tịch mặt trận xã, người rất hiểu hoàn cảnh ông – đang thả bò trên gò Dinh, ngoắt ông lại:

“Hết biết rồi anh Năm ơi! Cái làng này rồi đến loạn mất. Nhà nào cũng hò hát. Nhà nào cũng xúm nhau mua xe. Nhà mua sau phải mua xe đắt hơn nhà mua trước. Còn bọn thanh niên rệu rạc chề thâu đêm suốt sáng. Âm âm như đám giặc, chẳng chịu làm ăn!

Năm Thọt cười khẩy:

“Đám ve sầu đó hát bã họng, bụng tóp teo sẽ chạy đi kiếm ăn, lo gì?

“Không thể được. Không thể nào ăn không ngồi rồi mãi được. Anh tính coi: mười triệu bạc đó có thấm tháp vào đâu. Ăn nhậu ca hát đã đời rồi lẫn ra chết chắc?

Năm Thọt khoát tay:

“Thôi, hết đường rồi anh Chín. Tôi cũng khuyên giải nhưng họ bỏ ngoài tai, kêu tôi là đồ khùng. Thân già bọn mình... - Ông bỏ lửng câu nói.

Năm Thọt bật cười khùng khục khi nhớ lại mấy lời qua lại bữa đó với Chín Phước. Thăng cha, đúng chứng nào tật đó. Chuyện làng xóm chả coi như chuyện nhà, bứt rứt không yên. Trước khi đi dự họp tướng mạo hùng hù hỏ hỏ; tan buổi mặt mũi ỉu xiu, bước đi không muốn nổi. Bộ mặt Chín Phước lộ rõ vẻ thất vọng nào nê.

- Năm ơi, anh Năm!

Tiếng gọi thê thọt làm ông giật nảy người, rút vội tay ra khỏi háng khi cơn ngứa chưa thiệt đã. Ông bỏ chân xuống khỏi chiếc đầu nhựa quơ chân tìm đôi dép cùn, vịn tay lên mặt bàn nhóng cổ ra hỏi:

- Ai kêu tôi đó?

- Em đây. Em Bèo đây anh Năm!

- Trời đất, cô đi những đâu mà nay mới mò về làng? Về hồi nào?

Vẫn những bước chân vắt chéo, bà Tư bỏ tay mình ra khỏi tay Chèo, cởi chiếc kính đen ra khỏi sống mũi, dòm Năm Thọt gần đưng mặt.

- Mới. Khoẻ chứ anh Năm?

- Khoẻ. Còn cô? Chà, thay đổi dữ he. Nhìn bộ dạng này đã biết đổi đời rồi, giàu hung rồi? – Ông nói vừa nhìn bóng con Chèo mang rổ rau ra giếng nước.

- Đổi cái con khi. Giỡn hoài. Mần như trâu như bò ấy chứ!

- Cô mần cái giống gì mà cực nhọc dữ vậy?

- Huầy, có nói anh cũng không hiểu đâu. Về lần này trước thăm anh, sau bàn với anh cho con Chèo đi với em vào trồng. Em hướng dẫn nó làm ăn. Nhan sắc như nó biết đâu lại quơ được thằng chồng giàu?

- Dòm thân hình cô chắc cũng đang quơ được thằng chồng giàu có? Mà làm thứ gì: may vá, bán xôi, hủ tít, bò kho, vé số...? Từ ngày làng này hết ruộng, lũ trẻ con cũng bỏ học vô trong đó bán vé số, đông có đến trăm!

- Đầu cực nhọc vậy anh. Số là em có quán cà phê: sáng bán tới 9 giờ nghỉ, tối đến 10 giờ đóng cửa.

- Cô kêu nó làm những gì?

- Dạ, ngồi quày tính tiền cho khách.

- Chỉ vậy thôi?

- Vậy thôi.

- Coi bộ dễ ăn quá héng?

- Chẳng dễ gì đâu anh. Hay là anh bán quách căn nhà vào với em?

- Giỡn hoài.

- Thiệt đó.

Năm Thọ ngẩng người, nghĩ bụng: “Con mẹ này định quơ luôn mình chắc. Hồi xưa nó bám theo mình như đĩa bám chân trâu khiến bà vợ cứ ghen lồng lộn lên. Vợ mất nó lại ám như ma qui ám, nay thấy đơn chiếc định giờ trò gì nữa đây?”.

Háng ông lại nổi ngứa. Lúc đầu chỉ mới lẩn tẩn. Ông nín thở để kéo con ngứa xuống, nhưng càng nín hơi, nó lại càng bùng lên thật dữ dội. Ngứa hung rồi. Ông chỉ muốn thọc ngay tay vào cào xoáy cho đã con, ngặt nỗi con Tư ngồi cạnh ông luôn chòm về phía mình mỗi khi nói. Con ngứa chạy lên mặt đỏ rần, tê cứng trên các đầu ngón tay, cắn nhéo trên vành tai... Chỗ nào trên thân thể ông cũng nhột nhột khó chịu. Tư Bèo ngó chăm chăm Năm Thọ. Cô thấy khuôn mặt ông có vẻ khang khác, các mạch máu dẫn đỏ về vòng y như những anh thanh niên tuổi mới lớn. Không kềm được lòng, cô trườn bộ ngực đỏ sộ lên mặt bàn, cầm tay Năm Thọ:

- Anh chẳng mất gì đâu. Tình muộn là đẹp nhất! – Nói và cô nhoẻn nụ cười duyên. Nụ cười đỏ lỏm son môi và lửa tình.

Năm Thọ trân người gần như cong quít lại, mắt hoa lên Ông không còn chịu nổi cái cảm giác nhột nhột kia nữa, không thấy nghe gì nữa, thọc tay vào háng gãi ròn rợn, gãi thật mạnh như những lúc ông ngồi một mình dặng chân gãi ngứa. Những móng tay cào chạy tới đâu con ngứa điên cuồng kia bị đẩy lùi tới đó. Ông híp mắt mê mẩn. Giây lát thân kinh như dịu lại để kịp nhìn thấy bộ mặt hốt hoảng nhìn sững ông.

- Chuyện gì vậy anh Năm?

Rõ ràng trước mặt ông là Tư Bèo, người đàn bà son phấn đã biến mất trong con ngứa khắc khoải vừa qua, giờ trời lên. với cặp mắt đờ đẫn, ngây dại. Ông nghe rất rõ từng hơi thở dồn dập của cô ta, hơi thở của người phụ nữ bám đuổi theo ông trên cánh đồng làng mấy mươi năm trước, giờ lại có dịp rượt ông chạy hụt hơi trên chiếc đầu nhựa.

- Không. Cô Tư, đừng làm thế!

Nói và ông giật mạnh tay, thiếu chút nữa là mặt hai người dính chặt vào nhau.

Ông đứng lên, thở hắt ra. Tư Bèo cũng đứng lên thở sượt như quả bóng xì.

Đồng làng hun hút phía sau. Truông tre chổng ngược thành những con đường khói bụi, ồn ào; vò nước móc lũng lảng chiếc gáo dừa quay tròn cạ đá bắt đầu lột lớp vỏ xơ cứng biến thành những ly bia, bọt tràn nhớp nháp. Đó là những lớp bọt phun xù xì từ chiếc miệng những con cua đồng trước cửa hang, lớp bọt của những con lươn trơn chúi dưới mà sâu.

Quán toàn những mùi lạ từ những con người lạ hoắc mang vào. Đó là mùi khói thuốc thiu, bay vất vương, mùi bia vãi tung trên nền nhà toè ra ung úng khó chịu. Nó không như mùi

phân bò, mùi bùn non, mùi khói đốt đồng và rơm khô lẫn trong mùi cua đồng, cá nướng mà cô từng cất tiếng cười trong vắt... Chèo bắt đầu lạc vào thế giới khác bằng những thứ mùi lạ ấy, quán chặt lấy cô. Chèo ngập lún trong mớ nhớp nháp mỗi lúc như dày, cao thêm làm cho đêm dài và sâu hơn. Đêm sáng trắng và dập dềnh hỗn độn. Đêm vỡ loảng xoảng những mảnh nhỏ găm vào đầu óc, cứa xoáy ruột gan. Đêm nào Chèo cũng mơ thấy cánh đồng sinh, những bước chân vắt chéo và bộ mặt đầy mỡ của bà Tư Bèo. Cánh đồng làng thì títt mù xa, còn bà Tư thì thật gần, sát bên cô, luôn thăm thì, nhỏ to ngọt xót: “Bắt đầu cuộc đời là những khó chịu nhưng riết rồi quen con ạ!”. “Nhưng hồi ở nhà cô kêu chỉ ở quày thu tiền?”. “Con nhỏ mới lạ, ngồi với người ta có mắt mát cái gì đâu nè? lại được *boa*. Khoảng tiền ấy còn gấp chục lần lương cô phát cho cháu ấy chứ?”. Chèo hốt hoảng khi thấy bà Tư nhất mực bắt phải lột bộ bà ba để tròng vào chiếc robe màu đen: “Da con trắng, mặc màu đen sang trọng lắm” bằng cái giọng thể thọt ru ngủ. Trong bóng tối nhờ nhờ, cô như cái bóng ma. Đôi vai trần, cánh tay trần lạnh ngắt. Từ chân lên đến háng là khối da thịt phơi ra trần truồng. Cô cảm thấy như cả thân thể mình bị lột sạch sẽ những mảnh vải che. Chèo thu người lại, nhưng càng cố, cơ thể cô càng trương phình lên. Những chỗ kín cần che giấu của phụ nữ bị lật tung, toang hoác. Nước mắt cô chảy ra. Những giọt nước mắt phút chốc thành những con rắn trườn khắp người lạnh ngắt. Bọn con gái tút xút và cả cô nữa, tất thấy mùi bầy người. Mùi bầy con rắn ngo ngoác dưới chiếc đũa điều khiển, rất lạnh lùng của bà Tư.

Cả trong giấc mơ lẫn ban ngày mắt mở thao láo Chèo luôn nhìn thấy cánh đồng sinh của cha con cô, của người dân làng Nam Thổ bị đè bẹp bên dưới những khối bê tông đồ sộ của những nhà máy im lìm ngủ bên dãy núi phía tây.

Đồng làng hun hút xa.

Con dao và lát bánh mì

“**M**ã mẹ mày... làm ăn như củ kít”. Cây thước thợ gỗ xộc lên gờ tường mới xây. Lốp gạch phía trên ngã bổ xuống, vang thành tiếng động lộc cộc khô khốc. Cây thước quay ngang qua phía đầu Tô. Tiếng “cốc” nhỏ, rất nhỏ như tiếng con chim gõ kiến gõ vào cành cây khô. Tô xoa xoa chỗ đau, đưa chiếc bay lên và kẹp hạ xuống. Chiếc bay hạ xuống để nghe tiếp câu chửi: “Đ. má... đầu mày chứa toàn bùn thúi và phân trâu”. Tô cúi xuống mảng tường vênh, đề chiếc bay lên phân gạch nhóp nháp vữa. Cây thước thợ di chuyển qua phía bờ tường bên kia, nơi toán thợ đang gác tấm lanto.

Tô nhìn cây thước thợ di chuyển, nhìn dáng đi lạch bạch của con vịt bầu, đầu chực ngã chúi về phía trước. Chỉ cần một tích tắc thì cái bay vung lên, nhưng Tô đã ghì lại, nén con giận xuống bàn chân phải, đá tung lớp gạch vừa xây, ném chiếc bay lên không, bước thẳng.

Gió lùa qua hai tai, nắng tháng Sáu ập xuống như lửa từ bề rền phụt ra. Cả công trường xao bay, phạm phục trong hơi nóng. Những gờ gạch xây chao lên hập xuống như gió nâng kéo chiếc lá trên cành trôi trong lớp không khí loãng. Dòng nước phía trước sáng trắng đến loá mắt. Tô men theo con mương cụt thất thủ quay về xóm.

Bộ phẳng ngựa kê ở đầu chái phủ lớp bụi mỏng. Tô không phải, nằm ình xuống, đầu gối lên hai tay, mắt ngó đăm đăm vào giàn rui kèo cong vênh, liên tưởng đến thân phận của thằng người vêu vẹo, lồi lõm là nó.

“Công trường bữa nay nghỉ sao?”. “Không”. “Đau bệnh gì à?”. “Không”. “Sao vậy?”. “Không làm nữa”. “Mẹ cút, không làm thì lấy gì nhét vào miệng?”. “Ăn trộm...”.

Sáu Xường ném chiếc cuốc lẫn lóc xuống nền đất, tru lên: “Thằng mất dạy. Ăn nói với cha mẹ cứ như ném cát vào mặt. Không đi làm thì lấy gì ăn?”. “Nói rồi. Không làm thợ xây nữa. Mai đi Sài Gòn tìm việc khác. Mỗi tháng gửi về năm trăm được chưa?”. “Đúng là đồ ăn trộm, quân bất nhon!”. “Sao cha không ra công trường chửi vào mặt tụi ăn trộm đó. Mà không phải ăn trộm đâu. Cướp. Chúng nó lăm tiền nhiều thế, đi cướp của thằng dân mặt rệp đó”.

Sáu Xường không nhìn con, lạch bạch ra giếng kéo nước rửa đôi chân mốc cời, trong khi Tô vẫn nằm gối đầu trên hai bàn tay bắt chéo vào nhau, lơ mơ nghĩ về thân phận công oằn của mình và ngủ thiếp trong cơn nóng hầm hập từ mái tôn đội xuống.

Cơn nóng kéo Tô chìm lút trong cơn mộng mị hãi hùng. Anh thấy mình cầm chiếc xà beng đào sâu phần bờ ruộng nhà, hất tung những dây bê tông đề bên trên, đẩy ra xa thật xa khu công trường đang thi công, giành giật từng phân vuông đất, moi từng hốc nhỏ nổi lại, cong người đẩy tới. Những lọn cỏ nát nhão trộn lẫn chút cát, vữa, gạch vụn như cái xác con gà bị bánh xe cán nhẹ trên mặt đường, lầy nhầy, sền sệt... Những đê đất kết lại rồi vỡ ra, trôi theo sức đẩy cật lực của thằng con trai tuổi hai mươi. Người mẹ từ hướng núi bay về, tóc rũ rượi, mặt đầy máu níu thằng con lại, giọng gào khản đặc: Mẹ van con! Xưa chúng giết mẹ dưới dốc đá. Giờ mẹ không muốn con chết theo mẹ. Tô vượt ra khỏi đôi tay người mẹ chỉ còn những đốt xương trắng hếu rung lên. Tô lao tới. Mảnh ruộng vuông vức khi xưa theo con giận dữ cuồng dại bị xô nghiêng, lệch thành nhiều hình thù kỳ dị khác nhau: khi thì như lưỡi mác, lúc bè ra mỏng dẹt như bánh tráng, lúc như ống thổi lửa... rồi rơi tòm xuống đáy sông. Bà mẹ ngã sấp xuống nền cát cháy đẫm đìa máu me, hai tay chấp chới trong khoảng không liếp màu máu bầm. Tô hoảng hốt la lên. Mồ hôi chảy bè trên mặt vẩn ngựa. Anh mở mắt chỉ kịp thấy mái rui kèo cong vòng như chiếc võng gai sắp câu mình lên cao.

Mặt trời nhỏ lại bằng chiếc đĩa, dính chặt lên đỉnh núi phía tây rồi lăn từ từ xuống. Khói đỏ nhờ nhờ mất hút.

-Tui qua nhà bầy Lụa - Tỏ kéo dài giọng, bước ra khỏi bờ sân gạch.

-Đàng hoàng với con nhà người ta – Tiếng ông Xường đầu đó trong gian nhà tối vọng ra, nhỏ như tiếng thờ dài – Năm tới tao qua nhà hai Trương bàn chuyện cưới hỏi. Lo làm ăn, dành dụm tiền là vừa.

-Xi... - Lời phản kháng hết đầu máy hơi nước phun ra, cổ gắng rướn tới, kéo hàng dây toa nặng nhọc, ì ạch lặn về phía trước.

Tỏ bước thẳng. Bước đi nặng nề không dám ngoái nhìn căn nhà cũ kỹ ọp ẹp. Bao nhiêu dự tính bị chôn sâu dưới những tầng bê tông đê lên. Chỉ cần hai mùa lúa, Tỏ sẽ mua gạch xây lại căn nhà. Một mùa nữa sẽ dẫn bầy Lụa về hôm sớm cho cha. Vậy mà giờ này bước ra khỏi ngõ, chệch choạng như kẻ trốn chạy.

Trời tối hù. Qua mấy trường tre dài hun hút, Tỏ xuôi ra phía gò Măng Cù. Những bụi trâm bầu nổi dài chạy dọc hai bên đường kéo bóng tối đậm hơn. Những hình thù kỳ dị nhấp nhô phía trước, theo từng bước đi cao thấp trên các mô đất lồi lõm trên mặt đường. Căn nhà bầy Lụa chìm sâu bên trong vườn dừa, hắt ra chút ánh sáng yếu ớt. Tỏ dự dè một lúc rồi bước thẳng ra đường đất đỏ, phía sau là căn nhà chìm khuất sau vườn dừa, hàng trâm bầu, trường tre và căn nhà xiêu vẹo... Tỏ hiểu rằng, nếu không đi nhanh, chỉ một thoáng chao lòng anh sẽ chạy vào, sẽ chu môi giả tiếng chim cú và Lụa sẽ bước ra, ngã vào đôi tay chắc khoẻ. Lụa sẽ hoá thành sợi dây thừng cột chặt Tỏ lại. Và lại sẽ nắm chiếc bay lên, sẽ gồng mình đẩy từng xe cát gập ghềnh cả đời người...

Mặt lộ thênh thang gió, thênh thang những ruộng mạ thiếp đen bóng tối, nhấp nhô sau công trường. Chiếc túi vải trên lưng đung đưa theo nhịp bước chân chạm vào vùng thịt da, cơ hồ như có bàn tay Lụa đang xoa lên những chỗ đau ê ẩm sau một ngày đội nắng trên giàn xây.

Bàn tay Lụa xoa mãi trên lưng tới ngã tư quốc lộ, Tỏ chuyển túi vải xuống tay trái, ghé hông lên cột số. Trời tối đen. Xóm làng phía sau lưng là một khối đen đậm đặc. Những hàng tre, mái tranh, ruộng đồng, rặng trâm bầu và khu công nghiệp dính chặt vào nhau, không thể nhìn thấy rõ ràng đâu là mái đình, đâu là cầu ao nơi hai đứa thỉnh thoảng hẹn hò lúc đêm tối trời.

Phải đợi khá lâu mới thấy ánh đèn nhấp nháy từ xa. Chiếc xe khách trờ tới. Tỏ bật dậy chuyển túi vải qua tay phải giờ lên.

-Đi đâu? - Người phụ xe hỏi nhanh như viên bi bắn ra khỏi tay.

-Sài Gòn - Tỏ đáp.

-Trăm rưởi.

-Trăm hai.

-Chạy - Người phụ xe hô lên như người chỉ huy hô lính xung phong.

Tỏ đuổi theo vừa la “trăm rưởi, trăm rưởi...rưởi...”. Tỏ chạy hụt hơi, vừa nhắm tính trong đầu: tới bến vẫn còn chín chục, đủ để sống hai ngày ở đất Sài Gòn trước khi tìm ra công việc gì đó. Xe dừng. Tỏ lao lên như con chim cất. Lúc ngồi yên trong lòng xe, nước mắt tự dưng trào ra, lăn xuống bên khoé môi mẫn mẫn. Anh cảm thấy tim mình bị bóp thắt. Anh tưởng tượng người cha già khom sẽ hoảng hốt khi thức dậy không thấy mình ngủ trên bộ ván ngựa, con Lụa sẽ khóc nức nở khi biết nó chỉ còn lại một mình trong vườn dừa âm u. Mẹ anh chết cách đây bốn năm đồng nghĩa với việc chấm dứt sự học, bầu trên bờ ruộng giúp cha việc đồng áng. Bốn năm trống trải đủ để Lụa chen ngang vào đời thẳng con trai bước qua tuổi dậy thì. Và Tỏ như chiếc áo toí mốc dính trên cột. Giờ thì chiếc áo toí bay đi, từ từ bay đi chỉ còn tro khắc chiếc mốc tre ám bụi. Tỏ miên man tưởng tượng anh sẽ ngã quỵ trên đường, rồi lại gạt bỏ ý nghĩ đen

tôi để mơ ngày trở về làng trên chiếc xe bóng lộn, máy nổ rì rì...Lụa ra đón ở đầu con mương nước cắt xéo nửa làng và dân trong ấp sẽ nhìn nó...

-Tới bên rồi. Xuống đi cha nội...ội - tiếng nội kéo dài ra như tiếng keng hợp tác xã thuở trước, mệt mỏi và dứt khoát.

Tỏ đeo túi vải lên vai, ngáp tiếng dài trước khi bước xuống. Bên nhận nhịp. Những người chạy xe ôm ủa tới vây quanh hỏi Tỏ đi đâu. Anh lắc đầu bước chệnh choạng giữa đất Sài Gòn ồn ào, chen chúc và khói bụi. Bản thân anh cũng không biết đi đâu, đến đâu. Không ai là người quen ở xứ này. Hồi còn ở làng nghe nói có cô Thao con gái út thầy Sáu vì chuyện tình duyên nên bỏ nhà vào đây trên mười năm, và trước đó có mấy người vì dính líu đến chế độ bỏ trốn đâu đó trên Tây Ninh. Đất Sài Gòn rộng, người đông như kiến bò biết tìm đâu? Bước chân cứ xuôi theo con đường rộng, chật cứng người, xe; tay trái giữ chiếc túi vải, tay phải thọc sâu trong túi quần, ấn những tờ giấy bạc cong queo nằm xẹp sát đáy.

Tới ngã tư kịp lúc đèn đỏ, Tỏ trôi theo dòng người đi bộ qua bên kia đường và dừng lại trước chiếc xe đẩy bán bánh mì. Tỏ mua một ổ. Lúc lôi những tờ giấy bạc ra, nghe người bán bánh hô gọn tron: “mười ngàn” khiến nó giật thót người. Anh hiểu rằng, đến giờ phút này trong túi chỉ còn tám chục. Tám chục để chống chọi với việc tìm kiếm việc làm mù mịt trước mắt trong những ngày sắp tới khiến miếng bánh trôi qua cổ họng vừa mặn vừa chua, khiến anh nhớ tới những miếng cơm cháy bên hông nôi, đĩa rau luộc và xoong cá kho, nhớ tới hình ảnh người cha ngồi nhai trệu trạo, luôn nấc cụt trong mỗi bữa cơm và những tiếng rên nho nhỏ đêm khuya trở trời. Tỏ đang là chỗ dựa duy nhất trong cuộc đời còn lại của ông, một ông già trên sáu mươi, goá vợ, con cái muộn măn... Chót bánh mì cuối cùng trôi qua cổ làm nhói lên nỗi đau tê. Đúng mình là thằng mất dạy, bất nhon, bất hiểu và kịp hiểu ra rằng, mỗi tháng không có năm trăm gửi về, cũng đồng nghĩa với chuyện đẩy cha mình men tới vực đói khát, đau bệnh. Cả thể xác và tinh thần ông đã suy sụp kể từ ngày toà tuyên án ba năm tù giam vì tội bắt tay với kẻ gian làm mất năm tấn lúa hợp tác xã. Kẻ gian ấy toà không thể “định dạng” còn ông thì cứng họng không mở miệng khai nôi. Ông đã nhiều lần nói: Thà mang tiếng và chịu nhục trong ba năm hơn là phải khai ra để tự mình bôi bẩn “lý tưởng” mà ông và cả thế hệ thanh niên nông dân đã đổi bằng máu, nước mắt, bằng sự sống và cái chết trong đường tơ kẽ tóc! Tỏ không thể hiểu cái lý tưởng trừu tượng kia là cái giống gì, vùng vằng: Tui không hiểu nổi, sao cha luôn chia vai rước tai hoạ cho kẻ khác. Giờ lão ta ngồi chót vót ở huyện này, vậy mà có bao giờ lão ghé thăm cha, hỏi han lấy một tiếng? Mày còn nhỏ chưa hiểu lẽ đời. Có những việc biết thế nhưng không thể hé răng. Ba năm đâu là gì, đau bệnh ai chẳng có lúc? Tỏ ít chữ, nhưng nghĩ, chẳng lẽ tình đồng chí lại đánh đồng với chuyện đạo đức, trái phải. Đồng chí này thà dịp thót lên cổ, đập lên đầu đồng chí bạn để leo lên cao. Đó mà gọi là hy sinh với phần đầu sao? Năm tấn lúa cha Tỏ chưa hề biết một hạt chắc lép trong đó nhưng lại biết nhiều hơn, về mùi tù. Đó là lần duy nhất Tỏ còn cào ruột gan. Còn lần này lại dờn dợn bởi nó đang tách khỏi sự chở che, thúc nhắc của cha mình.

-Ê, ông bạn, định đi đâu?

Tỏ ngược lên. Đó là một người đàn ông trung niên, nước da đồng hun, đội chiếc mũ rộng vành, miệng ngậm tẩu thuốc, phì phèo.

-Dạ, tới nhà bà con - Tỏ trả lời.

-Giờn sao cha nội. Ngó bộ dạng ông bạn biết ngay là ở tỉnh mới lên – ông ta gỡ tẩu thuốc ra khỏi miệng, môi nhếch lên, lướt cặp mắt bên trong chiếc kính đen, từ đầu xuôi xuống chân rồi ngược trở lên như thể đánh giá một trái bí, củ khoai chứ không phải là thằng người đang đứng trước mặt ông ta – bà con đêch gì! Ông bạn đi tìm việc làm thì đây giúp cho. Công

việc nhẹ nhàng. Giữ xe cho nhà hàng, tháng triệu rưỡi. Tháng đầu ông bạn đóng cho tôi ba trăm. Các tháng sau, mỗi tháng hai trăm cho tới khi nào ông bạn không thích làm nữa. Ok?

Tỏ nhìn chăm chăm vào mặt người đàn ông, ước lượng mức độ chân thật: Đôi môi thâm đen, hàng lông mày rậm, cặp mắt ẩn sau lớp kính màu tránh nắng. Tất cả chưa nói lên điều gì. Nhưng dấu sao, tỏ nghĩ, ngồi trông xe là công việc nhàn hạ. Nghề ngỗng chẳng có lấy chút bận, lại có công việc khi vừa mới chân ướt chân ráo đã là điều may mắn, không thể đòi hỏi hơn. Và hơn hết là có chút tiền gửi về cho cha hàng tháng trước khi đình đậu một công việc gì đó. Tỏ gật đầu. Người đàn ông gỡ bã thuốc rớt xuống đường trước khi ngồi dạng chân nổ máy. Tỏ leo lên, cứng ngắt như chiếc bao tải phía sau tấm lưng to bè.

*

Quán nằm trong ngõ cụt, sát bờ sông, chung quanh là các loại cây tạp nham từ rừng đưa về làm cảnh, cành lá um tùm. Phía sau, cứ mỗi hai ba gốc cây là những căn chòi lợp lá dừa nước. Những tấm rèm màu xanh da trời vây quanh, tiếp với màu lá cây và sông nước trước mặt. Đó là những gì Tỏ nhìn thấy từ bên ngoài, chưa một lần đặt chân vào bên trong. Tỏ không được phép đặt chân vào!

Công việc của Tỏ là đưa thẻ và đánh số xe cho khách, sắp xếp lại ngay ngắn thành những dãy dài, dắt xe ra công trả lại khách, cúi đầu nói câu “chúc quý khách vui vẻ hay nói cảm ơn”. Các bữa ăn không giờ giấc, do người phụ bếp mang ra trên chiếc khay nhôm. Thức ăn ê hề, nhưng chắc chắn không phải nhà bếp nấu cho Tỏ mà là thức ăn thừa của khách. Điều này không làm anh cảm thấy khó chịu, đôi lúc còn thấy như niềm hạnh phúc đang cúi xuống công mình lên vai: Tỏ mập hơn, cao to hơn, da dẻ trở nên hồng hào mịn mượt hơn, khi đứng trước chiếc gương soi lớn, ngay sát cổng ra vào. Anh thấy mình khác hẳn trong bộ comple màu trắng viền nẹp đỏ và chiếc mũ lưỡi trai trên đầu... Những lúc vắng khách, Tỏ ngồi trên chiếc ghế nhựa ngó mong ra dòng sông. Dòng nước đục lênh như không hề chảy. Hàng dừa nước bờ bên kia ken dày, che khuất những căn nhà lụp xụp, mái rũ xuống cam phạn, không dám ngược nhìn bờ bên này. Buổi chiều, nước thủy triều lên, những tàu lá dừa chúc ngọn trong dòng nước đọng đưa nhẹ, khiến Tỏ có những cảm giác mơ hồ về sự nhớ nhung, thoát hiện thoát biến, không rõ nét: khuôn mặt Lua lờ mờ bên dưới màu nước đục, và cha anh cong người gầy khúc ở đầu chót lá. Cả hai cứ rung lên nhẹ, không với cánh tay ám đất về phía Tỏ.

Một chút khắc khoải nhớ nhung bỗng gây gập theo tiếng máy xe đồ xích ngay trước ghế dựa, chỗ anh ngồi. Tỏ bật dậy như quán tính chiếc lo xo bất ngờ được thả bung. Anh mở cửa xe vừa cúi gập người chào. Những người phụ nữ ăn mặc diêm dúa bước ra, ngược mặt nhìn lên trời cao và bước thẳng vào bên trong. Tỏ đóng cửa xe, dịch người qua bên làm hiệu cho xe đậu chỗ đất trống cạnh bờ sông. Chiếc xe quay nửa vòng như làm xiếc, ghé mũi giữa hai thân dừa thẳng đuột, thờ xọc một cái thả một vùng khói trắng phía sau.

Tỏ quay đi kịp lúc nghe giọng nói sau lưng: “Anh bữa nay có vẻ thiếu lịch sự đấy nhé!”. “Xin lỗi”, Tỏ nói và quay lại. Đó là người phụ nữ mặc chiếc robe hoa cà. “Sao, chỉ có vậy thôi à?”. Tỏ luống cuống hết như mình là đứa trẻ mắc lỗi. “Anh không phải đồ mặt lên như thế, anh bạn trẻ và đẹp trai à”. Sau đó Tỏ có cảm giác như một bên vai của người phụ nữ chạm vào người mình. “Ngồi nói chuyện một chút, được chứ hả?”, bà ta lại cất giọng. “Không dám, mời bà ngồi”, Tỏ nói với giọng của người đang lên cơn sốt vừa kéo ghế rút chiếc khăn trong túi quần lau ghế (dù trước đó anh đã mài đũng quần lên đó rồi). Người phụ nữ đưa tay vịn thành ghế. Tỏ đứng dựa một bên công, chỉ cách một với tay. Đến lúc này anh mới hoàn hồn để kịp quan sát: Khuôn mặt thon dài, lưỡng quyền hơi nhô cao ửng đỏ. Hàng lông mày rậm được tỉa tốt cẩn thận... Bà ta không đẹp lắm, nhưng đầy sức sống.

-Công việc ở đây có dễ chịu không?

-Dạ...

-Tôi có một đề nghị: Nhiều lần qua chỗ này, tôi thấy anh là người cẩn trọng, chu đáo. Tôi muốn chuyển anh về văn phòng.

-Thưa, đã hứa với anh Năm.

-Ồi dào, ngoài mấy cái nhà hàng, tôi còn văn phòng môi giới giao dịch địa ốc. Tôi muốn đưa anh về chỗ đó để thay người khác đã xin nghỉ việc. Sáng mai xe đến đón anh về làm công việc khác. Tôi đã quyết định rồi – Nói và bà ta nhoen miệng cười giống như bắc đèn dầu hôi được vụn cao ngọn, và bước tới, không hề ngoảnh lại.

Công việc mới của Tô vẫn là công việc như lúc ở nhà hàng, chỉ khác một điều là không có mũ lưỡi trai, bộ comple màu trắng nẹp đỏ hai bên ống, thay vào là bộ âu phục với chiếc cà vạt luôn đổi màu mỗi ngày như một quý ông. Suốt ngày anh ngồi bên trong cửa kính đón khách. Hết việc lại cúi mũi vào tờ báo hay ngó mong ra đường nhìn về bóng lộn và diêm dúa của Sài Gòn lướt qua như đèn kéo quân. Cho tận lúc này, hơn hai tháng rồi, Tô không hiểu mình là cái giống gì giữa khung cửa kính luôn đông nghịt người ra vào. Mà toàn những kẻ sang trọng. Có lúc Tô cảm thấy mình như đồng giẻ rách quần quanh hai cọc tre bất chéo làm hình nhân cắm sâu giữa cánh đồng hiu quạnh. Chân gác cổng không thể vênh mặt lên để tự hào nhìn thiên hạ, nhưng lúc này, mỗi tháng Tô gửi về gần triệu đồng chứ không phải năm trăm như đã lỡ tuôn ra trong cơn giận dữ vô cớ trước kia. Mà cũng không rõ cha mình có nhận được hay không? Vì mọi chuyện đều do bà chủ ghi vào mảnh giấy, kêu thư ký mang đi. Có những lúc nhìn thấy vẻ lúng túng, thắc thỏm của Tô, bà chủ cười khẩy: “Bộ anh nghĩ tôi lừa anh sao?”. Câu nói như gáo nước sôi dội từ đỉnh đầu nóng rát xuống tận hạ bộ khiến khuôn mặt căng đỏ của anh càng đỏ gấc. Bà vịn cả hai tay nắn vai anh: “Anh làm sao thế? Thôi được, chiều nay tôi đãi anh...”

Quán nằm sát bờ sông Đồng Nai, bao quanh là vườn bưởi oản trái. Hai người ngồi ở góc khuất. Ánh sáng vừa đủ để nhìn dòng nước trôi lặng lẽ, đủ để Tô quan sát kỹ hơn về bà chủ có cái gì đó vừa nhân hậu vừa dữ dằn ở đôi mắt mà anh không thể diễn đạt bằng lời. Anh nhìn đăm đăm như một đứa trẻ cố moi trí nhớ về một câu nào đó trong bài học thuộc lòng đã bay mất. “Anh quan sát tôi hơi kỹ đấy, như mấy tay phó nháy chụp hình người mẫu vậy”. Bà chủ đột ngột lên tiếng. “Dạ, xin lỗi bà chủ”. “Anh dẹp mẹ cái bà chủ của anh đi. Tôi hơn tuổi anh. Gọi chị được rồi, mà nếu như tôi lấy chồng sớm thì có thể con tôi cũng gần xấp xỉ với anh. Nhưng rất tiếc...”. Ba chữ cuối rớt dài xuống dòng sông mênh mông những lọn sóng lăn tăn. “Tên tôi là Dung, Tưởng Dung chứ tên cha mẹ đặt là Lua...”. Bà lại tiếp tục kể vừa với tay cầm chai Courvoisier rót vào chiếc cốc thủy tinh, uống cạn sạch, không hề nhận ra cái giật thót người của Tô. “Tôi cũng dân miền Trung như anh, cũng được học hành tử tế cho đến khi cha tôi bị bắt, bị truy tố về tội buôn lậu, trốn thuế. Những người liên quan phải tay cái rột, bởi họ có thân có thể. Còn cha tôi thì không, chỉ một thân một mình. Vậy là tôi phải hoá thành nàng Kiều để chuộc cha ra khỏi vòng lao lý...” Lua lại rót cốc đầy, lại uống, nói tiếp: “Mẹ đời! Anh biết sao không? Một đứa con gái đang tuổi hai mươi phải năm giữa chịu đến bốn thằng đàn ông cỡ cha chú mình cỡi lên. Chúng là những tên được ấn vào tay những quyền luật dày cộm để bảo vệ công lý. Chúng nhân danh công lý để buộc tội người này hay tha bổng người khác. Chúng như bà phù thủy, biến có thành không, biến không thành có! Chúng từng kết án chung thân cho tội phạm hiếp dâm. Vậy mà chúng đã lật ngược tôi ra trong một nhà nghỉ nào đó, ở một xứ nào đó sau khi chuộc cho tôi đến say bí tỉ. Mùi bia rượu, mùi thuốc lá tanh lợm khiến đầu óc tôi tỉnh rụi, không khóc, không đau đớn, mở trừng mắt nhìn bọn chúng, những tên đĩ bợm

còn sót lại trên thế gian này và tưởng tượng đến cán chày giã vào chiếc cối nhỏ kêu lọc cọc. Cái tiếng đanh gọn, khô khốc đến là buồn cười. Buồn cười và buồn nôn... Vậy đấy. Tôi đã trả nợ công lý bằng cách đấy. Cha tôi trắng án! Buồn cười chưa?”. Lua lại rót đầy hai cốc, nâng lên: “Nào, mời anh. Uống để chia sẻ niềm hạnh phúc đắng cay với tôi chứ! Chỉ có anh là người đầu tiên và cuối cùng tôi kể chuyện đời mình”. Tô chạm cốc, nốc cạn, lòng cay xè. Lua lôi chiếc khăn giấy trong ví ra nhưng cầm riết trong lòng tay, khuôn mặt đanh khô, mắt nhìn ra dòng sông như ước đoán khoảng cách. Và nhảy ùm xuống. Chuyện đó không xảy ra. Chỉ nghe tiếng rượu chảy lóc róc vào ly. Tiếng rượu chảy nghe như máu từ miệng Tường Dung phọt ra. Lại rót, lại uống. Những đĩa thức ăn đầy nguyên, không ai buồn động đũa. Mặt sông duỗi lên những lọn sóng nhỏ, hấp háy dưới quầng sáng từ quán hát ra, những lọn sóng chơi với, đuối hụp nhấp nhô như cái xác trương sinh, trôi sông. Lua ném chiếc khăn giấy lên bàn: “Cuộc đời quá là đơn giản. Mọi chuyện đơn giản đến trần trụi, chẳng có gì là ghê gớm. Vậy mà tại sao mấy lão triết gia hết đi tìm chân lý này đến chủ nghĩa nọ làm gì cho nhọc xác? Anh nghe tôi nói rồi đó. Bốn thằng cha nhân danh công lý trên tấm thân trần truồng của tôi đến nỗi nữ thần Dike và Aphrodite (1) xoắn tay lại, cười nức nở, hứa hẹn sẽ bay xuống trần gian hiệu đính chuyện thần thoại của mình. Là chưa?”.

Tô thấy, dưới ánh sáng nhấp nhোang, hình như có giọt nước mắt nhỏ, rất nhỏ ngập ngừng nơi khoé mắt Lua, rồi bất ngờ thụt vô như kẻ chạy trốn. Trong khoảnh khắc ấy, Lua không còn hình dạng của bà chủ sang trọng, hoá thành người đàn bà đau khổ nhất trong những người đàn bà đã lướt qua cuộc đời khốn khổ của một thằng con trai nông thôn. Tô có cảm giác chị đang rất gần gũi với anh, không phải ở cái tên trùng với tên người con gái anh yêu thương, mà ở chỗ chị đã chọn anh như một kẻ tin cậy để giải bày những ưu uất đời mình. Tô tưởng tượng cảnh nhục nhằn của chị bên dưới những khối thịt nhóp nhóp khiến đầu óc anh ngật ngư vánh vất. Lần đầu tiên anh uống nhiều rượu, nghe chuyện như đang nhìn bầu trời sụp dần từng mảng. Anh lừ đừ nhìn Lua. Lua cũng lừ đừ nhìn anh. Hai người nhìn nhau hồi lâu. Bỗng Lua cười phá lên, tiếng cười như mũi kim nhọn xoáy vào vùng da non khiến Tô có cảm giác như như ly chén trên bàn cũng nhảy tung lên, rúng động. “ Từ đó tôi khám phá ra rằng, chính chỗ đó, chính chỗ vùng cấm đó mà các nhà đạo đức giáo hoạt luôn giả bộ che mắt, luôn là thứ vũ khí lợi hại làm cho các lãnh chúa, vương hầu khanh tướng... phải quỳ mọp. Tôi đã sử dụng nó để tạo nên cơ ngơi nhóp nhúa này, để nhìn chúng ghen tuông lòng lộn vít đầu nhau xuống bùn đen. Lũ người bản thủ và dĩ bọm kia cứ thì thọt moi hết két quỹ này đến dự án nợ để cống nạp cho tôi trước khi chúng có thể (được phép) lần bàn tay dơ bẩn từ ngực xuống háng tôi, rồi lộn ngược trở lên. Anh cảm thấy quá bản thủ phải không? Nhưng lũ chúng thấy như một ân sủng từ bàn tay chúa trao cho. Chúng là những quan chức mẫn cán và kiên định ở xứ này đấy. Chúng bỏ lại đằng sau bày vợ con nhếch nhác để quỳ mọp dưới chân tôi, úp mặt lên háng tôi như những tín đồ xác tín về đức tin đang rầm rì cầu nguyện một cách trân trọng. Eo ơi, toàn lũ dĩ bọm, rặc một lũ đầu nhỏ mỏ to... Tôi có tất cả và không có gì hết. Thật tởm lợm!”. Lua ngã người ra thành ghế dựa, nói như kẻ tội đồ thánh thiện bước nhẹ tênh trong cõi mộng du: “Cuối tháng tôi sẽ đưa anh về cái làng quê nơi cha mẹ tôi sinh ra tôi và công lý đã vui đập đời tôi. Nghe nói giờ nó không thành làng quê, cũng không phải bộ mặt thị thành; ở đó có bảy người ngơ ngác bị lừa ra khỏi mảnh đất của mình... Thời chiến tranh hai bên đã quần thảo nhau nát nhào như nồi cám heo, nay thì sự nhếch nhác đó cũng không kém gì”. Tô buộc miệng: “Chị định làm gì?”. Lua ngửa người cười lớn: “Đến giờ mới nghe anh mở miệng! Làm gì à? Những căn nhà lá xiêu vẹo tôi “đốt” hết, xây lại cho họ bằng gạch ngói, coi như tôi trả nợ xóm làng, vậy thôi, không có gì ghê gớm. Tôi không có ý định chuộc lại lỗi lầm lần nữa, bởi đơn giản tôi không mắc lỗi nào cả, kể cả vấn đề tiết trinh và đạo đức. Cái của phù du kia là do những thằng

ngu mang đến cho tôi sau những đêm truy hoan không chút cảm giác, mùi mẽ gì. Tôi chỉ như chiếc gỏi nhồi bông cho chúng cời lên, vậy thôi. Trinh tiết đáng lẽ để dành hiến dâng cho người mình yêu nhất thì đã bị những kẻ nhân danh công lý cưỡng đoạt rồi, còn lại sau đó nó như một hang cua: hết người này thò tay vào bắt, lại đến lượt người khác. Anh có hình dung ra hình tượng người nhà quê bắt cua đồng không? Mà anh đã từng bắt cua đồng lần nào chưa? Lựa dừng lại, khuôn mặt đanh khô rồi bắt ngờ dãn ra. Chị thở sượt: Tôi không sử dụng cho riêng mình, tôi chia sót cái phù du ấy cho nhiều người. Ban đầu là hôi thối, như nhức nhưng khi trôi qua chiếc “máy giặt” trong làm ăn nó trở thành thơm tho. Nhiều tay vênh mặt về chuyện này, còn tôi thì cúi gằm đầu đón để trả nợ xóm làng xơ xác của tôi. Vậy đó, có gì phải bận tâm, phải không?”

Không khí nặng nề đến khó thở. Tỏ muốn nói một điều gì đó với chị ta, nhưng không đủ sức, không đủ chữ nghĩa và sự hiểu biết để giải bày. Anh cục cựa trên ghế như có những con kiến nhỏ bò vào đũng quần, lói nhói. Chai rượu đã cạn. Lựa kêu bồi bàn mang chai khác. Tỏ ngăn lại, kêu nhỏ trong cổ họng như người nghẹt mũi: “Thôi, đủ rồi chị”. “Anh sợ à”. “Không”. “Vậy thì sao lại ngăn cản niềm vui của tôi?”. “Không phải chuyện vui, nghe buồn muốn khóc”. “Anh bạn đẹp trai của tôi, anh uỷ mị thái quá đấy”. Im lặng hồi lâu. “Anh đã biết mùi đàn bà chưa hả?”. “Trời, chị!” Tỏ kêu lên run rẩy. “Việc gì anh phải kêu phải run lên như thế kia? Tôi nay tôi sẽ cho anh biết mùi đàn bà là thế nào. Tôi thấy nhiều thằng nhóc cứ trở mắt nhìn xoáy vào những vùng cong trũng sau lưng vài các cô gái như muốn lột trần ra. Còn anh thì nhìn tôi một cách ơ hờ? Tôi đã kể cho anh nghe về cuộc đời tôi. Tôi là một con điếm, một con điếm trong sạch, tôi không phải là một trinh nữ hiến tế cho các đảng thần nữa rồi. Vậy thì việc gì anh phải hoảng hốt?”. “Không, chị vừa là chị, là bà chủ đã với tay cứu em. Cái đó người ta gọi là...”. “Ý anh nói là loạn luân chứ gì? Nhảm nhí”. “Tôi van chị”. Tỏ chấp hai tay lại trước ngực. “Anh nhảm nhí mà tôi cũng nhảm nhí nữa. Có lẽ mình nên dừng để đầu óc tỉnh táo, để cảnh sát không phát hiện một người say lái xe trên đường, phải không?”

Lựa lái xe thật chậm, không mở miệng nói câu nào suốt dọc đường về. Tỏ liếc ngang thấy môi chị mím lại, mắt đăm đăm nhìn về phía trước như thể chị đang nhìn vào vòng ngấm của tấm bia chuẩn bị bóp cò. Về căng thẳng ấy chuyện sang Tỏ khiến anh tỉnh hẳn. Trong hai người, Lựa và anh ai sẽ là lát bánh mì nằm gọn trong chiếc đĩa trên bàn ăn? Lúc ngồi ở quán chị ta nói vật hiến tế? Vật hiến tế là gì nhỉ, anh không thể nghĩ ra, không hiểu được; mơ hồ rằng đó là sự mất lũng giữa vinh quang và cay đắng, niềm vui và nỗi thống khổ trộn lẫn vào nhau?

Anh cảm thấy lòng mình thật trống trải. Trống trải đến vô cùng vô tận.

(Trà Vinh, tháng 7.2008)

(1) Dike, Aphrodite: nữ thần công lý, nữ thần sắc đẹp và tình dục

Người Đàn Bà Bay Trên Mây

Thông tin về việc bà Sáu Linh bị ngã từ thềm nhà xuống sân lan nhanh như vệt dầu trên mặt nước. Đầu trên, xóm dưới ai cũng hay. Mọi người hót hã, ùn ùn kéo tới đông nghìn nghịt. Người sau vin vai người trước hỏi: Bị làm sao không? Nghe nói té cái đùng. Té từ hiên xuống sân. Té kiểu đó thì còn gì thân!... Tiếng ai đó trong bọn rên lên: Thiệt vô phúc.

Vòng trong vòng ngoài lèn cứng. Họ ngồi trên bờ sân, níu hàng rào bông bụt, đứng lố nhố ngoài truông nhóng vào, cố sao cho cặp mắt mình được chạm tới thân thể bà Sáu Linh, nhìn thật rõ ràng sự thể bà ngã bổ nhào. Nhưng chỉ chừng đó, không ai biết được gì thêm, bèn quay ra bàn tán:

-Thằng Quảng mới lạ. Làm lớn thế, lăm tiền nhiều của, quyền lực cùng mình không nuôi nổi mẹ mà lại đổ lên vai thằng què.

-Đâu mình thằng Quảng, cả con mẹ vợ “trời đánh” của nó nữa?

-Con với cái!

-Tội thằng què.

Thằng què mà họ nói tới là đứa con trai út, bị dị tật bẩm sinh từ nhỏ. Hai ống chân không khác ống thổi lửa, khuynh ra tưởng chừng không đủ sức đỡ lấy tấm thân. Hai cánh tay bỏ thông chưa đựng tới hông với những ngón cong vẹo và chiếc đầu khác người khiến nó được tiếp đón với một thứ tình cảm vừa thương hại vừa kinh hãi. Chiếc đầu càng lạ hơn: dài và lớn, gấn hai mắt như hai viên bi quá cỡ, mỗi khi nhìn ai thì hút lấy như thôi miên. Tia nhìn của thằng què sượt lên mắt người đối diện gây sự lạnh giá, dờn dợn trên những phần thịt da không thể che khuất cùng với cảm giác buồn buồn tiếp liền sau đó; số khác, ít hơn, không nghĩ vậy, mà thấy đó là tia nhìn hiền dịu như cặp mắt Phật!

Thân hình kỳ dị ấy không thể là anh trai cày như bao thanh niên khác trong làng. Còn đầu óc thì không mù mịt, nhưng không thể nghĩ được chuyện gì lớn hơn ngoài việc nấu cơm, tắm giặt, thắp nhang trên bàn thờ tổ tiên bất kỳ lúc nào nó thích. Rất nhiều lần Quảng bàn với với mẹ “gửi nó vào trung tâm xã hội để mẹ bớt cực”, nhưng bà Sáu nhất mực từ chối, nói: “Nó là nùm ruột của tao, không thể dứt bỏ như liệng vật thừa ra bãi rác” Và bà đã nuôi nó cho tới khi mắt mờ, tai nghễnh ngãng, lưng còng xuống.

Giờ thì thằng què nuôi bà mẹ già chín mươi com cốp như ngày xưa bà nuôi nó, yêu thương nó. Nó đỡ mẹ ra thềm giếng thọc chiếc gáo sứt cán vào khạp nước xối lên người, kỳ cọ; gội đầu mẹ bằng nước lá chanh, lá sả... lau chùi sạch sẽ; mùa lạnh nó biết vùi những cục than hồng trong chậu tro đặt dưới chõng tre, kéo tấm mền đắp ngang ngực... Bà đôi lúc cũng hứng chí giúp nó lật mớ rau tập tàng, đẩy que củi vào bếp lửa, ngồi canh nồi cá kho... Hai người cứ thế vịn nhau qua ngày tháng. Và có lẽ cũng không ai buồn nhớ đến Quảng, ngay cả ngày giỗ cha.

-Không xong rồi – Ông Chín Cừ từ trong nhà vệt đám đông đi thẳng ra sân, vuốt mồ hôi trán thông báo - Bị nặng lắm, thầy Ba nói thế.

-Là sao?

-Tai biến chớ còn sao nữa!

-Sao không chớ đi cấp cứu?

-Đội mấy ông mấy bà nhắc. Kêu xe rồi chớ sao không.

Nói và Chín Cừ bỏ đi thẳng trước sự ngỡ ngàng của mọi người vì sự thể đến với bà Sáu quá đột ngột. Họ chặc lưỡi, hít hà tỏ rõ lòng thương với bà Sáu và cảm thấy gần như bất lực

trước sự không may của người hàng xóm tốt bụng. Những tiếng thềm thì cứ trôi đi cho đến lúc từ phía đầu xóm có tiếng nổ phèn phẹt như tiếng khạc nhổ của người ho lao.

Chiếc xe lam ba bánh xịt khói trở tới. Mọi người nép sát bờ rào tránh chỗ. Tiếng khóc sụt sịt với dài theo sau bà Sáu được hai người đàn ông khiêng trên đôi chân không ra chạy. Thằng què bước lùn cùn sau mẹ đang nằm ngang trên đôi tay vững chắc của người hàng xóm, mắt ráo hoảnh, vô hồn nhìn mọi người.

Người lái xe tháo hai băng ghế ném lên mui để lấy chỗ trải chiếc chiếu, đặt bà Sáu. Bà nằm thẳng đơ. Mắt nhắm nghiền, bọt mép sùi ra chùi chưa thật sạch.

Thầy Ba la lớn:

-Vào nhà lấy chiếc nệm trải lên, sao lại đặt bà cụ nằm trơ trọi trên sàn xe nhóp nhóp thế này? Cả chiếc mền nữa.

Tiếng than nào nuốt cất lên:

-Khô thân bà già. Ai đời có con làm lớn mà gần xuống lỗ không được hưởng lộc.

Giọng già, rất già, phều phào cất lên:

-Con cái gì ba cái đồ đó.

Xe lại nổ phèn phẹt. Khói xịt đen một góc trường kín cây dại và rác rưởi. Chiếc xe khọt khẹt rướn tới với nỗi nhọc nhằn đang rung lên trong lòng xe theo từng cái xóc nảy.

Tiếng máy nổ sừng sực nhỏ dần, xa hút đầu tận ngoài bìa xóm. Thằng què chấp hai cánh tay ngắn cùn cựa trước ngực, giọng vô cảm:

-Không sao đâu. Má tui đang bay trên mây mà.

*

Bà Sáu Linh ra đi trên chiếc xe lam rách nát và trở về cũng trên loại xe ấy, không khá hơn. Hồi bà nằm trên xe ra đi thế nào thì về vẫn vậy. Mắt nhắm nghiền, thoi thóp thờ không nói ra tiếng. Miệng méo xệch một bên như có người lấy cây sắt móc quai hàm bà kéo ngược lên vậy. Năm On và bà Hai Cọt, hai người đi theo bà Sáu ra bệnh viện, kêu “bác sĩ lắc đầu óc, cố moi trong hóc nhớ những kinh nghiệm, bài thuốc dân gian cốt để giúp bà Sáu trở lại như xưa. Khốn nỗi có cả chục, cả trăm bài thuốc như vậy, nên cuối cùng không biết phải nghe theo sự bày vẽ của ai.

Bà nằm bất động trên chiếc chõng tre, ỉa đái một chỗ. Thằng què vừa bung bỏ nước tiểu ra chưa tới đầu hồi đã ngửi thấy mùi hình hình, tanh lợm, vội vã quay lại, lóng ngóng thế nào cả bỏ nước và nó cùng ngã sóng soài trên nền đất. Hai cánh tay quặt ngang chưa qua khỏi đầu, giống như đang quạt nước trong đáy ao cạn. Nó ngạc nhiên nhìn bỏ nước màu xám cùng với thứ chất lỏng sền sệt, vương vãi lẫn lóc bên cạnh, nhìn mẹ nhưng không khóc, chỉ ngạc nhiên tự hỏi, có sao mình lại có thể ngã một cách dễ dàng như vậy?

Suốt ngày nó quanh quẩn bên mẹ. Ai bày gì nó cũng nghe theo. Những bọc cây lá hàng xóm mang đến chưa nấu xong gói này, tiếp liền bọc khác. Cứ thế chất đầy bàn như kho thuốc nam ở trạm xá hợp tác xã. Và, nếu như những món thuốc ấy có hiệu nghiệm theo như sự đoán chắc của những người có tấm lòng, thì chỉ bằng ngần ấy, nội hơi của nó xông lên cũng đủ làm bà Sáu tỉnh lại đôi chút. Đàng này, hơi thuốc, nước tiểu, phân rơi vãi bám sâu dưới nền đất ẩm thành thứ mùi như mùi cháo cóc để lâu ngày! Được cái hàng xóm không ai phàn nàn, bịt mũi quay đi. Trái lại họ thay phiên nhau (lúc rồi rảnh) lau rửa, mớm cháo cho bà. Những đêm trời trong, trăng sáng họ kéo tới ngồi chật sên, bàn về bệnh tình, về hậu sự cho bà.

Thầy Ba là người am hiểu y học trong xóm, người đầu tiên đưa ra nhận định, chắc như xử dây mũi trâu:

-Thím Sáu không thể nào bình phục được đâu. Bị nhũn não. Chỉ là sống ngày sống bữa, như cây già cỗi vậy, không hút nước nổi nữa thì nghèo. Không lâu nữa đâu.

Tiếng Chín Cừ lạp quạp do đôi môi thâm đen đang kẹp cứng điều thuốc vắn to bằng ngón tay cái:

-Thằng Quảng không hay biết gì sao? Không ai cho nó hay sao?

-Chắc có chớ sao không. Nhưng do bận việc tính tà gì đó nên không về được.

-Ồ hay, nó từ đất nẻ chun lên, từ trời rơi xuống chắc? Một mình thằng què, cái thân nó lo không xong huống hồ công bà mẹ già nằm ngay đơ cán cuốc!

Xem chừng câu chuyện bàn tán có chiều hướng xấu đi, thầy Ba lái sang phía khác:

-Bữa tôi đọc tài liệu nói về tác dụng của nấm linh chi. Nó có thể chữa được chứng tai biến. Tất nhiên là từ từ. Ngặt cái: nấm ở đâu, tiền ở đâu?

-Tôi cũng có nghe. Nó chữa bách bệnh - Một người nào đó từ phía sau gióng tới.

-Nghe đâu mắc gấp mấy chục lần sâm Cao Ly.

Giọng bà Hai Bánh trắng the the cất lên:

-Dưới Tân Đông có bà già bị như chị Sáu, trượt chân té xuống thềm giếng, tay chân miệng mồm cứng ngắt, vậy mà thuốc thang gì cũng không khỏi, chớ tuốt vô Tây An có bà thầy xông nhang xoa bóp, sờ mó đầu hơn tuần là khỏi liền.

Chín Cừ nhổ nước miếng đánh phẹt xuống sân, ngay chỗ ông ngồi, nói như quát:

-Bá láp! Thời buổi này mà còn sờ với mó. Khéo tin, nhằm nhí.

Bà Bánh trắng cổ cãi, giọng càng nhọn như chiếc kim may ghim vào màng nhĩ:

-Thì rành rành ra đó. Tui bày đặt ăn cái giống gì? Có ông mới bá xàm bá láp.

Lời qua tiếng lại kéo trắng lên tới đỉnh đầu. Cái lạnh giữa đêm bỏ xuống khiến không còn ai đủ sức để tranh thiết hơn. Mọi người lại đứng lên, lục tục kẻ trước người sau quay về với tổ ấm của họ. Căn nhà và góc sân trở lại vắng lặng. Thằng què kê ngay chiếc giường bỏ cạnh chõng mẹ, thỉnh thoảng đập muỗi bêm bép. Tiếng đập nghe thật yếu trong đêm sâu.

Bệnh tình bà Sáu Linh ngày càng xấu đi. Tâm thân của bà giờ như con cá lẹp phơi khô. Hai hốc mắt sâu hoắm, tóc rụng gần hết. Chân tay như que củi mục. Chòm xóm đã gắng đến mức cuối cùng, nhưng thuốc đồ không vào, cháo không trôi qua khỏi cổ họng làm mọi người nghĩ ngay đến khu đất cạnh bầu nước Cò Ma. Duy nhất có một người không tin bà Sáu sắp sửa ra đi là thằng què. Nó vẫn tin mẹ sẽ sống đời với nó, sẽ phụ nó lật rau, chụm lửa... Ánh mắt nó vẫn dờn dợn lạnh và vô cảm; vẫn nghĩ rằng bà đang bay trên tầng mây xanh. Và một người khác là thằng Quảng vẫn không hề về thăm mẹ lấy một lần. Nó đang bận túi bụi công việc tính tà như cách nói của chòm xóm.

Nhưng thằng Quảng trong ánh mắt, suy nghĩ của mọi người chưa phải là thằng vô ơn, bội nghĩa và bất hiếu. Thế nào Quảng cũng về làng, dầu hơi muộn, còn kịp nhìn thấy mẹ thoi thóp thở.

Và Quảng về thật. Ông về thăm mẹ trên chiếc xe bóng lộn.

Từ đầu xóm, người ta có thể nhìn thấy chiếc xe chạy chậm trên đường đất gập ghềnh. Bụi bốc mù phía sau cùng đám trẻ con chạy bám theo. Tiếng máy nổ xè xè nghe còn nhỏ và êm hơn tiếng cối xay quay lúa trên con ngõng gỗ rào rào, cọt kẹt. Nhón nháo, âm ỉ cả một góc làng mùa tháng Ba là lũ trẻ con, vì lần đầu tiên chúng mới được tận mắt nhìn thấy chiếc xe đen trùi trùi. Chúng căng mắt tìm phía bên trong, nhưng chỉ thấy khung kính màu đen, bốn bánh xe và đám bụi mù bốc lên cao. Chúng vừa chạy bám theo vừa reo hò, vui như đám rước hội. Xe tới cây da Xà, không thể chạy được nữa vì đường hẹp, hang hố lồi lõm, mặt đường bầm nát bởi những súc gỗ lậu kéo lia qua trong mùa bão lũ, găm xuống. Anh tài xế còn trẻ bước xuống, đi

vòng ra sau lom khom người mở cửa bên trái, lại chạy vòng sau đít xe mở cửa bên phải. Hai người một nam một nữ, kẻ trước người sau lần lượt nhào người ra khỏi khung cửa thấp hẹp. Họ đều là trung niên. Ăn mặc sang trọng, khác với đám dân làng chỉ có bộ bà ba và pyjama để dành ăn cưới, ăn giỗ. Người đàn ông mặc nung núc. Người đàn bà mặc robe hoa màu xanh, mang kính đen, tay trái xách chiếc bóp da, môi và móng tay màu đỏ chói. Bà vịn vai chồng, gần như ngã cả nửa thân người lên tấm vai rộng, khó nhọc bước trên đôi giày cao gót. Họ đi thật chậm như đi dạo. Thình thoảng bà vợ níu tay chồng dừng lại, thờ: “Em nói rồi, anh về một mình cũng được mà. Vào được tới trông, có khi chẳng em bị trẹo chớ chẳng chơi”. Ông chồng suýt suýt: “Còn mấy bước nữa thôi”. Bà vợ ngó chồng như kiểu gái già đưa mắt ngó anh trai trẻ: “Em mệt thấy mô”.

Cuối cùng thì vợ chồng Quảng cũng lọt qua chiếc cổng tre xiêu vẹo, đứng lọt thỏm trong chiếc sân gạch cũ nát, đất trời lên nhiều chỗ, cỏ dại mọc tràn. Cả hai đứng ngó quanh quất hồi lâu mới bước lên thềm. Hàng xóm nghe nói Quảng về, lại vội vã kéo nhau chạy đến, không phải để cầu cạnh, xum xoe mà thực bụng muốn nhìn tận mắt ông quan đầu tỉnh, vốn là con dân làng này ra thế nào. Quảng gật đầu chào mọi người theo cung cách lãnh đạo, không thân không sơ; chẳng mặn nồng vốn vã mà cũng không ra lạnh nhạt. Dân làng không hề để ý bởi họ không còn đầu óc đủ tỉnh táo để nhận xét. Ông ta có chào bằng những cái gật đầu mà không hề mở miệng cũng đã quý lắm rồi. Và lại, thực lòng, bụng dạ họ cũng mừng. Mừng vì Quảng về sẽ có cách gì đó tựa phép màu để giúp bà Sáu thoát cơn hiểm nghèo; chí ít, bà cũng mở được mắt, nhìn mọi người chung quanh với nụ cười hiền cố hữu. Dầu sao sự có mặt Quảng vẫn còn hơn thằng què với ánh mắt dờn dợn vô cảm luôn quán quanh mẹ.

Hai vợ chồng vừa bước lên thềm đất, thì ngay sau đó bà vợ như bị điện giật, người rung lên rồi quay ngoắt lại, bụm miệng, bịt mũi chạy như ma đuổi ra phía vườn cây xơ xác. Bà ta nôn oẹ liên hồi, giống mấy bà đang ốm nghén.

Quảng chạy theo, đỡ hai vai vợ:

-Em làm sao vậy? Có sao không để nói chú Chánh đưa em về.

Người vợ hất tay Quảng ra khỏi vai trước khi oẹ lần nữa, rõ dài:

-Em đã bảo rồi. Anh về một mình có làm sao đâu. Sao lại đèo bồng cả em. Em đến chết mất.

-Thôi mà, phận dâu con đâu có khó chút vẫn phải có mặt, không khéo xóm làng chê trách. Với lại lọt tới tai người khác thì sống thế nào?

-Mặc xác, em không biết. Em không thể nào chịu nổi cái mùi hôi thúi như xác chết để rữa lâu ngày thế kia.

-Em nói gì vậy? Thôi nào, đi vào kẻo...- Vừa nói giọng dỗ dành vừa đỡ vợ nhưng nhất định bà ta không chịu bước lấy nửa bước.

Quảng đành quay vào nhà một mình. Cái mùi hôi đến lợm giọng khiến ông có cảm giác trạo trực khó chịu, nhưng cố dằn lại và ngồi xuống chiếc ghế gỗ thờ người ra nhìn về phía thân người nằm tù hụ trong tấm mền ngã màu vàng ố. Quảng không nghĩ rằng đó là mẹ mình, một người phụ nữ cứng cáp, đã từng một mình gánh gàu tạ gạo thay chồng đi dân công; một mình đội mưa mang thuốc men ra khu cho anh em, luôn lách qua các đôn bót...Nỗi thương xót ào tới bất chợt như cơn trốt đầy ông đứng bật dậy, chạy lại cầm tay mẹ. Bàn tay lạnh ngắt, chỉ có lớp da bao quanh khúc xương lỏng. Quảng lật chiếc mền ra, tấm thân dán sát xuống tấm nệm mỏng. Tất cả đều lạnh lẽo, bốc mùi. Quảng nắm vai thằng què:

-Mẹ nằm như thế này bao lâu rồi?

Thằng què mở nụ cười vô cảm và ánh mắt dờn dợn lấp bắp:

-Mẹ đang bay trên mây đấy.

Ông thờ hắt ra. Hơi thờ đó nửa giống như biểu lộ sự bất lực, lòng hiếu thảo nửa như xua đuổi cái mùi khó chịu xa khỏi người ông. Quảng ngó lên bàn thờ trông trơ; tấm ảnh cha hoen ố không nhận ra mặt mũi và bát hương đầy chân nhang đỏ màu máu, nguội lạnh.

Một tia chớp vụt loé sáng trong đầu Quảng khiến ông rút tay khỏi lớp da bọc lạnh lẽo, quay ra chiếc bàn long chân ngoài hiên, nơi một số đông người đang đứng ngồi nhóng vào, dõi theo từng cử chỉ của Quảng. Ông khẽ khàng ngồi xuống, lấy giọng thật nhỏ nhẹ:

-Thưa cô bác, trước, vợ chồng tôi cảm ơn cô bác đã giúp đỡ, chăm sóc mẹ tôi. Tôi có lỗi là không về sớm hơn. Mong cô bác thứ lỗi. Công việc dày kín, không thể tách ra mà đi được. Nay mẹ cũng gần đất xa trời, nhưng còn nước còn tát; xin cô bác để vợ chồng tôi đưa mẹ về dưới, được ngày nào hay ngày ấy.

Những người hàng xóm thờ phào, thầm nghĩ: “Có thể chớ. Dầu gì cũng mẹ”. Mọi người lại xúm nhau bàn. Kể xuôi người ngược, nhưng thầy đều với cả tấm lòng dành hết cho bà Sáu. Họ không mong gì bà bình phục như xưa. Nhưng nếu có ra đi thì cũng ra đi một cách thanh thản, bên con cháu, bên dâu một cách âm áp. Không ai nói ra miệng, nhưng người nào cũng thầm khen phải, xử sự như vậy là hợp lẽ trời, hợp đạo lý làm người. Thầy Ba và Chín Cừ là hai người luôn sốt sắn bởi tình nghĩa và tấm lòng bà Sáu dành cho họ trong những lúc khó khăn. Một trong hai người nói:

-Chú nói chí phải. Dưới tinh dầu sao cũng sẵn thuốc, sẵn thầy. Biết đâu phước đức tổ tông để lại, thím mau lành bệnh.

Giọng Quảng nhỏ nhẹ:

-Dạ, cảm ơn mấy chú.

Bỗng dung Chín Cừ như chợt nhớ ra điều gì, vỗ trán:

-Uở, hồi nãy thấy thím...

Quảng hơi bối rối, nhưng cũng trấn tĩnh lại ngay:

-Dạ, cô ấy bị cảm cúm mấy ngày nay. Hồi sáng tôi kêu ở nhà nhưng cô ấy không nghe, nhất định đòi về thăm mẹ.

Sắc mặt Chín Cừ bỗng trở lạnh, nói hờ hững:

-Ờ hén, hèn chi...

Thầy Ba nháy Chín Cừ, Quảng không nhìn thấy, tiếp tục giọng thăm nã:

-Năm trước kia, cô ấy kêu để đưa cụ xuống chăm sóc, có mẹ có con; để trên này một mình thằng Sanh không kham nổi, nhưng nó không chịu, cả cụ cũng không bằng lòng. Nói thế nào cũng không nghe. Đành để vậy.

Chín Cừ lơ đãng ngó lên mái rui ễnh cong như muốn rụng, miệng lại kêu “ờ hén” khiến thầy Ba dùng chân mang dép nhựa tái chế đập mạnh lên mu bàn chân trần Chín Cừ đau điếng. Ông thờ đánh phào, đứng lên:

-Chú nói cũng phải. Làm con... - và bỏ đi thẳng. Thầy Ba xớ rớ một lát cũng về theo. Bóng những con người chòm xóm “tắt lửa tối đèn có nhau” lần lượt khuất sau trường rậm. Quảng như người tỉnh ngủ, đứng vụt dậy bươn ra vườn. Vợ ông vẫn ngồi gục mặt, hai tay bùm kín miệng mũi mà nếu có ai đó vô tình nhìn thấy thề nào cũng nghĩ vợ Quảng đang ngồi khóc vì thương mẹ chồng. Quảng bước tới, ngồi xuống cạnh vợ.

-Mình đưa bà cụ về dưới đó.

Vợ Quảng trừng mắt:

-Đưa xuống làm cái giống gì? Trước sau bà cụ cũng mất. Cứ để trên này có tiện hơn không, xuống dưới ai lo, bộ anh tưởng tôi là con hầu phòng?

Quảng cúi thấp, nói nhỏ gì đó vào tai vợ. Mặt mũi bà ta dãn ra:

-Vậy mà em không nghĩ ra. Anh thì có khác – Nói và bà ta níu tay chồng đứng lên như thể trước đó chưa hề có điều gì ghê gớm xảy ra.

3*Thẩm là đứa cháu họ phía bà sáu. Nhà nghèo, đông con nên chỉ học đến lớp Năm phải nghỉ. Bà Sáu thương tình, đưa về nuôi, cho ăn học tiếp nhưng chưa qua hết lớp Chín, không học nổi nữa, ở nhà phụ bà chuyện vườn tược bếp núc. Nó là đứa thật thà, giỏi giang. Trong nhà, ngoài sân, dưới bếp...đâu đâu cũng đều gọn gàng, ngăn nắp. Một lần về thăm mẹ, vợ chồng Quảng thấy vậy, nằn nì bà Sáu cho nó về ở với mình. Bà nghĩ bụng, dầu sao ở với Quảng, miếng ăn, giấc ngủ ngon hơn, quần áo lạnh lặn hơn, nên bằng lòng, dù trong bụng không muốn xa nó.

Vợ Quảng đúng là loại phụ nữ tinh đời. Đánh giá về con người, sự việc hiếm khi sai. Thẩm không có biệt lệ dưới con mắt người phụ nữ lỗi đời này, nên trở thành nhân vật phụ tin cậy của hai vợ chồng. Công việc của Thẩm chỉ lau dọn phòng ngủ hai ông bà và phòng khách, nhận thư, quà cáp, trả lời khách đột ngột tới thăm khi cả hai vắng nhà. Tất cả mọi chuyện khác đã có hai người phụ nữ khác, đều là bà con gần bên vợ. Cuối mỗi tháng hoặc hơn thế, Thẩm được giao chở những thùng mì tôm, thùng sữa cũ mềm mà nặng như vác bao lúa trên quê, đến tiệm Tân Cẩm Hưng rồi quay về, chỉ có vậy. Nhiều khi nó cũng thắc mắc tự hỏi “gì mà lăm lăm mà nặng thế” nhưng chưa lần nào tự ý hé ra coi trong đó là những gì, bởi bà Quảng luôn miệng dặn: “Ở nhà này chỉ biết làm, chớ tọc mạch hỏi han hay làm bất kỳ điều gì mà không được phép”.

Chính vì cái tính thật thà ấy mà bà Sáu nằm bệnh viện hơn tháng nay, Thẩm không hề hay biết. Cho đến buổi sáng nọ, hai ông khách đi trên xe con sang trọng gọi chuông. Thẩm mở cửa. Ông khách khẽ chào, lịch sự:

-Xin lỗi, chúng tôi đến thăm bác gái.

-Thưa, bà đi vắng từ sáng sớm ạ!

Cả hai người khách đều ngạc nhiên, vẻ mặt nửa mừng rỡ, nửa thất vọng:

-Bác đã bình phục rồi à, xin chúc mừng!

-Sao ạ? Bà tôi có làm sao đâu ạ?

-Cô nói... - Người khách chưa hết ngạc nhiên, và như nhớ ra, vội trấn – Là chúng tôi hỏi thăm mẹ của anh Quảng kia.

-Là bà Sáu? Có làm sao đâu. Ở tận trên quê chớ có bao giờ xuống đây đâu.

Bây giờ thì sự ngạc nhiên không phải hai ông khách lạ mà đang chuyển dần qua Thẩm. Hai người khách ngơ ngác nhìn vào mặt nhau, người nọ muốn hỏi người kia, nhưng câu hỏi đột ngột biến mất khỏi đầu họ. Một trong hai người lấy từ túi áo ra mẫu giấy nhỏ màu xanh, chìa ra cho Thẩm:

-Cô làm ơn đưa cho anh chị Quảng. Chúng tôi sẽ gọi điện thoại sau – Nói và hai người chào Thẩm lần nữa trước khi đóng sập cửa xe.

Tám danh thiếp in bằng tiếng nước ngoài. Tiếng Anh. Vì học dốt nên nó cũng chỉ đọc, hiểu được mỗi chữ *the* và chữ *and* cùng tên họ không dấu của người đưa thiếp. Chắc có sự nhầm lẫn. Nó tự nhủ vậy và thôi không buồn tra vấn nữa.

Sau “sự cố” hai người khách lạ Thẩm mới để ý đến vẻ mặt của ông bà Quảng. Ông thì hóc hác hơn xưa. Bà ngược lại, bộ mặt khó đăm đăm với lũ kẻ ăn người ở đã rụng mắt đầu đó ngoài đường. Càng bất ngờ hơn khi Thẩm nghe lôm câu chuyện của hai vợ chồng trên sân thượng, lúc Thẩm đứng bên trong những tấm lưới đen phun thuốc định kỳ cho những giò phong lan treo kín nửa góc sau.

-Sao em không thấy thằng Thành...?

-Em đi mà hỏi nó.

-Anh mới lạ. Chính lúc này mới biết được đũa nào tình nghĩa, trung thành. Cái hỏi nó chạy chức giám đốc, sao em thấy hình như ngày nào nó cũng xum xoe bên anh? Còn nữa, con mẹ Ngân từ học núi đũa về giữ chức quản lý dự án ngon ơ cũng không thấy đâu?

-Anh mệt mỏi quá lắm rồi. Em mà cứ chắc lép, vỡ lở ra thì đẹp mặt lắm đấy! Em cũng biết cả rồi. Có thuốc thân mẹ cũng không khỏi. Người ta tới thăm hỏi đã là quý. Em còn bày vẽ, gợi ý linh tinh - Miệng nói vậy nhưng bụng nghĩ khác. Những Thành, những Ngân kéo lướt qua đầu ông như đèn kéo quân, những hình nhân chạy vòng vòng, không tách khỏi nan tre.

-Em chỉ muốn giúp anh thôi. Đây là dịp để anh biết ra ai là ai.

Họ còn nói gì nữa nhưng thấp giọng, không nghe ra. Và lại điều Thắm muốn biết là bà Sáu. Bà ngã bệnh, nhưng ở đâu thì không thể lần ra. Còn những mẫu đối thoại qua lại giữa hai người, Thắm nghĩ chắc là công việc cơ quan, không liên quan đến tình hình bà Sáu. Nó muốn bước ra khỏi màn lưới đen, hỏi rõ ràng cơ sự. Nhưng muộn mất rồi. Họ đã đứng lên, bước xuống cầu thang.

Lúc hai ông bà dùng xong bữa cơm chiều (hiếm khi họ ăn cơm nhà), đang ngồi uống nước ở phòng khách sáng choang, lộng lẫy, nó định hỏi chuyện bà Sáu thì có chuông điện thoại reo. Bà Quảng thông thả với lấy chiếc điện thoại đưa cho chồng. Quảng một tay xĩa răng bằng que tăm nhọn tay kia áp chiếc điện thoại một cách hồ hững vào mang tai. Những âm thanh lít nhít trong máy, đến bà vợ ngồi bên cũng không thể nghe ra điều gì. Kịp khi ông Quảng quăng bừa cây tăm lên mặt bàn, giọng hốt hãi:

-Sao? Anh bảo sao? Được... được rồi... Tôi đến ngay.

Bà vợ níu cánh tay chồng:

-Gì vậy anh.

-Hình như mẹ mất rồi...!

-Bà ấy làm sao mà chết được? Rõ khéo... Công chuyện chưa xong...

Chính miệng ông Quảng nói ra và lỗ tai Thắm thì không thể nghe lắm. Phích nước đang cầm trên tay suýt rơi xuống sàn. Trần nhà như xoay vòng vòng, kéo theo bà Sáu bay quanh nóc. Bà chết thật rồi. Nước mắt nó ứa ra. Bao nhiêu ý định với bà, nó không thực hiện được và vĩnh viễn không thể thực hiện. Tấm lụa màu mỡ gà bà Quảng cho nó cất kỹ dưới đáy túi xách, ống ngoáy trầu bằng bạc, chai dầu gió xanh và củ sâm thừa ông Quảng vát trong giỏ rác nó lượm lên, phủi sạch, cất kỹ... tất cả sẽ được gói lại, sẽ được mang về biếu bà khi có dịp. Vậy mà... Thắm có cảm giác như ngón tay mình đang bị dằn nát nhũn cho đến khi đứt ra, máu không chảy nhưng đau nhức.

*

Đám tang bà Sáu Linh đông. Rất đông. Lễ viếng phải kéo dài hơn thời gian lão hoà thượng chùa Diên Pháp ghi trong mảnh giấy trắng gấp làm tư. Phòng khách biến thành phòng tang lễ. Ảnh bà Sáu phóng to trong khung viền đen. Nhìn bà Sáu thấy lạ, trẻ hơn đến vài chục tuổi, không thể nhận ra, duy nhất có đôi mắt là hiền hậu nhìn khách viếng tang với tấm lòng rộng mở. Họ lâm râm trước bàn thờ. Bà từ bên trong khung kính nhìn ra. Khói nhang nghi ngút. Những vòng hoa viếng đặt kín gian phòng. Trên bàn thờ, chiếc khay xưa cần ọc xa cừ đặt bên giỏ trái cây, chắt chùng những phong bì phúng điệu dày cộp. Sau những cái vái lạy trả lễ, bà Quảng, đứng xé bên hông chồng lại thò tay lên khay, đỡ lấy những chiếc phong bì và cho vào chiếc túi xách đặt ngay dưới chân mình. Thằng con trai từ nước ngoài về, mặc bộ vét đen, đầu bịt khăn tang luôn lúc lắc thân người. Bên cạnh là cô bạn gái trông bộ dạng không phải là con gái Việt. Thỉnh thoảng nó rút khăn tay lau mắt. Không hiểu nó thương bà nội hay vì khói nhang cay xè và khách viếng đông đảo trong không khí oi nồng mùa Hạ?

Lễ viếng kéo dài khá lâu khiến bà Quảng có vẻ mệt mỏi khi cứ phải đưa tay tới lui liên tục. Cuối cùng thì một người đàn ông tóc hoa râm đứng ra đọc điều văn. Ông Quảng từ trong bàn thờ bước ra nói mấy lời cảm ơn trước khi ông thầy lễ nhảy nhót loai choi, miệng ê a làm lễ di quan.

Chiếc quan tài phủ kín hoa dịch ra từ từ. Nhưng đôi chân như chân rết đưa lên thả xuống đều đặn hai bên hông quan tài, nhịp nhàng bò ra tới chiếc xe tang đang chờ sẵn ngoài đường. Một rừng người và rừng vòng hoa sáng rực đoạn đường dài. Những chiếc xe con nối đuôi nhau như một cuộc diễu hành, thật chậm...

Những người hiếu kỳ đứng hai bên đường kiểng chân nhìn theo đoàn xe tang có một không hai trong thị xã nhỏ này. Lập trong đám đông lối nhỏ kia, có người đàn ông mặc bộ bà bà trắng, chân đất, môi thâm sì ngậm chặt điều thuốc vẫn đã tắt ngúm tự lúc nào. Níu một bên hông vạt áo trắng là một thằng người dị kỳ. Đầu to và dài. Hai mắt tròn to hơn viên bi quá khổ, tay chân khuỳnh, ngẩn cùn cộn. Nó ngơ ngác nhìn theo đoàn xe khuất tít tận trên ngã Bảy, rung rung vạt áo người đàn ông có đôi môi thâm: “Coi kìa, má đang bay trên mây kìa”.

(Tuy Hoà, tháng 3.2008)

Vòng trắng bay

Từ tấm bé, anh chưa bao giờ được ở trong căn phòng rộng rãi, tiện nghi như thế này. Chiếc giường đôi phủ tấm trải trắng tinh, phía dưới là chiếc đệm mút lò xo. Gối hoa đầu giường. Dưới đuôi tấm màn cuộn tròn như chiếc gối ôm. Anh để nguyên áo quần nằm lên. Nằm lên và nhún. Cảm giác êm ái như thể tấm thân anh là sinh vật bé nhỏ bám cánh điều chao lượn trên không. Nhún một hồi, anh nằm im, ngó qua phía hông vách tường. Chiếc tủ đứng bóng đèn độ soi thấy cả bộ mặt đen sì của mình. Bộ bàn thấp có hai ghế đầu hai bên với ấm chén, phích nước. Sát cạnh là chiếc ti vi đặt trên chiếc tủ con kèm theo máy điện thoại màu trắng. Ngó lên cao chút nữa, đựng trần là máy điều hoà nhỏ, thờ êm như tiếng thờ của vợ con anh trong giấc ngủ sâu. Anh nằm yên lắng nghe và nằm yên nhìn ngó. Anh mở miệng cười với riêng mình, nụ cười xéch ngược có những cọng râu lờm chờm bên trên mọc lên.

Đúng là từ trên trời rơi xuống. Cái mảnh giấy hoa từ trời rơi xuống đựng phải anh: báo cáo điển hình nông lâm kết hợp. Anh chả biết cái con mẹ gì về nông lâm kết hợp khi ông Khang cầm tờ giấy xoay tròn thành nhiều vòng trước mắt anh với niềm phấn kích: “Sướng nhờ, chú được vi vu ăn chơi rồi, sướng nhờ”. “Giỡn hoài”. “Thiệt chớ sao lại đi giỡn với chú? Người ta ghi tên mời chú hẳn hoi đây này?”. Anh cầm tờ giấy ráp từng chữ, lầm nhảm đánh vần rồi trả lại. “Không đi đâu cả, còn vườn cà phê chưa tưới”, anh vung vẩy cây cào cỏ trong tay. “Cà phê cục kii...ít”, ông Khang rít lên như con rắn lục ăn đêm. “Người ta mời thì cứ đi. Mát mát chi”, vợ anh bung rở rau đi ra phía khạp nước vừa nói. Giọng nói thật tròn, rớt theo sau.

Trước chuyến đi một tuần, mấy anh quay phim mò về. Chiếc xe 4 bánh đen trùi trùi như con trâu mộng nhà ông Tổng đỗ xịch trước cổng, đứng yên. Chiếc xe đứng tại chỗ bất động chứ không chồm lên lưng những con trâu khác, không rượt đuổi những con trâu khác suốt buổi. Bầy chó ùa ra sủa găng gặc và thụt lùi theo từng bước chân của bầy người bước tới. Mấy đứa con đứng khép bên cửa nhìn đám người vác những giá đỡ ba càng, giầy nhợ, túi xách từ dốc ngược lên, sợ hãi.

Họ chào anh. Anh cũng gắng gượng nở nụ cười có những chiếc râu lờm chờm trên mép xách lên. Họ kêu chúng cháu là đoàn làm phim và hỏi anh đủ chuyện. Anh hụt hơi trả lời, lưỡi miệng líu quíu. Anh cảm thấy mình giống như thời khắc mấy chục năm trước, Ban quân quản gọi anh kê khai chuyện lính tráng, hỏi tại sao không vô bụng mà đi theo địch, mấy lần đốt nhà dân, bao nhiêu bạn hãm hiếp, cướp bóc.... Anh vừa nói vừa thờ phì phì như trâu kéo cày giữa đồng nắng buổi trưa. Họ lại kêu anh đưa lên cánh rừng, giả bộ rong cành nhánh những cây keo lá tràm, xoài mít thiếu chút nữa phập luôn bàn tay trái; cầm cuốc xới xới mấy gốc cà phê; lại kêu đứng cạnh đàn bò đàn dê, hốt nắm cám quăng xuống ao cá, lại quay về nhà đứng cạnh chuồng gà, bơm nước tắm heo trong khi vợ anh bung thau thức ăn đổ vào máng. Những con heo béo nung núc vừa mới ăn xong giờ cứ đứng nghếch mõm ngó đám người ăn mặc sang trọng như muốn hỏi: Các ông định đưa tụi tôi vào lò mổ ngay lập tức sao. Trong khi đó đám trẻ con đứng lố nhố dưới chân dốc, nhóng cổ nhìn với lên, không dám xán lại gần.

Xong việc, vợ anh bung lên mâm thu đủ chín. Mọi người vừa ăn vừa khen ngọt. Anh thanh niên như là cấp trên của bọn họ, người thấp lùn, mắt ti hí, trán ngắn, giọng nói đót đất; ăn xong miếng thu đủ, đứng dậy ra vườn ngó trời nhìn đất chán, chậm rãi bước tới gốc mít, đưa tay mân mê quả mít đang bốc mùi thơm như thể một thứ của lạ. Những ngón tay nung núc vuốt ve, sờ nắn trái mít như đang xoắn vào đôi vú căng cứng của người thiêu phụ. Anh nhìn thấy và

hiều ra. Hiểu ra rồi xách rựa dựng sẵn ở góc phen chặt liền một lúc sáu trái đủ cho sáu người, khệ nệ bung để bên hông xe. Anh cười hì hì, giọng cầu tài: “Chút quà lấy thảo, loại mít dứa lai nghệ thơm ngọt như đường phen”. Họ bắt tay nói cảm ơn chú và thêm: “Trưa một nhớ mở máy ra coi chú nhé!”.

Chiếc xe nổ máy, lao xuống dốc thật nhanh chỉ kịp để lại vệt khói đen vất vưởng trên vạt cỏ bên đường. Tiễn bọn họ có tiếng gù gù của con cu cườm, tiếng lẹt chẹt bầy sáo nâu và tiếng chim chèo bẻo gióng từng tràng dài như tiếng phèng la. Tất cả những âm thanh ấy phát ra đầu đó trên những chòm cây cao, không ai nhìn thấy.

Họ đi rồi mà anh chẳng hiểu ra làm sao, cho tới bữa thấy mình vung vẩy trên máy, đứng khép nép bên sân nhà, căn nhà ba gian vách phen tre mái lá như chực ngã bổ nhào trước màn hình, run run giờ cao chiếc rựa, vung nắm cám, đưa vòi nước qua lại trên lưng đàn heo... Anh không hiểu mình đang nói gì, làm gì chỉ thấy hình ảnh mình bay chập chờn trên mặt kính rồi tắt phụt, chuyển qua những đoạn khác, của người khác. Anh ngần ngại muốn kéo níu lại lần nữa, nhưng tắt mất rồi, qua mất rồi. Máy đưa con anh xem hết đoạn phim kêu lên: “Cha thiệt ngộ”, rồi bỏ chạy xuống đồi, chắc chúng lội suối mò cá mương, bắt cua đá. Nhanh thật, anh thâm nghĩ. Mới cách bảy tám năm thôi, ngọn đồi này còn um tùm lùm bụi, dây leo chằng chịt mà giờ đã thành khoảnh, đã có tiếng chân người khua động. Tiếc là con Mực không còn để nó vẩy đuôi cùng bọn trẻ chạy xuống suối, sục sạo trong rừng cây.

Ông Khang quần ống thấp ống cao, dựng chiếc xe đạp không phanh, hai bàn đạp là hai que sứt nhọn hoắc, bên cây đỏ, trái mọc từng chùm từ sát mặt đất treo ngược lên giữa thân, hùng hục leo lên mấy bậc đá, mặt mũi đỏ gay, mồ hôi nhỏ thành giọt :

“Thấy không, tôi đã bảo rồi mà. Chú ăn nói được lắm. Lên hình đẹp lắm. Cả xứ này chỉ mỗi mình chú là được lên ti vi đấy thôi nhé! Ông chủ tịch, ông bí thư đừng hòng. Sướng nhờ?”

Anh ngó ông Khang, ông Khang ngó anh:

“Sao vậy?”

Anh định nói “làm sao coi lại hình của mình chạy trên mặt kính ti vi”, nhưng anh kịp dừng lại khi thấy ông Khang chia tờ giấy ra.

Cầm tờ giấy trong tay, không mở, anh xoay qua trở lại. Ông chủ tịch nông dân xã có tên Khang nhỏ phẹt bãi nước bọt xuống nền đất:

“Cái con mẹ nhà chú. Là được đi chơi xứ người, đi báo cáo điển hình. Có ai được ưu tiên như nhà chú không, hở?”

Anh gãi đầu:

“Nhưng tôi có biết báo gì đâu. Ông để người khác đi đi.

Ông chủ tịch Khang phồng má:

“Chú ngu thế!”

Anh chia tờ giấy ra:

“Kê, ngu chịu ngu. Tôi chả biết viết sao, nói sao. Với lại cà phê đang kỳ tưới? Má cu Lít nói mùa này cà phê mà trúng sẽ cho ông mượn để sửa lại cái nhà.

Ông chủ tịch điên tiết:

“Cái củ kee... ẹc, đ. cần, rồi chia cuộn giấy trước mặt anh: Đây, người ta viết sẵn cho chú rồi. In chữ bự chẳng như trứng vịt nhà chú ấy. Từ nay tới ngày đi, bữa nào cũng lôi ra đọc, đọc vài ba bận để khỏi bể đĩa khi đứng trước cử tọa... Cả tỉnh chỉ mình chú biết không? Phải mang tiếng thơm về cho tỉnh, cho huyện, cho xã và cả hóc xó này, hiểu chưa? Chú mà không đi thì đừng hòng ở lại cái hội này. Lính tráng cái con mẹ gì chú. Chưa chi đã rứt cổ như rùa!”

Ồi quan trọng vậy sao? Anh run lên. Thà đi chặt cây, vác đá từ núi cao coi bộ còn dễ chịu hơn cái bưng cầm tờ giấy, đánh vắn trước đám đông xa lạ. Xấu hổ chết. Học hành năm ba

chữ, đủ để làm con tính cộng trừ tới số trăm, giờ kêu đứng trước đám đông đọc báo cáo. Chết mất. Chết mất thôi!

Lo lắng, bồn chồn chán rồi cũng nguội lạnh để giờ này anh nằm lẩn trên tấm nệm trắng tinh, mát và ngọt ngào. Mùi thiu úng trong phòng khiến anh ngọt ngào. Bất giác bàn tay trái đụng phải chiếc giày còn dính dưới gót chân nứt nẻ. Anh cởi quai đưa lên tận mũi. Mùi thơm da thực xộc vào. Đôi giày mới nguyên. Đôi giày vợ anh học tốc cỡi xe ba chục cây số, xuống chợ thị trấn mua về khi nghe ông chủ tịch nông dân nói như ra lệnh “chú phải đi thôi”. Lần đầu tiên sau hơn ba mươi năm mới lại có dịp xỏ chân vào đôi giày, anh cảm thấy vương vít, như bị hành khổ. Giờ thì đôi giày cùng anh ở trong căn phòng sang trọng. Người nằm trên giường êm, giày thì dưới sàn lát gạch hoa. Nó có cảm thấy thoải mái như anh vừa phát hiện thứ mùi lạ kia không? Cả hai thật nhỏ bé. Nhỏ bé đến vô cùng.

Đến hơn ba mươi năm sau, anh lại vương phải của tội nợ này, như lần đầu tiên anh bị xỏ chân vào đôi giày da mà đám bạn lính kêu “bớt đờ số”. Ba chục ký nào cơ số đạn, quân trang, quân dụng thêm chiếc mũ sắt đến năm ký và cây súng tám ký còn nhẹ hơn cây cày vác vai. Nhưng đôi giày thì không thể. Nó như đôi cùm, riết lấy đôi bàn chân anh trai cày suốt tháng này qua năm khác, đôi bàn chân đã từng để trần dẫm nát những tảng đất trên đồng ruộng, làm cho mặt đất rên siết, run rẩy. Gót chân nứt của anh đã ấn không biết bao nhiêu dẻ đất nát nhão như cháo đang sôi ùng ục trong nồi.

Cái thời ấy đã xa quá là xa, nhưng mỗi khi chợt nhớ anh không khỏi phì cười: “lính tráng cái nước mẹ gì nhà chú” như ông Khang vẫn hay văng ra mỗi khi không hài lòng về anh trong những chuyện vụn vặt. Nước mẹ gì. Thật là không nước mẹ gì. Hai năm lính là hai năm giặt giũ, nấu cơm, bung nước cho hết người này đến người khác. Ai nói sao, bảo sao anh cũng nghe theo. Nghe theo và lẳng lặng thi hành nhiệm vụ. Thăng Sáu Trót, binh nhất, dân Quảng Ngãi, hơn anh một cấp mông như tờ giấy vắn thuốc, còn hô: “Nghiêm! Binh nhì Ba Đọt chạy qua kia cầu mua ly cà phê đá cho qua coi. Anh đứng nghiêm chào, hô “tuân lệnh” và chạy vụt đi. Vậy đó, chỉ còn thiếu vo tròn cục giấy chùi đít cho binh Trót là đủ. Anh phì cười, kêu lên: Nhảm nhí.

Nhảm nhí thật. Cuối cùng đòi lính của anh là ra đứng gác cầu. Cây cầu dài chừng sáu chục thước, bắc qua con rạch ken dày lục bình. Mới nhìn, nó như bao chiếc cầu khác, không có gì đặc biệt. Nhưng cấp trên thì bảo: Cầu mà gà gât để tụi Việt cộng đội lục bình đặt mìn phá sập cầu thì cậu bị xử bắn ngay tập lự. Mẹ cút, sập một cầu chứ sập cả trăm cầu ông đây chẳng màng. Anh nói thầm cho riêng mình nghe và ôm súng bước tới, dựa vai cầu nhìn xuống: đến cá còn dính râu, vương kỳ thì tía thằng Việt cộng nào dám mò về? Anh lấy mũi súng gõ leng keng trên thành cầu. Tiếng leng keng nghe vang, dòn như tiếng lục lạc đeo cổ bò. Ủ nỏ thì cứ nỏ, ông cóc cần. Nó mà nỏ tung thì ông về cày đồng, về mà ôm cái mông nung núc tròn lẳng của vợ. Sướng đời. Cưới nhau hơn tuần là đi. Chưa mùi mẽ gì nhiều nhưng lúc nào anh cũng nhớ cái mông tròn. Nhiều đêm anh gối đầu lên ba lô mà cứ ngỡ như đang gối trên mông vợ, choàng tay xoa xoa đụng nhằm phải chiếc ca nhôm lạnh ngắt. Mở choàng mắt thấy mình đang nằm trong giao thông hào tối thui, dưới đũng quần hình như bày cóc cọt vừa mới khạc nhổ bãi bọt nước lên đó... Trời ơi, sao lại cứ phái đánh nhau, bắn nhau làm gì cho nhọc sức? – Có lần tiếng kêu bật lên thành câu hỏi u ám trong đầu.

Một ngày anh đứng gác ba tiếng, có khi hơn. Đó là lúc lũ bạn lính đổi phiên nhưng cố tình ngồi nán lại, lê la quán nước bên kia cầu, kêu thêm xị rượu, cà phê có cốt tán tỉnh cô chủ quán. Mấy bạn anh cũng ra ngồi đó. Ngồi và nhìn hàm răng trắng, miệng cười tươi như bông mắc cỡ quần quít bên bờ ruộng... để nhớ vợ, nhớ cái mùi chua chua nồng nồng từ nách vợ xông lên rồi lại xách súng quay về trại. Anh cuống cuống trong nỗi nhớ thôi thóp ngăn cách

giữa cây cầu sắt và những con rạch đan chéo nhau, những cánh đồng ngút mắt. Ước chi mà bỏ được cây súng, dẫm chân lên cánh đồng, cầm chui cày, hã hợng ví thá đôi trâu. Nhưng con sông và những con rạch thì đang chắn ngang trước mặt, còn quê nhà thì xa tít mù xa.

Khói trên mặt sông la đà. Đám lục bình dập dềnh đang thổi khói. Một vùng khói trắng buổi tinh mơ. Đàn cò đang chao lượn thành hình vòng cung phía cánh đồng lung trước mặt. Những đợt dừa nước màu xanh sậm dính vào mảng da trời lờ mờ buổi sáng sớm, vẽ thành đường viền mỏng dẹt tít tắp. Anh xách súng đứng lên, chưa kịp đặt chân lên mố cầu, chưa kịp chúc mũi súng gõ leng keng trên thành sắt để tưởng tượng đó là tiếng lục lạc trên cổ bầy bò, thì chiếc cầu bùng lên, hã hợng khạc ra cột nước cao như cục đờm từ cổ họng phọt ra, xô anh ngã sấp trên đường sỏi ướt sương đêm. Đứng quần ướt nhẹp và mùi thúi trộn lẫn với khói đạn dè vít cả người anh dán sát mặt đất. Chùng mở được mắt, chỉ thấy hai bờ mênh mông những đê lục bình ngã nghiêng, rũ rượi. Hàm răng trắng, nụ cười tươi tắn phụt bờ bên kia, đàn cò hót hoảng bay lên la điếng, đường vòng cung gãy khúc, trời như sập sập... Sau đó, cả mười một người trong tiểu đội gát cầu dựng lưng nhau trên nền đất lạnh, bốn bề là tường đá và hình như cả những vòng trong vòng ngoài kềm gai quây tròn bên ngoài...

Đôi giày chét tiệt siết chặt đôi ống chân. Đêm ngày và đêm trong bóng tối, trong thứ mùi hôi thúi ám vào thịt da và nghĩ tới ngày bị mang ra khu đất trống. Đoàn một phát, tim gan óc phổi khạc ra cục đờm trắng đỏ trộn lẫn. Đó cũng là kiểu đánh nhau? Anh rùng mình nghĩ tới ngày đó đến độ đầu óc đông cứng.

Những ngày bị giam giữ khiến anh như người mù mịt, nhưng hai bàn tay với mười ngón thô ráp của anh dân cày thuở trước bỗng dung biến thành thứ chân của loài rít rừng như có phép lạ. Chúng dựng tới đâu da thịt dãn ra, các khớp xương dãn ra. Cả tiểu đội tù chia lưng, chia chân cho những chân rít kia bò bám. Họ rên lên với những cơn khoái cảm co giật liên hồi... Đám chân rít kia đã cứu anh và lần nữa lại đẩy anh xuống vực sâu. Đầu tiên là người lính đưa cơm, đến trung đội trưởng đến các sĩ quan chỉ huy. Anh như Thái thượng lão quân từ trời rơi xuống. Mười ngón tay của Thái thượng đã làm cho các bà cong rút người lại, đổ ập lên người anh và lần nữa đẩy anh xuống vực đen ngòm. Lại bóng tối, lại đá nhám và hơi đồng sắt. Phép lạ của những chân rít kia không đủ sức để hơi sắt bớt lạnh, để bóng tối bay đi...

Tiếng gõ cửa. Giấc mơ hồi tưởng khép lại giống như nút chai bị nhét chặt. Anh xỏ giày, mở cửa. Lọ hoa lung lay trên đôi tay thon muốt. Miệng cười với về phía anh. Đôi mắt cũng nở nụ cười rớt nghiêng lên mặt anh. Cô ta bước khẽ khàng, đặt lọ hoa lên bàn, gật đầu chào. Nụ cười khép lại sau cánh cửa khép rất nhẹ. Anh ngẩn ngơ nhìn tấm rèm màu mỡ gà, ngẩn ngơ nhìn cánh cửa liền khít với gờ tường. Bóng người thiếu phụ thướt tha vừa mới đó đã biến mất như thuở nhỏ nghe kể chuyện liêu trai. Đúng là anh đang sống trong mơ. Vẫn nụ cười bên kia cầu. Vẫn cái dáng thon thả. Và hơn hết là cánh cửa khạc ra cục đờm trắng khi người thiếu phụ đã khuất phía sau, giống như mấy mươi năm trước chiếc cầu sắt đã khạc ra. Căn phòng kín bung, chỉ có anh đang nằm trên giường và đôi giày dưới sàn.

*

Ông trưởng đoàn đẩy cửa bước vào trong khi anh vẫn nằm thông chân xuống sàn nhà.

-Nhớ rừng và mộng bò cái rồi hả

Câu hỏi giống chiếc cầu gãy. Khuôn mặt non choẹt ngó quanh. Bất giác những cọng râu kéo xệch nụ cười ngược lên khiến anh bật dậy.

-Ông đọc thuộc bản báo cáo chưa. Nhớ đừng có vấp vấp, lộn tùng phèo nhá?- Nói và ông ta khép cửa.

Mẹ cha cái lão Khang, anh phì phì trong cổ họng không thành tiếng. Việc anh làm có nước mẹ gì đâu mà rùm beng lên thế này? Những dòng chữ nhảy múa trên tờ giấy trắng. Mờ miêng đọc nó cứ sậm sứt như có chiếc lò xo móc hai môi lại với nhau. Anh quay ra oán trách ông chủ tịch nông dân xã, oán trách đám quay phim. Chớ chi không có lũ người đáng nguyên rủa kia thì giờ này anh đã gói đầu lên rễ cây trong bóng râm mát vườn rừng nhà, thở khói phi phèo, ngó những tia nắng xuyên qua cành lá rung lộn cợn chói mắt, những tia nắng gãi lên người, vuốt ve lên má mũi anh. Rồi tối đến, chờ cho đứa con say giấc, anh lại đưa tay ra xoa xoa vào trán vợ, bồng vợ trên đôi tay khỏe, bước nhẹ ra sạp tre dưới gốc cây đỏ... Ba Đọt thờ dài, hát cuộn giấy nằm lăn bên hông như người bạn bỏ quên lâu ngày, anh lim lim mắt, lơ mơ với bức tường trắng toát trước mặt.

Từ ngày cây cầu bay lên. Mười ngón tay thành chân rít rừng thì cuộc đời anh cũng thay đổi. Hai năm làm binh nhì không mất đi chất cày đồng. Tám tháng cải tạo càng thôi thúc anh quay về với chuỗi cây. Chuỗi cây không rên lên như các bà phu nhân, nhưng mặt đất thì rên lên bởi anh nhào xới liên tục, không kịp thở. Theo ruộng nhỏ vừa gặt xong lại thấy đậu lùn phún. Hết đậu đến bắp, đến lúa quay mòng mòng. Đất mỗi mẹt mà sức trai như anh thì không thể dừng. Theo đất nhỏ gục đầu lay anh. Còn anh thì chấp tay vái mấy vái và vĩnh biệt những hòn đất trắng hếu, vĩnh biệt ông trưởng thôn tháng nào cũng gọi anh lên trình diện hỏi anh đã cộng tác với CIA sao không khai báo, đốt nhà dân bao nhiêu bạn, hãm hiếp bao nhiêu phụ nữ, trẻ em... Lần đầu anh són đái cả quần. Những bạn sau cũng bao nhiêu câu hỏi đó anh chột hiệu ông ta chỉ kiếm cơm nhờ anh đôn bụi tre, cuốc rỗng đất, kéo nước tưới vườn cây không mất tiền công. Anh vái và nhổ nước bọt, xách rựa đi qua hết ngọn núi này đến quả đồi khác. Con Mực lóc thốc chạy theo, lưỡi thè dài như cái nhún vai lắc đầu của người thân trước một thằng người điên. Chiếc rựa rên lên dưới mười ngón tay thằng điên. Ngọn đồi cũng rên lên. Anh lại nhào xới, lật tung từng tảng đất nâu. Mặt đất nâu rung rung như cái giật nẩy thịt da cô gái, sau này là vợ kẻ bị những chân rít chạm phải. Ba Đọt cuồng lên. Đất sôi ùng ục... Cánh rừng lúp xúp bị anh vạt trắng đến cả thú ăn đêm, cóc nhái sâu bọ cũng đâm oán. Sau đó quả đồi mệnh mông phủ kín cơn cuồng bằng những cây đậu cây bắp nằm khẹp bên tán keo, xoài mít... Con khát đất và khát cây chẳng mấy chốc hóc xó mịt mù xa cũng có những cặp mắt ngó tới. Con Mực thoi thè chiếc lưỡi dài có đốm đen mà sủa vang động cả cánh rừng khiến đàn chim hoảng sợ bay lên, la quang quác. Những bàn chân vạch lá tìm lối đi. Lối đi bằng sợi chỉ nhỏ lâu thết thành lối mòn rộng. Đám nậu nguồn xuất hiện. Có già có trẻ. Có nam có nữ. Họ đổ xuống nền đất những gạo mắm muối. Họ cũng đi những trái mít trái xoài và đàn gà sinh sôi nhanh như đám mối bìa rừng. Lối mòn lớn dần khiến lòng anh trống hoang hoác, khiến anh nhớ không người chiếc mông tròn ngún nguây và mùi chua nồng từ nách vợ đã vĩnh viễn bay lên trời cao. Đó là ngày mà tất cả mọi người đều hoảng loạn, kéo nhau chạy, bỏ cả nhà cửa ruộng vườn mà chạy. Những dây người đu bám trên xe. Đoàn người gồng gánh trèo đèo lội suối mà chạy. Phán xạ dây chuyền kéo vợ anh lao theo bầy người lúc nhúc đó. Mấy chục người bầu trên chiếc sông nan vượt ra cửa biển. Vợ anh lao lên. Cửa biển như miệng con mãng xà há rộng mồm và nuốt chửng mọi người. Vợ anh trôi đầu đó trên chiếc lưỡi dài đỏ hoét màu máu, chìm lút trong bụng con mãng xà. Ngày ra trại, anh chèo chiếc sông nhỏ căng mắt tìm kiếm dưới đáy sông, nhưng dân phường chài nói: Họ chìm ngấm và bay đi rồi. Chắc vợ anh cũng đưa tay ra bầu vào chiếc cầu sắt để bay lên, anh nghĩ vậy và thoi không bơi sông tìm kiếm nữa. Nhưng sau đó thì đụn lên thành nỗi hoài nhớ khắc khoải đêm ngày trong anh. Con cuồng khát đất, khát cây giờ thành thứ cuồng khát hơi hám phụ nữ. Nhưng trong đám người vạch lối thành lối mòn không có ai có chiếc mông tròn như vợ anh, không ai có hàm răng trắng và nụ cười tươi như cô hàng nước bên kia con rạch nhỏ! Con Mực bây giờ đã già lắm rồi, tiếng sủa không còn trong như tiếng lục lạc

đeo cổ bò khua rồn rảng. Những âm thanh xa gần, lúc đầy vun cao thành ngọn, lúc lung như khạp gạo nhô đáy vòng lên trống trơn khiến anh vừa hân hoan chờ đón vừa cảm thấy đau xé bóp thắt ruột gan. Bốn bề núi non với con sông nhỏ vắt qua, với tiếng côn trùng muôn thú về đêm, tiếng chim muông ban ngày như những chiếc chia ba nhọn hoắc xuyên qua ngực. Anh chói với. Ba Đọt đã quên mất cả họ chói với. Con chó già ngược mắt nhìn anh, nhìn lối mòn toang hoác kia lồm những vết lằn!

Đôi mắt đục mờ của con Mực không lâu sau đó khép lại. Vĩnh viễn khép lại. Ba Đọt hoá thành người cô độc giữa cánh rừng mênh mông. Còn vết lằn thì sâu thêm, rộng thêm ra như một thứ định mệnh được báo trước.

Đó là một buổi sáng tháng Mười. Đang ngồi trên ngạch cửa vót những sợi mây mảnh, anh bỗng nghe tiếng bước chân khê khằng đặt trên nền đất trước căn chòi lệch về một phía. Chiếc rựa trên tay anh rụng xuống. Nền đất ngay chỗ anh ngồi bỗng rung oằn khiến tay chân anh cũng rung theo. Người phụ nữ đứng trước mặt anh, chiếc gùi đề nặng trên lưng khiến ngực cô ta nhô cao, nhọn hơn, mông vòng lên như sắp thành vò đất nung. Cô gái cúi xuống đặt chiếc gùi lên hiên thêm. Một chút da trắng trên ngực lộ ra. Đôi vú phập phồng. Anh như sắp nổ tung lên trời cao như ngày nào chiếc cầu sắt bay lên.

Cô gái mở nụ cười chào anh, hỏi mua những thứ anh có và bán lại những thứ anh cần. Những gói bột ngọt, can rượu, nước mắm... nhập nhòa trước mắt lộ vùng ngực màu trắng, đôi vú nhô cao trong cái nhìn cuống cuống của anh. Mặt trời tháng Mười chìm lấp trong đám mây dày mà sao anh cảm thấy như có những tia nắng xiên qua người, nắng lướt qua đỉnh đầu. Người anh nóng rực.

Cô gái lại nở nụ cười đúng thời khắc lùm mây đen tuôn tràn những giọt nước từ trời cao, âm âm như thác đổ. Mưa dầm dề. Mưa từ sáng tới trưa không tạnh. Nước trắng xoá trên lối mòn dẫn lên đồi. Nước gảm réo ở đoạn cong vắt qua trước mặt nhà. Mái tranh oằn cong đưa mặt hứng từng mảng nước dày đổ ập xuống. Nước bắn tung toé trên sân đất. Nước níu những cành cây cong sát gốc, chôn chân hai người trong căn lều trông hoác.

Mưa tiếp tục giam hai người bên bếp lửa. Nồi cơm sôi ùng ục. Cô lật vung, cầm đũa sơ. Anh thần thờ cời mở than đỏ. Cô nhắc nồi cơm vằn lên đồng than. Anh lóng ngóng bung xoong cá suối kho cả tuần đặt lên ba ông táo ám đen. Cô vói tay cho thêm củi. Tiếng nổ lách tách. Lửa đỏ đít nồi. Trái tim anh dường như cũng bắt đầu đỏ lên. Anh cảm thấy mùi da thịt đàn bà đang bay tới, từ từ, rất gần.

Mưa không dứt. Trời tối dần. Lại vào bếp. Trái tim anh sắp nổ ra, còn cô thì điềm nhiên đứng dựa phen cáo nhìn mưa, nhìn con sông nhỏ dưới chân đồi nước ngập mênh mông, thì thào:

“Không xong rồi.

“Không xong rồi – Anh thần thờ lặt lại, vô thức.

Nước đun lên, cao vòng, lấp lửng chân dốc. Ngọn đèn chao qua lại mấy bận rồi tắt ngấm. Ba Đọt trở vô mò tìm hộp quẹt. Bàn tay mát rượi níu lại: Không cần. Tiếng nói thoát ra như hơi thở nhẹ khiến anh sững sờ, bối rối. Bàn tay anh áp lên. Giờ đèn lướt anh run bắn, chứ không phải theo ruộng nhỏ, quả đồi đã từng run bần bật dưới bàn tay anh. Căn chòi nhỏ rên từng cơn trong đêm mưa. Những vạt tre mò o cũng rên lên. Tiếng rên của đất trời, của căn chòi và vạt tre mọc hai người lại với nhau thành vạt thành chồng. Thật bất ngờ và đơn giản.

Ba Đọt vừa mới đọc hết hai chữ “kính thưa”, lưỡi bắt đầu líu lại, mắt hoa lên, mồ hôi nhỏ giọt như khởi đầu của những hạt mưa đông đầu hè. Anh nhắm mắt, lắc lắc đầu, định thần

lại: mẹ cha, mình không ngán chiếc cầu bay lên, không ngán óc phọt ra, không ngán tiếng “đoành” chờ đợi suốt mây tháng trời... sao lại sợ những dòng chữ cứ nhảy múa như lũ người điên nhảy chơi chơi trên sân khấu, miệng gào rống thế kia? Anh nhắm mắt, lắc đầu lần nữa, như thể cái lắc đầu của con cọp sau giấc ngủ và ném phách cuộn giấy trên mặt bực gỗ, bụng bảo dạ “không xong rồi”. Chợt anh nhớ đến vợ, nhớ bộ ngực trắng, hai núm vú đỏ và nhỏ như quả cau chín; nhớ chiếc mông tròn. Ba Đọt e hèm:

-Kính thưa... tôi là Ba Đọt, Trần Đọt, quê quán... giờ ở xứ mà dân trong vùng kêu học Bà Tó ... – Ba Đọt miên man kể lể tông tích, kể lể công việc làm từ tấm bé cho đến tận bây giờ, “...những rừng cây, đàn bò dê, gà vịt, ao cá... hàng năm kiếm khá bộn tiền. Được vậy là nhờ vợ tôi. Má thằng cu Lít có cái đầu, nghĩ ra nhiều chuyện lạ. Còn tôi có tay chân mạnh như ông Âm (1), không chịu nghỉ yên. Nghỉ một chút lại thấy ngứa ngáy, cái đầu vợ sai cái tay, cái tay bắt cái chân chồng phải bước tới. Ngồi yên một chỗ không chịu thẩu, giờ thành ra vậy. Với lại hồi đó mà ông trưởng thôn không hành khổ thì giờ này chưa chắc tôi ở cái học xá kia. Có tiền rồi, đỡ cực. Định bụng xây cái nhà, mua ti vi, kéo điện lên. Nhưng dòm lại thấy nhà hàng xóm tưng thiếu kêu vợ cho bà con mượn, bày cho cách làm như tôi đã làm. Nhiều người làm được, nhưng cũng có lắm người thất bại, tôi kêu vợ đưa tiếp, vì có làm ra tiền mới trả được nợ cho mình chứ... Mọi người kêu vợ chồng tôi nhân từ. Tôi có biết mẹ gì nhân từ. Thấy họ khổ như hồi xưa tôi khổ thì giúp, chứ nhìn họ lợi trong bùn sinh coi sao đặng... Kính thưa, dạ tôi có sao nói vậy. Tôi không muốn đi, nhưng ông Khang cứ bắt tôi phải đi, không đi thì ông dọa đuổi tôi ra khỏi hội nông dân... Thưa, tôi kể tới đây là hết. Ba Đọt xin chào...”

Tiếng vỗ tay rào rào không dứt, mỗi lúc một to, dài như đoạn đường từ nơi hội trường này về tới ngọn đồi đang ở. Anh thấy loáng thoáng những bó hoa bước lên, ấn vào tay anh. Anh choàng tay ôm hết những bó hoa trước ngực. Màu sắc sắc sỡ làm anh hoa mắt, bối rối. Lần thứ hai anh bối rối sau cái ngày mưa dầm xối xả. Ba Đọt bước xuống chỗ ngồi với những tràng vỗ tay với kéo anh về phía họ.

Suốt cả đêm, tai anh chỉ nghe tràn tiếng vỗ tay, mắt anh toàn thấy những cánh hoa rực rỡ. Những ly rượu chúc tụng nhau buổi chiều, khiến đầu óc anh quay cuồng, cả thân người như cánh hoa sao xoay tròn xuống thấp rồi lại bay ngược trở lên, chao lượn chập chờn quanh ngọn đồi cây có con sông nhỏ vắt ngang qua.

Nửa khuya, cổ họng khô rát, anh bật dậy kéo bình trà pha sẵn từ trưa hôm qua, kê vòi tu một hơi dài. Con khát hạ xuống, nhưng người thì nóng ran. Anh cởi áo quần vào phòng tắm, nước nóng phun xuống làm anh giật thót người, né qua một bên đứng nhìn vòi nước chảy rào rào. Anh lại lầm bầm trách cái lão Khang chết tiệt. Mấy trăm cọc tiêu và mẩu cà phê đang kỳ tưới. Chúng cũng đang nóng, khát khô cành lá. Ba Đọt không tài nào ngủ lại được. Anh thao thức và nhớ vườn đồi, nhớ đàn bò, nhớ con Bình, con Quạ sắp đẻ nay mai, nhớ cả chiếc mông của vợ, trái cau chín đỏ, sạp tre mò o bên gốc cây đu và những ánh sao lấp lánh trong tàn cây dòm xuống chỗ hai người... Anh miên man nhớ về chốn xa, như thể căn phòng này là nơi giam hãm anh suốt đời.

Dòng sông vắt qua như một vành cong trắng loá trong tâm trí. Cả cơn mưa và dòng sông ùn lên cao, thật cao.

(Huế, tháng 5.2008)

(1) Ông Âm: tên của một trong những lá của bộ bài chòi nam Trung bộ. Dân quê hay gọi ông Âm để chỉ cho người đàn ông thô kệch, có sức mạnh nhưng đầu óc mụ mị, khô đặc.

Chân dung tự vẽ

Ba Xanh đấm tay xuống bàn đánh rầm, trợn mắt:

-Nói rồi, nhứt định tao không gả mày về nhà đó.

Cô Mai tựa bậu cửa, khóc thút thít, không có phản ứng nào rõ rệt. Ba Xanh liếc nhìn cô con gái, vờ đưa tay lên quai áo như thể chuẩn bị rót nước ra chén, hoặc sắp lia chiếc áo trà về phía cô con gái cứng đầu, lú lẫn trong thứ tình yêu không do ông lựa chọn.

-Mày có biết nhà đó thế nào không? Thằng cha nó, Tư Nghĩa ấy, vốn là tay đặng tử, giang hồ tứ chiến. Ý có vài ba chữ Tây trong đầu không coi ai ra cái giống gì. Thằng cha đi “du học” tận Sài Gòn, nhưng té ra là học nghề hót tóc với lại nhảy đầm và làm tay sai cho địch. Về xứ mở cái mỹ viện gì đó lép nhép như đít vịt, chuyên rờ mông, rờ ngực mấy con me Mỹ và gái bán Bar, kỳ thực đây là ổ gián điệp, cung cấp tin tức để triệt hạ các cơ sở của ta. Lại còn con mẹ vợ của nó nữa, con mẹ thằng Hậu, cật có chút nhan sắc, nhông nhánh coi đám thanh niên làng lép nhép dưới đôi guốc sơn của con mẹ.

Nói một thôi dài, Ba Xanh có vẻ như khô cổ thực sự, lật bật nghiêng miệng vòi rót nước. Nước chảy lóc róc, âm thanh nghe như mấy cục sạn tự khua trong chiếc lon sắt. Ông ngửa cổ uống một hơi hết sạch, đặt chén xuống bàn. Khu chén chạm vào mặt gỗ nghe cộc một tiếng đanh khô. Ông ngó mặt con, nạt:

-Khóc gì mà khóc. Chấm dứt! Không yêu thương gì cái đồ bá xàm bá láp, cái giống mèo mà gà đồng đó. Nó cũng khuôn đúc như thằng cha và con gái mẹ nó thôi cộng với cái lý lịch đen thui! Làm ăn gì? Khổ. Khổ cả đời con a.

Cô Mai ôm mặt khóc hu hu chạy vụt ra sân, băng qua vườn cây, ra ngòi tuốt ngoài góc rào kín bùng những lùm bông bụt. Cô vờ nát chéo áo, đưa lên miệng cắn như thể cái chéo áo kia là kẻ thù ngăn cách mối tình của cô với Hậu.

Chỉ còn một mình ông ngồi lại trên chiếc đầu lảng bóng mờ hôi, trên vách cao là hình lãnh tụ bị nước dột từ mái làm nhòe một góc, nghiêm nghị nhìn xuống. Không còn ai để trút con giận khiến ông âm ức như người không hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao phó.

Ba Xanh nhớ lại thời trai trẻ, thời mà ông và Tư Nghĩa học cùng một lớp. Hết bậc tiểu học, thằng Nghĩa và con Mai thi đậu vào trường công, còn ông thì lủi thủi ra trường tư. Tư hay công thì chẳng tội nợ gì, cũng không có gì đáng nói. Điều khiến ông phát cuồng là ngày ngày, hai đứa đạp xe đạp sóng đôi tới trường, nói cười coi bộ tâm đắc. Thằng Nghĩa được tiếp cận làn da trắng bông bưởi, cặp mắt biếc và hai lúm đồng tiền, làm ông đau nhói lên những ghen tị lúc mỗi ngày thêm như những đám mây mùa đông sà xuống thấp. Không chịu nổi, ông luôn tìm cơ gây sự với thằng Nghĩa. Có lần ông chặn xe nó ngay đầu con mương nước dẫn ra đường lớn; định tát mấy cái vào mặt cho hả giận, nhưng vô phúc nó biết chút võ, mới chỉ nhào vô, định xô Nghĩa té xuống đất rồi đề lên, thụi vào mặt mũi, bẻ cốp tay chân thì nó đã né sang bên, quét ngang bàn chân nhẹ nhàng đủ làm ông té lăn cù xuống mương nước. Vậy là Ba Xanh này thua, ông thừa nhận. Nhưng thực tế ông vẫn có thể thắng keo khác. Đó là mới vào năm học Đệ Ngũ, ông kêu học không nổi nữa, “cha mẹ cưới vợ con làm ăn!”. Hương Bồn trợn tròn mắt, ngạc nhiên: “Mới chừng ấy tuổi mà vợ con. Mày định lấy ai?”. Ba Xanh gãi đầu, ấp úng: “Con cũng 17, 18 rồi”. “Ai không biết mày 17, 18? Như nhà nấu thì đã thi đit lôm, ra làm sở Lục lộ hay chí ít cũng ông giáo, làng xóm kêu thầy Ba, giáo Ba có sướng đời không? Mà mày định lấy ai?”. “Dạ, con Mai con bà Tư Bùng bán bánh bèo chỗ chòi mòng dưới gốc da đầu làng đó”. Hương Bồn giật nảy lên như có ai dí sợi dây điện vào mông đít, thảm trách “Mụ nội nó, quả báo nhãn tiền rồi. Mình đi lại với con mẹ từ hồi chồng chết trên đường đi dân công. Giờ sui gia, coi sao được?”. Ông thờ dài đánh sượt như cây gai găm vào lớp xe, hơi xì ra. Suy nghĩ một

hồi, ông lên tiếng, giọng rít lên : “Không được!”. “Sao không được?” – Ba Xanh hỏi lại. “Tao nói không được là không được”. “Nhưng phải có nguyên do chứ cha?”. Ông trợn mắt: “Thằng hõn, dám cãi cha mẹ. Mày muốn nghe chó gì? Được. Con mẹ Tư Bùng đó nhặng nhít đi lại với nhiều người, cả làng này ai không biết? Bản thân mẹ như những chiếc bánh bèo, ai muốn nhai, muốn cắn, sờ mó chi cũng được ráo. Con gái mẹ cũng giống cái nồi đó thôi, đồ trặc nết. Đẹp đi. Chớ nghĩ ngợi lung tung. Ráng học, kiếm cho được cái bằng *đít lôm* rồi tao lo cho”. Nói và ông phui đít đứng dậy, ra đầu chái vác cuốc đi thẳng ra đồng, bên hông lưng lẳng bọc thuốc rê gói trong mo cau, có sợi dây gai nối hai đầu.

Ba Xanh coi như thua thêm một keo nữa, ngày ngày cút kít trên chiếc xe đạp lên tỉnh học với nỗi buồn chất chứa, đau nhức tựa mụn nhọt đang mưng mủ. Ba Xanh suy tính làm sao để giành bằng được con Mai từ tay thằng Nghĩa: Đi lính để vác súng về bắn nó? Không dễ. Mang vòng vàng ra òn ì bà Tư cho con Mai theo mình vô Sài Gòn làm ăn? Cũng không xong. Mà vàng thì cha mẹ ông chôn cất chỗ nào, nào ai biết? Những ý nghĩ ấy cứ lớn vồn đến nỗi đầu Ba Xanh muốn nổ tung ra, chẳng thiết tha tới lớp. Cứ sáng đi chiều về, tập vở cuốn tròn nhét túi sau không thêm chữ nào và chiếc xe đạp đã mòn thêm vài dem, sợi xích khô dầu rên cọt két mà cha mẹ ông đâu có hay?

Không ai hay biết chuyện Ba Xanh bỏ học, cũng không ai hay biết ông biệt tích chốn nào, không chút tin tức.

*

Sau ngày 30.4, mẹ Mỹ, gái bán bar tự động biến mất như cột khói bay vào thinh không. Dân thường cũng không đủ can đảm bước vô thăm mỹ viện Ngọc Mai. Cuộc sống bị đảo lộn. Tất cả đều tung hê lên, lộn tung phèo, giữ được cái mạng sống là phước ba đời, nói chi chuyện làm đẹp? Cái thăm mỹ viện lừng danh một thời nay bỗng thành ngôi miếu hoang phụng thờ nhan sắc. Chủ nhân của nó bị ghép tội dùng cơ sở làm ăn này để cung cấp thông tin cho địch. Vậy là a lê hấp, nhà cửa bị tịch thu vì tội làm tay sai cho địch. Tư Nghĩa xách túi đi cải tạo, Cô Mai ngậm ngùi dặt con về nhà ngoại.

Về nông thôn, tưởng đâu có thể tạm rau cà với mẹ, yên ổn qua ngày. Khổ nỗi, cô có học, có chút nhan sắc, nên *trên* cho người xuống vận động cô tham gia vào hội phụ nữ xã. Anh cán bộ trẻ nhìn xoắn vào người cô như muốn lột truồng ra, vừa nói: “Đất nước ta đã sạch bóng quân thù. Nhiệm vụ của chúng ta là góp công sức vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng chí không thể đứng ngoài, phải xốc tới, phải nhào vô để làm cho nước ta giàu hơn thằng Mỹ, mạnh hơn thằng Mỹ...”. Cô nghe một bên tai, ừ hử tưởng cho qua chuyện, không ngờ mấy ngày sau ông giao liên già, khật khưỡng bước vô sân. Con chó thấy kẻ lạ chồm lên sủa, găm gừ xua đuôi. Ông giao liên sẵn chiếc loa cuốn bằng tấm tôn xáng vào đầu con chó. Nó quay tít một vòng vãi ra cứt đá trên khoảng sân gạch. Cái màu lem nhem, khảm khảm đó giống màu nước sơn lâu ngày bị anh họa sĩ không nẩy ra đề tài mới, tức mình nhúng cọ rầy bừa xuống sân nhà. “Mẹ cút! Đón tiếp đồng chí đồng bào kiêu gi như kẻ thù!” Ông kẹp ống loa vào nách, thò tay vào túi áo lôi tờ giấy bèo nhèo ra kêu lớn: “Cô Mai ơi, cô Mai! Có giấy triệu tập”. Bà Tư lạch bạch từ nhà bếp ló ra: “Ai đó? Có chuyện chi vậy?”. “Chào đồng chí chị Tư, cô Mai có giấy *trên* gửi”. Nói và ông nhét tấm giấy vào tay bà Tư nheo mắt cười cười, quay lui, bước thẳng ra ngõ. Ông loa tôn kẹp nách quất qua lại theo nhịp bước của ông già đã ba đời làm chức mõ làng!

Tan buổi chợ, Mai quảy gánh về đã thấy mẹ ngồi trước hiên nhà, xoay ngang xoay dọc tờ giấy trong tay. Cô đặt đôi quang gánh xuống đất, chạy lại hỏi: “Giấy gì thế, mẹ?”. “Tao chẳng biết, Bảy Lợn vừa đưa lúc nãy”. Mai cầm tờ giấy trên tay mẹ, vuốt thẳng, lẩm nhẩm đọc

rồi nhét vào túi áo bà ba. Bà Tư chồm tới: “Có chuyện chẳng lành?”. Mai lắc đầu: “Lành dữ chưa rõ, nhưng chắc là mệt, phiền”. “Chuyện gì thì nói phức ra. Lại bắt đi cải tạo như chồng mày chứ gì?”. “Không”. “Chuyện gì?”. “*Trên* cứ con vào Hội Phụ nữ lâm thời xã”. “Dà...áo”, bà Tư thở hắt ra quay quã bỏ ra nhà sau.

Hai lệnh, rồi ba lệnh triệu tập nhưng Mai chùng chình, không muốn tham gia. Nội chuyện lo cho ba miệng ăn trong thời buổi khốn khó này còn chưa xong, chuyện phải tích góp chút đỉnh để thăm nuôi chồng định kỳ đến tối tắm mặt mũi, còn ham hồ chi hội với hè. Nghĩ vậy và buồn, Mai nằm khoèo ở nhà, không nhón chân thay mẹ gánh cà, mướp ra chợ như những ngày trước...

Đêm xuống nhập nhoạng. Tiếng chó sủa ngoài ngõ. Ba bóng đen lù lù bước vô sân. Chó sủa rộ. Mai vịn cao bắc đèn, bung đưa ngang mặt. “Chào đồng chí phụ nữ”, tiếng nói vang ngoài sân khàn đục, cổ rướn lên như để chứng tỏ sức mạnh quyền uy một cách lạnh lẽo.

Cả ba bước lên thêm. Mai mời họ ngồi và vịn ngọn vừa đủ sáng để muối khói không tỏa ra mùi hôi nồng nặc. Lúc ngẩng mặt lên, Mai suýt kêu thành tiếng, không rõ cảm giác mừng vui hay sợ hãi. Người đàn ông ngồi trước mặt rõ ràng là Xanh. Ba Xanh, bạn học một thời. Anh ta biến mất hồi đầu năm học Đệ Ngũ nay bỗng lù lù ngồi trước mặt, ngay trong nhà mình, mặc bộ Tôn Trung Sơn màu cứt ngựa, nón cối kéo sụp, chiếc sắc cốt lòng thông bên hông, ngang thắt lưng nổi cộm lên vật cứng mà cô đoán là cây súng ngắn. Anh ta đến nhà trong tư thế này, hẳn không thể là sự biểu lộ tình bạn, mà chính xác là một cán bộ cách mạng đến hỏi tội trị tội của mình đây. Mai rót nước ra ly, mời họ và kéo ghế, khẽ khàng ngồi xuống, chờ đợi. Người đàn ông mà Mai nhận ra là Xanh ngó nghiêng khắp lượt, mới chịu hắng giọng: “Mạnh giỏi cô Mai, còn nhớ tôi không?”. “Dạ cũng thường. Lâu quá mới gặp lại anh, không ngờ...”. “Nghe nói anh nhà đang cải tạo?”. “Dạ”. Ba Xanh ngó chăm chăm vào bộ ngực phập phồng của Mai dưới làn vải phin trắng, hạ thấp giọng: “Cải tạo là tốt. Có vậy thì mới thấy hết tội lỗi của mình. Được cách mạng giáo dục thì mau tiến bộ, rồi đứng về phía nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng chỉ chừng ấy thôi vẫn chưa đủ. Cả người thân cũng phải tích cực tham gia thì anh nhà mới mau trở về, trở về như một chiến sĩ cách mạng chân chính”. Mai dạ một tiếng nhỏ, không chắc lọt vào tai Ba Xanh. Nhưng có lọt hay không, không thành vấn đề. Vẫn giọng đều đều ấy, Ba Xanh nói như rừ rì, rừ rì như chỉ có hai người với nhau: “Cô Mai à, tôi rất cảm thông hoàn cảnh của mẹ con cô. Tôi chỉ muốn giúp vợ chồng cô sớm đoàn tụ. Anh nhà có được về sớm hay không là tùy thuộc vào cô. Rồi lý lịch con cô nữa, tội nghiệp nó”. Mai nhỏ nhẹ: “Dạ, về sớm hay muộn là do anh có giác ngộ, học tập lao động tốt hay không chứ sao lại tôi?”. “Cô không biết đấy thôi, mọi sự vật đều có liên quan một cách hữu cơ, biện chứng. Cái này tác động vào cái kia, đẩy cái kia theo vòng tròn ốc tiến lên, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội!”. “Dạ, cái tròn ốc tiến lên, phận tôi đàn bà không hiểu thấu, nhưng chắc chắn được cách mạng giáo dục, thế nào anh Nghĩa cũng tiến lên cái chủ nghĩa gì đó như anh vừa nói thôi, tôi tin vậy”. “Đúng là cô không hiểu nổi – rồi ông khục khặc trong cổ như đang có cục đờm to tướng bám cứng lấy thanh quản – nghĩa là cô phải hồ hởi, phấn khởi tham gia công tác đoàn thể để thay chồng lập công chuộc tội!”. “Tôi làm được gì trong những hội đoàn đó?” – Mai dè dặt. “Cô không phải lo lắng. Đảng sẽ mở các lớp tập huấn chính trị, cô theo học, nắm rõ mục đích, ý nghĩa, nâng cao lập trường quan điểm thì đá tảng cũng biến thành ruộng cày mà”. Ba Xanh nói chừng đó, háy mắt với hai du kích vai đeo súng rồi đứng dậy. Trước khi bước xuống bậc cấp, Ba Xanh còn với một câu: “Tất cả đều phụ thuộc vào một mình cô đó”. Mai lịch sự đứng dậy tiễn họ ra sân. Ba Xanh cố ý đi chậm. Khi hai du kích ra tới trường tối, Ba Xanh thấp giọng: “Chẳng gì tội mình cũng một thời bên nhau lúc còn nhỏ. Có nhiều kỷ niệm không thể

nào quên. Tỉ dụ hồi đi cổ động hũ gạo nuôi quân, tụi mình mặc độc có mỗi chiếc quần, lấm chằm chạy theo đoàn. Tôi nhớ Mai đưa củ khoai lang lùi tro, vừa cho vào miệng nhai, vừa há miệng hô theo khiến sắc muốn chết”. Mai không nhớ chuyện củ khoai lang lùi, người bạn cũ vừa nhắc. Nhưng cô nhớ mùa đóng nước tu bổ nông giang, cả đám xách gàu đi tát cá, bùn đất lấm lem như trâu ngoi. Cô buột miệng: “Hồi đó cũng vui, nhiều chuyện buồn cười quá”. Ba Xanh phụ họa: “Vui, vui đậm. Giá mình còn giữ được mãi mãi... bên nhau. Thôi cô cố gắng lên”. Ba Xanh nói giọng phấn khích rồi bước nhanh theo hai người du kích.

*

Họp hành, hội nghị liên tịch, học tập nghị quyết... liên miên từ ngày này sang ngày khác khiến Mai không còn đủ thời gian giúp mẹ chăm sóc mảnh vườn. Những cây cà, dây bí xơ xác, vàng chân như người bị bệnh phù thũng. Đầu óc Mai căng cứng, mệt phờ phạc, nhưng cũng cố tranh thủ ra giếng kéo cần vọt xách từng gàu nước đổ vào các hốc cây như bón nước sâm cho người ốm. Xong việc, lua vôi chén com nguội ngắt rồi lăn ra ngủ, không còn sức để mắt tới chuyện học hành của Hậu.

Bà Tư ái ngại nhìn dáng người hốc hác của con gái, thốt lên: “Hay con xin nghỉ quách cho khỏe, tội nợ gì. Không chó thì mèo, không mèo thì chó, mất ai”. Mai ngược nhìn mẹ, lòng xốn xang: “Đâu được mẹ. Như vậy tổ chức kêu là đầu hàng, là phá hoại, là chạy theo địch... khổ lắm mẹ ơi”. “Xi, làm như mày cầm súng bắn lại người ta không bằng”. “Chuyện đó cũng y như bắn vậy”. Bà Tư bĩu môi: “Tổ chức cái con mẹ gì lạ kỳ vậy, có tổ...”, bà kịp dừng lại.

Mai chán ngán, loay hoay tìm lối ra. Nhưng càng vùng vẫy thì càng bị thít chặt hơn. Tối nay lại có cuộc họp liên tịch gì nữa đây. Họp mãi, làm mãi nhưng nào có thấy “mỗi người dân trong bữa ăn có ly bia, có thịt... mỗi nhà có tv tủ lạnh” như từng học tập nghị quyết đâu? Chỉ thấy trong nồi com, càng ngày sắn mì chiếm hơn chín phần. Mấy hột gạo khép nép như những cánh hoa héo núp dưới tán lá rậm rịt! Hết khoai lang hầm tới bo bo cứng như nhai sỏi. Đã có một vài cán bộ rụt rè đề đạt ý kiến thắc mắc của dân thì được *trên* giải thích: “Làm cách mạng phải biết hy sinh. Đó là con đường ngắn nhất để tiến lên chủ nghĩa xã hội vững chắc”. Ngồi bên dưới, Mai cảm thấy chột dạ.

Mai tới sớm. Ngang qua hội trường trống trơn, cô quay lại vừa đụng mặt Ba Xanh. Ông cười hề hề đưa bàn tay thô nhám ra nắm lấy tay Mai lắc lắc và giữ lại thật lâu. Mai rùng mình. “Cách mạng nhìn người không lấm. Cô đúng là phần tử nhiệt tình, tiến bộ thấy rõ”. Mai chưa kịp định thần xem coi mình tiến bộ chỗ nào thì Ba Xanh hớn hờ nói: “Vô đây, vô đây uống miếng nước cái đã”, và không đợi Mai có ưng hay không, lôi tuột cô vào phòng: “Ngồi xuống, cô ngồi xuống đây”, nói và ông tự kéo ghế ra như một người lịch lãm. “Anh nhà yên ổn cả chứ?”. Mai lúng túng: “Dạ, cảm ơn, cũng thường”. “Ảnh sẽ về thôi, không lâu nữa đâu” – Ba Xanh hạ thấp giọng. “Dạ”. Mai trả lời và cảm thấy có điều bất thường sắp xảy ra. Người cô nhột nhạt, cứng đờ. Im lặng một lúc khá lâu ba Xanh mới lên tiếng, lần này thì ngập ngừng, ấp úng: “Tôi... Cô có biết... Tôi thương cô chừng nào không? Vậy mà cô nở lòng...”. Ba Xanh nói nhiều, rất nhiều nhưng Mai không nghe được gì. Tai cô ù lên, mắt hoa. Trước mặt là một khoảng không trắng lộp lộp rồi biến thành mảng đen dập dềnh. Đầu óc ong ong quay cuồng. Cô nhắm mắt lại, hít thở thật sâu cũng vừa đúng lúc Ba Xanh đứng lên, ôm choàng lấy Mai. “Cô đừng hy vọng thằng Nghĩa trở về. Tội gián điệp của nó chỉ tù rục xương. Cô hãy lấy tôi. Tôi yêu cô như cuồng như dại từ khi còn đi học. Tôi bỏ đi cũng chỉ vì cô. Tôi đặt tên con là Mai chỉ vì tôi không thể nào quên cô. Em là cả cuộc đời của tôi. Xin em đừng phụ tôi”. Liền theo đó là những cọng râu đâm xuống má như cả một đê gai bàn chải ấn mạnh vào. Mai có cảm giác như ngực mình cũng đang nhàu nát tựa trái cam bị bóp dập nhều nước. Cô vùng dậy với tất cả

sức mạnh còn lại, phóng ra khỏi phòng, chỉ kịp nghe tiếng ghé đầu ngã lăn, kêu khô khốc dưới sàn. Đầu tóc xổ tung, cúc áo bung ra trông như một con mụ điên.

Ra tới đầu hồi hội trường, Mai ngồi bệt xuống đất, gục đầu lên hai cánh tay vòng qua hai đầu gối. Nước mắt chảy ròng ròng như thể trình tiết của cô bị xé toạt, máu dầm dề giữa hai đùi.

Một vài cán bộ đi về phía hội trường. Chiếc đèn bão treo lủng lẳng trên cây xà không đủ sáng để nhận rõ mặt người. Ngoài xa Bảy Lợm xách chiếc măng xông đung đưa qua lại, vừa rên ư ử câu bài chòi nghe như người nuốt củ khoai lang bị nghẹn. Mai chùi mắt, vắn lại tóc, cài khuy rồi đứng lên. Lúc Bảy Lợm trông thấy Mai từ xa, ông đổi sang giọng xuân nữ: “*Ói em ơi, sao em nữ phụ tình phụ nghĩa, sao em ham tiền ham bạc, đi lấy người ta mà bỏ anh rày... ày... ày...*”. Bảy Lợm dừng lại trước mặt Mai: “*Uở, đồng chí phụ nữ tích cực đi sớm quá hén?*”. Mai không trả lời, bước vào ngồi sau băng ghế cuối cùng.

Cuộc họp toàn cán bộ, đoàn thể xã, có đại diện lãnh đạo huyện tỉnh về dự, mục đích là phổ biến chủ trương vận động nhân dân đóng góp tư liệu sản xuất, tình nguyện vào hợp tác xã. Buổi họp kéo dài tới khuya. Đầu óc Mai đông cứng, không nghe, nhớ được điều gì...

*

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được phát động rầm rộ. Trước hết các trường học tập trung tất cả học sinh đi cổ động. Chiếc trống trường như bụng con voi được hai em nhỏ khiêng đi sau lá cờ đỏ, rảng sức nện từng từng. Hai hàng học sinh nối tiếp nhau ròng rã, trên tay cầm lá cờ tự chế, gắn vào que tre bay lơ phơ vì mảnh giấy quá nhỏ và thiếu gió, giả hoặc cầm lâu quá, mỏi. Bụi tung mù mịt.

Ngồi trong nhà, bà Tư Búng nhìn ra chỉ thấy màn bụi dày ôm choàng lấy các em học sinh lếch thếch tách ra từng đoạn, vì đường xa, nắng nóng và nước miếng dẻo quanh trong cổ họng. Bà chỉ nghe những âm thanh lục đục, rệu rạo từ những chiếc miệng há to như miệng con chim con đôi môi: tiến lên... tiến lên... tiến lên...phấn khởi...phấn khởi... phấn khởi... vững chắc... vững chắc... vững chắc... Những âm thanh đập dềnh trôi nổi bị sức nóng và sự mỏi mệt chặn lại có lúc bà nghe như tiếng gào của bầy người hợp sức than khóc ai đó vừa chết một cách tức tưởi. Bà bỗng nhớ lại những năm Việt Minh nổi lên cướp chính quyền, lập tức các đoàn thể tổ chức đi cổ động chào mừng cách mạng thành công. Cờ xí rợp trời. Hoan hô đã đảo khắp cả cổ. Vui. Vui như ngày tết, bởi thực dân, tay sai lăn quay ra rồi. Vui là phải, đèn đuốc sáng trưng, hò hét thâu đêm. Không ngờ những cây đuốc hùng hực khí thế kia lại mang đến tai họa cho cả làng: Máy bay địch phát hiện, ném xuống hàng loạt bom xăng. Đám người bỏ chạy nháo nhào. Nhiều phụ nữ ngã lăn quay kêu la thất thần. Bà Tư Búng cũng ngã, nhưng cú ngã không bình thường. Bà ngã nhào xuống như nhiều người đã ngã. Bà vừa bò, nước đá, cứt tự động chui ra lầy nhầy, sền sệt trong đũng quần. Nhưng bà chỉ có cảm giác mát đít chứ không ngửi thấy mùi thúi thông thường. Nhớ lại, mắc cỡ lạ lùng, như thể bà đang vãi ra ngay lúc này.

Đoàn học sinh cổ động qua đi, để lại một màn bụi dày đặc, lủng lơ trên những tàu lá chuối trong vườn.

Sau đợt cổ động, Mai tham gia vào đoàn công tác, vận động bà con nông dân tình nguyện làm đơn vào hợp tác. Dựa vào tài liệu *trên* đưa xuống, Mai cố gắng giải thích. Nông dân nghe xong nhăn mặt càu nhàu, đốp chát lại cô cán bộ chỉ còn da bọc xương, mắt sâu hoắm. Nhiều câu hỏi họ đặt ra Mai không thể nào giải đáp nổi, mà nếu có trình lại *trên*, chắc *trên* cũng không tìm ra lời giải xuôi tai. Địa bàn cô phụ trách chỉ có 98 hộ dân, nhưng trầy trật mãi cũng mới được 13 hộ làm đơn tình nguyện, số còn lại hoặc ngó mặt nhau, hoặc chống đối ra mặt. Cô khổ tâm vô cùng. Đôi lúc Mai muốn bỏ trốn. Nhưng trốn đâu? Mẹ còn đó. Con còn đó.

Anh Nghĩa còn đó. Thế nào họ sẽ không ghép tội? Nghĩ tới nghĩ lui không lối ra, Mai nhét tập tài liệu và đơn tình nguyện in sẵn, nhủ lòng: mặc kệ, tới đâu thì tới, rồi đạp xe lên Ban chỉ đạo.

Thoáng thấy Mai, Ba Xanh (nay kiêm nhiệm chức trưởng ban chỉ đạo) hớn hờ chìa tay ra từ xa. Hai tay vẫn ôm khư khư cặp tài liệu, Mai nói ngay để ngăn chặn chuyện đẩy đưa của Xanh: “Báo cáo lãnh đạo, địa bàn tôi phụ trách không xong, dân thắc mắc này nọ, tôi không thể giải quyết nổi”. “Cô nói thế là thế nào? Cô phải đã thông tư tưởng, quán triệt nghị quyết *trên* đưa ra chứ?”. Mai rời một tay khỏi chiếc cặp da, vén lại cụm tóc lòa xòa trước mắt: “Tôi đã làm đúng các bước hội nghị đã đề ra, nhưng có lẽ, tôi không đủ sức làm việc này do năng lực kém, xin lãnh đạo bố trí người khác thay thế, chuyển tôi qua chỗ nào cũng được. Tôi sẽ hết lòng”. Ba Xanh hơi sững người một chút, vì kế hoạch sắp tới của ông sắp vỡ. Ông định bụng hôm nào thuận tiện sẽ xuống địa bàn Mai để kiểm tra đột xuất, rồi sau đó... thừa cơ ứng biến, nhắc lại chuyện ngày xưa. Giờ thì vỡ thật, hết hy vọng.

Không thấy Ba Xanh nói gì, Mai nhỏ nhẹ: “Báo cáo lãnh đạo, ngày mai tới kỳ thăm nuôi, tôi muốn xin phép lãnh đạo cho tôi vắng mặt 4 ngày cả đi và về. Mấy tháng nay công tác lu bu, đã trễ mấy chuyến rồi. Không biết tình trạng ảnh ra sao, xin lãnh đạo rộng lượng với người bạn cũ”. Nghe nhắc “bạn cũ”, máu bốc lên mặt, ùn ùn như khói nhà cháy, nhưng ông kịp ghì xuống, nghĩ bụng vẫn còn cơ hội: “Cô khéo lo, Ban quản giáo đã nghĩ đâu ra đó, có bỏ đói ai đâu?”. “Dạ, đành vậy, nhưng trên núi rừng, có thể ảnh bị bệnh này nọ...”. Ba Xanh cắt lời: “Cô nói sao, bộ chúng tôi ở trên rừng năm này qua tháng khác, trường kỳ kháng chiến đều lăn ra chết hết? Cách mạng vẫn giành thắng lợi đó thôi”.

Biết không thể đòi co lại Xanh, Mai cúi chào vào nộp biên bản, báo cáo cho bộ phận tổng hợp. Ba Xanh nhìn theo vừa ngậm ngùi, vừa tức giận.

*

Sau chiến dịch vận động, Mai bị kiểm điểm phê bình gắt gao vì thiếu trách nhiệm, có tư tưởng lệch lạc, không nhiệt tình cách mạng... và ngồi nhà chờ lệnh mới. Mai đón nhận với vẻ mặt hớn hờ. Hóa ra bị gán cho mấy cái tội kia trong công việc lại hóa hay, không mắc lòng bà con chòm xóm, khỏi phải lặn lội con cày con kê với dân trong khi họ muốn đuổi xéo mình đi ngay lập tức. Mai có tham gia hay không thì cái hợp tác hóa kia không thể không thành hình và đi vào hoạt động một cách trơn tru như cỗ máy vừa lắp ráp, nhật chỗ này con ốc, chỗ kia cây lúp, chỗ nọ cái bugi, pít tông... nói lại, châm dầu, giặt máy cho xịt khói và chạy...

Buổi ra quân đầu tiên, cờ xí đỏ trời. Trồng thúc liên tu bất tận, inh ỏi từ làng trên xuống tận xóm dưới. Tổ cây thì tay cầm roi xua đàn bò tiến tới, vai vác những chiếc cây nặng trĩch trên vai, hàng lối ngay ngắn, thẳng tiến ra cánh đồng cày mẫu. Tổ thủy nông, cuốc trên vai cũng hàng lối thẳng tắp tiến về phía các con mương tiêu. Tổ cụ lão ngồi quanh sân đình sửa lại bò cào, tra cán cho những chiếc trang đất, đóng lại răng bừa... Khí thế hùng hực, sôi nổi bởi tổ nào cũng kèm theo anh hay chị cán bộ thông tin hết đọc các văn bản hợp tác hóa lại quay ra ca hát các bài quân hành qua ống loa cuốn lại bằng tôn. Hết hát lại sang đọc. Đọc như cuồng.

Sau ngày ra quân rầm rộ, tiếp đến là chuẩn bị xuống đồng. Lệnh truyền xuống: là các hộ chăn dắt trâu bò tập thể phải cho ăn uống đầy đủ để hoàn thành tiến độ cày bừa vượt mức kế hoạch, gieo sạ kịp thời vụ. Các tổ đều phải ra sức thi đua lập công. Nơi nào cũng một không khí rộn ràng.

Nhưng đúng một tuần trước khi xuống đồng, ban Chủ nhiệm hợp tác nhận hết hung tin này tới hung tin khác: Bò cày tự dưng chướng bụng lên ngã lăn quay. Hiện tượng gây chân phổ biến hơn. Hơn hai trăm đôi trâu bò cày có đến một phần ba lâm vào tình trạng xấu. Ban chủ nhiệm và lãnh đạo xã họp ngày họp đêm, trong khi các hộ chăn dắt lo thanh toán những con bò

què, sinh bụng vì hết phương cứu chữa. Trong khi cán bộ họp bàn phương án đối phó, cả làng gát lại chuyện cày bừa hợp tác, hào hứng tham gia mổ xẻ, chia thịt. Khói bếp vuron cao, mùi thịt nướng, thịt xào... thơm lừng bay theo. Rượu đế tăng giá vùn vụt. Cả làng ăn uống vui say cả đêm lẫn ngày, cứ như ngày tết! Có rượu tất có hát hò. Đờn cò, đờn dây lôi ra đệm theo những câu hô bài chòi nhõ giọng vì đầy men. Có anh cao hứng xắn tay áo diễn tuồng cổ, ca cải lương. Bảy Lợm vốn người ba lon, ham vui, liệng ống loa ngoài góc rào xán lại đám đờn ca: “Đề Bảy này diễn lại đoạn tuồng Mạnh Lệ Quân cho mấy người nghe”. Bảy Lợm xắn tay áo, guộn lưng quần, xuống tấn, ra điệu bộ lúc thua trận, cất giọng ồ ồ: “*Ôi đại bại nhất thời đại bại. Ta bại lần này... ờ...ờ...ờ... bày tiếp trận sau...ờ...ờ...*”. Tiếng vỗ tay rào rào nổi lên, chỉ còn thiếu những chiếc thẻ ném ra và tiếng trống châu nữa thì đã thành gánh hát bộ rong!

Tội nghiệp Bảy Lợm, học hành lèm nhèm vài ba chữ đủ đọc lá thư chữ đầu biết mình mắc tội. Mà tội gì mới được chữ? Rõ ràng câu ca tối hôm qua ông hát lên có sẵn trong tuồng tích chớ nào do ông tự bày ra. Vậy mà chú công an xã găm ghè: “Nhất thời đại bại. Ai đại bại? Mà sao lại nhất thời? Kẻ nào bày cho ông đi tuyên truyền, phá hoại công cuộc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp?”. Bảy Lợm cãi lại: “Ai bày biểu. Chú về hỏi lại ông già chú đó. Mấy năm trước ông theo tui lên Quảng Hoà coi đám hát hiến. Kép nó hát rõ ràng vậy mà. Cha chú cũng thuộc nằm lòng, không tin chú về hỏi ông coi. Tôi có đặt ra đâu?”. “Không ai bày biểu thì ông cứ ngồi nhớ lại rồi viết kiểm điểm”. Bảy Lợm gát ống loa lên bàn, lòng căm hận muốn nhổ toẹt bãi nước miếng vào mặt thẳng nhóc chỉ đáng tuổi con cháu. “Đồ dóc phách”, Bảy Lợm găm lên trong cổ, nhưng cũng ngồi vào bàn, cặm cụi đúng một buổi sáng, nắn nót được nửa trang giấy mà không hiểu mình viết gì. Người nhận tờ kiểm điểm của ông hét xoay ngang lại xoay dọc, không tài nào đọc ra con chữ, chỉ vì chữ ông viết giống như giun đẻ bò, y như chữ Lào, chữ Miên. Chịu thua, thả ông về.

Ban chủ nhiệm cho ghép lại các đôi bò để điền vào những con đã chết hoặc bị giết thịt. Chúng vẫn thân nhiên đi ra đồng như mọi khi, nhưng khi mắc hai con vào quai (ách) thì con này húc con kia, quay đầu lại chọi nhau, khiến ba cây cày bị gãy chui, một xã viên cày bị thương. Đội cày lại báo cáo. Chủ nhiệm học tốc chân cao chân thấp chạy ra đồng, ra lệnh cửa hàng thương nghiệp cung cấp dây thừng, buộc chặt sừng mỗi con một bên vào tay quai, không cho động cựa. Giải pháp này xem ra hữu hiệu khi mới ấn lưỡi cày, cày chừng trăm mét. Nhưng lúc tới bờ, anh đội cày nghiêng người nhắc thá thì cả hai cứ thẳng tiến, bước đều đều lên phía trước, khiến lưỡi cày cắm chặt vào bờ đất, làm bấp cày rời khỏi mỏ. Đôi bò mang bấp cày thừng thỉnh bước tới như kéo một thanh gỗ nhỏ về làng, ông xã viên thì nắm phần chuôi cày vừa tách rời, đứng giữa ruộng la ơi ơi, rồi cắm cổ chạy về không thèm đợi kẻo xô báo hết giờ lao động.

Sinh hoạt của làng lúc này là tiếng kèng. Đều đặn ngày bốn bận kèng gióng lên báo hiệu giờ lao động hoặc nghỉ. Một ngày nông dân làm 8 tiếng, đúng theo luật quốc tế. Như vậy cũng đã tiến bộ một bước đáng kể. Nhưng cái cảnh kèng báo giờ nghỉ trưa hay hết ngày nom như những hình nhân trong đoàn kịch câm: Người đang vung cuốc, nghe kèng báo hết giờ cứ để nguyên tư thế đó rồi thu cuốc lên vai; người đang gánh đôi thùng tưới lãnh thuốc nam, nước chỉ mới tưới phân nửa thùng, nghe kèng thì đổ nhào phần còn lại ra đất, đứng đỉnh quai đôi thùng rỗng trên vai bước lên bờ. Cảnh tượng buồn cười ấy cứ lặp đi lặp lại mãi không tài nào chữa khỏi, như mắc chứng nan y.

*

Cô Mai do công tác phong trào kém, nên *trên* điều sang công việc khác. Công việc cô sắp đảm trách rất phù hợp với cô. Chẳng là cô đã từng mở cái mỹ viện gì đó trên tỉnh, chuyên

cắt, uốn, ép, sấy, nhuộm... nên cô về làm cửa hàng trưởng *Cửa hàng Hót Tóc Nhân Dân* là hợp lý. Rất hợp lý. *Trên* rất sáng suốt, ai ai cũng tán đồng.

Mai quản lý 8 ông thợ hót tóc; già xấp xỉ 60, trẻ nhất cũng 23, vốn là chủ các tiệm hót tóc trong làng. Các tư liệu sản xuất của họ như tông đơ, kéo, gương, lược, dao cạo, bàn ghế, thậm chí tấm vải choàng cũ mềm, hôi mốc đều tập trung vào Cửa Hàng Hót Tóc Nhân Dân, đặt trong ngôi miếu thờ thành hoàng được nới rộng ra. Họ đến cửa hàng theo tiếng keng. Ra về cũng phải chờ keng. Lúc không có khách cũng phải ngồi tại cửa hàng không ai được phép bỏ đi. Mai phân chia đều khách đến cắt tóc cho mỗi thợ, rồi chăm công điểm, ghi vào quyển sổ chăm công, cuối tháng báo cáo lên ban chủ nhiệm. Ngôi trong mát, nhàn nhã nhưng ngày kiếm nửa cân thóc. Sương chán. Chẳng bù với mấy anh thợ cày cặm mặt dưới nắng mưa suốt ngày này qua ngày nọ.

Rồi cũng giống như cảnh của các tổ đội khác, hễ nghe tiếng keng báo hết giờ lao động, tất cả các đồ nghề đều ném lên mặt bàn, mặc cho khách chỉ vừa mới cắt một bên mái, hay vừa cắt xong nhưng chưa kịp cạo mặt, ngoáy tai... Khách hàng la oai oái. Nhưng mặc. Đã hết giờ lao động. Luật nói vậy. Nội qui đã đề ra. Lắm khách từ cửa hàng ra về với một bên nửa đầu trắng ớn, nửa kia rậm rịt đen như núi giẻ lau xe. Khách kêu trời, than oán cách làm ăn của Mai và đám nhân viên bất nhân. Họ đòi đập nát cái cửa hàng hót tóc nhân dân kia. Họ chửi tạt vào mặt Mai và mấy người thợ là lũ ăn hại, bọn tay sai do địch cài lại, phá hoại...

Tiếng kêu thấu tai *trên*, lập tức Ba Xanh được cử xuống quan sát, nắm tình hình. Đây cũng là dịp tốt để Ba Xanh gần gũi cô Mai. Từ ngày vợ ông hy sinh, Ba Xanh luôn tơ tưởng có ngày được ôm ấp tấm thân ngà ngọc của Mai trong vòng tay. Nhưng khôn thay mơ ước cháy bỏng kia chưa chịu đến, khiến ông buồn nẫu ruột.

Lần này ông đến cửa hàng với tâm trạng buồn vui lẫn lộn, nhưng cũng cố đề xuống tận đáy, để có thể nắm bắt tình hình, kịp thời uốn nắn.

Ba Xanh lựa đúng vào thời khắc chỉ còn nửa tiếng là hết giờ lao động để vào cắt tóc, cốt xem rõ cách thức làm ăn của họ thế nào.

Mai không ngẩng lên, cũng không chào khách. Cô cặm cùi biên tờ phiếu rồi đưa cho ông già Phi Sơn đã có hơn 40 năm tuổi nghề. Ba Xanh nhìn mặt khi nhìn thấy ông già ốm nhách, mặt xanh mét không còn thần sắc lừ đừ đứng dậy. Nghi mắc bệnh lao kinh niên, Ba Xanh nghiêng đầu hỏi Mai: “Sao đồng chí không phân công các đồng chí trẻ lại để ông cụ già tội nghiệp này hót?”. Mai đáp tỉnh rụi: “Báo cáo lãnh đạo, ai cũng được phân chia đều công việc. Không ai nhiều, không ai ít, vì nếu làm vậy là bất công, là bóc lột sức lao động...”. Ba Xanh phẩy tay, ép mình ngồi xuống chiếc ghế ọp ẹp. Ông Phi Sơn háp háp cặp mắt lèm lèm, cầm tông đơ, chậm rãi đưa lên đưa xuống nửa bên trái mái tóc bắt đầu có sợi bạc của ông Xanh. Thình thoảng răng tông đơ kẹp dính sợi tóc lúc thao tác, khiến Ba Xanh đau điếng. Một lần ông còn chịu được. Đến ba bốn bận như vậy, ông nổi cáu: “Hót cái con mẹ gì như nắm tóc người ta giựt, như lột da đầu ra vậy? Đau thấy con mẹ nội!” Ông già suýt soa xin lỗi vì tông đơ chưa đến kỳ tu sửa, tổ mài dũa chưa chịu nhận. “Khỏi, hót nhanh lên”. Ba Xanh vừa liếc nhìn chiếc đồng hồ đeo trên tay vừa giục. Kim đồng hồ nhích dần, nhích dần. Nửa bên trái được cắt xong, cắt vôi vãi, còn những đường tóc đen nổi đậm, nhưng nhìn sơ, không đến nổi tệ. Chỉ còn nửa bên phải. Mai nháy mắt với anh thợ trẻ. Điều này có nghĩa là phải tranh thủ, ưu tiên cho cán bộ. Anh thợ trẻ hiểu vậy và nhanh nhẹn cầm tông đơ phụ với ông già phần tóc bên phải. Hai chiếc tông đơ đua nhau lóc chóc, lóc chóc trên mái tóc Ba Xanh như hai con ngựa gõ móng xuống mặt đường phi nước kiệu. Ba Xanh tỏ vẻ ngạc nhiên về cách cắt tóc này. Trên đời này đâu có kiểu hai thợ xúm nhau trên một đầu tóc khách hàng? Nó chưa từng xảy ra với ông, với cả làng này? Hay Mai đúng là “nghệ sĩ hót tóc” như lời quần chúng đồn đãi? Ba Xanh nghĩ

thâm và ngồi yên chịu đựng những nhát bút tóc từ chiếc tông đơ của ông già Phi Sơn. Ngựa chạy, hết đường chạy thì dừng lại. Hai chiếc tông đơ cũng dừng lại khi mảng tóc cuối cùng rớt xuống tấm vải choàng quanh người, để lộ chỗ đậm chỗ lợt trên mái tóc phía phải Ba Xanh. Keng xồ tràng dài. Ba Xanh nghiêng qua nghiêng lại đầu tóc trước chiếc gương lớn, đã tróc thùy vải chỗ. Ông ngạc nhiên khi thấy cả hai người thợ không chịu tiếp tục công việc còn lại trên đầu tóc mình, quay lui nói: “Nghĩ sao?”. Ông Phi Sơn nhỏ nhẹ: “Dạ thưa, đã hết giờ lao động, xin mời đồng chí sáng mai tới sớm, tui sẽ cắt nốt phần còn lại”. Ba Xanh giậm dừ giậm mạnh tấm vải choàng quanh người làm tóc văng tung tóe, văng tục: “Mẹ cút, làm ăn gì lạ vậy? Phải cho xong đầu tóc người ta chứ?”. “Dạ - giọng Phi Sơn khúm núm, nhưng dứt khoát, rành rọt – xin mời ông xem bảng nội qui treo trên vách kia”. Ba Xanh không cần dòm cũng biết bảng nội qui đề ra cho các tổ đội sản xuất, cửa hàng... là do chính tay ông thảo. Vậy mà khi từ trên xanh về, ông dò la tin tức cô Mai, người làng nói “cô là nghệ sĩ hót tóc trừ danh trên tỉnh đến nỗi các quan bà, mẹ Mễo cũng chết mê chết mệt dưới bàn tay tài hoa của cô”. “Kít. Nghệ sĩ với tài hoa củ kít” ông buột miệng gằm lên trong cổ họng. Âm thanh bị nén lại nghe như tiếng rít của con rắn vồ trật con mồi. Không ai hiểu ông nói gì, rồi xằng giọng trong lúc mọi người trong tư thế bồn chồn, chuẩn bị ra về: “Có ai dư cái mũ nào không?”. Mai hỏi lại: “Thưa, để chi ạ?”. Ba Xanh trở quạu: “Chụp cái đầu lại chớ còn chi nữa, còn đứng đây hỏi. Cô coi, vác cái đầu tóc này mà đi được à?”.

Mọi người nhìn nhau, chẳng ai đội mũ. Mai nhanh nhẹn lấy chiếc nón lá treo trên móc đưa bằng hai tay: “Đội tạm cái này ạ”.

Tự dưng khuôn mặt Ba Xanh dẫn ra, dịu dần lại khi chạm vào chiếc nón có mùi người đàn bà trong tay. Vạt nắng nhảy nhót trước miếu thành hoàng bỗng sáng choang, hắt lên màu nắng quái, khiến Ba Xanh quay tít, ngất ngây đến tê dại.

Ngày thì tối, đêm thì sáng

Tiếng còi xe toe toe ngoài ngõ. Âm thanh nửa như reo nửa ngập ngừng.

Ở cái xóm nhỏ này hiếm khi nghe tiếng còi xe, hiếm khi có chiếc xe nào trở tới, can dự chi tới mình. Nghĩ vậy, ông tiếp tục cắt tỉa cây sanh bám ngang trên mặt đá hòn non bộ góc sân. Cây sanh ấy là chút kỷ niệm nhỏ lúc ông làm tổ trưởng tổ cộ bò cho hợp tác xã. Lúc đội của ông kéo lúa nhập lên tổng kho, trong khi chờ đợi giấy tờ, biên bản, ông tha thân ra phía sau hàng rào và nhìn thấy cây sanh nằm lẩn lóc bên bãi rác. Cây sanh bám trên cục đá vôi, ngã soài theo thể bạt phong. Ông thấy tiếc, thấy đẹp và đưa nó lên thùng cộ mang về. Mang về và đặt trong bể nước có hòn giả sơn từ thời ông nội để lại. Một hòn đá chết và một thân cây sống đu bám nhau tiếp tục sống như thể ai đó mang một hòn núi nhỏ đặt vào bể nước!

Tiếng còi lại bin bin. Người đàn ông mở cửa bước xuống, người phụ nữ bước tiếp theo. Lúc ngoái nhìn qua bờ giậu thưa, ông thấy cả hai đều trong tư thế lom khom, như từ hang đá chui ra. Con Bo và con Bô thấy bóng người chạy vụt ra, bầu hai chân trước lên cồng gõ sửa gắt. Người phụ nữ bầu tay vào người đàn ông, vẻ sợ hãi. Ông đứng dậy, trên tay vẫn còn cầm chiếc kéo cắt cành bước ra cồng. Ông trở mắt nhìn người đàn ông. Vừa lạ mà cũng hơi quen quen, không nhớ nổi là ai. Trí nhớ cạn dần theo tuổi già chồng cao. Ông mở cồng. Người đàn ông lao tới ôm chầm hai vai, bầu riết:

-Trời, anh Sáu, anh không nhớ em?

Ông xô người gọi mình là anh Sáu ra, nhìn sát mặt người lạ mấy giây, rồi tự mình ôm chầm lấy người đàn ông, chỉ kêu được mỗi một tiếng “chú!”.

Lúc này người đàn bà mặc váy ngắn, tay xách bóp đầm cũng lao tới, kêu “anh Sáu!” rồi choàng tay ôm cả hai người đàn ông. Cả ba như khối đá vôi trong bể non bộ. Hai con chó thoi sữa, đứng nhìn ba người dính cục lại với nhau, miệng há ra, lưỡi thè dài, đung đưa. Ba người trong tư thế không rời nhau, bước thấp bước cao, bước qua lối đi nhỏ đầy gạch bê lờm chờm và cỏ dại, vào nhà. Hai con chó lùn củn chạy theo sau vẫy đuôi đón khách.

Khi cả ba đã yên vị quanh chiếc bàn mộc ngoài hàng ba, chủ nhà mới lên tiếng:

-Mấy chục năm vợ chồng chú biệt tăm biệt tích?

-Sau khi đón vợ con qua, em có biên cho anh tới năm lá thư mà không thấy hồi báo. Em có hỏi mấy người đồng hương nhưng không ai biết anh, nghĩ chắc anh cũng bỏ xứ mà đi.

-Thư gửi về đây thì chắc không đến tay rồi. Mà có đến, địa phương cũng không cho nhận.

-Kỳ lạ vậy?

-Họ sợ liên hệ với nước ngoài – nói và ông phẩy tay.

Người đàn bà bây giờ mới lên tiếng:

-Chị Sáu khỏe không? Mà đi chợ hay ra đồng, không thấy chị?

Chủ nhà nhìn sâu vào gian thờ, lặng lẽ rót ra hai ly nước nấu sôi để nguội, đẩy ra trước mặt hai người, giọng ngùi ngùi:

-Bà ấy mất bốn năm nay. Ung thư phổi. Bệnh viện ghi là “lao lực quá sức, suy dinh dưỡng, điều trị không đúng phác đồ”.

Chủ nhà vừa dứt câu, hai người khách mặt xàu xuống như tàu chuối héo, rồi lần lượt kẻ trước người sau đứng lên, bước chậm vào gian thờ. Chủ nhà xô ghế đứng lên theo. Ông biết phải làm gì trong giây phút này, liền lấy hộp quẹt trong túi, vắn cao ngọn đèn, mấy cây nhang cũng lật bật run rẩy khi chủ nhà đưa lên đóm sáng trên chiếc tim đồ quạch. Muội đèn và khói

nhang cuộn lại, bay một vòng rồi hạ thấp theo bàn tay đen xạm, nhăn nheo những da và đường gân chằng chéo. Hai người khách đỡ lấy mấy cây nhang. Họ cúi đầu lâm râm. Người đàn bà mặc áo bà ba được thợ hình tô màu lại, từ khung kính nhìn ra, có vẻ như cảm ơn sự thành kính, trân trọng, mở một nụ cười vừa phải với họ, cũng có thể cố moi trí nhớ coi hai người kia là ai? Chủ nhà đứng một bên, lòng thấy chùng xuống.

Lát sau, những cây nhang được cắm vào lư hương. Đôi mắt người đàn bà trong khung kính như dán vào những đốm sáng đỏ trên đầu những cây nhang. Đôi mắt ấy hút những cuộn khói bay về phía khung kính. Cả ba nhìn sững hồi lâu trước khi trở ra bàn ngồi.

-Đúng là dâu biển – Khách kêu lên khe khẽ.

Dâu biển thiệt. Mới đó mà đã gần ba chục năm. Ba chục năm còn mất, có không như chuyện đùa kể trên đầu môi. Ông khách ngồi trước mặt bên kia bàn cùng người vợ chính là thằng Cán, nhỏ hơn ông tới nửa giáp. Sau khi mãn tù cải tạo về, nó và ông rủ nhau mò vào rừng đốn củi kéo về bán cho các lò gạch tư nhân, lò nấu rượu lậu. Làm ăn mới phát lên chút đỉnh định sửa căn nhà méo xệch, thì tất cả đều bị lừa vào hợp tác xã, giống như người ta lừa bầy vịt vào mảnh quây. Ruộng đất, tư liệu sản xuất đều xung vào tập thể. Đôi bò của ông và thằng Cán cùng nhiều nông dân khác đều bị hóa giá với cái giá bợt bèo, đủ để mua chui nhui vài chục cân thóc, rồi giao lại chủ cũ chăm sóc. Đôi bò đã có chủ mới. Mà chủ mới kia lại là một đồng người ngồi chông chéo trong ban chủ nhiệm cùng với tất cả những xã viên, nôm na gọi là bò hợp tác xã. Có hàng trăm ông chủ dòm ngó vào, khen chê bình phẩm đủ điều, đến cả con bò hình như cũng cảm thấy nhồn nhột ở đuôi chứ chưa nói người chăn giữ. Nhiều lúc nhìn đôi bò của mình chỉ trong phút chốc biến thành của tập thể làm ông ứa nước mắt, lòng thất lại.

Hết mùa cày bừa, cái tập thể kia chỉ định đi kéo gạch mộc, kéo củi cho lò gạch hợp tác, kéo lúa về kho... Quay tròn như chiếc chong chóng, tối tăm mặt mũi cũng chỉ đủ nuôi mấy cái miệng há ra như bầy chim đói mồi. Lúc thành lập các tổ đội sản xuất ông được đảm giữ bò bầu làm chức đội trưởng, phân công điều hành ba sáu chiếc cộ. Ông giữ chức này không phải ba bốn đời hành nghề kéo cộ nhưng ông có chút chữ, vốn là anh giáo làng, hiền lành, biết tính toán, phân công cho anh em. Làm đội trưởng cũng phải làm việc như ai, chứ không phải ngồi trong căn nhà gạch chỉ chỗ, ra lệnh, nên chỉ thêm được vài chục ký lúa gọi là “phụ cấp chức vụ”. Cũng chẳng sao. Công sức mình bỏ ra chứ không đi ăn cắp của ai. Và ông nhận lời. Đám xã viên cộ bò trong đội ông, coi lại toàn là những anh lon ton trong chế độ cũ: lính nghĩa quân, lính địa phương, nhân viên tùy phái trong công sở, mấy anh nhà giáo bị động viên, một số ít khác tự hủy hoại thân thể để trốn lính. Giờ này tất cả đều phải vịn đuôi bò mà sống. Biết thân biết phận, không ai ca thán.

Nhớ lại, sau ngày đi cải tạo về, vợ ông lục đáy rương còn 8 chỉ vàng y, bàn với ông:

“Nghe nói vàng sẽ bị nhà nước tịch thu hay đóng dấu gì đó. Có giữ lại phòng thân cũng không ổn, chi bằng đem đổi đôi bò về cày bừa, hái củi, kéo trâu cho người ta tráng bánh, có đồng ra đồng vô để nuôi con và cha mẹ già”.

Ông nghe phải, liền xách tám chỉ vàng nhờ Cán đi tìm bò. Khoản này nó giỏi hơn ông nhiều. Nó biết coi rặng lưới, coi đuôi, tướng mạo cây hay, hay trở chứng và nó chọn đôi này. Đôi bò to, to đẹp người ta đồng ý đổi lấy năm chỉ. Ông mừng, lừa đôi bò về. Thấy bò vợ ông cũng mừng, con ông cũng thế. Riêng cha ông đứng trong hiên nhìn ra lác đầu, cái lác đầu chán nản, mệt mỏi và thất vọng.

Cán phụ ông dựng chuồng tạm, trồng nọc rơm. Hai anh em thân nhau thành đôi, chăn bò trên các nghĩa địa, soi cỏ ven sông những lúc không phải ra hợp tác. Nó lại chỉ dẫn ông cách

cho ăn uống, tắm tấp. Nhờ chút kinh nghiệm nhỏ, đôi bò cứ phình to lên như những con bò mộng trong đấu trường.

Ngày Cán lấy vợ không vui như trước. Đám cưới được tổ chức trong gian phòng nhà hạnh phúc ở thôn với cờ xí, khẩu hiệu treo kín tường. Hai họ và bạn bè ngồi hai bên dãy bàn dài với những ly nước trà cám, kẹo nổ, cốm vắt làm từ đường đen trộn với bột gạo, sắn... Phía trên cao là lá quốc kỳ, ảnh lãnh tụ nhìn xuống. Những cục kẹo như những viên sỏi ngọt, khách khứa cố cho vào miệng để chung vui, trong khi đoàn thanh niên đứng ra đọc lời chúc mừng cô dâu chú rể: “chung sống để góp tay vun xới cho hợp tác xã giàu mạnh, để mọi người dân đều trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa... tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”. Tiếng vỗ tay lớp lớp, rời rạc. Hai họ uể oải đứng lên. Cô dâu chú rể nắm tay nhau đứng lên. Vậy là họ chính thức thành vợ thành chồng, chẳng cần tổ tiên ông bà chứng giám gì ráo trọi, vì đã có người trên cao chứng rồi.

Ông Chấn, cha Cán không chịu cảnh nhục nhã đó. Ông nói nhỏ gì đó vào tai anh sui gia. Hai họ không về hướng về nhà mình mà qua trường tre tạt vào nhà ông. Hai trẻ đều mặc bộ bà bà đứng trước bàn thờ, vái lạy ông bà sau khi ông Chấn và ông sui gia thấp hương khấn niệm. Họ làm thật nhanh rồi quay ra nhà sau. Hai chiếc bàn tròn kê phía chái nhà, phía sau là hàng rào tre ken dày, nghĩ là không ai thấy. Hai con gà nấu cháo xé phay và mấy tô thịt heo chỉ thấy mỡ trắng hàm măng tươi chặt trong vườn nhà được bày ra. Tất cả chỉ có vậy. Hai họ ngồi vào bàn với vẻ mặt lấm lét như đang đi ăn vụng. Không nghe tiếng nói cười. Chỉ lặng lẽ như thể đang dự một đám tang.

Ông Chấn nước mắt giọt vắn giọt dài, mắt đỏ hoe nhìn anh sui gia sứt sùi:

“Cái thời bắt phải thế, chớ vợ chồng tôi đâu nở nhìn cảnh này. Cũng có một chút gọi là...” – Nói và ông khóc. Mọi người bùi ngùi ngồi xuống như cảnh ăn cơm tù.

Tan tiệc, mạnh ai về nhà nấy. Riêng ông Chấn, sáng hôm sau có hai anh du kích vào nhà mời lên thôn. Ông thôn trưởng tuổi bằng thằng Cán, nhưng trông oai vệ như những anh vệ quốc quân thời đánh Pháp. Chiếc nón cối màu cứt ngựa đặt cạnh mép bàn, bên này là chiếc sắc cốt, chông giấy tờ trước mặt. Bộ áo quần kaki và đôi dép râu không làm anh ta oai phong lên mà có vẻ khôi hài bởi vẻ mặt non nớt, trên mép có chút râu lún phún.

Ông trưởng thôn xuất thân là anh đánh xe ngựa, một bên chân bị tật bẩm sinh nên không phải vào lính. Anh ta xuôi ngược từ thị xã lên các vùng trung du chờ nông thổ sản, cá mắm. Có lúc người ta nghi anh tiếp tế cho Việt cộng, bắt giam mấy ngày để hỏi cung nhưng không lần ra tang vật, lại phải thả ra. Bước ra khỏi trại tạm giam anh cười khẩy: “Mẹ cứt, tui liếm gót giày đế quốc”.

Người du kích chỉ ông ngồi xuống chiếc đầu trước bàn trưởng thôn. Ông Chấn chưa kịp chào hỏi thì được nhận ngay một tràng giáo huấn phủ đầu: “Ông khai đi. Ông tưởng cách mạng, nhân dân không biết việc làm của ông sao? Đây là hành động chống đối lại chính sách cách mạng. Thử hỏi ông, gà heo là của hợp tác xã, tức là của nhân dân. Ông lấy đâu ra những thứ đó để tiệc tùng nếu không phải là ăn cắp? Cách mạng đã dẹp bỏ những hủ tục cưới xin. Ăn uống tiệc tùng tức là ăn uống mồ hôi nước mắt của nhân dân, là bóc lột nhân dân, ăn cắp của nhân dân...”. Hấn ta nói nhiều. Tai ông ù lên, mắt hoa. Nước mắt ông chảy dài. Phải chi ông là tên ăn cắp thứ thiệt, đảng này con gà nhà ông nuôi trong vườn lại biến thành con gà của nhân dân. Bà con chòm xóm góp tem phiếu để ông mua hai ký thịt lèo nhèo những mỡ dãi họ gái thì gọi là bóc lột nhân dân. Cái mọt măng nấu lẫn với thịt heo kia, nếu nó biết nói hẳn sẽ kêu lên rằng nó là chút chút từ thời ông cụ kỵ tăng tổ gì đó trông chớ có thấy nhân dân nào thọc tay vô đâu? Nhưng giờ ông trưởng thôn đã nói vậy thì phải cúi đầu nghe theo. Ông trưởng thôn là đại

diện cho nhân dân, mà nhân dân là cách mạng, cách mạng không có tay chân hình hài nhưng là cái bóng to lớn bao trùm cả bầu trời này! Ông không nói được. Ông khóc.

Trưởng thôn ngó sát mặt ông: “Nhu vậy là ông đã nhận ra tội lỗi, biết ăn năn. Khóc tức là ăn năn hối cải về những lỗi lầm tự mình gây ra, tức thị trước đây chưa giác ngộ, tư tưởng chưa thông... Ông ngồi viết bản kiểm điểm đi”.

Trong khi người cha ngồi ở trụ sở nhân dân thôn viết kiểm điểm thì Cán đã đánh cộ bò ra sân kho chuẩn bị chở lúa về nhập kho. Ba sáu chiếc cộ sắp ngay hàng trên nền gạch sân kho giống như những cỗ xe tăng trong lễ duyệt binh. Chúng nghếch hai chiếc sừng cong hướng về phía kho trung tâm, mõm đưa qua đưa lại như đang ôn lại bài hát quân kỳ chút nữa đây sẽ cất lên.

Khi ba sáu chiếc cộ bò đã chất đầy những bao lúa căng phồng, tổ trưởng ký biên bản giao nhận và ra lệnh đoàn cộ lên đường, thành một hàng dài thẳng tắp, kéo về kho chính của hợp tác cách đó không xa lắm.

Tổ trưởng cũng là xã viên như ai, không phải kẻ “ngồi mát ăn bát vàng”, vì vậy tổ trưởng cũng kê vai đỡ đủ hai mốt bao lúa nặng hàng tấn, ị ạch vác vào kho. Khốn nỗi, thân ông thì gầy còm, thấp nhỏ nên bao lúa trên vai không với tới những tấm ván chặn trước cửa kho. Mấy lần ông suýt ngã quy. Lại thằng Cán phát hiện trước tiên, nó kêu lên “anh Sáu! Để đó cho em”. Tiếng la của nó như tiếng hô xung phong khi tiến chiếm mục tiêu ngoài mặt trận khiến ông sững lại, bao lúa nặng trên vai đang đưa tới bỗng bị dừng bất ngờ làm cho vai ông sụm xuống, té nhào. Anh em đỡ ông dậy. Cán kêu anh ngồi nghỉ, để tụi em. Cán hi hục lôi đủ hai mốt bao lúa lên tít đọt cao rồi xô ra. Nó lại gom tất cả các bao rỗng bỏ vào thùng cộ, kéo anh Sáu đứng lên đánh bò về.

Cán không về thẳng nhà mà rẽ vào nhà anh Sáu, giúp mở bò dắt vào chuồng, rút rom cho vào máng, lại ra giếng xách nước đổ vào thùng. Lúc nhìn thấy chị Sáu cầm những bao rỗng trên tay, nó háp háy cười cười. Ông không hiểu chuyện gì. Đến khi vợ ông kêu lên:

“Sao lúa còn trong bao nhiều dữ vậy?”.

Ông quay lại nhìn Cán, nó tỉnh bơ:

“Là em để lại. Thằng cha nào khi nhập kho cũng nắm lấy hai đáy bao và giữ lúa lại. Tội nợ gì anh. Của nhân dân mà”.

“Các chú làm như vậy bao lâu rồi?”.

“Chuyến nào cũng có”.

“Là ăn cắp của xã viên?”.

“Anh thông suốt đường lối chánh sách, nắm vững cái nhân dân không lộ rồi đó” – Nói và Cán nở nụ cười thật rộng – “Anh chưa biết đâu, cách đây bốn hôm, thay vì kéo thẳng về kho, thằng Tổng đánh bò chạy thật nhanh và trút cả cộ vào nhà ông phó chủ nhiệm đó. Còn trước nữa thì có trời biết đã có bao nhiêu cộ lúa vào nhà ông chủ nhiệm, kế hoạch, kiểm soát... Mỗi cộ như vậy cũng trên dưới hai tấn chứ ít sao anh, của nhân dân mà!”.

Nghe giọng nói thông thả, đều đều của thằng em lối xóm, tự dung đầu ông đau nhức như búa bổ. Kiểu này thà ông bán bò, bán cộ ra đồng cấm mặt xuống bùn sinh coi bộ đỡ xấu hổ hơn. Ông nổi giận thiệt tình, giận dữ đập tay xuống bàn:

“Chú mang số lúa kia đi đi”.

Cán hỏi lại:

“Mang đi đâu, anh?”.

“Tôi không biết. Chú mang ra khỏi nhà tôi ngay”.

Cán lẳng lẳng đứng lên, ra sân gom hết số bao quăng lên cộ mình rồi đánh bò đi, không thèm nói tiếng phải trái với ông.

Ba ngày sau, ông lên ban quản trị hợp tác, nại có đau bệnh, giao cả bò lẫn cộ cho người khác, mặc dầu ông tiếc đứt ruột.

Suốt mấy ngày liền Cán không dám tới nhà anh Sáu. Tổ cộ bò cũng không thấy kế hoạch phân công vận chuyển. Cán nằm nhà giỡn với cô vợ trẻ trong thời kỳ đầu mất kinh. Cán xoa xoa bụng vợ qua lần vải áo: “Em để cho anh một thằng nhân dân thiệt ngộ nghen”. Cô vợ thốt lên “con nít”. Hai người vít đầu nhau muốn hôn nhưng không dám, vì lúc đó đang đứng giữa vườn trồng. Cán buông vợ ra, nói: “Để anh qua nhà anh Sáu coi sao, với lại tối nay kêu anh ra rừng dương kéo cành lá khô cho lò rượu ba Dinh kiếm ít đồng”.

Cán thập thò ngoài cổng một lúc mới dám bước vào. Anh Sáu đang lui cui chẻ lạt ở đầu hiên nhìn thấy nó nhưng giả lơ. Cán xán tới, ngồi bệt xuống đất:

“Thôi mà anh Sáu, giận chi em”.

Im lặng.

“Tụi ngồi trên ban quản trị đưa nào cũng nhân danh nhân dân. Thơm tho lắm, nhưng thằng cha nào cũng tham. Tụi em phát hiện cái cân bàn rồi mới dám làm. Tay thủ kho hể xuất lúa thì mở nắp hộp cân bỏ vài cục sạn nhỏ trước khi cân; còn nhập vào thì hộp quả cân trống trơn. Số lúa thừa trong kho ai ăn? Lúa nhân dân mà. Chia nhau. Chia nhau hết. Khỏe ru. Bởi vậy thằng Tổng mới dám kéo lúa về thẳng nhà phó chủ nhiệm chớ. Mà phó chủ nhiệm ăn thì không lẽ chủ nhiệm ngồi nhìn. Của nhân dân, nhân dân ăn tuốt. Khỏi lo”.

Anh Sáu gát cán rựa lên chiếc đòn kê:

“Chú chớ có nói những chuyện đó với tôi. Tôi không muốn nghe nữa”

“Thôi bỏ. Nhưng tối nay em có mảnh. Là xuống rừng dương kéo vài cộ lá cành về cho mấy lò rượu lậu. Họ đặt hàng rồi. Anh đi với em?”.

“Không, chú đi đi. Tôi giao cả bò lẫn cộ cho hợp tác rồi” – Anh sáu vùng vằng, trong khi Cán mặt tái đi, vì lần đầu tiên Cán nghe nói anh Sáu giao lại cả cộ lẫn bò. Cán không dám nhìn ra chuồng, không nói thêm lời nào nữa, lẳng lẽ đứng dậy ra về, không chào.

*

Vợ Cán từ nãy giờ cứ nhìn sững vào mặt anh Sáu cố giấu lòng thương cảm xót xa với người ngồi đối diện, lúc này mới lên tiếng:

-Chị mất rồi anh sống thế nào? Còn mấy đứa nhỏ đâu không thấy?

Ông thờ đánh sượt, giọng kể lể:

-Từ ngày vợ chồng chú biệt tích, tôi giao bò giao cộ cho hợp tác ra đồng như những xã viên khác. Làm cật lực cũng chỉ đủ nhét mấy cái bao tử khỏi sôi rẻo. Hai thằng con thấy cảnh khó khăn, túng bản vừa cố học vừa phụ giúp cha mẹ, nhưng cũng chỉ như “gió vào nhà trống”. Được cái chúng học giỏi. Thằng trước thi đậu vào đại học, giấy gửi về địa phương, bốn tháng sau mới tới tay, coi như trễ. Năm sau nó lại thi đậu lần nữa, cũng vừa đúng lúc có giấy gọi đi nghĩa vụ. Lại mất hai năm. Lại thi, lại đậu nhờ nó khôn ra, ghi địa chỉ ở nơi khác dưới thị xã. Cầm tờ giấy báo đỗ, nó mừng như người chết sống lại, mua vé xe đi ngay vào trường. Nhưng khôn nổi, địa phương không chịu cắt khẩu về trường, nói là “thi lậu”. Vợ tôi lại lục dưới đáy rương lấy ba chỉ vàng cuối cùng mang xuống xã đứt lốt, nài nỉ mới êm. Thằng sau may mắn hơn, không còn cảnh trừ êm như trước. Cả hai giờ làm trong Sài Gòn.

Cán cắt ngang:

-Anh sống một mình, xoay trở làm sao?

-Chùng này tuổi, có còn nhu cầu gì nữa đâu chú. Con cái thành đạt tôi mừng.

-Em nghĩ anh vào sống với các cháu là ổn nhất – Vợ Cán nói.

-Chúng có vợ con, có căn nhà nho nhỏ trong đó rồi, tôi không còn bận tâm, lo lắng gì nữa. Nhưng bỏ chốn này vào với chúng thì tôi không thể. Cô chú biết đấy, nhà cửa của cha mẹ là nhà cửa của con cái, nhưng nhà cửa con cái không phải là nhà của cha mẹ. Rồi tiền bạc của cha mẹ cũng là tiền bạc của con cái, và ngược lại thì không phải của cha mẹ. Cô chú có con cũng hiểu chuyện đó mà.

Ông im lặng hồi lâu mới ngập ngừng hỏi Cán:

-Chú nói tôi nghe, cái hồi vợ chồng chú kêu đi kéo rác dương đó là chú rủ tôi đi vượt biển?

Cán cười nhưng nụ cười không tròn:

-Suýt nữa chết mất xác. Bữa đó vợ chồng tôi đánh cộ ra khu Long Hà, nơi vắng nhất chỉ vì sợ kiểm lâm bắt được thì chết. Không ngờ khi tới nơi, sát mé biển hai vợ chồng đi cào rác. Cào được phần cộ thì gặp đồng rác lớn như của ai để sẵn. Vợ tôi nói của người ta đừng đụng tới. Còn tôi thì nghĩ, của nhân dân, tội nợ gì và cào bừa. Cào hết lớp rác mặt thì đụng ngay những can dầu chắt đồng. Tôi giật mình, nhưng muộn rồi. Mấy thanh niên từ phía rừng dương dày bịt xuất hiện. Đêm tối nhờ nhờ không nhìn thấy mặt. Cả mười mấy người ập đến, áp vợ chồng tôi vào gốc dương, dùng khăn nhét vào miệng. Một toán khác đứng phía xa thẳm thì gì đó. Cuối cùng thì nghe tiếng lộp bộp khua nước và tiếng sóng. Một toán giữ chặt chúng tôi, toán kia chuyển những thùng dầu đi. Tôi hiểu ra tất cả. Họ làm rất nhanh. Loáng một cái số can dầu hết sạch. Lúc này có tiếng hỏi: “Xử trí sao đây anh Hai?”. Người kia trả lời: “Theo phương án ba”. Nghe vậy tôi nghĩ chắc cả hai sẽ chết hoặc chí ít cũng bị cột chặt vào gốc dương trước khi có người phát hiện. Người được gọi là “anh Hai” tiến lại chỗ tôi, dùng tay nhét chặt hơn chiếc khăn vào miệng, ôn tồn: “Anh chị thông cảm. Sự thể như thế này thì không có sự lựa chọn nào cho anh chị cả. Anh chị cùng lên tàu với chúng tôi, mặc dù chúng tôi biết anh chị không muốn như thế. Còn thả anh chị ra lúc này rất có thể tội tôi bị bắt ngay khi mới ra cách bờ vài hải lý. Lúc này không thể tin ai nổi. Anh chị thông cảm. Thôi sống chết đều có số cả. Lên tàu. Sống cùng sống. Chết cùng chết”. Nói và ông ta hất đầu ra hiệu cho toán người đẩy vợ chồng tôi xuống bãi và lên tàu... Vậy là từ anh kéo cộ bỏ bồng trở thành kẻ phản bội, chạy theo đế quốc... rồi thành Việt kiều yêu nước...

Nói xong Cán ngửa mặt cười ha hả, cười đến chảy nước mắt.

-Cô chú biết không, sự mất tích đột ngột của cô chú khiến cả xã, cả huyện như đang ngồi trên đồng lửa vì mất thành tích an ninh chính trị địa phương. Dù mọi thông tin và thông tin chắc chắn nhất là cô chú vượt biển khi công an tìm ra manh mối chiếc cộ bỏ gần đó cùng mùi dầu trên cát. Họ rần rần tới nhà chú tra hỏi ông bà cụ cùng bằng chứng cả đám người dưới phố đi đêm đó, nên ông bà bị đuổi ra khỏi nhà, tịch thu theo diện con cái bỏ trốn ra nước ngoài, giao lại cho tay phó thôn phụ trách an ninh. Hai ông bà uất quá sinh bệnh, chết cách nhau vài năm. Cả xóm tới lo hậu sự mà lấm la lấm lét như đi ăn trộm. Thật tội nghiệp.

Cán bật khóc, vợ Cán cũng khóc mùi mẫn:

-Vợ chồng em có tội với ông bà cha mẹ. Một lần ruộng đất của cái phải hiến cho nhân dân. Lần sau lại bị mất nhà cửa vào tay nhân dân. Mệnh số chi mà lạ lùng như vậy? Lần này vợ chồng em về xin trú tạm với anh mười ngày để lo xây phần mộ cho ông bà cụ, coi như để trả nợ hiếu nghĩa cho cha mẹ. Anh giúp em lần này.

-Nghĩa tử là nghĩa tận. Thôi, cô chú đừng khóc nữa. Cứ tạm tin vào cái số đi. Nghe việc này, tôi chắc hai bác nở nụ cười tươi nơi chín suối. Đúng ngày thì tối thui mà đêm thì lại sáng trưng.

Nhân dân ơi, xin chào

1. **Bốn** Lọt đang là nhân dân, đang là hạt cát nhỏ, rất nhỏ trong hòn đá tảng, là tế bào tí xíu trong thân cây mấy ngàn năm tuổi. Ngày xưa ông lú lấp đầu đó giữa hàng đồng nông dân. Bây giờ cái mác nông dân bị bóc ra, dán tem mới, tem nhân dân.

Và lúc này nhân dân bốn Lọt đang đứng trên bờ ruộng, bên này con mương nước, trên đôi chân run run, cảm thấy ngực mình xẹp xuống, hai lá phổi tan vỡ từng mảnh vụn, bay lên không trung, mắt đục xám, xương sườn, tay chân cũng tan ra từng mảnh. Cây gậy củ tre lảng bóng chịu tất cả sức nặng bắt đầu tan ra đó, lún xuống, cong oằn như thế những cây lúa thì con gái đang đập gậy. Những thửa ruộng chìm sâu bên dưới quả núi cát khổng lồ ùn ùn bay tới. Cây lúa thì con gái bị hãm hiếp. Cánh đồng mơn mớn xanh cũng bị hãm hiếp. Máu từ háng, từ nách, từ rún đến cả miệng, mắt mũi rờn rờn chảy. Chảy lên lảng, vón cục thành đồng cát cao nghệu. Đồng cát cao kia dính máu đỏ bầm, chính là thằng hãm hiếp cây lúa, cánh đồng. Tiếng lẹp nhẹp nhấn xuống, đẩy mạnh, nhấn lút, đẩy mạnh sâu hơn nữa, phát ra âm thanh lóc chóc, lóc chóc... Tiếng lóc chóc dấy dựa quấy đập. Nước tứa ra. Màu nước máu đen từ háng, từ rún phụt ra, phụt thành vòi cao. Những mái tóc xanh, những thân hình non nớt chìm chìm trong cái màu nước đen, dưới sức đè của thằng khốn khiếp.

Bốn Lọt cười ha hả, cười khằng khặc như điên như dại khi nhớ lại ngày xưa người lớn ở làng này thường ví von cánh đồng làng An Phố giống cái mông tròn của cô gái dậy thì. Mông đàn bà thì luôn hấp dẫn với đám người có cặp mắt hau háu cú vọ. Lại là mông cô gái hơi tuổi xuân, nên làm nhiều anh lé mắt, lé mắt và nhều nước miếng. Duy nhất chỉ có những anh bị thiếu, những tay cù bơ cù bắt mới không tơ tưởng, hay không dám tơ tưởng đến chuyện được choàng tay sờ soạn, giữ rịt làm của riêng. Dân trong làng và các xứ khác chết mê chết mệt bởi cái mông ấy. Nó xanh mướt màu xanh ngọc bích. Nó vàng ruộm màu vàng rờn dạt trên các pho tượng nữ thần trong ngôi đền thiêng. Được nằm gối đầu lên mông, một lần thôi cũng đủ ngửi mùi hương lạ, mùi thơm của đất trời tụ lại ngan ngát mùi bồ kếp, lá chanh, bông bưởi trộn lẫn, một thứ hương thơm lạ lùng, hiếm thấy trên cõi đời này, làm say nức từ ông lão sắp xuống hố chí đến đứa trẻ mới tập đi. Người ta sống không thể thiếu nó, thèm thuồng vì nó. Người ta ghen tức vì nó, bởi dân làng này được sở hữu một cái mông tròn mênh mông rộng, cong mẩy, nằm vênh giữa một bên là khúc sông Diển, bên kia là cánh núi hình cung choàng tay ôm ấp, vuốt ve suốt đêm ngày, năm tháng.

Vậy mà giờ này cái mông ấy bị hãm hiếp đến nát tan, bị đưa hiếp đâm nuốt chửng vào bụng, bảo làm sao tìm ông không vỡ vụn ra từng mảnh nhỏ, bay lên trời cao, bay vào cõi mù tăm vô tận?

Cây gậy củ tre cong thêm chút nữa. Ông sắp khuyu xuống mất rồi, cũng sẽ tan theo cái mông bị nhấn lút lần hồi kia thôi.

Đám quái vật thời cơ khí, ào ào chạy qua mặt ông gào rống, giống như những tên cướp ngày, tung bụi mù mịt, ném vào mặt ông những cái tát bầm bập. Nó xịch tới xịch lui trên chiếc mông nát tan thành trăm ngàn mảnh vụn, rồi òa nghiêng lên chiếc

mông tròn của cô gái yêu làng An Phở, chồng đít ỉa từng đồng lớn rồi hồi hả bỏ chạy. Tốp khác lại ập đến, lại chồng đít. Ông nhướng mắt nhìn mà thấy như chúng đang ỉa vào mặt ông, tới tấp ỉa vào mặt ông. Tội nghiệp cô gái yêu của làng. Khốn khổ thay cô gái yêu của làng bị hãm hiếp trước sự bất lực của nhân dân.

Bụi trùm kín đường về. Những con quái vật nối đuôi lao tới. Cuộc chiến không cân sức tiếp tục giữa một bên là cô gái yếu đuối bị đè ngửa nằm bất động và bên kia là những tên cướp có sức mạnh gấp mấy chục thần Hercules nối lại. Nước mắt ông chảy dài. Cây gậy trong tay ông cũng chảy nước mắt.

Vào đến đầu làng, bốn Lọt chạm mặt trưởng thôn Mạnh. Trưởng thôn có khuôn mặt méo một bên, luôn luôn đỏ như vừa từ trong hũ rượu bước ra. Trưởng thôn ngó ông già, đón lại:

-Lại ra đầu đường nữa chớ gì?

Ông già đưa cây gậy củ tre lên hươu hươu như thay câu chào mà cũng như sắp bỏ xuống đầu trưởng thôn. Nhưng cây gậy củ tre không ngả được lâu. Nó từ từ rút xuống, lưng lửng giữa thắt lưng rồi lại cắm đầu xuống đất. Ông ngó trưởng thôn bằng cặp mắt có đám bụi bám trên hàng lông mi màu trắng.

-Giỏi, chú lại theo dõi tôi.

-Ông mà cứ gào rống, tôi không tha.

- Thì sao? – Ông già nhướng cặp mắt có hàng lông mi nhuộm trắng bụi.

-Ông đi vận động nhân dân trong thôn chống lại chính sách của trên. Ông muốn tư hữu, ông muốn cả thôn cứ chồng đít lên trời, mặt cắm xuống bùn đen miết sao? Nông dân. Nông dân là cái củ kít gì. Một năm làm ra được bao nhiêu sản phẩm cho làng nước? Trên đã giải thích nhiều lần rồi. Chỉ có công nghiệp hóa nông thôn thì dân mới giàu, nước mới mạnh. Ông hiểu ra chưa? Chỉ có những cái đầu bã đậu mới không nhận ra điều này. Trên luôn luôn sáng suốt. Chỉ có những cái đầu bã đậu là ngu tối.

-Biết chớ sao không? Mang cả hàng trăm tỉ bạc của nhân dân lên núi, thuê xe ủi, xe xúc vẩy càng đầu mười mẫu, liền giăng cờ giống trồng, quay phim chụp ảnh ca ngợi thành tích khai hoang ruộng nước cho đồng bào thiếu số. Thành tích lớn lắm. Nhân dân lại đứng mũi chịu sào cho cái thành tích ấy. Vậy chớ mấy chục mẫu thượng đẳng điền đây, phải mất mấy trăm năm mới thành khoảnh? Mồ hôi nước mắt và cả máu nữa. Đổ ra bao nhiêu mới có con đập dẫn nước tưới tiêu hoàn chỉnh, nay đem phá đi?

-Phá? Sao lại phá...á á... - Trưởng thôn trợn ngược mắt.

-Không phá sao tự dung lập ruộng lập khu công nghiệp?

-Ông đúng là đồ bã đậu – Trưởng thôn nhổ phẹt bãi nước miếng quày quã bỏ đi. Bỏ đi thẳng không thèm ngó lại. Ông già nói nhóng theo:

-Có chúng mày là đồ ngu, đồ bã đậu. Khu công nghiệp thì làm đâu chẳng được. Thiếu mẹ gì những khu đất khô cằn, lại đi lấy cây lúa, vánh đồng màu mỡ đỡ đít khu công nghiệp? Tiền đền bù mỏng dính chỉ ba ngày là sạch. Họ làm gì với dùm tiền lẻ, thứ của bố thí đó? Chuyển đổi cái con mẹ chúng bay! – Ông già cũng nhổ phẹt bãi nước miếng, nhưng bãi nước miếng không rơi xuống đất, nó dính toong teng giữa hai môi thâm đen như cái câu móc níu dính lại. Cái móc câu ấy như muốn khuyên: ông đừng có há miệng ra nữa.

Về tới nhà ông thấm mệt. Mệt không phải vì đường xa, vì đôi chân già nua. Ông mệt bởi vừa sáng đã gặp thằng thổ tả chận họng. Cái mặt méo căng căng. Đầu tóc luôn bôi mỡ đến con ruồi vừa chạm lên cũng trượt té nhào. Và nhân dân nữa, cũng bị coi như lũ ruồi không bám được trên mái tóc bôi mỡ của thằng mặt méo. Chân chưa chạm đã trượt ngã, sức đâu mà cản ngăn. Nhân dân đâu dám cản, chỉ là tấm đệm lót, là những chiếc ghế đầu để chủ nhân xê dịch, ngồi lên. Ngồi lên và còn đái són, địt tũn vào mặt ghế đầu. Nhân dân được tung hê lên mây xanh và nhân dân lãnh đủ. Ông âm ức nhưng ông chỉ là một hạt nhỏ, rất nhỏ trong tảng đá khổng lồ kia thôi. Chịu phép!

2. Ông già thọc gáo dừa vào khạp nước. Nước cạn đáy. Chiếc gáo khua ròn rột vào thành khạp. Âm thanh khô dòn, vê tròn lại như một âm ức không bay ra khỏi người. Ông ném gáo vào khạp. Cán gáo quay tròn như cái chong chóng, quay một vòng mới chịu đứng yên. Ông trở ra thêm giếng đưa tay kéo cần vọt, thông xuống giếng. Chiếc gàu thiếc lũng nhều lổ dưới đáy. Chiếc gàu kéo lên khỏi thành, nước tõe tròn như vôi sen. Kéo qua khỏi thành chỉ còn nửa gàu. Một tay vịn sào cần vọt, tay kia hứng những giọt nước rớt rửa mặt. Lại thông gàu vục xuống giếng, kéo lên và xối chảy ồ trên hai mu bàn chân. Nước mát làm ông tỉnh táo. Cái thằng mặt méo ó đâm, chuyên rình trộm và tâu báo. Mà mọi người trong làng này làm gì đến nỗi nguy hại chớ. Cái khẩu hiệu “dân biết, dân bàn...” như tờ vàng mã dán trên cổng chuồng heo, chuồng bò mỗi dịp năm mới cúng ông chuồng bà chuồng chắc. Bàn cái củ đếch. Mới mở miệng ra nó kêu phá hoại thì còn bàn nỗi gì? Mà có bàn đến lưỡi nát nhào ra cũng vậy thôi. Ai nghe theo nhân dân? Chỉ có nhân dân là bị xỏ mũi như xỏ mũi bò dất đầu chạy đó. Trì kéo lại thì rách lỗ mũi. Lỗ mũi mà rách thì máu mình chảy, thịt da mình đau, lưỡi mình nát... Chạy theo. Cứ chạy theo. Nhắm mắt chạy theo? Chạy lên núi, nhảy xuống biển, nhảy vào lửa, chun vào gai... Ông cụ tổ nhà mày. Tao gào rống đấy, làm gì tao? Tao gào rống chớ không cầm cây đánh lại chúng mày thì làm gì tao? Ông trời cho con người cái miệng. Cái miệng không mở ra, không nói là câm. Miệng sẽ thúì như củ hành thúì. Nói vậy, gào vậy đến trời xanh còn động lòng. Chỉ có lũ mày là đá, là hòn đất, cứng đái không biết đầu đuôi để suy xét thiệt hơn...

Ông nổi giận như thể có thằng mặt méo đang đứng trước mặt. Chừng miệng khô đắng, ông mới thấy mình vô lý. Đi nói với cây gậy củ tre thì ích gì. Nó đâu có gây ra chuyện, nó luôn đỡ bước đi rệu rạm của mình mà? Ông mệt và bước tới phiến đá nhẵn kê sát gốc mạn ngồi thở dốc. Mả mẹ thằng mặt méo. Ông lầu bầu, giờ gói thuốc ra, nghĩ sao lại nhét vào túi. Lại lôi ra rồi vo tròn, ném mạnh ra xa, như thể ném vào thằng mặt méo.

Chó sủa ngoài ngõ. Giỏi lắm, vào đây mặt méo. Ông cho một gậy u đầu như cái sừng trâu. Cặp mắt hom hem có những sợi lông bạc nhướng lên. A... lại thằng ba Thề. Gì nữa đây? Làng này ai không biết mày xung phong đăng lính. Đăng lính để xách súng về rượt thằng chú nhà mày lương lậu mất ba sào ruộng ông bà chia cho. Rồi mày có bắn nổi chú mày không? Hay cuối cùng mày tự bắn vào chân để tìm cách giải ngũ? Mày tự móc thịt da mày ra, vậy mà có ai tha thứ mày không? Ra tòa án binh, ngồi tù. Ngồi tù chán thì ra lao công đào binh. May mà mày chưa chết. Súng đạn tha mày. Cách mạng không nhắm vào đâu mày bắn vỡ làm trăm mảnh, quốc gia cũng không nở hành hạ mày

chết thảm. Vậy mày biết ơn. Mày đi vận động bà con giao lại theo ruộng để làm khu công nghiệp. Cái miệng dẻo quẹo của mày khiến bà con mềm lòng. Một người ký đơn thì hai người ký, rồi ba, rồi mười. Giới. Dân vận giỏi. Mày còn bày ra trò tao chống đối chánh sách để xã kêu, huyện kêu, tỉnh áp giải. Tao chỉ nói cái “dân bản”. Không cho “bản” thì tao rống, tao gào chớ có cầm cây gậy củ tre đánh vào đầu lũ chúng mày đâu?

Mẹ đời! bà bầy É đấy. Cả đời không chồng con, chỉ có hai đôi nùng với lũng từng xèng kim chỉ, dầu mỡ, kẹo cốt chặt mót từng đồng để mua sào ruộng làm phần thực, để sau này giao cho đứa cháu nhận giỗ tự cho bà. Là cách phòng xa hương khói, để bà không trở thành con ma đói. Đấy, cái sào ruộng bầy É mua kia ai không biết bà nhịn ăn? Một muống gạo ăn hai ngày. Mày nhớ coi. Cả làng này ai không nhớ cái cảnh con cá trê bà mua về, rống vào thùng nước. Ngày đầu cầm dao cắt phần đuôi tí bèo nấu canh, phần còn lại thả vô thùng. Nó quẫy mạnh như từ máy chém trở về. Máu loang ra nhuộm đỏ nước. Ngày sau nó bị bắt lên đoạn đầu dài, bị từng xẻo chút xíu nữa, ngày sau thêm chút, mỗi ngày một chút thịt xương chỉ còn tro khắt cái đầu và hai cái ngạnh cùng mấy cọng râu thòi ngửa lên mặt nước... Chung số phận với con cá trê là trái thu đủ trước sân, mỗi ngày xẻo một miếng nhỏ. Phần còn lại đau quá nó khóc, khóc cho đến khi còn cái cuốn vẫn khóc. Nước mắt trắng đục rớt xuống. Nó khóc tới chiều vẫn còn chảy nước mắt. Trái thu đủ và con cá trê bằng cườm tay ăn cả tuần chưa hết. Ăn chưa hết một con cá bằng cườm tay con nít cả tuần, nên mua được sào ruộng. Sào ruộng ấy bà cướp giựt, lương lẽ của ai? Vậy mà sau hợp tác, góp của góp công làm ăn chung, sào ruộng tự dung biến mất, chia cho mảnh khác bằng đít trâu ngoi. Nhưng rồi vũng trâu ngoi ấy cũng không yên, bị lật sập cạp vào mông, rồi lật ngửa bắt dạng háng để hãm hiệp. Mấy trăm con cá trê và bao nhiêu những hột muối mặn chát bị lật ngửa ra, bị nhồi dập thành mây khói, bay thẳng.

Mày còn nhớ cây duối đứng ở đầu gò Tơ không? Hồi đánh Mỹ, nó đưa bụng ra hứng chịu không biết bao nhiêu là đạn của hai bên: đạn súng máy, súng cối, cà nông, đại liên, tiểu liên, mìn, lựu đạn... xối xả găm vào người nó. Thân hình nó bị băm vằm y như mảnh đất cày. Người ta lại đóng đinh lên người nó, móc khẩu hiệu, lá cờ. Hai bên thi nhau vẽ khẩu hiệu treo cờ. Treo lên, giật xuống, giật xuống rồi lại treo lên. Nay cờ màu vàng, mai cờ màu đỏ thay phiên nhau đứng trên mình nó. Nó giơ cao những tấm khẩu hiệu, giơ cao những lá cờ và ôm chặt những mảnh đạn của hai bên vào người, sâu trong người. Máu chảy ròng ròng. Không phải máu màu đỏ, chỉ là một chất lỏng sền sệt, nhờn nhợt đục. Nó cũng đau như con người. Nó chảy máu nhờn nhợt đục như cốt tủy từ trong người nó tuôn ra. Vậy mà nó đâu có chết. Nó sống nhăn răng. Hết chiến tranh, cành nhánh mọc ra tua tủa, che mát một khu đất lớn cho lũ trẻ chận bò ngòi đánh bi, xóc đĩa, nhảy cờ chuông... Mùa tháng Tư trái chín đặc cành, vàng ruộm, tụi trẻ tranh nhau trèo lên suốt bờ đầy mũ. Tụi trẻ con vui với những chùm trái chín vàng, hi hả với những cành sà thấp để chúng bấu tay vào, nhún chân bay lên không, sà xuống đất. Nó tươi tốt, vòm nhánh tỏa ra như làn tóc mây, thân nó mây mảy như đứa con gái một con... Cả làng này ai không nhìn thấy? Vậy mà từ khi vào hợp tác, ông kế hoạch lượm trái cà nông thúi treo lên làm kiếng lệnh. Nhân dân được điều hành bằng tiếng kiếng lệnh này. Sáng ra đồng: kiếng; trưa hết chuyện: kiếng; xế ra đồng: kiếng. Chiều

tắt nắng lại kiếng; tối kiếng hợp hành, kiếng mít ting, kiếng ăn chia công điếm... Kiếng, kiếng... người dân phản xạ theo tiếng kiếng Pavlov. Kiếng chi phối toàn bộ sinh hoạt của nhân dân trong ngày, chỉ còn thiếu tiếng kiếng để nhân dân đồng loạt leo lên giường ngủ, ôm đít vợ là thành một quyển kinh âm thanh cho một giáo phái mới nữa thôi!

Nhưng mà, lạ. Tại sao nhân dân chịu đựng được tiếng kiếng ấy hàng bao năm trời, không ai bị tâm thần, không ai chết vì tiếng kiếng buốt tai? Vậy mà cây duối chết đứng bởi tiếng kiếng ngân vang, rền. Nó chết từ giữa thân chết xuống, rồi lộn ngược lên đầu. Cành nhánh vẫn xanh đấy, nhưng thân thể chết rồi, chết từ từ, lên tới tóc tai. Cuối cùng, cành nhánh cũng khô oặt, thành một khối xám xịt? Lũ trẻ con buồn vì không còn chỗ trốn nắng, đánh bi. Riêng chỉ có cái kiếng là vẫn ngoác mồm rồn rảng mỗi sáng mỗi tối... đều đều, không ngưng.

Ba Thề xán tới, sà xuống ngay gốc mận. Bốn Lọt chỉ chỉ đầu gậy ra phía xa, ý nói ba Thề chịu khó ngồi nhích xa ra một chút. Ông không chịu nổi cái mùi hôi muôn thuở, từ miệng ba Thề mỗi khi há ra. Không phải mùi cóc chết, cũng không là mùi thiu úng của thịt cá ươn. Nó là cái mùi tổng hợp của tất cả những thứ xương xẩu, rác rưởi vất ra ngoài mưa nắng lâu ngày được ủ kín trong bụng nó phà ra. Hôi không chịu được!

Ba Thề nhích ra chút, đít kê lên hòn gạch, gãi đầu:

-Anh Bốn ơi, anh cứ làm vậy, không khéo sắp nhỏ liên lụy...

-Cái gì, chú nói sao? Tôi làm gì để sắp nhỏ liên lụy?

Đắn đo một lát, ba Thề mở miệng:

-Nhân dân có mất chút đất, nhưng thế vào là những nhà máy, xưởng sản xuất... thu hút công nhân hàng trăm. Lương tháng triệu rưỡi, hai ba triệu, cao gấp mấy trăm lần ôm thèo ruộng nhỏ, không sướng hơn sao?

-Tôi có nói chi đâu. Tôi đồng ý. Nhân dân cũng bị đồng ý. Có điều là thiếu mẹ gì những khu đất cần khô, gát nước... cả trăm mẫu không dùng lại đi lấy đất ruộng hai vụ, lại là đất thượng đẳng điền để làm khu công nghiệp là sao? Ngày trước một mẫu ruộng ở khu này, có giá tới hơn ngàn cây vàng, chú rõ quá mà. Cả khúc "Năm Eo" này có ruộng đất nào sánh bằng ruộng đất này? Con người thì được sinh ra liền liền chớ đất đai đâu sinh đẻ ra đất con đất cháu được?

-Cả làng giờ ai cũng ký đơn, chỉ còn anh.

-Tôi không ký. Tôi nhất quyết không ký. Chú đừng kỳ kèo vận động vận điếc gì ráo trội - Nói và ông gờ đầu gậy có ý bảo ba Thề đi về.

Ba Thề không về. Ba Thề ngồi lại với ông, không nói chuyện đất đai nữa. Ba Thề lái sang chuyện khác, kể đông kể tây, nói tuồng nói tích. Ông quá rõ cái bản mặt nhờn nhờn của nó khi đông dài. Ông nhồm mông đít lên toan đứng dậy. Ba Thề lặn đầu chai rượu trong lưng quần, lòi ra. Thấy chai rượu màu vàng vàng, mắt ông sáng lên. Ông có tật xấu, rất xấu là thấy rượu thì lòng không thể dần xuống. Uống không nhiều, chừng vài ly. Nhưng hề thấy rượu là mắt ông sáng lên, lòng mềm nhũn. Ông thu cây gậy về, ép sát vào thân mình, như thể nó là đứa vệ sĩ, tên nhắc tuồng, nhắc ông rằng chớ để lòng mềm như con bún thiu.

Ba Thề tự động vào nhà tìm ly. Tìm được hai ly hột mít liền quay ra, đặt giữa khoảng cách hai người, mở nút, rót rượu. Hai chiếc ly vun thành ngọn. Thơm. Thơm

như hồi xưa ông đứng ngửi mùi thuốc Seventy Nine tuôn ra từ cái lỗ đen của ông vó có hình dạng giống bầu điều con gà ăn no của thằng Mỹ đen. Ba Thẻ nâng ly “mời anh”. Ông bung ly nhấp một ngụm nhỏ. Thom, đúng là rượu ngon. Ông kẹp chiếc ly giữa hai ngón tay, nheo mắt hỏi:

-Chú tìm đâu ra ngữ này? Chắc của quan thầy biếu cúng?

-Thằng cháu đi Ba Lan về, tặng cho chai nhỏ. Nghĩ anh sành rượu nên mới sang anh. Uống rượu cũng như Bá Nha với Tử Kỳ vậy.

Thằng này định lái thuyền vô bến đây, ông nghĩ và cảnh giác, xuống tẩn và tung ra ngọn cước:

-Cái vụ vào hợp tác làm ăn tập thể cứ coi như bước đầu xây dựng xã hội chủ nghĩa từ hạ tầng đi. Hồi đó không ai không dám vô. Không vô thì bị liệt vào hàng ngũ phản động, bị bắt đi học tập cải tạo phải không? Tự nguyện vô hợp tác với cây dùi cui và chiếc còng kín hờ sau đít thì đến Thiên Lôi cũng vãi cứt đá. Vô tuốt. Nhưng cái hạ tầng đó nó không “thượng” mà ngày cứ “hạ” mãi nên người ta mới nghĩ ra khoáng 10, khoán 100. Cái thời đói khát mù mờ chuông kiếng điếc tai, khiến nhân dân cũng mê lú để nhảy qua khoáng. Nhưng ruộng nhận khoán không phải ruộng của chính mình nữa, mà ở đâu đó, của ai đó, gốc tích mờ昧; nhưng nhân dân cũng được làm chủ, cứ coi như cuộc cải cách ruộng đất ở hạ tầng lần thứ ba. Hết địa chủ, hết phú nông, trung nông, bần cố nông hết sạch. Chỉ còn nhân dân. Nhân dân đứng lên làm chủ. Ai cũng như ai. Mừng. Mừng quá đi chớ? Người không tác đất giờ có đất trong tay. Sướng. Sướng đến rụng rời chân tay. Đâu có kiểu con cá trê bằng cườm tay con nít cắt làm nhiều lần, từng khoanh nhỏ một đến cả tuần, còn lại cái đầu của nó ngóc lên mặt nước thoi thóp thờ ể ngó mảnh ruộng xa xa, để cháu chắt mình sẽ bơi lội tung tăng dưới làn nước thơm ngan ngát? Cứ cho lấy của người giàu chia cho người nghèo là hợp đạo lý. Quá hợp, phải không? Nhưng sắp tới đây cái thằng nhân dân cào bằng kia bị cho ra rìa, ruộng đất thu lại để đưa cho mấy thằng giàu nứt đố đổ vách xây nhà xây xưởng, kinh doanh. Cái đám mafia này sẽ “thượng” lên, thượng tuốt lên trời cao, còn đám *nhân-dân-nông-dân* thì sẽ “hạ”, hạ mãi xuống bùn đen. Nhân dân sẽ mãi chống đít để đội cái đám mafia này không biết chừng nào mới gãy cổ đây!

-Anh Bốn nói quá đi chớ trên vẫn nghĩ tới tiền đồ dân tộc: Anh coi, hồi mấy thằng Ngụy nó có làm được con đường nhựa, có kéo điện về tận nông thôn cho dân xài không? Nay nhà nào cũng có ti vi, máy hát... Đòi sao nữa?

Ly rượu vẫn kẹp giữa hai ngón tay, nhưng coi bộ nó run run, run lật bật. Hình như ly rượu trở chứng run chớ không phải bốn Lọt?

-Chú mới kỳ. Thời chiến tranh hai bên chỉ lo vít đầu nhau mà cắn xé, đá đập, thoi vào sườn của nhau đến chảy máu... còn sức đâu mà lo tới chuyện điện đóm, đường sá...? Hết cắn xé, đánh nhau rồi mà không làm được ba chuyện con con này, hóa ra chú ám chỉ bọn lục lâm thảo khấu? Chú phạm tội tày đình đó nghe. Phạm tội từ tư tưởng, từ suy nghĩ chệch choạc. Chú coi chừng.

Chỗ bàn chân bị lỗ đạn tự bắn của ba Thẻ bỗng dựng nổi đờ hỏn như mào con gà cồ. Ba Thẻ gãi đầu giục:

-Coi kìa, uống đi anh... đổ hết bây giờ.

-Ồ, uống chớ. Rượu ngon. Thiệt ngon. Mà chú hay chuyện gì chưa?

-Gì anh?

-Cái thằng ba Tánh với năm Bầu đó.

-Mấy ảnh làm sao anh bốn?

-Chú có bà con? Bà con thì đây không tiết lộ.

-Dạ không. Bà con chi đâu. Kêu anh anh em em với lãnh đạo cho nó thân mật, có tính quần chúng nhân dân chút xíu đó mà. Xưa anh không nhớ hội nghị nào khi nhắc đến tổng bí thư Lê Duẩn, ai cũng gọi anh Ba đó sao. Gọi như vậy cho thân mật, cho gần gũi với quần chúng nhân dân. Mình dân chủ mà. Một thời như vậy thành quen.

-Đám vô tích sự. Thấy người sang bắt quàng làm họ thì có.

-Hồi nãy anh nói...

-Ồ, nhớ rồi. Là như vậy. Người ta chỉ thằng cha bí thư ba Tánh ngồi ghế chưa nóng đít đã có đàn em xúm tới xây cho nhà riêng bốn bốn tầng dưới tỉnh, nhờ chỉ định cho lũ nhỏ trúng thầu mấy công trình lớn. Thằng cha có đồng ra đồng vào liền bỏ bà vợ già rưng rưng đi ôm đít một em gà móng đỏ múp rụp, mua cho nhà riêng. Âm ỉ cả lên, giầu ai? Còn cha năm Bầu chủ tịch, ăn theo đôi đất lấy công trình, lươn lẹo một lúc mấy lô đất rĩa thành phố chia cho con. Sướng chưa? Nhân dân với quần chúng như tôi và chú đây thì được cái đêch gì, hử?

Thấy ngồi lâu với bốn Lọt không được chuyện gì, có khi bị vạ lây, bèn đứng lên nói “thôi em về”. Ba Thê bước đi hai bước bị bốn Lọt gọi giật:

-Hè, chú mang chai rượu về - Bốn Lọt giờ đầu gậy chỉ chai rượu màu vàng đang đứng lẻ loi trên nền. Cực chẳng đã, ba Thê quay lại, quay lại và khum xuống, khum xuống rồi cầm chai rượu nhét vào lưng quần, bước đi...

3. Làng An Phổ giờ như đang có trận động đất kéo dài. Cả làng cuồng lên với những tiếng động như bị kẻ cướp cầm đinh nhọn chọt vô lỗ tai, kêu gào inh ỏi. Mới bảnh mắt, hai thằng cha gặp nhau đầu ngõ, nháy nhau. Thằng trẻ tuổi giờ bọc mồi lên cao ngang mày, đưa qua đưa lại như mấy tay tập chó săn mồi. Thằng già hơn chút xíu cười tít mắt. Một thằng đưa qua đưa lại, một thằng cười tít mắt. Cả hai quàng vai nhau bước đi, giữa đường gặp thằng chạy xe máy Tàu mới mua chiều qua, bèn chặn lại. Bọc mồi giờ lên, đưa qua đưa lại. Thằng có chiếc xe tàu rú ga, bóp còi tin tin, khói phun sau đít xanh dờn. Ba thằng hể hả chát nhau lên xe, rú ga phành phạch, phóng thẳng.

Cuộc nhậu bắt đầu bằng tiếng rú ga. Những thằng trai làng lao vào hũ rượu. Chúng vừa được giải phóng, vừa được lột xác. Không ai gọi chúng là thằng nông dân nghèo kiết xác nữa. Tiền ấy từ trời cao rớt xuống, rớt trúng vào tay một lũ trước là bản cố nông. Làm bản cố nông tự dung được ruộng, nay sắp làm công nhân thì được tiền. Có tiền trong tay rồi. Nhậu. Nhậu để mừng được lột xác. Nhậu để lột cái xác nông dân hôi hám mùi bùn, mùi cứt trâu, cứt bò bám dày trên tóc. Mai một đây thôi, không ai dám ngang nhiên gọi chúng là nông dân, chúng sắp thành công nhân rồi đít rồi. Phải gọi là anh, anh công nhân! Công nhân là giai cấp tiên phong, tiến lên hàng đầu, sản xuất hàng loạt sản phẩm cao cấp bán ra nước ngoài, thu về đồng vàng, đồng ngoại tệ. Giàu nước, giàu làng, anh công nhân cũng giàu, thơm tho chớ không hôi hám mùi bùn cứt. Dzô... dzô... Chúng khạc ra những tràng dài như đạn pháo bắn vào đồn địch. Đồn địch vỡ toang, xác địch như rạ. Dzô... dzô...

Từ sáng đến xế chiều những tràng đại bác bắn xối xả, bắn tiếp tiếp, liên tu bất tận lên những đôn bót đã bị vỡ cháy. Và, giờ đã đến lúc ca khúc khái hoàn. Những kẻ thắng trận như tử bắt đầu mở máy, vặn volum hết mức, thọc đĩa nhựa vào ổ máy. Máy chạy xè xè êm như con gió nồm phát phơ buổi xế chiều. Chiếc karaoke mới mua êm như xe ô tô con mới xuất xưởng. Những hình người chạy nhảy trên màn hình. Nhạc xập xình xập xình, những chiếc micro đưa sát miệng. Chiếc micro giống ống thổi lửa kê miệng thổi vào bếp lò, củi bốc khói. Phoooo...phoooo...oooo... Cả rượu, cả miệng răng và lưỡi cùng cất lên, phoooo... phoooo... đồng ca: “...*Đêm mắc mừng ngủ với vợ, nghe nói rượu thì dậy mà đi. Vợ có nói năng chi, đây là cho một đập...vợ là vợ mà ta là ta. Vợ cầm chén lên tay ta cầm chai đập lại trong cuộc chiến điều tàn, mà vợ là vợ còn ta là ta. Vợ thì ví như com, em thì như tô phở, com mà khê thì đi ăn phở, vợ là vợ mà com là com...*”. Những tràng đại bác bắn vọt từ những chiếc miệng há lớn. Âm thanh bập bùng. Rượu phùng phực bập bùng bay ra tiếng đại bác nổ đing tai. Mái nhà rung rinh. Cây cối đứng ngoài rào nghiêng ngã theo tiếng đại bác dội lên. Cuối xóm, tràng đại liên của mấy bà sồn sồn không chịu kém mấy thằng thanh niên, xô những tràng baaang... ra sân. Tiếng nổ chát chúa, tiếng đại liên tiểu liên gào lên: “*Lỡ yêu rồi, làm sao quên được anh ơi*”. Những cái miệng rượu phậm phực gào lên, trả lễ: “*Thôi nín đi em, lệ đầm vai rồi, buồn chi nữa em, mai một sang ngang, lòng anh nát tan, tình đã dờ dang...*”. Dờ cái con mẹ lũ nhóc: “*Đêm nay trên đường hành quân ra mặt trận, trùng trùng đoàn quân...*”. Mẹ kiếp mặt trận vỡ rồi, thắng trận rồi, hành con khi gió. Lập tức tiếng bộc phá inh oàng ca vọng cổ eo éo ở đâu đó, nổi lên, tung bông mái tranh: “*Cúc Hoa ôi, cũng vì duyên số, kẻ bắc người nam... đôi nhạn lẻ bầy... nên đôi ta chẳng đặng sum sê...ơ...ơ... và...y và...ây...*”. Đây không phải đạn pháo, tiểu đại liên, bộc phá, cà nông mà là tiếng súng thắng trận. Người ta bắn pháo bông mừng thắng trận. Anh công nhân thắng thằng nông dân. Nhà máy chiến thắng ruộng đồng. Chết lũ chúng bay. Hết cái thời khói đốt đồng bay bay trong gió chiều. Hết cái mùi rom rạ phảng phất. Sẽ chỉ còn lại mùi xăng dầu, mùi công nghiệp cất cao cuộn khói như vòi rồng. Vòi rồng chóc mồm hút nước biển Đông, há mồm phun ra khói. Khói phun ra sản phẩm cao cấp. Sản phẩm phun ra tiền bạc và tiền bạc đẩy mấy anh công nhân bay bổng lên tít trời cao, tận mây xanh. Rượu trộn lẫn với tiếng ca sấm sục hóa thành những con rồng, bay lộn vòng vòng...

(...) Bữa hôm ba Thê gặp thằng mặt méo trưởng thôn lấy danh sách đám thanh niên đưa cho ban quản lý khu công nghiệp tuyển chọn công nhân, hấn nhấn nhó: “Cái cột nghề nghiệp ghi sao đây? Có đứa nào có nghề ngỗng gì đâu, toàn cắt lúa, đánh cộ bò, thò hàng... Có đứa nào biết gì về máy móc dây chuyền, ghi làm sao?”. Trưởng thôn đang bập bập điều thuốc trên môi nói: “Thì ông ghi đại vào. Đứa nào cũng biết chuyện, biết công nghiệp tât, chết ai?”. Ba Thê: “Còn cái vụ hát hò, rượu chè ông tính sao chớ coi không đặng. Mấy ông bà già phản ánh: chịu hết thấu. Hát thâu đêm suốt sáng. Cả làng thi nhau hát, không ai ngủ nghề gì được. Đầu xóm đùng đùng, cuối xóm đùng đùng!”. “Văn nghệ. Đây là văn nghệ! Không thể cấm nhân dân phát huy văn nghệ. Mặc, cứ để hát líp ba ga. Hát ón, mỗi miệng tự chúng nghĩ. Không cấm được đâu. Luật không ghi cấm hát hò, cứ phát huy tính dân chủ, là nhân dân làm chủ...”. Trong khi

đang nói, điều thuốc vẫn dính cứng trên môi. Điều thuốc nhảy tung tung trên môi khi phát âm, như thể điều thuốc cũng đang múa may điệu hip hop, múa may đến ngất ngây, nước miếng thấm ra đầu giấy ướt kêu đánh xèo nghe thiệt nhỏ. Điều thuốc tắt ngấm. Trường thôn bập bập mấy hơi tiếp, không nghe khói chạy vô phổi, liền nhỏ phẹt xuống đất. Ba Thế nói: “Vậy thì cứ ghi thí xác?”. “Ừ, thí xác!”.

4. Không ai làm tình làm tội hột cát nhỏ, tể bào nhỏ xíu kia. Sức của ông có gào rống, bắt quá bay xa vài chục mét, bay lòng vòng trong làng, rồi mắc kẹt đầu đó giữa lùm bụi ken dày, tối thui, mất hút. Lúc đầu người ta cũng hơi bị bực mình, khó chịu. Khó chịu và tìm cách hạ ông, nhưng không hạ được, không thể làm tình làm tội ông được. Bốn Lọt vin vào cái dân “bàn kia” để bực tức bàn, lớn tiếng bàn. Nhưng không ai nghe ông bàn, coi như ông gào rống với đầu gối, bay vào thình không. Người ta ngó lơ. Bí thơ bận bịu với con bồ nhí bia ôm. Chủ tịch loay hoay giấy tờ cho mấy lô đất giá ngàn vàng. Người ta lo giữ mấy lô đất riêng, lo ôm ấp bộ ngực căng phồng của cô bồ nhí, hơi đầu tranh cãi với ông già sắp gần đất xa trời?

Đất trời không chịu theo ông, theo nhân dân. Càng ngày ông càng gầy xẹp đi. Gầy xẹp có lẽ vì buồn, tiếc... mà cũng có thể con người ông chỉ đứng vững chừng ấy với năm tháng.

Lũ con ông xúm về săn sóc. Có đứa còn ấn vào tay ông quyển kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa. Ông đẩy ra, thều thào: “Một mình cha đọc thì phỏng ích gì. Không ích gì, nếu như cả bầy đầy tớ nhưng nhúc kia không thèm liếc mắt tới Bát Nhã...”.

Mặc dù ông đã nằm một chỗ, miệng không thể gào như trước, nhưng hai tai ông lại vểnh lên như tai mèo. Ông nghe hết mọi chuyện từ đầu thôn tới cuối xóm. Ông nghe rành rọt từ những cái miệng của người khác. Những người tới lúc này mới nhận ra ông già có lý do để gào, để cầm cây gậy củ tre chỉ vào mặt thẳng mặt méo một bên, hươ cây gậy xua đuổi thẳng tạt bắn vào thịt da mình. Nhưng giờ thì đã quá muộn. Bốn Lọt xẹp lép, nằm dán sát trên chiếc chõng tre. Ông như chiếc lá sắp rụng xuống đất, như bọt bèo sắp tan vào đại dương mênh mênh. Hối thì đã quá muộn, nhưng thế nào người ta cũng không để ông cô độc. Người ta đến thăm ông, không có hộp trà nhân sâm, không có yến sào... chỉ vài nải chuối mật, chục trứng gà so, và kèm theo:

“Nhà thẳng Bánh sạch trơn. Mua xe máy Tàu chở vợ được ba bữa. Đi nhậu quất cần câu, tự đâm đầu vào cột cây số nước. Xe cong như chiếc bánh tráng nướng, còn cái đầu nó thì toác ra. Mới hôm kia thôi, không chắc sống nổi. Khổ con vợ!”.

Ông già vểnh tai lên nghe tiếng chép miệng thương cảm của bà bạn già ngoài xóm Lầm. Âm thanh tiếng chép chưa kịp bay tan đầu đó trên tấm vách tróc lở vôi vữa thì một giọng khác chen vào:

“Từ ngày hết ruộng, có đồng tiền đên bù sinh lung. Từ nhỏ chí lớn nhậu nhẹt, ca hát suốt ngày như lũ điên. Nhà này có dàn máy karaoke thì nhà khác dòm vô, ba chân bốn cẳng chạy xuống phố ôm về cái đặc hơn, xịn hơn. Suốt ngày đêm đùng đùng như động đất... Đưa vào nhà máy chỉ đếm trên đầu ngón tay. Còn lại thất nghiệp! Ruộng đâu nữa mà sống, đưa đi phụ hồ, đưa chặt mía thuê, đưa giữ em dưới phố... cũng long lỏng cái bụng, chưa chết đói!”.

Một giọng khác cất lên, như giọng đàn ông, còn trẻ:

“Con Nhạn con Tòng ròm sắp sửa làm đám cưới với thằng Nhơn con hai Phó, bỏ nhà đi, rủ theo chục đứa khác lên Sài Gòn bán bia ôm...”

Ông già cục cựa trở mình. Trở mình mà không xoay qua được. Những âm thanh cứ lăn tăn trong đầu, những hình ảnh cứ lăn tăn trước mắt. Cái mông tròn của cô gái làng An Thổ vùng dậy khỏi thằng hãm hiếp, chạy tuốt lên Sài Gòn. Những cái mông tròn làng An Thổ lại dạn háng, lại tiếp tục bị hãm hiếp. Giọt máu đen từ xa, rất xa bay thẳng, găm vào mắt ông, chảy ra, vón lại thành cục ghèn to bằng đầu đũa...

(Vĩnh Long, tháng 7/20010)

Miền Không Dấu Chân Người

*Le champ couvert de morts sur qui tombait la nuit.
Il lui sembla dans l'ombre entendre un faible bruit.*
(Victor Hugo, Après la bataille)

Chuyến xe cuối ngày xuống khách ở ngã ba đường dẫn vào thị trấn. Lẫn trong đám người nhón nhác là người đàn ông gày gò, vai lệch, hai hốc mắt trũng sâu, ngơ ngác đưa mắt đảo một vòng rồi khoát chiếc túi xách lên vai, lầm lũi bước trên con đường đất đỏ dưới cơn mưa lất phất.

Đứng trên đầu dốc, người đàn ông nhìn sững màn khói lạnh đùn lên thành dải trắng đục lênh quẩn quanh chóp núi cao, những ngọn đồi lộ nhô dưới xa kia và sự di động chậm chạp của những bóng người li ti bên những đường ranh đất đỏ giữa các vườn cà phê. Trong thị trấn, các hàng quán bắt đầu kéo hẹp cửa, sáng ánh đèn từ bên trong và mái hiên đội xuống, lẫn trong bóng chiều ngập sương.

Phía bên kia đường, người phụ nữ đi ngược chiều, mang chiếc gùi có mấy cọng bạc hà xanh mướt nhô lên. Cả thân hình chị chúc xuống như sắp ngã chúi về phía trước, trên con dốc nhoè đỏ giữa màu sáng lờng nhập nhoang cuối ngày.

Người đàn ông dõi mắt nhìn một lúc, rồi tiếp tục bước dưới bụi mưa bay bay. Bóng tối xuống mỗi lúc một đậm hơn.

Người đàn ông bước ngập ngừng qua mấy dãy phố nhỏ rồi ngóng về phía ngọn núi trước mặt bắt đầu nhoè sẫm. Ông không nhớ mình đã bám xe đồ lên miền đất này bao nhiêu lần để nhìn nó, rờ chạm vào nó như đang trở về với người thân, như tìm kiếm vật báu đã rớt lại chốn này. Ông đã bao lần háo hức bước ngược lên dốc núi dựng đứng, rồi thả rơi về chốn cũ với vẻ mặt đầy thất vọng đau khổ.

Lần này, ông cũng bắt đầu bằng nỗi háo hức mới nguyên khi cắm đũa vào tô mì đang bốc khói nghi ngút, trong ngôi quán dựng bằng những tấm cốt mò o. Những sợi mì vàng quăn quanh đôi đũa không ám lên bóng núi nhoè vào bóng đêm. Một chút khí lạnh trườn tới quanh tô mì tưởng có thể thò tay nắm lên được.

Đang lúc ăn, khách không nhận biết người chủ quán bước ra, đứng sau lưng. Ông ta cao to. Râu quai nón và râu mép xồm xoàm làm cho khuôn mặt càng thêm u tối. Chủ quán quan sát khách một lúc rồi bước tới, ngồi xuống phía đối diện, bộ dạng dò xét, vừa lôi từ túi áo gói thuốc, bật quẹt rít một hơi thật dài, phun khói mù mịt. Đợi khách ăn hết tô mì, ông hỏi: “Ông đi đâu giờ này còn ngồi đây?”. “Lên đỉnh núi 635, ngọn núi Tứ Thần”. “635 là núi nào?”. “Ngọn núi cao nhất ở trước mặt kia”. Người đàn ông bật cười ha hả, những cọng râu cũng bật rung theo: “Núi Chư Đ’rắc. Đó là Chư Đ’rắc. Mà ông lên đó làm gì?”. “Tìm một người”. Chủ quán ngạc nhiên vừa liếc nhìn vào chiếc tô trống trơn trên mặt bàn gỗ. Ông ta lắc đầu, rít mạnh hơi thuốc rồi quăng tàn vào vách. Mẩu thuốc thừa bị chạm mạnh lên vách văng ra những đốm đỏ li ti và tắt ngấm mau chóng. “Lên núi tìm người. Lạ thật. Có ai trên đó để tìm? Nhưng trời tối rồi, sao đi kịp? Ở xứ này không có quán trọ. Mà cũng thiệt lạ, ngọn núi kia cất giấu những thứ của quý gì nhỉ? Tôi nghe nói có một người đàn ông cứ thỉnh thoảng lại lên thị trấn nhỏ này rồi mò vào núi tìm kiếm cái gì đó. Chợt đèn chợt đi như con sói mẹ đi tìm đứa con đã bị đánh cắp”. Khách dừng đũa ngó vào mặt chủ quán định nói gì đó nhưng rồi lại tiếp tục cúi xuống tô mì chỉ còn chút nước lợn cợn dưới đáy. “Anh không biết đấy thôi - chủ quán đổi cách xưng hô. Ngày xưa, trên ngọn núi này là nổi kinh hoàng của quân hai bên. Tất cả đều bị san bằng, không một ai sống sót, thành một nấm mồ tập thể. Kinh khủng. Chiến tranh thật kinh khủng”. Nói và chủ quán thần thờ nhìn những vạt sáng tối nhảy nhót ngoài hiên, thò tay vào túi áo định rút

điều thuốc khác châm lửa, nhưng nghĩ sao rút tay lại, nhìn vào mặt ông khách. “Anh có ai quen ở thị trấn này không?”. “Không”. Ngẫm nghĩ một hồi: “Nhà chỉ mỗi một chiếc giường. Hay tôi lấy tấm bạt anh nằm tạm trên nền vậy. Tôi vào rừng khuya mới về”.

Trong khi nói, bộ râu trên mép và chòm râu dưới cằm luôn khua động, có vẻ như lời nhắc chừng người khách lạ, cho đến khi đôi môi khép lại thì hình như sự bình yên như mái hiên nhà được kéo dài thêm ra một chút cho khách.

Cái lạnh và mệt mỏi đường xa khiến người đàn ông cong rút trong tấm bạt quấn kín lại như con sâu kèn. Mưa gõ ào ào trên mái tôn. Tiếng gió chạm, tiếng chim đêm kêu thảng thốt ngoài cánh rừng, nghe thật gần; có cả những tiếng lộc cộc đều đều như có người cầm búa gõ gỗ lên thân cây mục. Những âm thanh và gió ngái lạnh kéo sụp hai mắt người khách lạ bằng tiếng thờ nặng, gãy khúc.

Giác ngủ chập chờn đu đưa qua lại trên mẫu xương cá nhọn vây quanh ngọn đồi. Những tiếng lộc cộc vỡ toác ra, rít lên the thé, vỡ toang tiếng nổ bên giao thông hào. Đất đá khạc ra màu đỏ của lửa rực và máu, còn bên trên, tít trên cao kia là chiếc chổi của mụ phù thủy xịt từng cột khói đen ngùn ngụt, lúc cao lúc thấp cùng với những tiếng nổ đến trời long đất lở.

Cả đại đội của anh chẳng khác gì bầy gà con bị ném vào vũng cỏ rôi. Bên dưới kia, trong các khe lũng, dòng suối, đôi phương trùng trùng lớp lớp ào lên như thể những đợt sóng thần dựng đứng và bở ảm xuống. Hết đêm lại ngày. Từ ngày này qua ngày khác. Cái chảo lửa khổng lồ ấy hùng hực thiêu đốt cả trăm sinh mạng, đẩy ngược từ phía lưng núi gãy lên tới đỉnh bằng kèm theo những tiếng nổ xé nát núi rừng. Cả đại đội chỉ còn mười người không lành lặn, co cụm về phía các hốc đá như những mộ huyết định mệnh, không còn đủ sức chống đỡ đôi phương băng lên. Trên cao kia là những chiếc chổi lem luốc và những con mụ phù thủy lem luốc dữ dằn không ngớt khạc nhổ những bãi nước bọt trắng xanh, tanh lợm xuống đỉnh đồi.

Cứ điểm 635 trở thành vũng bùn nhão nhoét. Thân thể anh bị hất tung ra khỏi hốc đá. Khẩu súng trên tay hình như biến thành con cá núi lặn tít xuống vực suối sâu. Sau đó, thân thể mọc ra đôi cánh, từ từ bay lên chóp trời mây trắng và tan loãng thành những hạt nước mưa ngập ngừng rơi không đến mặt đất.

Anh nghe miệng mình khô khốc và đắng nghét. Toàn thân như thỏi sắt nung. Chung quanh yên tĩnh đến rợn người. Ngày hay đêm sau đôi mắt khép cứng? Hình như có ai đó bồn chột dùng cây lẹm khâu kín hai mí mắt bằng sợi thép gai? Và anh đang ở đâu?

Mắt không mở. Cả người cứ lạo rạo như những hạt sỏi nhỏ, dần súc trong chai. Đôi chân thành hai tảng đá. Hình như cả tay cũng hoá đá? Đầu cứ lụp bụp lói nhói những hạt bắp bị ghè lăn trong đường rãnh cối xay đến nát ngừu.

Ngày và đêm không còn xù xì hình dạng. Mọi tiếng động trước đây đều im bật. Im lặng đến có thể kéo nhôm cả cánh rừng bạt ngàn bay qua miền đất không có tên tuổi.

Lại lịm đi. Lại tỉnh dậy. Có tiếng rên yếu ớt đâu đây. Tiếng từ lồng ngực vỡ của mình thoát ra hay tiếng xương gãy khua chạm vào nhau? Mắt vẫn bị khâu kín. Tay chân không thể động cựa. Một sinh vật nhỏ bé áp vào thân thể anh âm ỉ, thì thào “nuru...uơ...”. Tiếng kêu mỏng manh như sương như khói, đứt quãng như một mảng mây mỏng bị trận cuồng phong kéo lên dập xuống đến tả tơi.

Thời gian trôi qua không biết bao lâu, nhưng giờ thì anh nhận ra, quanh quất đâu đây là mùi khói đạn, mùi nhựa cây, đá bị thiêu cháy trộn lẫn với mùi máu khô nồng nặc. Đầu óc anh nhận biết được rằng cả ngọn núi này đã thành tro bụi. Mọi sinh vật đều bị nghiền nát. Tiếng thì thào lại nổi lên. Anh cố sức quay về phía phát ra giọng nói yếu ớt, cố hết sức mở hai mí mắt

một cách khó khăn và đau đớn. Theo bản năng, anh lần bàn tay vào thắt lưng và nhận ra chiếc bình đồng nước còn đeo dính bên hông. Đất đá phủ kín người. Phải khó khăn lắm mới cong được tay gạt lớp đất đá, lần vào thắt lưng, chỗ có chiếc bình đồng nhưong mắt về phía vừa phát ra những âm thanh méo mó khi nãy. Nhưng anh không còn cảm giác gì nữa, rồi lả đi, chìm trong cơn sốt chói loà màu đỏ lẫn với màu vàng cam nháy nhót, quay cuồng. Bất thần một trái bom (hay một tảng đá) dội thẳng vào người anh, nát ngừ... Anh cảm thấy mình nhẹ tênh như một chiếc lông con thiên nga tự trời cao chao lượn mãi mãi trong khoảng không bênh bồng mây trắng, mênh mông...

“Hình như anh đang lên cơn sốt. Anh đang kêu khản giọng câu gì đó không thành tiếng. Người nóng quá. Anh bị sốt rồi”, chủ quán nói với khách vừa lay lay một bên vai. Khách mở chòang mắt, chống tay ngồi dậy, lắp bắp: “Lại những giấc mơ hãi hùng”. Cặp mắt không còn thần sắc ngó dáo dác ra bên ngoài, trong khi chủ quán chạy vội vào trong. Lát sau trở ra trên tay cầm chiếc khăn vải bọc những thỏi đá nhỏ. Chủ quán chà xát lên mặt lên cổ khách như thể một người thân lâu ngày, quá lâu ngày, trở về. Trời vẫn còn tối đen. Gió sốt soạt luôn vào vách ván lạnh ngắt. Khách cố về dụ lại đôi chút. Chủ quán: “Để tôi pha cho anh ly cà phê”.

Bây giờ thì người khách lạ đã tỉnh táo chút đỉnh. Anh ta ngồi dậy, cuộn tấm bạt, chặn gói đặt ngay ngắn lên ghế. Hai ly cà phê bốc khói trên mặt bàn gỗ ghép bằng những mẫu ván bìa. Chủ quán lại rút thuốc châm lửa như một thói quen không thể dừng. “Hồi nãy anh kêu hãi hùng...?”. “Tôi luôn bị những giấc mơ kinh hoàng xuất hiện trong giấc ngủ từ hơn ba mươi năm nay. Nó li lợm như một gã ăn xin truyền kiếp”. “Giấc mơ? Có những giấc mơ đẹp và những giấc mơ làm con người chết khiếp. Mà sao anh toàn mơ thấy những điều kinh hãi...?”. Khách rụt chân lại, đầu gối chạm lên mép bàn kêu thành tiếng. Suy nghĩ một lúc, khách lên tiếng: “Cái người đàn ông mà ông nghe nói đó là tôi. Chính là tôi”. “Anh đi tìm gì?”. “Ngọn núi Chư Đ’rắk đó là nơi tôi bị ném xuống như người ta ném một viên sỏi cách đây hơn ba mươi năm. Sau khi tốt nghiệp trường Luật, tôi bị động viên, rồi trực thăng thả chúng tôi lên đỉnh núi tử thần này. Đó là một ngọn núi chiến lược. Bên nào chiếm giữ được nó coi như khống chế toàn bộ cả vùng rừng núi bao la trải dọc mạn tây-bắc thành phố, và hơn hết nó là cái nút chai bịt kín, ngăn không cho đối phương tràn xuống đồng bằng ven biển. Nó là cái yết hầu. Được là có tất cả. Mất là mất tất cả. Hai bên quân nhau từ ngày này sang tháng khác. Thương vong là chuyện cơm bữa. Chúng tôi có phi pháo yểm trợ tối đa, còn đối phương thì có núi rừng điệp trùng, có những gộp đá che chắn cùng với sự liêu lĩnh...Bất phân thắng bại bởi đồ tiếp tế (súng đạn, nước uống, lương thực...) từ trên cao thả xuống đỉnh núi chỉ đến được tay chúng tôi phân nửa. Phần còn lại là cánh quân lẫn trong màu lá rừng. Cả hai đều được tiếp tế đầy đủ nên tha hồ quần thảo nhau như thú nhỏ chơi trò cút bắt. Tới một đêm mưa lác cắc, cái lạnh của khí đá tràn về cũng là lúc họ dồn tất cả mọi hỏa lực tấn công lên vành đai phòng thủ. Hình như họ từ dưới lòng đất chui lên, từ các cành cây hay trời cao bay xuống. Vành đai phòng thủ phía đông-nam bị vỡ, rồi tiếp tới mạn sườn phía bắc. Vậy là bao nhiêu bom đạn từ các chiến đấu cơ điên cuồng đổ xuống như vãi cát. Một ngày u ám, một ngày rung lên và bắt đầu cuộc giết chóc man rợ nhất: xoá sổ cả đại đội để xoá sổ luôn quân địch. Các đại đội trưởng, đại đội phó đều tử thương, trung đội đều tử thương. Tôi là chuẩn úy mới ra trường năm quyền chỉ huy 14 người lính sống sót, mình mẩy đầy thương tích. Chúng tôi không đủ hơi sức chống đỡ hỏa lực từ bên dưới bắn lên, từ trời cao dội xuống. Ngày tàn của kiếp người đã hiện rõ, thật rõ theo những chùm bom lập loá trong ánh sáng hoá châu. Và không hiểu sao, tất cả 14 con người sắp về với cát bụi kia cùng một lúc hướng mũi súng lên trời cao bắn như điên như cuồng vào cõi trống không, như thể thoả mãn chút tủi nhục cay rất đang tòe ra. Bởi kẻ thù của chúng tôi lúc ấy,

chính là những chiếc chổi nhóp nhúa trên cao kia chứ không phải quân đối phương đang tiến lên, cũng không phải chủ nghĩa, ý thức... này nọ. Sự sống và cái chết như một cành cây giữa giông bão. Mà bản năng con người luôn giành lấy sự sống trong tình cảnh khắc nghiệt trước mặt. Và rồi điều tệ hại nhất đã đến: hàng loạt bom tấn cuối cùng cũng dội cả lên đầu chúng tôi, lên tất cả những ai còn thờ trên đỉnh núi. Những người lính của tôi, người ngã vật ra máu phun thành vòi, người bị nhắc bổng lên cao rồi rơi xuống như thể người ta cầm con cóc ném lên cao. Phần tôi chỉ kịp nghe một tiếng nổ long trời lở đất và một cột lửa bốc cao để thấy mình đang bay vào cõi chết tức tưởi, ô nhục nhất của tuổi trẻ”.

Chủ quán nhìn người khách lòng trĩu nặng, ái ngại. Chiếc bật lửa và điều thuốc cầm sẵn trên tay, nhưng lửa không đốt lên, khói không bay ra. “Ôn trời phật, anh đã thoát chết, như...ưong...”. Chủ quán ngáp ngừng, bỏ lửng câu cuối. Khách nhìn chủ quán, hàm ơn sự cảm thông, chia sẻ. “Tôi không biết tại sao mình sống sót trong cái chảo lửa khổng lồ kia. Khi mở được mắt, cử động được chân tay việc đầu tiên là vệt những lớp đất đá phủ kín người nằm bên cạnh. Không phải là người lính mà một cô gái. Túi cứu thương vắt ngang ngực cô ta có hình chữ thập đỏ ướt đẫm máu. Quần áo cô ta rách toạc, mặt mũi đen nhem như anh lính cứu hoả vừa từ đám cháy dữ dội phóng ra. Tôi rút chiếc bình đồng, nhỏ từng giọt nước nhỏ vào miệng, dùng vạt áo rách lau mặt mũi...rồi tìm vết thương trên người: bàn chân bị dập gãy, bên hông sượt một vết sâu. Những vết thương trên người cô gái không rõ có phải do mảnh bom đạn hay là những vết cắt, dằm của những mảnh đá vỡ xán vào. Máu me đầm đìa. Tôi nấn đến đâu cô ta cong người lại đau đớn tột cùng. Tôi mở túi cứu thương thấy có cả dao kéo và thuốc nhưng chẳng biết phải làm gì với chúng. Tôi dùng băng cá nhân từ chính chiếc túi xách trên người cô băng bó các vết thương, nhưng máu cứ chảy ra như những mạch nước trong các khe đá. Tôi chỉ làm được có vậy. Chung quanh không còn ai, không có gì để có thể cứu cô gái tỉnh lại và bớt đau đớn. Những người lính nằm vắt ngang trên những phiến đá vỡ, thân thể bẹp nát như vừa lấy ra từ cối xay bột! Tôi bất lực, đầu óc mụ mị đông cứng trước cảnh tượng đó. Lâu sau cô ta ú ớ giống tiếng nứt vỡ của hạt cây nào đó từ lòng đất. Tôi nâng đầu cô lên, ghé vào tai nói bằng chút sinh khí yếu ớt: Cô can đảm lên. Sẽ có người đến cứu. Cô ta mở mắt nhìn tôi và kinh hãi đến tột độ qua ánh mắt tôi nhìn thấy, thì thào: “Còn chờ...ba...án” . Tôi siết thật chặt bàn tay nhỏ nhắn của cô gái cứu thương giọng phấn khích: “Chúng ta đều là những nạn nhân khốn khổ...”. Không rõ cô có nghe được câu tôi nói không. Tôi chắc là không bởi cô lịm đi, hơi thở thoi thóp. Trời bắt đầu mưa lác cắc, gió lạnh lùa về mang theo bóng đêm ghê rợn. Với chút hơi sức còn sót lại, tôi mở chiếc áo chống đạn đắp lên người cô, kéo những cành cây gãy phủ lên che mưa, chắn gió. Nửa đêm gió lạnh dữ. Cô gái kêu khát. Tôi mở nắp bình đồng với niềm hy vọng sẽ có người đến, dù bên này hay bên kia để cứu cô. Vì trong giờ phút ấy, tôi nghĩ bên nào tìm thấy chúng tôi, ranh giới thù hận sẽ không còn ai nghĩ tới. Hai sinh linh thoi thóp kia cần phải được sống bởi họ còn tuổi trẻ, họ còn ngày mai.

Bả vai trái của tôi bắt đầu đau nhức ghê gớm. Tôi có cảm giác như chiếc áo trận nơi bả vai cứ phồng lên từng giây từng phút. Cô gái bắt đầu mê sảng, sốt hầm hập. Bằng hơi thở yếu, giọng đứt khúc cô nói: “...cái ví trong túi áo. Nhà tôi ở phố.... Tấm ảnh gia”. Phải khó khăn lắm tôi mới nghe tiếng được tiếng mất. Tôi kê sát vào tai nói không sao cả, cô sẽ được cứu, cô sẽ được trở về với gia đình, chúng ta sẽ được cứu sống. Đồng đội của cô sẽ đến ngay. Một lúc sau giọng cô bắt thần vụt sáng chói như chiếc bắc đèn giữa đêm gió lạnh cắt da: “Bên trường Y, tôi còn...” Tôi kê tai sát môi cô gái nhưng không nghe được gì nữa. Cô cong người lên, tay bấu chặt vào người tôi. Tôi vội vàng ôm người cô nhưng thân hình mỏng manh đầy máu me kia ngội dần, lạnh dần sau tiếng nấc nghẹn.

Đêm tối đen. Gió vi vút thổi qua ngọn đồi tan nát. Đất đá rơi xuống. Tôi không biết cả hai đang nằm ở đâu, trên đỉnh, lưng chừng núi hay đáy vực. Tôi ôm xác cô và khóc. Tôi khóc vì sự bất lực của mình. Tôi khóc vì sự tàn nhẫn của chiến tranh, phi lý của một kiếp người, lòng hờn oán... Tôi khóc cho tuổi trẻ chúng tôi và rồi lịm đi...

“Chiến tranh thì ở đâu và lúc nào cũng vậy..., chủ quán thờ dài với giọng buồn bã, trước tôi cũng ở binh đoàn Hương Giang, cũng từng chứng kiến cảnh vật vã của thương binh miền Nam, của đồng đội chúng tôi sau những trận đánh. Tôi cũng nhìn tận mắt cái chết của họ trên tay, tôi đã nhìn thấy nụ cười của họ khi nhìn tôi trong giây phút cuối cùng. Nhưng không thay những nụ cười ấy không làm cho chiến tranh ngưng lại cho tới khi...”. Khách ngạc nhiên nhìn chủ quán với cái nhìn đồng cảm. “Tôi định bụng khi tỉnh dậy sẽ dùng chút sức thừa còn sót, đào cho cô ta và các chiến hữu của tôi một mộ huyết, sẽ xếp những viên đá bị bom dội nát kia thành một nấm mồ tuyệt đẹp cho họ, nếu có thể. Nhưng điều đó đã không đến, không bao giờ đến được; cũng như từ khi tôi nhìn thấy đồng đội tôi ngã xuống...đến lúc cô tắt thở... Tôi luôn cầu khẩn cho cô qua được cơn đau đớn khủng khiếp, cô sẽ sống và trở về với gia đình, với những người thân yêu. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Lòng thành của tôi không thấu trời cao...”. “Rồi phép màu nào anh được cứu sống?”, chủ quán hỏi.

Khách xoay ly cà phê nguội ngắt trong lòng tay. “Đó là một bi kịch của đời tôi. Thay vì chết tôi đã sống. Thay vì sống để tự tay chôn cất cô gái xấu số kia thì tôi lại mất tất cả: Tỉnh dậy tôi thấy mình được nằm trên chiếc giường trắng tinh, người được băng bó như đang khoác tấm áo choàng lông trắng, sợi dây dài lòng thông chuyện sự sống vào người tôi... Nước mắt tôi ứa ra. Lúc này tôi tỉnh táo hoàn toàn dù khắp người vẫn đau đớn. Những gì hiện ra đầu tiên trong đầu óc tôi lúc đó không phải là cha mẹ, anh chị... mà là cô gái máu me đầm đìa là những đồng đội không toàn thân. Những người bạn của tôi và cô gái không đáng phải nhận lãnh cái chết như thế. Và điều tệ hại nhất khi tôi xuất viện (trên một chiếc tàu ngoài khơi) tất cả quần áo, vật dụng cá nhân đã biến mất. Chiếc ví cô gửi gắm cũng biến mất. Trong đầu tôi chỉ còn mấy tờ chợ giớ đó và trường Y nhảy múa... Tôi gào lên như một đứa trẻ bị mất đồ chơi.

Chiến tranh thì có tội với tuổi trẻ. Còn tôi thì có tội với cô gái không nhìn rõ mặt, cũng không biết được tên tuổi, bởi tôi đã không thực hiện được lời gửi gắm cuối cùng”.

Chủ quán tới lúc này mới dứt điều thuốc nhưng cứ giữ mãi giữa hai ngón tay. Vòng khói trắng la đà cất lên rồi tan nhanh trước mặt hai người. Vòng khói như có như không kia khiến người khách chạnh lòng nhìn sững.

Khách đột ngột đứng lên, chìa bàn tay khẳng khiu về phía chủ quán: “Cảm ơn ông đã cho tôi ngủ nhờ một đêm. Giờ thì tôi phải lên ngọn núi kia”.

Chủ quán bóp chặt tay khách, không nói câu nào, yên lặng nhìn người khách lạ khoát túi xách lên vai, bước ra khỏi quán với đôi vai lênh lênh làm cho những chân nhang màu đỏ nhô trên miệng túi đeo, lũng lảng trên vai cứ nhảy nhót theo từng bước chân khập khểnh của ông ta.

(Thủ Đức, 3/2010)

Bóng Nắng

Sau khi mãn tang chồng tôi ngộ lời cầu hôn lần thứ hai với chị. Thay vì từ chối hay ừ, hay một cái tát như trời giáng mười sáu năm về trước, thì lần này chị quay mặt đi, hai vai rung lên như thể một thân cây bị lay lắt, vật vã đến nao lòng. Tôi bước ra khỏi cổng, bỏ mặc thân cây run rẩy, cong oặt chỉ mang theo cái nhìn sững sờ của chị. Cái nhìn đẹp và sáng như lưỡi dao nhọn.

Chị biết là tôi yêu chị đến cuồng dại và chị cũng yêu tôi. Nhưng để lấy tôi thì chị không thể. “Em nhỏ tuổi hơn chị”. “Em không cần”. “Mai một chị sẽ già trước em, em sẽ chán chị”. “Không đời nào”. Chị sẽ sàng với bộ mặt u buồn khiến chị càng đẹp rực rỡ trong mắt tôi, cuốn tôi chìm xuống tận đáy sông.

Và tôi lang thang. Lang thang cùng trời cuối đất những tưởng quên được chị. Nhưng cái tát trên má tôi rõ ràng là nụ hôn cháy bỏng chị dành riêng cho tôi. Tôi cất giữ như một bảo vật. Thỉnh thoảng tôi lại giở ra trong những giấc mơ khắc khoải, cảm thấy nồng nàn, bỏng rát và ấm áp đến lạ kỳ.

Tôi bị bắt lính, chị theo tôi. Tôi ra chiến trường, chị sát bên cạnh. Vào trại lao cải, chị thấp thoáng ngoài vòng rào... Chị luôn theo tôi trong từng giấc mơ.

Mãn tù lao cải, tôi bỏ nhào đến nhà chị giữa lúc hạnh phúc chị bị gãy đôi. Đợi hết tuần chay tôi mang bó huệ trắng cắm lên bàn thờ anh Lê, lâm râm cầu khẩn, rằng tôi sẽ thay anh bảo vệ mẹ con chị Bông đến tận cuối đời. Tấm ảnh dính chặt sau khung kính nhìn thẳng vào mặt tôi với nụ cười độ lượng. Một cảm giác ấm áp len vào tận cùng thân thể. Chị nhỏ nhẹ: “Cảm ơn em. Giờ em tính chuyện làm ăn gia đình là vừa”. Tôi ngó chị: “Nếu không lấy được chị, em sẽ không lấy ai cả”. Chị thông thả đứng lên, thông thả rút thẻ nhang thấp lên bàn thờ anh Lê, rồi quì xuống gõ lốc cốc vào chiếc mõ bằng trái gạo già, nâu thẫm. Ước chi là điều lành. Tiếng mõ lốc cốc kéo dài xô tôi ra tận bãi vàng. Gió rít quanh đồi ướt mưa. Cái lạnh quẩn như tấm mền dày bao lấy cơ thể mệt mỏi cả ngày dưới hầm sâu. Tôi hùng hục cùng với hàng trăm con người trên bãi đá, giơ cuốc bổ xuống lớp đất cứng hơn sắt. Cứ mỗi nhát cuốc, chừng như nhìn thấy từ đáy sâu kia cơ man là vàng lấp lánh. Dưới đáy sâu là hình bóng chị lung linh. Tôi rướn người lên, bổ xuống. Xách từng xô đổ lên. Tôi phải kiếm thật nhiều để chị không già, để chị long lanh như hạt sương mai, bổ nghiêng về phía tôi. Những buổi chiều xuống thấp, mây quẩn thành cột quanh ngọn đồi và trong căn lều bạt, tôi thấy bóng chị như bay như lượn trên tầng mây trắng lớp. Đêm hầm hấp nóng, từ xóp mây trắng nõn chị vệt ra đến bên tôi, áp bàn tay lên má tôi như một nụ hôn nồng nàn của người trinh nữ khiến tôi bật khóc trong đêm lạnh buốt xương. Tôi biết chị yêu tôi nhưng lại không thể lấy tôi. Nếu không yêu, sao những năm bên lò gạch, chị đã lặn lội lên tận núi với giỏ quà toàn thuốc chống sốt rét, kêu lên “em ốm quá”? Cái khoảng cách lưng chừng ấy khiến tôi đào căn hầm rộng hơn, sâu hơn để cuối cùng tới mùa mưa nước trắng rừng đành phải quay về với tám phân vàng. Tám phân vàng trong bốn tháng nơi cùng cốc thâm sơn tôi mang về đặt lên bàn thờ anh Lê. Đứa con trai chị giờ đã lớn. Nhìn thấy tôi lâm râm trước bàn thờ, nó hỏi: “cái hộp gì vậy chú?”. “Quà cúng ba cháu”. “Chú không chờ mẹ cháu về?”. “Mẹ cháu không chờ chú đâu, ngoan nhé”. Vàng mây trắng bay nghiêng đầu đó. Tôi ngơ ngác ngó quanh khu vườn rộng, bước bộ trên con đường gập gềnh như cuộc đời gập gềnh của tôi. Những bước chân giống con giận lấy trẻ con và mặt đường thì chẳng khác nào chiếc rổ rách. Gió lào xào như tiếng thở dài.

Thân cây cong oằn ấy, giờ bật đứng như chưa hề có trận bão ập qua. Chị vén mái tóc ra sau. Những ngón thon búp trắng muốt giữa suối tóc đen nhánh. Bước qua tuổi năm mươi, chị

vẫn còn giữ những đường cong gọn thoir con gái. Tôi trân trối nhìn ngọn tóc và những ngón tay, nhìn vào bộ ngực cô cút của chị và ánh mắt rười rượi..

Bất ngờ chị Bông đề nghị:

-Chị em mình lên chùa đi.

-Để chi? – Tôi hỏi.

-Cúng Phật.

-Cúng Phật? – Tôi hỏi lại.

Con đường trước nhà chị không còn gập gềnh, không như cái rổ rách trước kia. Hàng cây sao, bằng lăng tím che kín bóng. Tôi đèo chị trên chiếc xe máy khụt khịt như người bị sổ mũi, chạy chậm. Tôi nghe mùi da thịt chị miết vào khừu giác. Mạch máu chạy dồn dập như bầy ngựa đua. Qua ngã tư, thay vì quẹo trái tôi cho xe chạy thẳng ra hường biển. Chị bầu vai tôi:

-Em quên đường rồi sao?

-Không.

-Sao lại ra biển?

-Ra biển để em nghe mùi nước mắt.

Chị bầu chặt hơn và tôi tưởng tượng cái bầu tay bắt đầu một nụ hôn, những nụ hôn dài.

-Đừng có lãng mạn, em có biết... .

-Biết, em biết rất rõ. Đó là những giọt nước mắt tích tụ hàng ngàn triệu năm.

Tôi nghe tiếng thở sượt ẩm sau gáy. Chị buông tay ra và bất ngờ tôi quành xe lại. Chính tôi cũng bất ngờ về hành động này. Có lẽ, tôi nghĩ cái mùi nước mắt ấy cũng không thể mặn thêm hay nhạt hơn tí chút. Phỏng có ích gì khi lòng đã cay xè?

Chùa Hào Sơn giữa khu đồng trống. Cổng tam quan vôi vọi phía trên. Chị Bông thông thả bước lên từng bậc cấp, thông thả đến mong manh. Gió nam cò siết quanh chị, lật phất trên chòm cây bồ đề bành góc, tua tua rề như một ông già ngàn năm tuổi ngó lửng cuộc đời trước mặt, mặc cho râu xoãi dài, bốn cột vôi thảng ngày lướt qua, đâm sâu xuống lòng đất.

Lên đến bậc cuối cùng, chị ngoái lại, ngoác tội bước lên. Chị vôi vọi cao, vôi vọi lộng lẫy. Gió nam cò hát bay món tóc chị ra sau như thể sắp đu dính vào cội bồ đề.

-Em vào đi.

-Không chị vào lễ Phật một mình.

-Sao vậy?

Tiếng nói như rút từ thình không, xao vào đầu óc tôi.

-Phật chỉ có nụ cười từ bi và những lời răng dạy. Em không thể bước qua cửa thiền khi lòng không thanh thân. Chị vào lễ Phật và tiếp tục... - tôi bỏ lửng câu nói.

Chị Bông quay đi, bước hẳn vào bên trong.

Gió lật phất mang theo hơi nóng trên rặng Trường Sơn dòn về. Cái nóng làm tê cuống lòng người, làm khô dòn tấm áo phong phanh tôi mặc trên người. Chị khuất sâu vào bên trong. Tôi lần từng bước lên cổng tam quan, ngồi lên bậc đá cuối cùng. Phía dưới là cánh đồng xanh dòn, xa hơn là phố xá bet dính sát mặt đất. Những con người nhỏ bé xuôi ngược. Bầy người nhỏ bé ấy đang hỏi hã tìm cuộc sống cho riêng mình. Còn tôi? Tôi như chiếc rổ bung vành đang nhân xuống nước đồng sâu vớt chút rong rêu. Vậy mà không thể tìm thấy cọng rong nhỏ nào. Những chiếc nan gãy mục vênh lên hay chúc nghiêng, trông hoang hoác là ba mươi năm cố gắng vá lếp để thấy trống trơn, để thấy vô cùng chẳng với chụp được.

Gió lặng yên được một lúc rồi bỗng chúc xuống, hát tung những cọng rác khô trên bậc đá. Không gian đã sững lại bỗng ồn ào. Gió ràn rạt miết lên tường thành nổi cổng tam quan, cuốn cong những cành bồ đề rồi ngưng bật, như chưa hề có gió thổi ngang qua.

Bóng nắng đổ nghiêng qua tàng lá rậm, che phủ bậc thềm đá chồ tôi ngồi, nên khi chị Bông bước ra, đứng về phía chiều nắng nghiêng tôi không thấy bóng chị phủ lấp lên người tôi, nhưng tôi nghe hơi thở chị thật gần.

Chị vén áo ngồi xuống bên cạnh.

-Chị lễ Phật và xin xăm.

-Xin xăm – Tôi hỏi lại, lòng hoang mang tột cùng.

Chị bỗng bật khóc. Hai vai rung lên. Tôi sững sốt, nhích ra nhìn chị. Chị không còn là người đàn bà mạnh mẽ mỗi khi từ chối lời cầu hôn của tôi. Chị trở nên người phụ nữ nhỏ bé, yếu đuối. Tôi giữ đôi vai mỏng manh như hồi nhỏ tôi giữ, tay kia rút cây gai nhọn dưới gan bàn chân chị, nhưng cái đau của hai lần cách xa có vẻ như không giống nhau. Lần này, nỗi đau sâu kín, gặm mòn tâm trí chị hơn mà tôi không hiểu vì nguyên do gì.

Một lúc sau, tôi dè dặt lên tiếng:

-Chị làm sao vậy?

Cả người chị rung lên dữ dội hơn.

Cả hai im lặng cho đến khi nắng vắt chéo qua đầu.

-Chị không phản bội anh Lê, nhưng chị phản bội em.

-Em không hiểu chị định nói gì?

-Đúng chị là người không ra gì. Chị đã phản bội em. Chị là con người đốn mạt, nhưng chị không thể làm khác được – nói và chị lại ngã lên vai tôi nức nở.

Nắng quét những quả trứng mỏng tang trên tầng lá cao, rụng lá tả trước mặt hai người. Đợi chị bình tĩnh lại, tôi gỡ tay chị và áp lại trong đôi tay mình. Lúc này tôi trở thành con người lớn hơn chị, bắt đầu dễ dàng chị giống hết hồi nhỏ chị dễ dàng tôi bị lũ trẻ con hàng xóm ức hiếp.

-Em nghe chị nói. Chị cứ nói hết ra.

-Ngàn lần chị xin lỗi em.

-Sao phải xin lỗi? Nếu cần xoa dịu sự tổn thương do em gây ra thì em xin lỗi chị mới phải.

-Không. Em bình tĩnh nghe chị nói.

-Em nghe đây.

Chị sững người giây lát, rồi sụt sịt:

-Ông Thâu cầu hôn chị. Ông goá vợ cách đây tám năm.

-Và chị...

-Nhận lời.

Tôi cười lớn, cười đến tim bóp thắt, nước mắt ràn rụa và gió lẩn lộn trên những ruộng mạ xanh dưới kia. Gió rượt đuổi như giỡn như ca hát, băng láng một điệp khúc yêu thương đến héo hắt tận đáy lòng.

-Vậy mà em tưởng chuyện gì ghê gớm lắm!

-E...eemm...

-Chị ngờ em phản đối, ngờ em sẽ buồn? Không trái lại.

Chị Bông òa khóc khi nghe tôi nói hết câu và xô tôi ra.

-Thà em đay nghiến chị, nguyên rửa chị... có lẽ còn dễ chịu hơn cái gật đầu vô cảm kia. Em biết là chị không thể kéo xuống mười lăm tuổi để bằng em, không thể nhìn những cặp mắt xói miết chung quanh. Vâng, chị yêu em. Yêu em còn hơn ngàn lần em yêu chị. Nhưng để là vợ chồng thì không thể. Sau lần chị ôm em vào lòng dễ dàng vì đám trẻ con trong xóm ví em, chị đã linh cảm điều này sẽ có ngày xảy ra. Nhưng chị bất lực. Chị chỉ là người đàn bà bình thường như bao nhiêu người khác.

-Em đưa mẹ con chị vào Lộc Ninh, Bù Đốp... vượt biên qua Lào, qua Thái... Chúng ta sẽ sống hạnh phúc.

-Không. Em điên rồi.

-Chị nhận lời lấy ông Thâu thì không điên chắc. Em biết chị nhận lời lấy ông ta chỉ vì chỗ dựa, cái học vị tiến sĩ ấy sẽ... mà chị thì không hề yêu.

-Em còn nhớ hồi lên trại thăm, em nói “đời người như khúc sông, chỗ đến thì không chịu dừng mà rẽ ngoặt sang hướng khác”. Hồi đó em nói vậy là ý gì? Còn giờ này sao em lại không chấp nhận khúc sông rẽ ngoặt?

-Sông của chị giờ là con sông gãy, sông lấp bởi những tảng đá muôn thuở đè lên một cách khủng khiếp. Chị không dám né những tảng đá đó, lúc nào cũng nhìn thấy chúng lù lù trước mặt.

-Nhưng có nhất thiết khi yêu nhau thì phải sống chung với nhau không?

-Hoang tưởng.

-Đúng. Hoang tưởng, chỉ vì chị cũng yêu em đến điên cuồng.

Chị Bông nói và đứng lên, bước thật chậm xuống từng bậc đá. Chị đi như không hề chạm chân lên mặt thềm. Chị đang bay về nơi khác, nơi có vàng trắng bị xé rách giữa trận nam cò, toi tả, méo mó đến dị hợm. Chị thả trôi về khúc sông xa, chị đắm mình trong vùng mắt bão, gió cuốn tung chị toi tả trong tôi.

Tôi ngồi yên nhìn chị. Ngồi mà ngắm nhìn dáng mỏng khói sương từ từ tan biến vào khoảng trống đến vô cùng tận. Hạnh phúc cuối cùng của chị là niềm hoang tưởng hay sự hoang tưởng là niềm hạnh phúc? Tôi nào có nhận ra khi chị bất ngờ quay lên. Vẫn từng bước thong thả, từng gót chân thong thả và nhẹ nhàng đặt lên phiến đá mòn lĩn như chiếc lá rơi xuống, nằm đấy từ muôn đời kiếp.

Chị Bông đứng cách một vớ tay, không bước tiếp, ngược nhìn với cặp mắt lạ lùng tôi chưa hề chạm phải: hùng hực như ngọn lửa cháy rừng rồi chuyển sang giá lạnh như tảng băng trôi. Hình như không phải chị nhìn tôi mà dành riêng cho kẻ vô hình nào đó vắng vất đầu đây, môi mấp máy như muốn nói điều gì đó mà không thành lời. Chỉ cách một vớ tay nhưng có vẻ như chúng tôi đang ở hai thế giới khác nhau, ở hai đầu cánh cung bị đứt dây. Môi chị lại mấp máy như mời như gọi, xoè chớm như nụ hoa hàm tiếu. Tôi hiểu tất cả, lao xuống. Chị ôm tôi, nước mắt ướt vai trong tiếng thì thào ngậy dại “chị yêu em, tha lỗi cho chị”. Chị hôn tôi bằng nước mắt mặn chát, vị mặn của niềm hạnh phúc đắng cay nhưng sao tôi thấy không như dư vị của nụ hôn bằng cái tát ngày nào?

Bóng nắng rớt nghiêng. Chúng tôi như hai pho tượng trước công tam quan. Chỉ có cội bồ đề và những chòm rễ đâm xuống đất là gần chỗ tôi và chị Bông đứng, sắp té nghiêng dưới bóng nắng.

(tháng 9.2008)

Gió Cuối Chân Mây

1. Ban đầu tôi nghĩ khu nhà trọ như một trại gia binh, sau nhớ lại thì nó giống một trại chăn nuôi gia súc. Bốn mươi căn phòng, mỗi căn rộng chưa tới hai chục mét vuông đôi mặt vào nhau. Ở giữa là dãy hành lang dài hun hút. Khu nhà trọ tấp nham này chứa đủ các thành phần từ thợ thuyền đến công chức, và chẳng mấy khi họ đứng lâu, ngó mặt nhau nói chuyện thân thiện. Mới tờ mờ sáng mọi người đã vội vội vàng vàng dắt xe máy, xe đạp hoặc học tốc chạy ra bến xe buýt. Chiều tối mịt họ mới lác đác kéo nhau về, kẻ trước người sau, với sự mệt mỏi bảm lũng lảng trên mí mắt, trên những đôi chân bước chậm. Chính xác hơn, khu nhà trọ này giống cái tổ ong thu nhỏ. Một tổ ong trong mùa gió rét, mưa bão!

Nhưng sáng nay thì không như mọi ngày. Một sự bất tiện. Một sự quấy rối. Một sự bất ngờ. Lẫn lộn những cảm xúc bực bội và thích thú. Đó là tiếng gõ cửa. Những tiếng động nhẹ đã làm chao đảo, không, chính xác là làm đảo lộn trật tự vốn được giữ gìn cẩn thận theo thói quen sẵn có và lười biếng bấy lâu nay. Hơn ba tháng ở khu này, lần đầu tiên tôi đón nhận tiếng gõ cửa thông thả, không ngập ngừng, không vội vàng. Thoạt nghe hơi khó chịu nhưng hình như những tiếng lóc cóc phát ra từ sự đụng chạm giữa các ngón tay và cánh cửa gỗ đã đè ép sự bực dọc xuống ở mức độ thấp hơn nhiều lần. Tôi khoát thêm chiếc áo ngoài để che đậy sự hở hang khi chỉ một mình trong phòng, nhón gót hé cánh cửa.

Một chiếc đầu lướt qua kẻ hở. Một khuôn mặt dài ngoẵng khi mới thoạt nhìn qua khe hẹp. Chiếc đầu lùi lại. Khe hở của cánh cửa mở rộng và khoảng tối biến mất. Chiếc đầu lên tiếng:

-Chào chị. Tôi tới trọ gần tuần nay. Nếu không phiền thì chị cho tôi mượn kim chỉ khâu lại hột nút bị sút. Định ra đầu hẻm mua, nhưng nghĩ các vị phụ nữ thế nào cũng chần chừ hơn trong chuyện may vá...

Chiếc đầu nói thêm những gì nữa nhưng tôi không để ý. Sự nói dài của Chiếc đầu khiến cánh cửa dưới tay tôi cũng chỉ hé thêm vài phân một cách dè chừng. Chiếc đầu ngưng đột ngột và thờ dài đánh sượt nghe thật rõ khiến tôi bối rối, bàn tay tự động hé rộng cánh cửa thêm vài phân:

-Có thể đây – tôi trả lời – nhưng anh phải nói chỉ màu gì?

-Dạ màu xanh nhạt hay trắng cũng được.

Tôi kéo cánh cửa hẹp thêm một chút như thể phòng ngừa Chiếc đầu có thể bất ngờ chui tọt vào bên trong, trong khi tôi quay vào tìm kim chỉ. Mở chiếc va li tìm chiếc hộp chứa linh kính các thứ vật vãnh nhưng cần thiết của phụ nữ, và lôi ra đúng loại chỉ khâu Chiếc đầu yêu cầu, tôi đưa cho hắn qua khe cửa hẹp:

-Anh có thể giữ lấy mà không cần trả lại.

Bàn tay Chiếc đầu chạm vào bàn tay tôi. Và thay vì nói lời cảm ơn, Chiếc đầu lại xuýt xoa:

-Ôi bàn tay chị đẹp quá.

Tôi đóng sập cửa lại nghe thành tiếng. Lần đầu tiên có người khen bàn tay tôi đẹp. Tôi lật qua lật lại hai bàn tay; xoè mười ngón rồi cong lại nhìn ngắm. Trời đất có đẹp thiệt dưới con mắt hắn hay chỉ là sự nhầm lẫn, tăng nịnh lấy lòng? Tôi nằm ườn trên ghế, lật tiếp tạp chí Thời Trang Phụ Nữ để không nghĩ về bàn tay, lời khen nịnh và thái độ của Chiếc đầu bên kia cánh cửa đóng.

Những chiếc váy dài, váy ngắn, áo pulls, soutiens, slips ...màu sắc sặc sỡ, đủ loại như một rừng cờ tổ quốc của nhiều chủng tộc đang quàng vai bá cổ diễu hành trên đường lớn.

Lại một chiếc đầu thò vào, bím tóc buông thõng trước ngực:

-Em ở sát phòng chị đây mà. Em tên Mai. Chiếc bàn ủi của em bị sao đó không ăn điện. Chị làm ơn cho em mượn. Trời ơi, thiệt là phiền chị quá trời - Giọng nói miền Nam nhào nhào nghe dễ chịu đến lạ.

Tôi cúi xuống gậm bàn ủi chiếc bàn ủi đưa cho cô gái. Không thể đoán được tuổi tác, không đẹp, nhưng khuôn mặt phúc hậu. Cô ta vội vã rút đầu và biến mất sau cánh cửa, quên cả kéo sát lại. Thôi kệ, ta không ngắm được gì, không sờ soạn nắm được tay ai, ngồi hàn huyền to nhỏ với ai trong khu tổ ong thì để chút không khí chủ nhật luồng vào tận phòng tắm cũng chẳng mát mát gì, tôi tự nhủ như vậy, cầm bằng như không khí cũng được xếp loại sinh linh trên trái đất này.

Em ơi...nếu như đôi ta... Em ơi... nếu như đôi ta... câu vọng cổ cứ lặp đi lặp lại một cách sộn sục trên mặt đĩa bị trầy xước phát eo éo qua hai chiếc loa nhỏ, đập vào tai khiến tôi tưởng tượng đến Chiếc đầu đang ngồi dạng chân xỏ chỉ qua lỗ kim bị trật hoai. Chuyện này rất có thể sẽ xảy ra. Chuyện kim chỉ không phải dành cho đám đàn ông con trai. Tệ thật, tinh thần cộng đồng của bầy ong nơi tổ này không được phát huy một cách triệt để. Giá như có một thủ lĩnh – tôi nghĩ vẫn vợ – mà lấy đầu ra thủ lĩnh kia chứ? Ai rồi công đâu mà đứng ra gánh vác chuyện hàng tổng? Nhảm nhí. Thiệt nhảm nhí. Tôi đứng dậy, vói tay tắt chiếc loa vi tính. Những câu *em ơi...* sậm sục tắt ngấm.

Bỗng dung Chiếc đầu lọt hẳn vào bên trong, kéo theo cả tấm thân đồ sộ đo chạt khung cửa. Chiếc đầu chìa gó kim chỉ về phía tôi:

-Trả lại chị. Cảm ơn rất nhiều. Ủa mà chủ nhật chị không đi đâu sao? Xin lỗi, tôi hơi tò mò thái quá.

-Không có chi.

Câu trả lời khiến Chiếc đầu chùng hững. Hẳn đưa tay lên gỡ đầu theo thói quen của những gã con trai có thói tán tỉnh vu vợ, mắt nhìn quanh như thể che lấp sự hồ thẹn bắt đầu tăng lên. Chiếc đầu lúng túng thật sự, mắt dán chặt vào bức tranh khoả thân, buông câu nói không dành cho ai.

-Đẹp thật, tuyệt.

Tôi nói:

-Xin lỗi, tôi hơi nhưc đầu – và đỏ mặt.

Chiếc đầu quay lui:

-Chào chị.

Bây giờ thì tôi mới kịp hoàn hồn, nhìn lại khoảng cách Chiếc đầu đứng bên trong khung cửa và bức tranh. Hẳn nhìn thấy gì nhỉ? Tôi hoảng hốt bỏ tờ tạp chí xuống nền đất, chạy lại đứng chỗ lúc nãy Chiếc đầu đứng, và đứng đứng với tư thế của hần, cũng ngoái đầu nhìn về phía bức tranh, ước lượng khoảng cách và độ sáng: cũng đến chục bước chân, độ sáng thì nhòe ở một nửa khung tranh. Như vậy Chiếc đầu chỉ có thể nhìn thấy một cách lờ mờ, không rõ ràng. Tôi tạm an lòng và thâm nhủ, sẽ không để bất kỳ gã đàn ông con trai nào ngắm bức tranh này lần thứ hai dù là trong tư thế đứng nhìn ngắm không rõ ràng như Chiếc đầu lúc nãy.

Thật ra bức tranh ấy không có gì là ghê gớm. Chỉ tội một điều: nó chính là chân dung tôi. Người vẽ nó không phải là gã họa sĩ cuồng tình mà chính là Lan, con bạn thân sắp đi lấy chồng nay mai của tôi, theo trí tưởng tượng của nó. Tôi không hiểu mấy về hội họa, nhưng khi nó chia bức tranh ra, tôi không khỏi ngạc nhiên. Có điều gì đó khó diễn tả đang phát ra từ thân thể tôi bằng thứ màu nước trơn tuột. Nó lạnh lẽo một cách nồng nàn; héo buồn đến ngây dại

trên một tấm thân hùng hực những đôi trũng nhấp nhô, xa vắng, mời gọi, xô đẩy... với thân thể loã lồ từ gót chân đến hai cánh tay giơ thẳng vượt khỏi đầu, chân chéo vào nhau chỉ thấy một miền cỏ mượt xanh hình tam giác nổi liền từ háng lên phía dưới khoang bụng...

Chiếc đầu là kẻ lạ duy nhất nhìn thấy sự ẩn hiện thấp thoáng, hư ảo, nhạt nhoà những đường nét không thật rõ ràng.

Chiếc tổ ong bị xé toạt trong buổi sáng chủ nhật tinh cờ này rồi.

2. Chui khỏi tổ ong nhỏ, ra bên ngoài là tổ kiến khổng lồ. Tất cả mọi loại kiến chen chúc nhau trên đường, ngược xuôi; nối đuôi nhau, hối hả suốt cả ngày đêm. Con kiến con trong đàn khổng lồ là tôi rêu rã dẫn chiếc xe xếp lốp lê lét đã bốn trăm mét nhưng chẳng tìm ra chỗ vá. Đôi chân giống chiếc chân giả vện gai ốc; tay như mồi, thân thể nhóp nhép qua lớp mồ hôi rịn vẩy áp vào quần áo đến nhột nhạt khó chịu. Đến đôi giày gót cao mới thật khổ nạn: nó nghiêng sít, thắt chặt đôi chân như bàn tay thô ráp, nham nhở của gã cả bông bóp thít lại, nhoi nhói. Ôi trời, một con bé cầm đầu dắt xe giữa dòng người xuôi ngược như một kẻ lạ. Tôi chẳng biết phải làm thế nào nữa? Công ty thì sáng nay có cuộc họp sớm, nghe nói quan trọng. Đành phải gọi về thôi. Tôi cố đẩy chiếc xe đáng nguyên rửa lên vỉa hè. Phía sau lưng, tiếng nói hơi quen quen gọi giật.

-Nè chị, sao vậy? Bể lốp à? Khổ thật!

Chiếc đầu trờ tới, cho xe leo lên lè, sát gần chỗ tôi đang loay hoay tìm cách gạt chân chống choãi ra. Chiếc đầu nhanh hơn, đỡ lấy tay nắm, dựng chân rồi khum người quay vòng vòng bánh xe trước, một tay áp lên vành bánh xe đang quay. Tôi không hiểu hẳn đang làm cái trò gì; cứ như là hẳn đang tìm kiếm lỗ thủng trên chiếc lốp đen thui hay một vật gì cấu xé vào đầu đó khiến chiếc xe bị xếp. Cuối cùng Chiếc đầu đứng lên, chìa trước mắt tôi chiếc đinh nhọn, kêu lên:

-Xong rồi!

-Là sao?

-Là chiếc ruột bị nát như người ta bằm ruột vịt xiêm xào sả ớt - Chiếc đầu nói thân nhiên.

-Can có chi tới vịt xiêm?

Chiếc đầu như không nghe tôi nói gì, lên tiếng:

-Nếu như chị không ngại tôi là kẻ gian, cầm mất chiếc xe đáng giá năm mươi triệu này thì chị có thể lấy chiếc cà tàng của tôi chạy tạm tới công sở, chiều về đổi lại. Còn nếu quá tám giờ tối mà không thấy tôi mò về, tức thị tôi đã bán chiếc xe này và đã đi xa thiệt xa? Lúc đó chị nên báo cho chính quyền sở tại để họ phát lệnh truy nã - Hẳn nói một thôi dài - Chị mà tìm ra chỗ vá xe thì cũng mất đến nửa tiếng nữa. Thôi lấy xe tôi đi đi kéo trễ giờ làm việc!

Chiếc đầu nói giọng kẻ cả, như ra lệnh. Tôi ngó bộ dạng hẳn, nhìn ngược từ đầu xuống chân. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ hẳn là kẻ dối trá. Đến nước này thì tôi phải nghe theo, không còn cách nào khác. Đỡ lấy chùm chìa khoá trên tay hẳn, tôi nói cảm ơn và bỏ mặc hẳn với chiếc xe xếp lốp giữa phố đông. Đầu óc trống trơn. Không nghĩ mình sẽ phản ứng ra sao nếu như hẳn làm thật?. Không nghĩ mình tới công ty có còn bị trục trặc gì nữa không?

Chiếc xe cà tàng của hẳn không giờ chứng giữa đường. Nó ì ạch công tôi đến sở đúng giờ. Ngồi vào phòng họp. Mọi việc diễn ra chính xác và nhanh gọn.

3. Tôi không nhớ mình đã đi chiếc xe nào, chỉ mang máng đó là chiếc xe màu xanh rêu đã tróc sơn. Nhưng trong nhà để xe có hàng chục chiếc màu rêu biết làm thế nào? Chính xác là tại vị trí này, nhưng cũng có hai ba chiếc giống nhau, chiếc nào là của Chiếc đầu? Lôi chùm

chìa khoá ra tra vào các ổ khoá, xe nào cũng mở được? Vậy là thế nào? Chỉ còn nước đứng đợi cho mọi người lấy hết xe ra, chiếc còn lại là của mình đi khi sáng? Mình đâu có số điện thoại của hắn để có thể hỏi rõ. Đành lòng vậy. Đứng chờ. Khởi đầu và kết thúc một ngày đều xui xẻo như nhau. Nó không có hình dạng, nhưng sự bực bội, căng thẳng thì có thừa?

Lúc về tới tổ ong nhỏ, tôi dựng xe trước cửa và liếc nhìn các ô cửa khép mở không đều. Không thấy dấu hiệu nào là có bóng dáng Chiếc đầu trong khu tổ ong. Cứ tưởng tượng rằng Chiếc đầu biến mất thì sự thế sẽ như thế nào nhỉ? Trên TV thỉnh thoảng vẫn thấy mấy khuôn mặt non choẹt, rất dễ thương bị còng tay chỉ vì chiếc di động và vài trăm ngàn như những thứ cần thiết cho đời sống tạm bợ cần phải đổi lấy thật nhanh chóng? Thời buổi tấp nham này đến không thể phân biệt Phật Chúa với những tên mặt hạng thì nói chi đến... Ôi hơi quá đà, đi xa rồi. Tôi thốt nhỏ nhỏ trong miệng, cố đẩy những ý nghĩ u ám trong đầu ra ngoài. Lòng trống không như cái bụng đang đói.

Đúng lúc tôi đang cời soutien, quần lót thì tiếng Chiếc đầu vang lên:

-Chào chị, xe chạy tốt chứ?

Tôi vọng ra từ trong buồng:

-Không có chi, tốt.

Lúc tôi thay áo quần xong thì Chiếc đầu mở rộng cửa, đẩy xe vào góc:

-Má tôi gửi vào mấy cân sò. Tôi muốn mời chị món quê nhà. Nhưng ngồi đây chắc không tiện mà sang bên tôi lại càng bất tiện hơn. Nếu chị đồng ý, tôi mời chị qua bên kia cầu Rạch Chiếc. Chị có thể nhìn ngọn dừa nước còn tôi thì nhìn mấy cây cau thẳng đuột để ai cũng thấy quê nhà sát bên mình.

Tôi bật cười về lối ví von và cách mời chào khá đặc biệt, nghĩ hắn là người có thể tin cậy được nhưng vẫn cứ trù trù. Chiếc đầu cười cười về chế nhạo:

-Tôi làm mất xe chị thì nguy to, nhưng làm mất chị thì có thể là điều may mắn.

-Anh có dám làm vậy không?

-Nếu chị cho phép?

-Không đời nào!

-Là nói vui, chứ tôi không bao giờ có ý nghĩ sàm sỡ đó.

-Vậy thì tôi đồng ý ngồi nhìn cau, nhìn dừa với anh nhưng phải về trước 8 giờ. Bởi tôi có hẹn với người bạn.

-Cảm ơn.

-Tôi cảm ơn mới đúng chứ sao lại anh? Anh kêu đãi tôi món ngao sò gì kia mà?

-Đúng thế

(...)

Chiếc xe cà tàng của Chiếc đầu chở tôi ngồi sau, giữ một khoảng cách vừa phải. Tôi để ý qua mấy chỗ đèn đỏ, hắn chậm rãi dậm thắng. Té ra hắn cũng là con nhà tử tế, khá lịch sự trong đời sống khi hắn xách bọc sò đưa cho chủ quán, kéo ghế cho tôi, lau chén đĩa, lật ly... Tôi ngồi quan sát, thấy hắn không đến nỗi nào, cũng có thể gần gũi, bạn bè được. Và ăn uống với Chiếc đầu chỉ là cái cớ để hắn dốc bầu tâm sự về hoàn cảnh gia đình, về những công việc hắn đang làm, những trắc trở, khó khăn thời mới ra trường. Tóm lại hắn là người có ý chí, cứng rắn nhưng không thiếu tình cảm.

Những cốc rượu vui đi là thêm một thông tin, những vở sò mở banh ra trống trơn là thêm một chi tiết bất ngờ về cuộc đời hắn. Hoá ra Chiếc đầu là con nhà danh giá, bị sơ sẩy trên đường làm ăn khiến gia đình lâm vào ngõ cụt. Giờ thì chính Chiếc đầu là người gượng dậy và đang đến gần đích, theo như lời hắn giải bày.

-Chị biết không? - Chiếc đầu ngó ra phía đường – Gia đình tôi xuống dốc lúc tôi học năm thứ ba, vừa kèm trẻ vừa hoàn tất học trình vừa đau vừa giận cô bạn. Cô ta quay lui như lính nghe khẩu lệnh “đăng sau quay”. Vậy đấy, rồi mọi chuyện cũng ổn. Giờ tôi phải khôi phục lại công ty của ba mẹ tôi bằng bất kỳ giá nào.

-Chúc anh thành công – Tôi nâng cốc rượu vang trắng lên - những con sò của anh ngọt lắm. Cảm ơn – Nói và tôi liếc nhìn đồng hồ.

Lúc đi qua chiếc cầu gỗ nối liền quán với khu đất trống bên ngoài, Chiếc đầu bất ngờ cầm tay tôi;

-Cảm ơn chị đã dành cho tôi một buổi tối thật đẹp.

Tôi không rụt tay lại, với ý nghĩ là lúc này không nên để Chiếc đầu mất đi niềm hứng khởi. Bàn tay tôi nằm gọn trong tay hắn hình như cũng âm âm đôi chút, nhưng khi ngồi sau yên xe tôi vẫn giữ một khoảng cách khá an toàn, thật an toàn cho đến khi về tới khu tổ ong.

Cưới vợ ăn tết

1. Trước ngày giỗ cha, chị Đông giờ máy, thông thả gọi cho từng người: các em phải về trước một ngày để phụ với má, không được đưa nào vắng mặt. Tám cuộc gọi được phân đều chừng ấy từ không hơn kém Có lẽ không phải do chị tiếc tiền khi phải nói nhiều mà, chỉ vì ngắn gọn thì quyền uy được khẳng định một cách rõ ràng hơn? Và dù là gái đã xuất giá nhưng là chị cả nên cái sự quyền huynh thế phụ được chị thâm tóm và phát huy đến mức tối đa trong gia đình có tới tám cô con gái nắm bím tóc nhau, kẻ trước người sau lần lượt ra đời để reo vui, bổ sung thêm quân số cho bà Trung bà Triệu. Còn tôi là đứa con trai duy nhất được chất mót như anh dân nghiện ngứa cổ, dốc đít chai cho rót vào họng giọt cuối cùng của bữa rượu tàn. Tuổi tôi chỉ nhỉnh hơn đứa con gái đầu chị Đông có sáu bảy năm. Đó cũng là lý do để đôi lúc chị giả tăng không coi tôi là đứa em út ết mà đối đãi ở hàng con cháu!

Lệnh điều động của chị được mọi người răm rắp thực hiện giống như một cuộc dạo chơi tình cảm. Chị Ty về trước tiên trên chiếc Civic bóng loáng với những bánh trái chạt cốp sau. Trong khi chồng kệ nệ bụng những túi nặng thì chị ngó nghiêng, miệng hát nghêu ngao bài Back to Sorrento, như thể hai ông bà vừa lái xe từ vạn dặm về chôn quê nhà? Sau đó chừng nửa tiếng, chị Khánh bước xuống taxi với chiếc bụng vượt quá mặt, lặc lè ôm bụng và ôm bó hoa ly to tướng khó nhọc bước vào sân. Chị Nam đi xe máy đèo theo chị Sâm lủng lẳng giỏ trái cây. Ba bà còn lại có lẽ đang ở trong cái spa nào đó để ủ mặt, duỗi tóc trước khi về si sụp lễ cha, và câu nói cửa miệng của ba bà này sẽ là: cuối năm, công chuyện cơ quan ngập đầu. Câu nói sẽ bay xẹt qua lỗ tai các ông chồng mang bộ mặt thoả hiệp và đồng cảm với công chuyện bộn bề giả hiệu của vợ trước khi lọt vào lỗ tai má tôi. Chị Minh áp út, đẹp nhất nhà dẫu tay ông anh rể vừa mới cưới nhau cách không lâu, như thể nếu chị không cầm tay anh dẫn đường thì rất có thể anh sẽ nhầm chị Minh với ai đó trong nhà, giả hoặc anh không biết lối nào vào nhà mà không lộn qua nhà hàng xóm? Cách thể hiện tình yêu của anh chị Minh, chính yếu là chị Minh, có hơi vẻ sên sến, cái lương một chút nhưng lại thích hợp với khung cảnh trời mây ở đất quê đồng nội nếu chỉ duy nhất có hai người trong khoảng không gian này.

Thường ngày căn nhà vắng teo, đã rộng càng thênh thang hơn khi chỉ có má và tôi; còn giờ này thì ồn ào, náo nhiệt cứ như đám đông người đang chen lấn nhau xem hát áng. Mỗi năm chỉ duy nhất có hai lần được làm ồn là dịp giỗ cha và ngày tết. Nhưng hai cái ồn cũng hơi khang khác tí đỉnh. Cái ồn trước có chút ngùi ngùi vì mùi nhang, mùi khói đốt vàng mã, thỉnh thoảng vài giọt nước mắt bị dồn nén trước kia nay được dịp rịn ra tựa như nước lỗ mọi rỉ ra từ bờ ruộng cao làm đậm thêm màu đỏ đôi đèn sập nhều giọt ngập ngừng trên bàn thờ. Còn cái ồn sau là tiếng cười của ba thế hệ cộng lại thành niềm vui cùng những hạnh phúc riêng tư khoe mẽ, theo thông lệ muôn thuở: đầu năm mới chỉ có vui cười. Có buồn cũng phải giấu kỹ dưới đít giường chờ ra giêng!

Lúc tôi bung nĩa lá gói bánh ngang qua chỗ chị Đông ngồi xào nhum trên bếp lò, chị liếc tôi buông thõng một câu kiểu anh chặn vệt ném cây sào cắm sâu sau đít bày vệt đang lội qua ranh giới hạn: “Mày thì liệu cái thần hồn”. Tôi giả bộ như không nghe chị nói gì, quay ngoắt lại định bụng kéo anh Minh ra quán đầu ngõ.

- Này không nghe thiệt hả?

- Chị bảo gì ạ?

- Giải, giống cha in đúc, chỉ khéo cái giả lơ. Nói cho mà biết, kỳ giỗ này tao mời chị tư Lam và cái con bé đó sang ăn giỗ cha. Nghiêm túc một chút đừng có trẻ con nữa.

- Chị mời ai thì ảnh hưởng gì tới em? Bộ chị tưởng em tiếc đôi đũa, cái chén sao?

Chị Đông gõ đôi đũa xào nhum đang cầm trong tay lên vành chảo kêu rùng rục như người mắc cụt:

- Sao? Nói vậy mà nghe được à? Hăm tám hăm chín rồi, nhỏ nhít gì nữa. Có nghe nói tam thập nhi lập không? Đâu còn là đứa trẻ con? Cũng phải vợ con rồi lo làm ăn chớ bắt ai nuôi mãi.

-Thì em làm việc em nuôi em chứ ai nuôi em?

-Còn má?

-Má sao?

-Ai chăm sóc?

-Chớ ai vô. Tám bà cộng lại thì được mấy ngày trong ba trăm sáu lăm...

-Á, à dám trả treo, lại bày thói phân bì chứ gì? Em lồi đầu ra cái kiểu ấy về nhà này, hả?

-Thì rõ vậy chớ còn gì nữa.

-Không đôi co. Các chị và má đã quyết rồi.

-Quyết cái gì?

-Mời chị Tư và con bé đó qua chơi nhà, tiện dịp mấy chị mày coi mắt luôn - Chị Đông xuống giọng - Hiền, đẹp, nét na, tốt nghiệp khoa Văn loại khá. Hợp, chị nghĩ rất xứng đôi. Chỉ ngặt nỗi chị Tư hơi nhỏ hơn má tới hơn hai chục tuổi, nhưng không sao. Má nghe nói đã ưng rồi - Tôi cười thầm sao chị không nói bằng tuổi chị có dễ hình dung không, nhưng sợ chị giận, bèn nói ngang:

-Thích thì chị lấy cái con nhỏ gì đó đi, can dự gì đến em? - Nói và tôi bỏ đi.

Chị Đông há hốc miệng nhìn theo như thể tôi đang hoá kiếp từ con người bình thường sang loài động vật khác một cách từ từ, thông thả nhả nha, thông thả hoá kiếp. Dưới mắt chị lúc này, có lẽ tôi là con tắc kè trên ngọn cây, đổi màu và lẩn nhanh đâu đó ngay trước mắt không thể nhìn thấy?

Anh Minh thấy bộ mặt nhăn nhó của tôi ngoài thềm giếng, bèn lên tiếng:

-Kỳ này em bị khủng bố nặng rồi.

Tôi không phản ứng, bỏ ngay ý định rủ anh ra ngồi quán.

2. Má tôi đứng trước bàn thờ lâm râm khấn vái những gì đó thật lâu. Khói nhang quyện đặc gian thờ. Những chân nhang trong bát hương đỏ thắm, hai cây nến đỏ thắm, màu sáng cây đèn hột vịt phải nhờ đến ngọn néon mới nhìn rõ ảnh thờ cha tôi treo trên cao, phía dưới giá đỡ tượng Phật bà Quan Âm. Về đẹp trai, phong lưu vẫn rung rinh đâu đó trên khuôn mặt chữ điền, đôi mày rậm, miệng như nở nụ cười từ bộ râu vểnh ngược, nom giống một quý ông ở thời kỳ Phục hưng. Khổ nỗi, hình ảnh bộ râu quý tộc bị chiếc khăn xếp và áo dài hoa văn chữ Thọ trên bức chân dung đã phá cách về đẹp mã một cách khó coi, không hợp với khuôn mặt luôn nhìn thấy điều gì cũng dung dị, đẹp; đời cứ như bông hoa không bao giờ tàn vậy. Bức chân dung ấy còn mang cả đôi mắt sáng ngó thẳng về phía con, rề đứng sắp hàng kẻ trước người sau, như muốn nói: Cha rất hài lòng vì các con. Đôi mắt ấy cũng ngó về phía má tôi và nói thật to: Dù anh đang ngồi trong khung kính nhưng tim anh vẫn dành trọn cho em. Tôi nghĩ, rất có thể má có nhìn thấy và nghe được những điều này qua linh cảm, vì thỉnh thoảng má đưa tay lên mắt, thỉnh thoảng sụt sịt. Có thể là do khói nhang nghi ngút, có thể là má nhớ thực lòng. Không nhớ, không thương yêu nhau sao lại khóc, lại lẩm con thế?

Tiếng nói nhỏ nhưng vang như tiếng chuông khiến ngọn nến đang cháy thẳng đứng bỗng lay nghiêng, chao qua trái qua phải chực rụng xuống bàn: Mẹ ơi, khói ngợp thờ quá mẹ ơi! Tiếng chị Sâm quát khê: Im, ráng thêm chút nữa, đừng ồn. Lại một giọng nữa cất lên, giọng con gái: Đói quá mẹ ơi, cúng gì lâu thế?

Khởi đám đông con cháu trước bàn thờ cha tôi từ từ thể nghiêm trang bỗng rục rịch, chuyển động tại chỗ, chỉ thấy phần trên. Vậy chắc cũng đủ để cha tôi thấy được sự ấm cúng hạnh phúc của gia đình nếu ông còn có thể nhìn thấy từ bức ảnh lồng kính, treo trên cao?

(...) Lễ cúng trôi qua chậm chạp như khúc bi ca lỗi nhịp và kết thúc bằng những cái vái lạy, vàng mã đốt khói um đầy nhà, muối gạo ném vãi trắng sân. Khách khứa đã tới gần đủ. Các chú bác, những người thân trong gia tộc đầu hơn mười người được chị Đông sắp ngồi ở chiếc bàn tròn lớn ngay đầu hồi tây, nơi trước kia cha tôi và các chú bác hay ngồi nhâm nhi ly rượu, tách trà nói chuyện đông tây. Anh Đông và anh Ty thay mặt gia đình ngồi tiếp. Gian phòng khách ở dưới bày một bàn khác có má tôi, cô Sáu, các anh chị và hai mẹ con bà bạn chị Đông.

Thừa lúc mọi người không chú ý, tôi vẫy Khôi, con chị Sâm ra chỗ để xe. Thích quá, nó hét to: dạ để con tìm chiếc mũ. Tiếng la của nó khiến mọi người chú ý. Và vì tôi là nhân vật đang được canh giữ cẩn mật, nên khi tiếng thằng bé vừa dứt, chị Đông đã đứng sát cạnh như bà nữ cảnh sát hình sự đang tác nghiệp: Mày làm cái trò gì vậy, thằng khỉ? Tôi nghe hai hàm răng chị riết lại thành tiếng: vào nhà ngay. Khôi chùng hững, nhùng nhằng kéo quần tôi, còn chị Đông thì ép sát người níu dây thắt lưng đẩy tôi vào nhà như đẩy tên tử tù lên xe cây. Thôi đành lòng vậy, tôi thâm nhủ.

Chị ấn tôi ngồi xuống chiếc ghế trống, giữa chị Khánh và chị Quế, đối diện với mẹ con bà Tư, cố ý để hai phía “đối tác” có thể nhìn rõ mặt mũi, cử chỉ của nhau. Chị Đông mào đầu bằng những câu nghi thức vòng vèo từ thời ông Bành Tô, Khổng Tử rồi mới vào phần chính là trước ăn giỗ sau để quen biết, thân tình nhau hơn. Tôi xoay xoay cái chén trống trơn ước chi chị biến ngay thành đàn ông thì cái nhà này đỡ đi nhiều việc, ít nhất là không phức tạp hoá mọi chuyện.

Bình thường, những khi cả nhà họp mặt đông đủ thì đến cả chén đũa, ghé đầu cũng rung rinh cười theo tiếng cười của tất cả mọi người, đến cả má cũng hào phóng tham gia. Còn bữa nay, phần bắt đầu theo nghi thức ngoại giao khiến không khí nặng nề; tiêu lâm như chị Quế, chị Sâm cũng ngồi cầm đũa giữ lễ.

Thấy chị Đông to nhỏ gì với bà Tư, tôi chột nghĩ và đứng dậy cầm ly bia:

-Con mời má, mời chị Tư, mời cô và các anh chị...

Chị Đông giật thót người, thiếu chút nữa là đánh rơi đôi đũa xuống đất. Chị há hốc miệng nhìn tôi rồi ngó lên trần nhà. Tôi thấy mặt chị tái đi đến tội nghiệp. Chị Quế huých khuỷu tay vào hông tôi, nói nhỏ “điên”. Tôi đá vào chân chị có vẻ hơi mạnh, chị đau suýt bật thành tiếng la, trong khi những ly bia cứ lung lừng trên tay một cách khó hiểu.

Thật lòng, tôi không có thành kiến gì với mẹ con bà bạn chị, nhưng do cung cách thái quá của người chị kiên bảo mẫu khiến tôi trở thành thằng nhỏ thật sự. Giây phút đặng đặng trôi qua như những ngậm bia đang ngắt ngứ trôi lọt xuống bao tử.

Không khí vui vẻ được nổi trở lại. Mọi người xúm vào vừa hỏi thăm mẹ con bà Tư vừa gấp thức ăn chăm chút cho hai người như cố xoá lấp phần lỗi không đáng có do tôi gây ra lúc này.

Giờ tôi mới để ý quan sát hai mẹ con bà bạn chị Đông. Bà ta trạc tuổi chị, lưỡng quyền hơi cao, đôi mày được chăm sóc quá kỹ khiến mỗi khi bà cười, các nếp nhăn dưới khoé mắt dính sát vào đuôi chân mày một cách khó coi. Có lúc tôi tưởng tượng phía đuôi mày là phần ngọn của chiếc cần trúc đang lòng thòng với dây nhợ lưỡi câu bên dưới. Tuy vậy bà có duyên nhờ chiếc miệng lúc nào cũng muốn cười với tất cả những ai đang đối diện với nó. Cô con gái chắc bằng tuổi hoặc hơn Hà My – con gái đầu anh chị Đông – chút đỉnh; nước da màu bông bầu, mũi cao, mắt sáng, khuôn mặt trái xoan, phúc hậu; nhưng hình như phía dưới khoé mắt có nốt ruồi nhỏ bị cố tình che lấp bởi lớp phấn dày. Nếu quả thật đây là nốt ruồi thì cô ta bị liệt

vào hàng ngũ của đám phụ nữ có số trích lệ khắp phu, theo như quyển sách tướng số phụ nữ mà tôi đã đọc ở đâu đó ? Loại phụ nữ này, ngày xưa ông bà rất kiêng kỵ, còn thời nay có thể sẽ khác đi. Nhưng đó sẽ là cái cớ để thoái thác, để nói với mọi người rằng: tôi là con độc đinh, thuộc loại quý hiếm của gia đình cần bảo vệ, không thể biến tôi thành vật hiến tế dưới bàn tay cô ta được. Tóm lại là không thể vợ con.

Thật lòng mà nói, tôi không ác cảm gì với cô ta và cũng không thấy có điều gì làm xốn xang cõi lòng, chỉ thấy cô lẻ loi, tội nghiệp, khép nép trong không khí không bình thường.

Thấy tôi chú ý quan sát hai nhân vật đặc biệt trong bàn ăn, hết chị Quế rồi chị Khánh quay sang khuyến khích: Chị thấy đám này được đấy, chỉ cần tìm hiểu thêm tí tí... Chị chờ 8/10. Tôi trả lời nếu 10/10 thì thành hoa hậu thế giới rồi. Chị Khánh: chị thấy má có vẻ hài lòng. Thì đó là cặp mắt xanh hay mắt hồng của má, tôi trả lời. Chị Khánh: bậy, chị cũng thấy con bé có vẻ hiền, em tìm hiểu từ từ. Mẹ đang mong có cháu nội đó, em biết không?

Cách nói của chị Khánh se se, ngùi ngùi giống anh thợ cày cầm chiếc dùi nướng đồ trên lửa dùi từ từ vào ống tre tươi, kêu xèo xèo làm hoang mang cõi lòng. Tôi sờ chỗ bụng nhô cao của chị: ước chi chị là anh trai em nhỉ?

Cuối buổi tiệc, lúc người nhà dọn lên đĩa trái cây tráng miệng, tôi chồm người bóc múi bưởi chia về phía bà bạn chị Đông, nói trống: xin mời; một múi khác về phía cô gái, người mà chị Đông muốn mang về làm em dâu, nói: mời chị. Các chị cười ồ. Tôi là kẻ đỏ mặt trước tiên chứ không phải cô gái và lúng túng làm đổ phần bìa thừa trong ly vải ra bàn, bởi tiếng cười đồng loạt cất lên chia về hướng tôi giống như những mũi tên của các chiến binh thời Trung cổ xông trận vậy.

Tôi rút êm bằng cách giả bộ đỡ ly bìa ngã mang xuống bếp, đi vòng ra sau vườn. Liếp vạt thợ non đang đâm nhánh chẳng mấy chốc sẽ nở xoè những bông vàng rực. Vậy mà tôi không làm được điều mà má và các chị mong đợi. Sao vậy?

Hương cau

Giờ thì là sao? Không sao cả. Vậy thì ông đang ở đâu? Trên tầng cao, rất cao; giống như một cái ổ chim trên chót núi cheo leo. Minh cũng đang ngồi trong ổ chim đó, trên cao tí mù mù, cách biệt với thế giới ùn ùn dưới kia... Ông già lẩm bầm, đi tới đi lui trong gian phòng bày biện sang trọng vừa nhìn sững vào vách tường dựng đứng như một chiếc hộp diêm. Ông già tự hỏi rồi tự trả lời, rồi lại nhìn xuống sàn nhà, bất ngờ thấy lại gót chân nứt nẻ của mình, thấy những chiếc móng vêu u, sứt sọc của mình... Và chợt nhớ quay quắt gian nhà mái âm dương năm gian, nền lót gạch tàu nham nhám ở tận đồng sâu. Nổi nhớ còn cào đến quận thắt ruột gan, trào ra như chút khói trong bếp tro vùi vòng vèo quanh ông táo, không xa hơn để vón cục lại thành những ước ao bé nhỏ.

Vậy nhưng những ước mơ chưa thể thành sự thật ấy không đến với ông khoảng cuối đời. Một chút ánh trăng lúc nửa đêm về sáng đã không đến. Gió từ cánh đồng mênh mông không thổi mát. Tiếng cóc nhái côn trùng nín bật. Xuông ba lá không chạm mái dầm lợp bộp. Mấy chiếc xuông đuôi tôm không khua nước âm ỉ cả một khúc sông vắt ngang trước nhà. Nhà ông đó. Nhà ông là tí mù dậm mây. Nhà ông là lộn khói đồng vật vương xa xăm, mang theo mùi cá nướng trui xa xăm. Xa như chuyện cổ tích. Mà đâu phải vậy. Chỉ cần với một cánh tay là đến, nhưng khôn nổi không ai cho ông đến. Không đến được thì thương nhớ âm u, khắc khoải. Nổi nhớ nghi ngút như nồi cơm bốc hơi thơm một khoảng trời mơ tưởng. Ừ, cứ cho ông mơ...

Đã nhiều lần ông kêu thằng con trai: “Coi chừng tía trượt té gãy chun à con”. Nó hiểu ngay ông muốn nói điều gì, lập tức đưa bộ mặt sầu thảm ra: “Tội tui con mà tía. Về dưới đó ai chăm sóc tía? Chùng này tuổi rồi... Hồi nhỏ tía má nuôi tui con, nay con cái phụng dưỡng cha mẹ già...”.

Trăm lần nó đều mở cái giọng thăm nảo ấy và trăm lần ông phải bỏ ra khỏi phòng, chống tay lên bao lơn ngó xuôi theo hướng con rạch nhỏ trước mặt, bị rạch nát bởi những căn nhà ở hai bờ, mái gàn như níu lấy nhau. Những vệt nước đen ngòm lấp lánh màu sáng bạc về đêm giống như vệt phấn son của cô đào thương về già, giống như bộ quần áo bà ba thỉnh thoảng ông mới dám mặc lúc con đi vắng, cho đỡ nhớ bùn sinh, rặng tre cùng những lùm ô rô cóc kèn níu chùm rễ bần vọt lên khỏi mặt nước sông đỏ quạch. Dòng chảy của con rạch khác chi ngày tháng cuối đời của ông. Bởi nó là con rạch nên chẳng kêu la, chẳng hoài nhớ tháng ngày thanh thang hai bờ rộng, nước trong vắt nổi dòng sông lớn ở đâu đó. Còn ông là đoạn cuối một dòng sông vắt cạn nước qua hai bờ, một nông dân thứ thiệt, chữ nghĩa ít, nhưng thấu hiểu nghĩa lý ở đời. Nghĩa lý ấy làm ông đau. Đám con chẳng tội tình chi khi phải làm vậy. Nhưng giá như chúng cứ để ông dưới quê, trong căn nhà mái ngói rêu phủ, nền gạch mòn lĩn dấu chân cha mẹ, vườn cây trái sum suê... hẳn ông sẽ hạnh phúc hơn nhiều.

Ông già quay trở vào. Căn phòng rộng, bày biện đủ mọi tiện nghi thành phố nhưng cũng chỉ mình ông thui thủi. Mỗi ngày chỉ gặp nhau trong bữa tối cỡ tiếng đồng hồ, nói chuyện tâm phào, rồi mạnh ai vào phòng nấy. Bánh mắt, chúng đã vác xe đi tự lúc nào! Cách phụng dưỡng của đám con là để ông một mình trong căn phòng rộng, trên tầng năm và bà vợ bán thân bên trong khung kính, khiến ông như cái bóng lay lắt giữa bốn bức tường thẳng đứng với những rèm che, cửa kính... thiệt buồn!

Ông đứng bên ô cửa nhóng ra. Xa cuối con rạch kia là đâu, nó có chảy xuôi về quê ông, xẹt ngang trước ngõ nhà có chiếc cầu ván từ bờ đất bắt doi ra như chiếc mỏ vịt? Thuở nhỏ ông đã đứng trên cầu nháy ùm xuống sông. Lớn lên ông đứng trên tấm ván lác lẻo, đấm đuôi ngó

cô Bảy chèo xuồng ba lá chở giỏ đầy bông điên điển vàng mặt sông. Và cuối cùng những giỏ điên điển ấy cũng rắc đầy từ mặt sông lên ngõ nhà ông, để giờ này cô ngồi sau khung kính nở nụ cười vàng rực.

Mau thiệt – Ông buột miệng than. Tất cả đã lùi xa, thiệt xa. Mới đây mà căn nhà xưa giờ bị khuất lấp ở cuối đường chân trời. Muốn rờ đụng hàng cột tròn láng bóng ông cũng chỉ rờ được trong trí tưởng tượng, ông bay nhảy với tuổi ấu thơ, muốn giang đôi tay khăng khiu níu kéo lá mái che cuối đời mình như nó đã che cho cả nhà ông mát trong mùa nắng, ấm mùa lạnh. Dàn trần tre trét đất bên trên như thể cả căn nhà mang bùn đất của ruộng đồng vào tận những chiếc chõng tre, thơm hăng hắc, nồng nàn. Rồi đến cả những tấm liếp, hoành phi, những nghi khâu ở gian thờ lung linh bóng hình tổ tiên trong lớp nhang khói bay vòng lên cao. Bao nhiêu đời kế tiếp nhau để có được gian nhà nơi “chôn nhau cắt rún” bỗng chốc xa vời vợi khiến ông muốn khóc. Giá mà khóc được như những giọt nước mắt trẻ thơ khi phải cầm giẻ lau sạch bóng bộ cửa bằng pha bằng gỗ lim chạy dài suốt năm gian, chuẩn bị đón Tết, trong khi lũ bạn nhỏ đang chọi đáo, u quạ ngoài ngõ! Bộ cửa ấy với ông như hai kẻ luôn đối đầu: Trước ngày giỗ có tiếng kêu “Út Đền ơi, lau cửa đi con”; ngày giáp Tết “Út Đền ơi lau cửa đi con”. Núi giẻ và bộ cửa đã theo ông suốt dọc đời người, đến nỗi nhắm mắt ông có thể đếm đúng những khe rãnh chạm trổ, mỏ chim phượng, mắt lân nằm khoảng nào, những con doi láng đen, những chùm trái nho thông thênh cỡ nào; cả đến những vết sứt khi ông dùng mũi dao khur những mảng bụi bám trong khe... Vậy mà giờ này.

Bất giác ông ngó lên khung ảnh vợ có nụ cười vàng rực bông điên điển. Ngó và nhớ cái ngày hai ông bà đứng trước bàn thờ tổ tiên, nhớ cái vấp té đầu tiên của vợ nơi ngạch địa, nhớ tổ ấm ở chái sau... Ông khóc thiệt, khi bàn tay vô tình chạm nhẹ vào khóe mắt, một chút nước sền sệt như quá khứ xa xôi hiện về.

Ông nghĩ bụng: Tối nay lũ con đi làm về sẽ nói thiệt với chúng để ông về thăm quê một chuyến, như chuyến đi cuối cùng: Ông sẽ đứng trên ván cầu đôi tìm bông điên điển, ông cời trần nằm dài xuống nền gạch tàu mát lạnh, gối đầu lên ngạch địa nhìn lên trần đất thơm hắc mùi bùn đất, rờ đụng vào những khe rãnh bộ cửa, thấp nén nhang nhìn tổ tiên bay về cùng ông; về ngôi nhà xưa dày mộp tiếng ve sau vườn. Ông ra cầu ao mức nước đầy dẫy khắp đứng sấp hàng thẳng đuột rồi quay vào đu đưa trên chiếc võng gai nơi hàng hiên ngó hàng cau trước sân nhỏ. Mùa này cau đã trở buồng rồi. Hương cau thoang thoảng như mùi tóc cô Bảy đang ngồi đẩy những nhánh củi trâm bầu dưới đít ông táo. Hương cau xa xôi đó đưa ông đi, đi miết trong cơn mơ thiếp rắc hoa vàng.

-Tía ơi... tía...

Ông giật mình, xoay quả nẩy, hé cánh cửa dòm ra.

-Tía ơi... tía ở đâu vậy? Tía...

-Tao đây. Tía đây. Chi mà la um trời lên vậy?

-Tía thay quần áo nhanh lên. Xe chờ dưới đường kia kia.

-Đi thiệt hả? Đi ngay bây giờ?

-Dạ, đi liền.

Ông quay vào trong, lòng khắp khởi mừng. Chí ít con cái cũng bắt đầu hiểu được tâm trạng người già, dẫu là có hơi muộn. Muộn vẫn còn hơn không. Tay chân ông run run, lóng ngóng... cài khuy áo, thắt dây rút. Cuối cùng thì mọi chuyện cũng xong. Ông bước ra lòng phán chán hết đũa cháu nội mỗi khi nó cầm giấy khen về nhà.

Ra tới phòng khách, thằng con trợn ngược mắt, kinh ngạc đến vô cùng, như thể ông là một sinh vật nào khác, từ một hành tinh nào khác đứng trước mặt nó. Ông chưa hề, chưa bao giờ là cha nó.

-Chèng ơi, sao tía ăn mặc vậy?

-Chớ mà biểu tía mần sao?

-Đi nhà hàng tía ơi. Bữa nay con được bổ nhiệm trưởng phòng. Con chiêu đãi cả nhà. Con mời tía với vợ chồng chú Út nó...

-Chớ không phải bay đưa tía về dưới miệt vườn?

-Trời, tía! Miệt vườn thì có chi hấp dẫn mà tía nhắc hoài?

-Sao không? Nơi cha mẹ sanh ra tía đó. Nơi má bay sinh ra tụi bay đó, rồi má bay nhắm mắt xuôi tay trên mảnh vườn đó đấy, rồi mai một tới lượt tía. Bao nhiêu đời tổ tiên con cháu quần tụ trên mảnh đất đó đấy.

-Con xin tía. Tía vào thay lại áo quần đi. Cả nhà đợi tía, xếp và đồng sự con đợi tía ở New Pearl.

Không hiểu sao khi nghe thằng con nói tới đây, ông già nổi giận phùng phùng, xán lại gân đưng mặt nó, hét lên:

-Tía không cần. Cái tao cần không phải là những chỗ đó. Một ông già nhà quê nên tao biết mình ngồi chỗ nào thoải mái, dễ chịu hơn - Nghỉ một chút lấy hơi, ông tiếp – Đi đi, tía không đi đâu.

Ông già nói chừng đó, đóng sập cửa lại.

Ông thông thả đốt nén nhang cắm lên bàn thờ cô Bảy.

Ông lâm râm gì đó mà ngay cả ông cũng không rõ. Một hồi lâu sau, ông lục tủ thờ lôi ra nhạo rượu với chiếc ly. Ông rót từ tốn để nhìn rõ ngọn rượu vun cao thành hột cườm, lung linh như những cánh cò trắng trên đồng nước. Dưới kia là cánh đồng bông điển điển vàng rực. Mắt ông mờ đi thấy mình đang đong đưa trên cánh cò bay thẳng về phía đồng nước. Những cánh cò mang theo mùi hương cau thơm lựng đất trời.

(7/2009)

Về Làng

*“Derrière chaque l’homme,
il y a un enfant”*
Angel. V

Ông Xang gắng sức đạp liên mấy chục cái chiếc xe mới chịu nổ. Nó bật rung lên, ho lạch cách như người bị hen suyễn, còn ông thì gần đứt hơi. Chỉ cần thêm mấy cái đạp nữa có thể ông sẽ khụy xuống. Ông đã già. Chiếc xe cũng già. Nó già gấp mấy lần con chó nhà ông đã rụng lông xơ xác, vẩy tróc lên từng mảng ghẻ lở màu phân trâu. Ông thở hắt ra rồi tự nhủ “dù gì cũng phải cố đưa ông bạn già về làng một chuyến sau nhiều năm xa cách, như một bổn phận không thể cưỡng chống”.

Nhưng ông bạn Việt kiêu hình như không nhìn thấy cảnh này, đang ngó nghiêng nhìn trời ngắm đất. Mỗi đến khi chiếc xe hăng giọng ho khùng khục liên hồi thì ông mới quay lại hỏi “được chưa” rồi thân nhiên dặng chân ngồi lên sau yên cười hềnh hếch: “Ôi con ngựa già của chúa Trịnh. Con ngựa mới thật đáng yêu!”. Tiếng máy nổ át tiếng nói, ông Xang không nghe gì, chỉ có mảng khói đen khét lẹt phụt ra sau như cổ lầy sức dướn tới một cách khó nhọc. Ông bạn Việt kiêu cười hể hả: “Mấy chục năm về làng được đi xe ông như lý trưởng ngày xưa cỡi ngựa, ông hí?”. Ông Xang nghe tiếng được tiếng mất: “Chịu khó ngồi, nửa tiếng nữa tới làng”.

Làng của hai ông là xóm nhỏ nằm bên tả ngạn khúc sông uốn hình vòng cung trước khi chảy xuôi ra biển, bên này là con đường chạy song song với kênh dẫn nước nội đồng bằng với các vùng núi phía tây. Trước, cái làng ấy nổi tiếng giàu có nhờ ruộng đất phì nhiêu; nổi tiếng đá gà và và xóc đĩa kéo dài từ tết cho đến giáp mùa lúa tháng Ba. Con gái trong làng đẹp bởi nước da trắng, mắt đen láy nhưng khổ nổi mông to như đít trâu cày, hai bàn chân thì bè ra như chân vịt. Mông to và chân bè vì những gánh lúa đè nặng lên đôi vai trên những bờ ruộng khắp khênh, trơn lầy. Các cô ít ai ra khỏi làng, chẳng mấy người được học hành tử tế, cao lắm cũng chỉ hết bậc tiểu học để làm con tính, viết thư tình rồi lấy chồng đẻ con. Cuộc đời cứ vậy lặng lẽ trôi qua, không ai bận tâm, thắc mắc này nọ.

Cả hai, ông Xang và ông Tĩa Việt kiêu đều xa làng khá lâu. Sau chiến tranh, một người lên thành phố kiếm sống và sống cũng tạm ổn; người kia lên thuyền vượt trùng dương và mang quốc tịch khác. Hai cảnh đời khác nhau, nhưng vì tình thân từ tấm bé nên mỗi khi hai người gặp nhau, từ thời trai trẻ cho chí tuổi già, thường bên cạnh nhau như hình với bóng.

Lần này ông Tĩa về nước sau gần ba mươi năm không hề biết đến mùi nước mắm, cá kho năm bảy lửa và khói bếp nên thấy cái gì cũng lạ, ăn cái gì cũng ngon, hệt đứa con nít mới lớn. Tâm trạng ấy chỉ lấp ló trong đầu ông Xang như đóm đỏ đầu cây nhang nhìn thấy từ xa, rất xa. Ngược lại, ông Tĩa thì luôn háo hức, hồi hộp, chờ đợi... rồi nó bật rên nho nhỏ khi hai ông nằm chung trên chiếc giường chỉ có chiếc chiếu trên tấm vạt tre: “Mai mình về thăm làng, hể. Cũng sắp tết rồi”. Ông Xang gạt chân bạn đang gạt ngang qua bụng: “Còn ai đâu!”. Ông Tĩa chồm lên, thì thào: “Còn chớ sao không. Lùm tre, đọt dừa, đồng làng, con mương... với cô Hai Khánh”. Ông Xang thờ dãi: “Tôi cũng không nhớ nữa. Còn sống thì chắc cũng phệ phạo, răng rụng hết rồi”.

Chiếc đèn ngủ trên vách tỏa chút ánh sáng nhòa nhạt. Mọi vật đều lơ mờ. Tâm trí ông Xang cũng lơ mờ về hình ảnh cô Hai Khánh. Ông không thể hình dung nổi cô Hai ra sao. Không nhớ nổi. Lâu quá rồi, xa quá rồi. Nhưng ông Tĩa chắc nhớ rõ. Không nhớ sao lại nhắc đến? Mà nhớ là phải. Hai người đã có tình ý từ hồi học septième classe. Hồi đó chắc cô cũng đã phát mã, gò ngực mây mây, nước da trắng như trứng gà bóc vỏ khiến anh học trò Tĩa ngây

ngát? Khuôn mặt đỏ, cặp mắt đỏ hần ông Tĩa lưu giữ mạnh mẽ trong đầu hơn bất kỳ ai. Về nước nhớ làng. Về làng bỗng nhớ người yêu trong mộng đã mọc meo từ kiếp nào. Nhưng chút bụi mọc ấy bỗng sáng lóa, tron tru, mới mẽ đến bất ngờ. Hai ông bạn già tuổi quá bảy mươi tự dưng thấy lòng còn cào nổi nhớ băng quơ, mỗi người nhớ về một chốn, một kiểu khác nhau.

Giờ thì hai ông bạn già đang trên đường về làng với chiếc xe máy cũ kỹ, thỉnh thoảng ho khan của người bị bệnh hen suyễn mãn tính.

Xe ra khỏi thành phố non cây số, bất ngờ ông Tĩa bấm vào hông bạn.

-Dừng, dừng lại!

Ông Xang ngó lui làm chiếc xe lạng đi, suýt đâm bỏ sang lề bên kia.

-Chi vậy, bộ mắc tiểu hả?

-Không, dừng lại. Minh nhớ...

Ông Xang đạp thắng. Chiếc xe khi đứng yên cũng khốn khó như khi nổ máy lao tới. Ông bạn già ngoái chân ra sau bước xuống, đứng chống nạnh ngó ra hướng bắc:

-Ngôi miếu chỗ này đâu rồi nhè? Rõ ràng hồi năm miếu tọa vị trên khu đất này mà?

-Ngôi miếu thờ thành hoàng?

-Đúng. Xưa kêu miếu Cây Da.

-Phía trên kia, non cây số; nhưng nó biến mất rồi, biến từ khuya!

-Sao vậy? Bão sập, lũ nước cuốn trôi?

Ông Xang xa xăm.

-Bão lũ con khi gì. Hồi vô hợp tác xã, mấy ông cán bộ kêu “không có thần thánh gì sất, mê tín dị đoan. Phá đi để làm sân kho, phải duy vật, phải biến nó làm ra của cải chứ không để chình ình ra đó, choáng đất...”.

-Trời đất, không có người tiên phong mở đất lập làng thì làm gì có chốn này. Một theo đất nhỏ để phụng tự người có công mở đất mà kêu dị đoan với mê tín!

-Thôi đi. Công trạng coi như đã hoàn mãn. Giờ thì qua chương khác, phải làm ra của cải. Nghe nói hồi đó mấy lãng tằm, đèn miếu ngoài cố đô còn bị phá huỷ chỉ ngôi miếu nhỏ này. Lên xe ông bạn, trưa rồi – ông Xang nói như ra lệnh.

Chiếc xe khốn khổ rên lên rồi lấy hết sức bình sinh dướn tới, lằm chằm giống đũa tre mới tập đi. Nó loạng choạng không hẳn vì sức nặng của ông bạn ngồi sau mà đơn giản nó quá cũ kỹ, rệu rã chỉ năm thì mười họa mới lôi ra dùm; như bữa nay nó lấy hết hơi tàn lực kiệt để đưa hai người về làng, như một cách trả đền ơn nghĩa cho những tấm lòng thiết tha đến cố hương. Ông Xang có cảm giác mắc cỡ với bạn vì sự chậm chạp, ọc ạch. Nhưng ông Tĩa thì không thấy thế, sự chậm chạp kia giúp ông có đủ thời gian quan sát mọi vật chung quanh. Đó là dòng nước trong xanh từ đập chắn ngang khúc sông lớn đưa về. Nước len vào các chân ruộng đang thì con gái. Mùi thơm nhẹ của cây cỏ, đất bùn phẳng phất trong gió hiu chút nắng buổi sáng. “Giá có chút khói đốt đồng” ông nghĩ thầm trong đầu. Thứ khói đó chỉ có ở các làng quê trong nước, lừng lựng thơm như một loại nước hoa khác biệt với thế giới cơ khí, nhôm nhựa! Chỗ ông ở thỉnh thoảng vẫn có khói, nhưng đó là những đám khói cuộn cuộn trong các vụ cháy rừng. Khói mù mịt, nồng nặc đến ngạt thở, cơ giò chạy thực mạng, lên xe phóng như tên bắn; loại khói của nổi hoảng loạn khi chúng men tới sát mép rìa khu thị trấn. Dễ đến ba bốn lần ông hít phải thứ khói ấy với nỗi sợ hãi mình sẽ bị thiêu cháy tức khắc!

Phía trước, ông Xang bất ngờ đưa cánh tay khắng khiu ra và bất ngờ ngoặt sang trái để rẽ vào đoạn đường trái sỏi đỏ hỏn. Ông Tĩa chồm tới:

-Đi đâu vậy, cua vào đây làm gì?

-Thì vào làng mà – Ông Xang trả lời.

-Làng? Làng mình nay giàu thế sao? Cả một dãy nhà lầu kia dân làng xây?

-Không. Khu công nghiệp tiểu thủ công nghiệp đó.
-Hồi xưa chỗ này là đồng lúa phì nhiêu, sao tự dưng đi làm khu công nghiệp?
-Không biết. Ở trên ấy. Họ nói công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn mà!

-Ôi trời! – Ông Tĩa kêu lên nức nở như chính mắt mình nhìn thấy ông bạn bị chôn lấp bên dưới lớp cát nền khu công nghiệp.

-Lạ thật – Ông Tĩa tiếp tục rên.

-Có gì mà kêu lạ. Rất bình thường. Ruộng đất của nhà nước, họ muốn làm gì thì làm, nông dân đâu có quyền kêu ca. Cả ngàn mẫu ruộng tươi tốt bỗng dưng lấp trời, rồi đưa cho thằng giàu làm cái sân banh, đánh trái gì trắng trắng như trứng vịt đấy.

- *Bố siết!*

-Gì? – Ông Xang ngoái lui hỏi.

Ông Tĩa không trả lời, cảm thấy ngựa ngửa ngựa bên mang tai.

Phải khó khăn lắm hai ông bạn già mới hỏi thăm được nhà bà Hai Khánh.

Đó là căn nhà ngói cũ kỹ, xây theo kiểu chữ *đình* nằm khuất sau mấy hàng cau, bưởi... Trên khoảng sân hẹp lều tèo mấy chậu cây cảnh cành lá xác xơ, hình như chẳng mấy khi được chăm sóc. Xe dựng bìa sân. Con chó từ trong nhà nhảy xỏ ra sủa từng tràng dài như muốn xua đuổi hai người khách lạ. Lát sau người đàn ông có chòm râu bạc quăn queo, ở trần từ sau bếp bước tới, tay còn nắm cây rựa cán dài:

-Hai ông hỏi ai?

-Dạ chúng tôi là bạn cũ của chị Hai. Chúng tôi học chung lớp từ hồi nhỏ. Máy chục năm... – Ông Xang tiếp tục kể lễ dông dài. Người đàn ông vừa nghe thỉnh thoảng lại lắc đầu như tin như ngờ:

-Chết rồi. Chết năm ngoái. Bị *tăng xông*.

Ông Tĩa chung hứng, quay mặt đi trong khi ông Xang còn kịp thốt ra một câu không biết để an ủi người chồng góa vợ hay an ủi ông bạn già luôn bao phủ quanh người một thứ mùi hăng hăng, chua chua của loại bánh mì kẹp thịt ở xứ lạnh:

-Tội nghiệp.

Chủ nhà dựng cây rựa vào tấm phen liếp:

-Mời hai ông vào trong này – Nói vừa chỉ tay vào nhà.

Đúng là loại nhà không có bóng dáng phụ nữ, ông Tĩa thăm nghĩ trong đầu, nhìn quanh. Mọi thứ đều lộn xộn, đặt ở những vị trí không mấy thích hợp: Cây chổi dựng ngay cửa đi, phích nước đặt dưới nền xi măng, bó rau đã héo nằm chỏng chơ gần bậu cửa... Tất cả như muốn kêu lên rằng “chúng tôi cô đơn”.

Bỏ mặc ông Xang hỏi han này nọ với chủ nhà, ông Tĩa đứng dậy vừa nói vừa bước tới bàn thờ nằm khuất trong góc tối “ Xin phép anh tôi thắp chị Hai cây nhang”, nói và đứng bật lên, bước tới.

Chị Hai đang ngồi trong khung kính, trước mặt ông Tĩa. Trên bàn có nải chuối chín rực lạng lẹ trên cổ bông, bát nhang cắm đầy chân màu son và hai cây đèn sáp hai bên cháy phân nửa còn đọng lại những dây sáp thong thong như những giọt nước mắt chưa khô. Ông Tĩa cảm thấy bùi ngùi khi nhìn lên bức chân dung người quá cố: Chị Hai mặc áo nhung đen quần trắng, chân vắt chéo trên chiếc đầu có vai tựa, bên cạnh là chiếc bàn con có lọ hoa và bình trà cùng chén tách. Chị Hai xương xẩu, môi được tô đỏ, chân mày vẽ cong cố nở nụ cười với ai đó trước mặt nhưng không tươi. Duy nhất có đôi mắt vẫn còn giữ được vẻ sắc sảo ngày nào. Đôi mắt ấy đã nói với ông bao điều giờ bị đóng cứng trong khung kính với cái nhìn xa xăm, khiến ông nhớ

lại những năm tháng cũ, có lần nhìn thấy cô Hai đứng bên góc rào với tay hái những lá mồng toi, bồ ngót. Bàn tay trắng thon lướt trên những phiến lá màu lục diệp. Cô dướn lên, mông như phình ra đỡ bộ ngực căng tròn, làm điểm tựa cho đôi tay thoăn thoắt. Ông ngắm mãi, ngắm mãi...

Giờ này cô Khánh không còn tồn tại trên thế gian này, nhưng trong tận cùng tiềm thức ông vẫn nhìn thấy rất rõ những ngón tay búp thon, chiếc mông tròn căng. Và rồi ông ao ước giá như ngay lúc này có nồi canh tập tàng mồng toi, bồ ngót, sẽ không ngại ngần vừa ăn vừa nhìn cô trong khung kính.

Ông Tĩa đứng thật lâu, lâm râm cầu khẩn thật lâu khiến ông bạn già bên ngoài chột dạ, ái ngại. Nhưng với ông thì chẳng hề chi. Ông chưa làm gì lỗi đạo, chỉ muốn nói với người đang ngồi bên trong khung kính rằng ông về thăm với tất cả lòng thành. Tiếc là không được gặp nhau để nhắc lại những chuyện cũ, những chuyện rất vu vơ của thời trai trẻ: Nói với nhau bằng ánh mắt, giữ trong nhau bằng những nhịp tim đập thình thịch của thứ mặc cảm phạm tội bị câu thúc bởi lễ giáo, gia phong. Chỉ có vậy. Một chút xíu thôi, nhưng nhớ đời.

Ông Tĩa quay ra. Ánh mắt hình như ảm một chút lạ. Ông ngồi xuống đỡ tách trà nguội ngắt từ tay chủ nhà.

-Cảm ơn hai ông. Nhà tôi đơn chiếc. Lũ nhỏ đi làm ăn xa, ở mỗi đũa một nơi, năm thì mười họa mới về.

Chỉ với mấy câu ngắn ngủn đó cũng đủ vẽ nên bức tranh về gia cảnh của người đàn ông vừa mất vợ, cũng đủ để ông Tĩa và ông Xang chạnh lòng.

Họ tiếp tục câu chuyện, hạ thấp giọng, bùi ngùi an ủi, ngân ngán cảm thông. Họ nói đủ chuyện cho tới lúc như không còn chuyện gì để nói nữa bèn đứng lên chào nhau. Ba người đàn ông cùng bước xuống thềm bằng những bước chân nặng nhẹ khác nhau.

Chiếc xe rên từng hồi dài như người hấp hối, cộc cạch dướn tới đưa hai ông già ra khỏi ngõ, luôn vào truông tre tối thui.

Mùa Tết

Ông Hai Sơn đã già. Già lắm rồi. Ông một mực không chịu đi, nhưng con ông thì nói: Cha vẫn còn sức khỏe nên đi một chuyến cho biết xứ người. Xứ người và xứ ta thì có khác gì nhau? Ông phân vân. Ông từ chối. Viện mọi lý lẽ để từ chối chuyện trả hiếu của con cái. Cù cưa qua lại mãi trên dây nói, không xong. Ông chấp nhận thua cuộc vì không đủ lý lẽ với chúng, cuối cùng đành phải làm hộ chiếu, xin visa rồi leo lên máy bay. Hàng trăm người lần lượt leo lên. Áo xống đủ kiểu tây tàu, cà vạt, khăn choàng. Riêng ông độc nhất một bộ bà ba, dép nhựa. Mọi người ngó ông mỉm cười. Ông cũng nở nụ cười méo mó thu người ngồi suốt mười mấy tiếng. Xuống sân bay, con ông nhìn ông bằng ánh mắt khác, không như những người nhìn ông lúc lên máy bay. Cái nhìn khác lạ, hình như buồn, như không hài lòng...

Giờ thì ông ngồi đây một mình, ngồi chong góc nhìn tuyết rơi trắng xóa bên ngoài khung kính cửa sổ.

Hơn bốn năm rồi, ngày nào ông cũng ở nhà một mình, loay hoay với mớ kỷ niệm cũ kỹ nơi quê nhà, bởi xứ Xi-Tô này ông không có bạn, chung quanh toàn người lạ, nói thứ ngôn ngữ lạ. Mỗi lần giao tiếp chỉ thấy tội nghiệp cho đôi tay, thân hình và đôi khi cả chân nữa. Luôn vụng vẹo, luôn đưa lên đưa xuống, miệng há ra, môi vầu lên, tay chỉ chọt, chân hươ hươ như người động kinh. Có khi người bản xứ cũng hiểu đôi chút, ông cũng hiểu đôi chút qua những cái gật đầu theo cảm tính, không mấy chắc chắn. Còn hai đứa cháu không khác chi bọn họ: *oong, hót quaa... ai đơn...* Chịu. Ông cháu mà y như người khác xứ.

Chuyện trò bằng chân tay khiến ông chán ngấy, đẹp nỗi buồn sang một bên, lò dò bước vào nhà. Nhà trống trơn, càng buồn hơn. Đứng lên ngồi xuống, rồi tựa cửa nhóng ra ngoài. Tuyết phủ dày. Thần thờ bước lại giá sách, lấy ra một cuốn, giở vài trang. Cũng chữ a, chữ e, chữ h... nhưng ông không tài nào đọc được hiểu được, lòng buồn xo. Xớ rớ một lúc, ông quay qua nói chuyện với bà vợ đang ngồi trong khung kính. Ông nói nhiều chuyện với bà, từ hỏi chận trâu, tắm sông tới khi lớn lên, nhìn nhau, lấy nhau... bao chuyện tân toan, tấm mắt ông thâm thì, lúc cao lúc thấp, nhưng thật ra chỉ mình ông nghe. Vợ ông cứ ngồi trong khung kính ngó ông và nở nụ cười muôn thuở.

Có bữa chịu không thấu, dẫn lòng đợi đến chủ nhật, ông kêu vợ chồng thẳng con ra ngồi trên ghế sofa, trước mặt mình:

-Cha nói thiệt. Quá đủ rồi, là chịu quá đủ rồi. Hai đứa con mua vé cho cha về.

Thằng con trai:

-Bên nhà không còn ai nữa. Ba cứ thui thui một mình, tối lửa tắt đèn...

Con dâu thêm:

-Bên này có đủ mọi tiện nghi chăm sóc, kể cả sức khỏe, cha lo gì.

Ông cháu:

-Thằng Quảng kêu bên nhà mình cha thui thui, nhưng còn bà con hàng xóm, còn nói được, còn nghe chuyện với nhau, chớ bên này cha thui thui coi bộ nặng hơn, y như người câm ra dấu vậy.

-Thôi cha, mặc áo ấm vào rồi cả nhà ra ngoài *pqac* sưởi nắng, ăn trưa.

Ông cười rung lên, thiếu chút nữa là đứt hơi:

-Đó đó... bên này chạy đi tìm nắng, còn ở nhà nắng giàu vô kể. Nắng tràn xuống sân, chun tọt vô nhà... đâu có mắc công tìm kiếm?

Đó cũng là câu nói cuối cùng rớt đánh đụi xuống sàn nhà, giữa tiếng reo của hai đứa cháu: *ya...yaa... gâu pqac... yayaaa...*

Cái *gâu pqaac* của cháu và hai con ông là bãi cỏ mát tầm mắt, là những đường đi uốn lượn, cây cối xanh um, bồn hoa, vòi nước, là những bà đầm nằm tênh hênh phơi nắng, trẻ con tung tăng chạy nhảy. Ngó quanh quất chẳng thấy ai da vàng mũi tẹt như mình, ngoại trừ cha con ông cháu đang ngồi dưới tán cây cổ thụ! Ông đưa mắt nhìn một vòng rồi nhìn lại chân tay mình, hình như còn bám nặng mùi bùn phèn ở đâu đó, thoang thoang, bắt ông nhớ, nổi nhớ mênh mông như đám mây trắng đang bay qua trên đầu.

Bữa nay chỉ mới giữa tuần, có nghĩa là còn ngồi đợi ba ngày nữa cha con ông cháu mới gặp mặt nhau đông đủ, có nghĩa là ông còn phải đứng nơi cửa sổ nhìn ra bên ngoài: những chiếc xe cổ sức trườn trên lớp tuyết giống con trùn bị ném lên mặt đất, khó khăn, chậm chạp; hàng cây trước nhà trắng xóa in hết những tảng bông gòn bám chặt, giống như hồi nhỏ nhà ông bắn bông vải bằng cây cung để kéo sợi, bám trắng người. Nhưng những mảng bông bám lên người chỉ cần đưa tay phui nhẹ là sạch trơn. Còn màu trắng nơi quê người thì nhếch nhác, ẩm ướt toàn một màu trắng lạnh lẽo, tang tóc đến vô cùng.

Trời đất, xứ sở chi mà có mùa đông khắc nghiệt, lạnh buốt; xứ sở chi mà mọi thứ đều không giống quê nhà? Ông liếc lên tấm lịch mốc trên tường. Lịch chỉ độc nhất có ngày tháng dương, không thấy một ô, một hàng ngày âm. Ông cố moi óc, sắp xếp: 1/20 có nghĩa là ngày 20 tháng Giêng lịch tây. Ông xòe hai tay ra đếm, cộng trừ. Vậy là nhằm ngày mùng 6 tháng Chạp ta. “Cha mẹ ơi!” ông kêu lên sắp tết rồi. Chỉ còn 17 ngày nữa sẽ đưa ông Táo. Đã năm cái tết qua đi ông không được đưa rước ông Táo, không được đốt vàng mã cho ông bà, ông Táo lên châu Ngọc Hoàng cứ một bộ quần áo cũ kỹ từ những năm trước khi ông còn ở quê, nay thì rách rưới, tả tơi. Ở xứ *Xi Tô* này tìm đâu ra vàng mã, tìm đâu ra bộ quần áo, cả miếng cốm học đưa ông Táo về Trời? Năm ngoái, bí quá, nhớ quá ông loay hoay tìm giấy báo cũ ngồi cắt bộ quần áo cho ông Táo, tìm hộp bút màu của cháu tô vẽ lên. Những mảng màu xanh đỏ như bức tranh, không phải loại tranh làng Hồ mà của ông tự chế, lờ loẹt. Ông tự nhủ: miễn sao có bộ áo quần tươm tất cho Táo công là đủ. Nửa đêm, ông lén ra sau nhà để xe, bày chiếc bàn con đặt ba cây nến thay nhang đèn, một đĩa chocolate thay cốm, một chút mút chery thay riêm gừng... Đang lâm râm khấn vái, thằng con bất ngờ xuất hiện, la lên giận dữ: “Trời! Cha? Kiểu này thì cháy ga ra như chơi. Ở xứ người mà cha chẳng hiểu gì cả? Táo tiếc gì, chỉ vớ vẩn”. Ông giật mình ngó sững bộ mặt hầm hầm của thằng con. Nó bị Tây hóa rồi, đâu còn là con mình nữa. Ông thoáng nghĩ trong đầu và lẳng lặng dẹp tất, lẳng lặng vào phòng. Buồn mà không biết lấy ai chia sẻ cùng.

Ông nghĩ: không đưa, không rước, không cúng bái bằng những lễ vật cụ thể thì cúng bái đưa rước bằng tâm linh, bằng trí tưởng tượng. Hoàn cảnh mà, ông bà nào nữ quả trách? Hăm ba tới ông sẽ làm theo cách đó. Sắp tết rồi.

Phải, ở quê nhà đang là mùa tết. Cái mùa thiệt lạ lùng. Mùa luôn làm ông xao xuyến dẫu cho lúc hãy còn trẻ hay đã già. Bắt đầu là thứ gió chướng mang chút hơi lạnh ngọt ngào nhuộm đầy màu nắng vàng trải rộng như dải lụa, bầu trời lúc trong vắt lúc lơ thơ vài đám mây trắng vắt ngang rồi bất ngờ âm u bất ngờ nắng, bất ngờ rớt chút mưa xuân; những hột mưa chỉ đủ làm xoắn tí bụi đường thành những ô tròn bằng mút dũa. Rồi trong vườn, sân nhà những bông vạn thọ bắt đầu nở lúp búp và chỉ sau mười hôm thôi là xòe ra rực rỡ. Loại hoa này mới lạ, lâu tàn, đơm kín như mâm xôi. Hèn chi ông bà đặt tên vạn thọ cũng phải. Loại hoa ấy, cùng với đất trời làm sáng rực lên một góc vườn. Bướm nữa. Bướm vờn quanh những cánh hoa và đâu đó tiếng chim hót rộn ràng, xoắn xít như bóng nắng muôn trời chiếu lại rồi thả tung lên trời cao.

Xâm xâm thì tiếng chày giã cốm bắt đầu nện thành thịch, hương cốm mùa Giêng theo tiếng chày bay lên, lan tỏa khắp các trướng tre, thơm lừng lừng. Tháng Chạp, bếp nhà nào cũng đỏ lửa. Khói củi, khói than nồng nàn. Cháo riêm gừng sôi lục sục. Những mảng đường trắng bao lớp mỏng miếng riêm như thể các cô gái thoa chút phấn làm duyên... Tất cả những thứ đó, qua trí nhớ còm cõi khiến ông nôn nao như thể mình là đứa trẻ nít chờ ngóng mẹ mua bộ áo quần mới, giày dép mới.

Bốn mùa tết qua đi lặng lẽ nơi xứ người. Ai cũng dừng dung với nó. Người bản xứ, không cùng văn hóa, ngôn ngữ đã đành một lẽ. Đến cả những lưu dân nơi quê người cũng không có chút thời gian hưởng mùa tết! Ông bạn già tận tít Cali năm ngoái gọi xuống: “Người đồng hương thì nhiều, cũng tết nhứt, bánh trái, chúc tụng... nhưng sao tui thấy nó lạt phèo”. Ông hỏi có sao lại lạt phèo? Ông bạn già đáp: Không có mùa tết. Không có không khí tết như quê nhà! Nói và ông thờ đánh xì và gát máy y như rằng đó là lời trăn trối với người bạn chân tình.

Suốt cả tuần, Hai Son cứ loay hoay với mùa tết của ông. Ông nhớ miếng thịt kho tàu, nhớ món cải chua, củ kiệu tôm khô và xì rệu đế, những lùm vụn thọ, cúc và lữ trẻ nít xúng xính áo mới, bao lì xì màu đỏ tươi và cả câu hò mang mang tận xóm dưới... chúng quyện với mùi nhang khiến chỗ nào cũng thơm ngan ngát.

Giá như có đôi cánh, ông sẽ bay lên, bay ra khỏi xứ tuyết trắng xóa buồn thảm, bay về tận ngôi làng bé nhỏ của mình ngay lập tức để hưởng trọn vẹn mùa tết ngọt ngào.

Lên non hái trái

*Nước trên cao chảy xuống ì ầm
Vượn bông con lên non hái trái
(ca dao)*

...Ngày... tháng... năm...

Gửi anh,

Tính từ ngày xách va li lên tàu, đến nay đúng hai tháng. Khoảng thời gian không dài không ngắn, giữa núi rừng trùng điệp này, đủ để tôi mang trái tim ra nghĩ về cách hành xử của mình và không thể không giải bày với anh bằng những suy nghĩ dài lê thê, với lòng mong mỏi anh và những người thân yêu sẽ dần hiểu tôi.

Ngay từ lúc chọn nghề, cả ba mẹ, anh chị đều cho tôi là một con điên. Bốn năm dài mài, thích thú với khoa sư phạm, bất ngờ gặp và quen anh, tôi cứ nghĩ anh là người đồng cảm với tôi, nhưng khi thấy ánh mắt lúc tiễn lên tàu, tôi chợt thấy anh lại ném về phía tôi một cái nhìn đầy nỗi niềm và tuyệt vọng, cùng với sự bịn rịn của người thân trên sân ga. Tôi không ưa cảnh tượng đó, mong cho còi tàu mau rúc lên và lăn bánh thật nhanh để tránh những cảm giác lẫn lộn có thể sẽ khiến tôi bỏ cuộc giữa chừng bởi những sự vấp vữa định kiến khó hiểu.

Tàu lăn bánh. Đó là tín hiệu khởi đầu cho “sự lập thân” của mình và là lúc tôi bình tĩnh tự lật ngửa mình ra, moi hết tim gan coi nó méo mó, trật trật ở chỗ nào? Trước hết là cảm giác xốn xang, nao nao khi phải rời xa nơi tôi sinh ra và lớn lên. Một chút đau nhón nhác giống như con chó con bị bắt cho người lạ, đột ngột rời xa núm vú quen thuộc trên bụng mẹ, rời xa hơi hóm hây đàn, rên ửng ửng thăm thiết! Tôi cũng vậy, có điều tôi không rên lên, nhưng nhất định có chút buồn, nỗi buồn cay xè của kẻ lần đầu xa nhà, xa mọi thứ thân quen. Phút chạnh lòng, tôi giật mình thoáng nghĩ, mình có vẻ như là con điên thật sự, thứ dở hơi thực sự như tất cả mọi người, kể cả anh gán cho. Nếu không, sao tôi lại chọn nghề này, trong khi bạn bè cùng lứa, đưa thi vào y, đưa kiên trúc, kinh tế... những ngành hái ra tiền, lại được hưởng thụ mọi tiện nghi trong thành phố? Còn tôi? Tôi đã liên tục thổi tắt ngọn lửa hy vọng của mọi người, từ cách chọn nghề đến kiểu chọn nơi đến? Rồi tôi lại phản biện những định kiến sắp đặt kia: Tiền bạc, tiện nghi là cái gì? Nó giải quyết được gì? Tôi phân thân ra, vừa tra hỏi vừa loay hoay tìm kiếm cách lý giải. Cùng một lúc, tôi vừa là quan tòa, vừa là bị can đến nỗi đầu óc căng cứng mệt mỏi, theo bánh sắt lăn rập rình trên đường ray, rập rình con gà gặt gãy khúc, như lúc vô tình nhìn chiếc bánh trắng nướng có cục mắm ruốc đỏ hồng trên tay người đàn bà ngồi bên cạnh, cứ voi dần đi...

Tôi là kẻ đã lên tàu và đang lao tới, không dừng lại được. Tôi xa dần và nhỏ dần trong mắt mọi người.

Xuống sân ga, chẳng ai đón. Tủi thân. Lầm lũi ra bến xe chen chúc trong chiếc xe đồ chật cứng, ì ạch non nửa ngày mới tới nơi. Lại tủi thân. Niềm tủi phận cứ thế, cao thêm một chút, dày thêm một ít. Rồi lại tự nhủ: “Thôi, sự đã rồi. Đã lên tàu còn phân vân nỗi gì!”

...ngày... tháng... năm...

Viết tiếp...

Nơi tôi đến, anh không thể nào tưởng tượng nổi. “Thật kinh khủng!”. Đó là cảm giác đầu tiên khi tôi nhìn thấy ngôi làng bé tẹo bị vây phủ giữa đồi núi chập chùng. Tôi đã từng nhìn thấy núi rừng dọc đường lên Đà Lạt. Nhưng núi rừng ở đó thì dễ thương, thơ mộng, còn chỗ này thì quạnh quẽ, điều hiu: Những con đường đất đỏ dọc ngang, vài quán tạp hóa, những con bò thả nhiên nằm giữa đường. Nhà sàn chen lẫn với nhà mái tôn tường gạch làm tôi ngẩn ngơ:

Không gian văn hóa Tây nguyên bị tróc vảy sao? Nhưng tôi lại thích những bụi sắn, giàn bầu và lũ heo kéo lê chiếc bụng sát đất nom như nùi giẻ lau nhà... chen lẫn với cảnh tượng đó là những người đàn bà cong người trên những chiếc gùi nhô lên vài que củi, mọt măng, trái bắp... Tất cả đều lác lác theo bóng những người đàn ông rựa vác vai, miệng ngậm ống vớ thỏ khói phì phèo, nhả nha đi phía trước, khiến tôi liên tưởng đến ống khói con tàu đưa tôi đến tận chốn này; trong khi đám trẻ con thì mình trần, mốc cời, tóc hoe vàng nom rất lạ mắt.

Khi thấy tôi, lũ trẻ nhìn ngơ ngác, còn cha mẹ chúng thì mở tròn mắt, tò mò vì sự xuất hiện đột ngột của một cô gái lạ giữa chốn “thâm sơn cùng cốc” này. Tôi hỏi thăm người thanh niên đường tới trường. Anh ta reo lên và nói câu gì đó bằng tiếng dân tộc tôi không hiểu. Sau đó lại khum tay lên miệng hú một tiếng dài làm tôi hết hồn, như thể mình sắp bị đưa lên giàn hỏa vậy. lát sau, mọi người lục tục kéo ra đường, tiến về phía dãy nhà sàn dài. Người thanh niên đưa tôi nhập vào đám đông. Tới lúc đó, tôi mới kịp quan sát: Anh ta cao lớn, vạm vỡ, da màu đồng thau, mái tóc bành bông như nghệ sĩ trong dàn nhạc Jazz. Tôi lí nhí nói mấy tiếng cảm ơn và đưa tay ra để anh ta dắt, trèo lên nhà sàn nối với khúc cây khắt từng nấc, không mấy dễ dàng. lát sau ba thầy cô giáo xuất hiện. Một vài người còn mang theo nải chuối, thu đủ và vài loại trái rừng màu đỏ chót. Ché rượu có mặt ngay giữa sàn cùng lúc với bếp lửa nổi lên. Cuộc tiếp đón mộc mạc, chân thành làm tôi cảm động thực sự. Họ xoắn xít hỏi han, giải thích, an ủi... khiến tôi đỡ quạnh lòng đôi chút. Ông trưởng buôn, rồi tới lượt ông xã trưởng kéo cần rượu đưa về phía tôi bằng ánh mắt sáng rỡ. Có lẽ, một chút rượu ấy khiến tôi đủ tỉnh táo để xách va li theo các đồng nghiệp về trường.

Đi bộ non cây số, cô giáo tên Hải chỉ tay về phía dãy nhà sau ngọn đồi kín lá: “Trường đấy. Thầy cô ở ngay tại trường, trong một phòng học. Rồi em sẽ thấy...”. Chị Hải bỏ lưng câu nói. Tôi giật mình khi nghe nói thầy cô ở cùng phòng và lầm lũi bước theo mọi người một cách nặng nề, cuốn theo cảnh “thầy cô ở chung phòng” cứ trưng phình dần trong đầu!

Anh có thể tưởng tượng nổi không? Đến trường, suýt nữa tôi bật thành tiếng. Gọi là trường học, nhưng giống như một trại chăn nuôi bị bỏ hoang. Một dãy nhà lợp tôn, mái ếch cong; tường thì sứt sọ đầy những vết tróc lở khiến tôi liên tưởng ngay đến những ngôi trường khang trang ở thành phố, đến những công sở cao ngất ngưỡng, lộng lẫy. Tâm trạng nặng nề ấy khiến chị Hải tưởng tôi mệt vì đường xa, xô liếp cửa phòng tập thể nhỏ nhẹ: “Em nằm nghỉ chút rồi ăn cơm”.

Tôi đặt chiếc va li xuống nền đất nện láng tung và bắt đầu quan sát: Nửa bên này dành cho các cô, rộng hơn và được chắn kín bằng tấm cốt mờ o nẹp dày. Bên kia là phòng ông Thắng, phụ trách trường, có cửa đi riêng. Tấm cốt vẫn nguyên vẹn, không hề thấy lỗ thủng, chứng tỏ mọi người đều sống nghiêm túc khiến tôi có thêm chút an tâm. Chiếc bàn học tròn duy nhất giữa phòng nữ, hai bên là hai băng ghế gỗ vừa là chỗ soạn bài, tiếp khách, vừa làm nơi ăn uống. Phía trong là tấm vải hoa giăng ngang, có lẽ là chỗ ngủ. Giá sách vở được đặt trên những mảnh gỗ ghép gắn vào tường, phía đối diện 4 ly thủy tinh đứng ôm phích nước màu xanh da trời. Mọi thứ đều lỏng chỏng, lẻ loi, xa lạ khiến tim tôi đập loạn xạ, như thể đang ở trại lao cải! Anh biết không, lúc chị Hải trở lên nhìn thấy vẻ mặt dầu dàu liền ôm choàng vai an ủi: “Rồi em sẽ quen, sẽ vui. Hồi mới lên chị cũng vậy, suýt ngã nhào xuống đất! Vào thay áo quần, rửa mặt, chị dọn cơm đây”. Tôi thần thờ vệt tấm màn chắn ngang căn phòng: Chiếc giường gỗ và chiếc chiếu hoa, bên trên là chiếc gối ôm và tấm mền cùng màu vàng nhạt... Tôi chưng hửng và nghĩ mình sẽ không chịu đựng nổi nếu nằm quá ba đêm, bởi thói quen nằm nệm từ thuở bé. Tôi lúng túng thật sự, loay hoay với những ý nghĩ lộn xộn cùng cảm giác lạnh lẽo bắt đầu sung tấy lên. Tôi thù người ra, nước mắt chảy dài...

Hồi còn ở nhà, những đêm trời trở lạnh tôi thường chui qua giường chị Nga tìm chút hơi ấm từ người chị choàng lên. Còn nơi này, đêm đầu tiên mới kinh khủng làm sao! Phần xa nhà, phần khí núi lạnh tôi không tài nào ngủ được. Mắt mở thao láo nhìn bóng đêm, tai đóng lên nghe ngóng mọi tiếng động chung quanh: Tiếng côn trùng rả rích như giàn bát âm đăm tang; tiếng chim đêm vang lên đột ngột xé toạt màn đêm; tiếng lộc cộc đầu đó quanh nhà như kẻ trộm tìm cách cạy cửa. Tôi điếng người, cong riết rồi quơ tay ôm chị Ngân như đứa bé chui rúc vào lòng mẹ vì sợ hãi. Lúc ấy, nếu anh một mình ở đây, tôi chắc anh cũng có cảm giác giống tôi: Sợ hãi! Tôi cố gắng chống chọi, tới sáng thì mệt bơ phờ. Tôi phân vân: Mình sai lầm thật sao?

...ngày... tháng... năm...

Anh này,

Công việc của anh thế nào rồi, hy vọng anh sẽ thành ông chủ nhỏ. Lúc đó không chắc anh sẽ nhận ra tôi, cô giáo lạc loài đầu đó giữa chốn đèo heo hút gió này? Nhận thư anh, tôi cứ ngỡ anh sẽ kể chuyện phố phường, cái mà tôi đang thiếu lúc này. Chẳng dè, anh toàn an ủi và trách móc nhẹ nhàng khiến tôi không biết nên buồn hay vui? Nhưng tôi đã nói với anh rồi, tôi là kẻ đã lên tàu, đang dần thân vào mục tiêu tôi chọn lựa, tuy không to tát, ghê gớm gì nhưng cũng là sự chọn lựa đúng đắn của riêng tôi với lũ trẻ vùng núi non cách trở. Ở một góc nhìn nào đó, có khi lại là một sứ mệnh cao cả, nên những an ủi của anh cũng đồng nghĩa với sự “báng bổ” đây (sic), đừng căng cứng nữa.

Anh có thể tưởng tượng nổi không? Trường không có giếng nước, phải ra suối mang về. Tôi hào hứng tham gia như thể một trò chơi mới mẻ: Ông Thắng thì đèo hai xô nước sau yên xe. Còn tụi này thì học cách gùi của phụ nữ miền núi. Xô nước lắc lư càng dè nặng hai vai. Ba cô gái bước chậm trong rừng chiều. Cảnh tượng thật lộng lẫy huy hoàng nhuộm màu lãng mạn trong chút nắng quái lơ lửng trên đầu. Những giọt nước rơi trên đường đi, thấm nhanh vào lớp bụi bùn khiến tôi nghĩ đến những chiếc lông ngỗng thời huyền sử. Nhưng những chiếc lông ngỗng kia có chàng Trọng Thủy nặng tình phi ngựa đuổi theo, còn những giọt nước lẻ loi, cô đơn mau chóng tan biến dưới lớp đất, chỉ còn những vệt đỏ bầm xoắn lại. Dấu nước nhanh chóng tan đi, anh hiểu không?

Nước mang về chỉ dùng cho nấu nướng. Tắm giặt phải ra suối cách đó gần cây số. Chuyện tắm của tụi tôi luôn là nỗi khổ tâm: Cứ để nguyên áo quần nhảy tùm xuống suối, ngâm mình và kỳ cọ. Khi áng chừng đã sạch “bụi trần” thì cả bọn chui vào lùm cây thay đồ. Một người thay thì hai người đứng canh. Lạ chưa? Rất kỳ cục. Chị Hải nháy mắt, nói phải làm vậy, vì đám thanh niên ở đây lém lắm. Năm trước, có lần chị và Ngân đang thay quần áo, cả người cứ cảm thấy nhồn nhột như bị vuốt ve, quay lui thì có ba anh chàng đang núp trong bụi rậm nhìn sang. Chị Hải ré lên như bị rấn cấn, chạy một mạch tới nhà ông trưởng buôn. Ông Thắng làm dữ với địa phương... Nghe giọng kể đều đều của chị Hải làm tôi bắt nổi da gà và luôn bị ám ảnh mỗi khi cởi trút bộ quần áo ướt ra khỏi thân thể giữa lùm cây không lấy gì làm an toàn. Nhiều lúc đụng phải cành lá kêu lạt sạt, cứ ngỡ đó là bàn tay thô nhám, càn rỡ của đàn ông chạm vào, giặt này người!

... ngày... tháng... năm...

Anh,

Thư rồi anh viết “giận gì mà không thêm viết một chữ”. Bụng dạ đâu mà giận? Chẳng là chủ nhật trước học sinh “rủ” các cô lên rẫy ăn bắp nướng. Nghe nói bắp nướng, mắt chị Hải, chị Ngân sáng lên, kích động sự tò mò nơi tôi. Với lại định bụng, khi nào viết thật dài như kiểu

mấy ông nhà văn viết truyện rồi sẽ gửi, không muộn, vừa thử lòng anh đang lú lúp đầu đó những hào nhoáng phổ thường, cùng lúc coi lại đầu óc mình thật sự định chuẩn chưa!

Học trò nơi tôi dạy thật dễ thương. Chúng hiền lành, ngơ ngác như loài chim thú trong rừng, nhưng khổ nỗi chúng tới trường lười nhác, hiếm khi đông đủ. Lúc đầu tôi thấy giận ghê gớm về sự lười nhác, nhưng hỏi kỹ mới hay: Học hành là chuyện phụ. Đi rẫy, tuốt lúa, bẻ bắp, hái đậu... mới là chính. Nói thế nào phụ huynh cũng không nghe. Xem chừng thay đổi thói quen này không mấy dễ. Bốn thầy cô hết chia nhau đến từng nhà giải thích, lại bám ông xã trưởng, buôn trưởng kêu cứu. Có lần ông cầu nhau: “Chuyện đó tui đâu biết. Mà luật pháp đâu cấm học sinh nghỉ học lên rẫy phụ cha mẹ?”. Anh coi, ăn nói kiêu đó có kỳ cục không? Thôi thì cũng phải ráng đợi hết mùa vụ bằng cách: Thầy cô cũng xúm vào bẻ bắp, khiêng lúa... với học trò. Mệt đứt hơi nhưng kèm theo là cảm giác lâng lâng khó tả như cảm giác cả đám được ngồi trên chiếc đu quay, quay tít. Xong mùa, các em hí hửng tới trường, tay lủng lẳng chùm bắp tươi, bịch ni lông đậu đỏ, con gà rừng... gọi là quà thầy cô, trước khi ngồi ngay ngắn trên bàn học. Lại phải mất hơn tuần để làm quen với cái chúng thiếu. Rồi đầu cũng vào đó, nghĩa là có nhiều đứa tiếp thu khá nhanh...

Tháng trước tụi này bàn với ông Thắng, rồi kêu gọi cả trường dựng một căn nhà nhỏ cho các em ở xa, vì mùa mưa sắp tới rồi, để chúng lội bộ năm, mười cây số qua sông qua suối thật tội nghiệp (mấy năm trước đã có em bị nước cuốn mất đó). Cả buôn hưởng ứng. Thầy cô cũng riu rưa với các em vào rừng, đốn cây, cắt tranh rồi ì ạch tha về như đàn kiền tha chiếc lá to. Suốt bốn ngày chủ nhật vào rừng, tôi để ý một điều là chúng chặt cây, đẽo gọt thật giỏi, thật nhanh. Một thân cây tròn cỡ thân người, loáng một cái đã vuông vức, láng coóng. Tôi mới suy nghĩ, để làm được chuyện này, với số tuổi còn nhỏ, tất nhiên do thói quen gắn với rừng, nhưng hơn hết là đầu óc biết tính toán, suy nghĩ nữa chứ. Tôi áp dụng ngay vụ đẽo cây để hướng dẫn các em cách giải một bài toán, làm một bài văn cùng các môn học khác, không theo những quy định bắt buộc: Bắt các em tự đặt câu hỏi và tự tìm câu trả lời, như kiểu ngồi lột từng mao bắp cho tới khi ló hột ra vậy. Lúc đầu, chúng thấy bối rối, bẽn lễn. Sau quen dần. Khó khăn qua đi. Qua đi và thành công. Tôi mừng còn hơn bắt được hũ vàng, bởi các em hứng thú hơn trong việc học, chúng tự khám phá ra những điều thầy nêu lên, có khi cả thầy và trò cùng tham gia một cách đồng đẳng, như thể cùng học chung với nhau. May mà ba tháng nay không có bóng dáng Phòng, Sở nào về thanh tra. Chứ họ mà thấy kiểu dạy này chắc đuôi tôi ra khỏi trường ba mươi giây! Riêng tôi, tôi rất hài lòng vì mình đã thành công, làm cho chúng ham thích học tập hơn, ít vắng mặt hơn.

Mãi đông dài “thành tích” suýt nữa quên chuyện này. Thiệt ngộ. Khá bất ngờ. Số là khi quan sát các em khiêng cây, tôi mới để ý thấy những vòng kiềng đen quanh cổ chúng, nổi đậm đặc bên trên lớp mỡ hôi nhẽ nhại. Anh biết cái vòng gì không? Vòng kiềng đất! Khi ra tới bờ suối, tôi hỏi thằng Y Blin: “Em có thường tắm không?”. Nó hớn hờ: “Dạ có, cô. Ngày nào em cũng tắm”. Tôi hiểu ra kiểu tắm của chúng là nhảy tòm xuống nước, ngoi như rái cá rồi leo lên. Chúng nhúng nước đó mà. Tôi để bụng và chủ nhật rồi lẳng lẳng đèo chị Ngân ra chợ kêu ông thợ cắt tóc, mua mấy cục xà bông thơm và dầu gội, quay về lùa hết đám học sinh lớp tôi ra bờ suối, cắt gọn theo kiểu húi cua, con gái thì cắt “bom bê”. Tới đoạn lấy ráy tai, ông thợ cắt tóc kêu trời: “Tụi bay nhét bùn vào lỗ tai chi dữ vậy?”. Chúng ngó mặt nhau cười lỏn lển. Anh có thể tưởng tượng nổi không? Hăm bảy đứa, đủ cả năm tư cục bùn bằng đầu đũa. Ông thợ cắt tóc sắp ngay ngắn trên miếng lá ngái to rồi nói: “Tụi bay đem về cắt làm kỷ niệm!”. Hèn chi mỗi khi tôi gọi Y Lin thì ngay lập tức thằng Y Blin đứng dậy, gọi Y Đoa thì Y Doãn trả lời, mới mở miệng: H’Ngung thì H’Nhưng đứng lên làm rối tung cả lớp. Thiệt kinh khủng! Hề cắt xong

đưa nào là tôi và chị Ngân lôi đi gội đầu, lấy bột đá ngay dưới suối chà xát từ cổ tới gót chân ngay. Lốp cáu ghét đó nếu không bị nước cuốn trôi, có thể gieo một rò cải nhỏ đó.

Cái vụ lừa đi cắt tóc, tắm gội lan sang các lớp khác thiệt nhanh và không phải đợi thầy cô nữa, chúng tự động vệ sinh. Tuần sau sạch sẽ hẳn. Vui không?

... ngày... tháng... năm...

Mấy tuần nay không đụng tới cây bút, tờ giấy chẳng phải không nhớ nhà, mà bởi hai tay mỏi nhừ. Tôi cũng phải khiêng vác với mọi người để dựng cho xong căn nhà. Chính xác hơn là nhờ thanh niên địa phương: Họ nhiệt tình đục đẽo, dựng cột, tra ngàm... chẳng mấy chốc sườn nhà cũng “sừng sững” phía sau trường. Họ lại đánh tranh, chẻ lạt rồi lợp, rồi trét vách. Tất cả đều một tay bọn họ với ông Thắng. Máy cô chỉ hậu cần. Thoạt nghĩ cũng hơi giựt mình: Nếu không có mấy anh trai làng phụ giúp thì không biết đến bao giờ mới được nhìn thấy “ngôi nhà nhỏ lộng lẫy” giữa khu rừng trống hoác này. Ngôi nhà nằm dưới tán cây da đá, có nhiều rễ phụ mọc xuống đất, tha hồ chúng nó đùa. Nó chỉ cách trường chừng vài chục bước chân. Tôi nói nhỏ với ông Thắng: “Hay tụi em ra nhà mới còn các em ở với thầy?”. Ông Thắng suy: “Tầm bậy, các cô ở ngoài đó thú dữ vào bắt đi mất!”. Nghe nói “thú dữ” tôi xanh mặt, còn chị Hải thì bĩu môi: “Thằng chả sợ mất hơi tụi mình đó mà”. Tôi chột hiều, cười toe toét: “Thì chị ưng ông đi. Ông yêu chị quá mà?”. Chị Hải quay mặt: “Chuyện!”. Vì không thấy được mặt khi chị buông ra chữ “chuyện” cụt lủn, nên bí mật giữa hai người vẫn cứ treo lơ lửng ở đâu đó.

Anh hãy nghe đây. Chuyện này rất nghiêm túc: Khi nền nhà đã khô, vách đã cứng, mùi bốn em hớn hở về nhà mới. Tất nhiên là có bữa tiệc nhỏ, cây nhà lá vườn. Và để tỏ lòng biết ơn địa phương, ông Thắng đi mời. Họ kéo đến đầy nhà, còn mang theo ché rượu, con gà, miếng khô. Đông, vui cứ như ngày hội. Nhưng sự thể chỉ khép lại tại chỗ này thì tròn trịa biết nhường nào. Đàng này, đêm cạn, tiệc tan, lúc mọi người lục tục ra về, đến đầu hồi trường, xé giềng nước, bỗng lù lù một bóng người cao lớn. Hấn lên tiếng: “Cô đừng sợ. Tôi là Y Blách. Xin gửi cô chiếc vòng”. Nói và hấn dúi vào tay tôi chiếc vòng rồi chạy biến vào bóng trắng trải rộng trước mặt. Tôi tưởng tượng như đó là bức tượng đồng đen đang di chuyển.

Đêm dài, kéo theo những cảm giác dập dềnh trợn lẩn: bồn chồn, lo lắng, sợ hãi, thích thú, buồn tủi... Tất cả giống y chang những thử trong lấu thập cảm đun mạnh lửa, nhào lộn như xiếc. Đêm dài vô cùng tận. Mắt lại mở trao tráo, hêt xoay qua rồi lăn lại khiến chị Ngân hỏi nhỏ: “Gi vậy?”. Tôi giả bộ ú ớ như người mới ngủ, nằm im. Nằm im và cố moi trí nhớ về anh chàng hồi tôi, Y Blách, và lần tháo từng gút. Hấn vạm vỡ, bắp tay cuộn cuộn, nước da đồng thau, mái tóc bông bênh, nhất là đôi mắt khi nhìn ai như hút hết người ấy vào hai con ngươi. Nhớ rồi, tôi đã gặp anh ta lúc mới đặt chân lên đất này. Anh ta đã nắm tay tôi dắt lên cầu thang? Có lúc tôi cũng nghĩ bậy: Mang đặt hấn vào trong công viên, giữ làm của riêng, thì hấn sẽ là một bức tượng tuyệt hảo để nhìn ngắm không biết chán! Còn trong công việc, mỗi khi vung chiếc riu lên, cả người hấn cuộn lên những bắp thịt như vận động viên thể hình, như phình to ra. Những lúc đó tôi cứ sợ hấn sẽ nổ tung mất. Nhưng không phải vậy, chỉ có những thân gỗ là bị thu nhỏ dần theo ý muốn thôi...

Sáng thức dậy như người bị ốm, mặt mũi bơ phờ. Chiếc vòng tôi qua tôi lén giấu vào đáy va li, không biết tạo từ chất gì, nặng. Và cũng không dám hé lộ ra. Chị Hải và Ngân mà biết được, chắc tôi chết mất! Anh cũng biết rồi. Ở xứ này, một khi người nam tặng vòng cho người nữ, sẽ đồng nghĩa với sự bày tỏ tình cảm và xa hơn chút là lời cầu hôn. Anh coi, có chết tôi không? Mà nếu trời đất xui khiến, tôi ưng hấn thì anh nghĩ sao?

...ngày... tháng... năm...

Mấy ngày nay trời mưa tầm tã. Nước chảy âm âm từ các con suối dồn về nhánh sông nhỏ phía dưới chân đồi, chảy cuộn cuộn, ngẫu đồ nom dễ sợ như màu máu. Những ruộng bắp, mía ở thung lũng phía trước ngập lụt trong biển nước mênh mông. Nước cuộn cuộn. Học sinh nghỉ học gần hết, trừ mười bốn em ở trong căn nhà tập thể. Chị Ngân kêu năm nay mưa sớm, nên củi đun nấu không chuẩn bị sẵn. Vậy mà tụi nhỏ có sáng kiến, chờ ngớt mưa, chạy ra bìa rừng lúi củi ướt về rồi tháo bớt vạt mò o trên giường nằm, vừa nấu cơm, vừa hong khô. Nhờ có đồng củi ướt vừa khô hong tiếp cho lớp khác nên tụi này không còn phải ngồi nhìn nồi cơm sôi. Anh thấy chúng nó có thông minh không?

Tối lạnh thấu xương. Ban ngày thì không thấy mặt trời đâu cả, như thể đất trời dính liền lại một cục. Ước gì ngay bây giờ mưa tạnh, mặt trời lộ lên để tôi có thể đứng trên đồi cao này ngắm về phương Nam, nơi có cha mẹ, anh chị và cả anh nữa. Khôi tròn đỏ ôi đó sẽ từ từ nhô lên mỗi sáng như quả cầu rực lửa nhớ mong, có lần làm tim tôi thất lại nỗi nhớ về chốn cũ, bạn bè. Giờ thì nó chìm khuất sau lớp mây dày u ám. Gần Tết rồi.

Anh này, có kiểu mưa chi mưa lạ mưa lùng vậy? Mưa suốt ngày đêm. Mưa như cầm chĩnh mà trút! Nước ở nhánh sông dâng cao, tràn qua đường, gầm réo như muôn vạn thủy binh đi đánh Sơn Tinh ngày xưa. Mọi ngã đường ra trung tâm xã đều bị cắt đứt. Khu trường học giờ như một ốc đảo, thiệt dễ sợ! Gạo trong khạp bắt đầu khua sồn sột rồi. Cả mười tám con người quay sang chế độ cháo, ngày hai bữa. Để có thêm hương vị thì trộn thêm mì tôm vào cháo. Thầy trò si sụp húp vừa khen ngon hơn bát cháo hành Thị Nở, vừa nghe mưa đập âm âm trên mái. Vui đáo để.

Nước chảy xiết, lém sân. Ông Thắng đội mưa, gom hết các em vào, chong đèn thức suốt đêm để canh nước. Chị Hải ôm chị Ngân khóc râm rức, nói: “Mưa kiểu này chết mất!”. Chị Ngân nạt: “Nói bậy”. Đám học trò ngồi chóc ngóc, thì thảo trên những chiếc bàn học kê khít... Không ai ngủ được. Ông Thắng kêu: “Mọi người cố gắng nhắm mắt để giữ sức. Có gì tôi gọi...”. Mặc cho ông Thắng bòn chòn, mưa vẫn tuôn, nước vẫn tiếp tục gầm siết. Tôi thiếp đi, để sáng ra ngồi ghi vội mấy chữ này, nghe mưa đổ mù trời đất vừa tả lại cơn mưa núi cho anh biết với...

...Nước lên nhanh quá. Hết đường ra trung tâm xã rồi...

*

Hai ngày sau cơn lũ kinh hoàng, toán cứu hộ mới tới được buôn H'Leo. Có anh chàng thanh niên bản địa xung phong hướng dẫn đoàn. Bùn đất ngập tới thắt lưng. Những thùng hàng như muốn nhấn lút họ xuống tầng sâu của sinh như cháo hồ nhuộm. Phải khó khăn lắm mới chuyển hết số hàng lên đỉnh gò cao của buôn. Ba bên bốn bề là cảnh tượng tan hoang. Họ dựng lều rồi vội vã chia nhau đi tìm kiếm.... Suốt buổi lội trong bùn sinh nhưng không tìm thấy được dấu vết nào của sự sống. Người thanh niên, có vẻ như trưởng toán, buồn bã buột miệng: “Chẳng lẽ cả làng bị xóa trắng rồi sao?”.

Chiều thấp dần. Họ quay lại nơi dựng lều. Trên đường đi, thu nhặt được vài mẫu quần áo, chần mừng quện chặt vào bùn, vướng trên những cành cây nghiêng ngã theo chiều nước cuốn. Qua bãi sinh, chỗ có mấy bụi gai mọc ó đưa cả bộ rễ lên trời, họ phát hiện chiếc va li vùi sâu giữa lùm rậm. Mọi người xắn xở dùng rựa, câu móc phát sạch, lôi chiếc va li ra, tiếp tục mò trong lớp bùn dày với hy vọng có thể tìm thấy người bị vùi lấp. Nhưng không có gì cả. Toàn bùn nhão nhoét. Bùn sinh bám lên tận cổ, mặt mũi họ...

...Dưới ánh sáng leo lét của chiếc đèn bão, toán cứu hộ hồi hộp nhìn chăm chú theo bàn tay run rẩy của người trưởng toán. Chiếc va li được mở ra: một mớ quần áo lót và chai lọ của phụ nữ, một chiếc vòng bằng đồng và cuốn sổ nhật ký. Người thanh niên địa phương mặt tái đi

khi nhìn thấy các đồ vật được bao bọc bởi lớp bùn nhão. Anh lặng lẽ cầm chiếc vòng đồng đưa ra xa rồi xích lại gần tầm mắt. Một người khác dùng nước đóng chai rửa sạch quyển sổ rồi trao cho người trưởng toán. Anh cẩn thận gỡ từng trang và bắt đầu đọc cho mọi người cùng nghe. Ban đầu giọng còn vang, càng về sau càng run rẩy, nhỏ dần, như nghẹn lại. Nước mắt anh chảy dài xuống má, xuống cổ. Những tiếng sột sạt nổi lên. Ngọn đèn bão chao lắc không đủ sáng soi rõ mặt mọi người. Đêm buông xuống thật sâu.

(Tháng 5/2010)

Giấc mơ

Ba bức thư điện tử cách nhau ba ngày, cùng một nội dung là những lời thăm hỏi vu vơ không khiến ông phải bận tâm. Nhưng đến thư thứ tư cách thư trước khoảng một tuần thì nội dung giống chiếc đuôi con thằn lằn ngoay ngoáy trên vách tường rình mò. Cái đuôi ấy lúc cong lên lúc lắc qua lắc lại, vừa xa mà cũng vừa như tóm được con mồi trong chiếc lưới dài: “Chào ông, ông có nghĩ rằng thời gian sẽ đẩy con người tới chốn âm u để quên đi tất cả. Trí nhớ sẽ không còn nhạy bén như hồi trẻ. Đi đứng khó khăn. Một vài thứ bệnh xuất hiện... Hẳn nhiên người ta sẽ phải loay hoay với những thứ đó, bận rộn suốt ngày với nó để không còn thời gian mà nhớ...?”.

Ông phì cười. Có lẽ cô nàng nào đó đã nhầm ông với một người nào khác. Rõ ràng cái địa chỉ này ông chưa hề quen, chưa một lần tiếp xúc qua bàn phím, nói chi đến chuyện nhớ quên? Nhưng mười ngày sau, trong inbox lại xuất hiện cái địa chỉ xa lạ kia. Cố nén bực bội nhưng cũng vừa tò mò, ông mở ra: “*In life, there are moments when you miss someone so much that you feel like you could only fulfill your dreams by holding that person tight in your arms.* Ngộ chưa? Nhớ đến ai, tương tư ai đến nỗi phải ôm chặt người ta trong giấc mơ? Một mối tình tan vỡ chẳng? Hay là hoài nhớ lại những ngày xuân xanh? Ông muốn gõ vài chữ trả lời rằng, xin lỗi cô (bà) đã nhầm địa chỉ, nhưng ông không đụng vào ô reply, nghĩ bụng một cô bé theo kiểu nhân vật trong các feuilletons trước kia thì cứ để mặc cho cô chìm đắm trong những giấc mơ đẹp, không mất gì! Ông bỏ qua, mở các thư khác và trả lời, và không còn nhớ gì đến những giấc mơ của cô hay bà nào đó. Những giấc mơ bay mờ dần, tan dần trước màn hình kín đặc những con chữ màu đen.

Ông lại cúi mũi vào công việc. Bàn phím lại lóc cóc vang lên những âm thanh quen thuộc. Viết được nửa trang thứ ba có chuông điện thoại reo. Lại ngưng công việc, lại phải nhắc ông nghe áp lên lỗ tai:

-Tôi là Bằng, xin nghe.

-Thưa ông tôi muốn nói chuyện với ông một chút, có phiền lắm không ạ?

-Vâng, chị cứ nói, tôi nghe.

-Tôi là Mai, Ngọc Mai, ông còn nhớ không ạ?

-Mai thì rất nhiều, nhưng Ngọc Mai thì cũng có vài người thân sơ. Chị có thể nói rõ hơn chút được không? – Ông lúng túng với trí nhớ bắt đầu lảng đãng của mình.

Đầu dây bên kia ngập ngừng một lát rồi nhỏ nhẹ vang lên. Chất giọng mềm mượt tựa thảm cỏ tía tốt cần thận trước sân vườn nhà ông.

-Đáng lẽ ra không nên làm ông bận rộn vì một việc không đâu, nhưng hôm qua, trong bữa họp mặt đồng hương, có người nhắc đến tên thầy làm em nhớ những ngày còn ở trường Lê Ngọc Hân.

Ông giật mình. Trong số các nữ giáo sư cùng trường thời xưa, hình như chỉ có Thanh Mai và Lê Thị Mai một dạy pháp văn, một dạy triết. Ngoài ra không còn Mai nào khác. Ông cố lục tung mọi ngõ ngách trong đầu. Một loạt các đồng nghiệp cũ hiện ra, nhưng cái tên Ngọc Mai thì chịu. Chẳng lẽ ông bắt đầu bước vào vũng còm cõi đến vậy sao. Hay cô ta dạy ở trường tư thục nào đó cùng thành phố. Mà tư thục thì có đến năm sáu trường, ông có quen ai đâu.

Ông nói với giọng không mấy tin tưởng:

-Tôi dạy ở Lê Ngọc Hân chỉ có hai năm, sau đó chuyển đi trường khác. Không rõ cô có dạy cùng thời gian với tôi ở đó không?

-Không thầy ơi. Em là học trò thầy lớp 11B3, phòng học ở cuối dãy hành lang lầu 1, xé hành lang có cây bằng lăng vượt cao hơn balcon. Giờ ra chơi tụi em hay với tay níu hái những

búp hoa tím, có lần bị thầy bắt gặp và nhắc nhở một câu nhớ đời: “Hoa thì đẹp đấy. Nhưng các em thì còn đẹp hơn gấp ngàn lần. Từ balcon tới mặt đất có đến 4 mét. Phía dưới không êm ái như tấm nệm trong phòng ngủ có máy điều hoà đâu”. Thầy chỉ nói có vậy rồi bỏ đi không thèm ngoái nhìn lại coi coi lũ học trò có thôi đi trò nghịch ngợm nguy hiểm kia không hay vẫn tiếp tục vói tay ra tận những cành xa. Hôm qua chị bạn nhắc lại, chị Lan làm thơ hay nhất lớp đấy, chắc thầy nhớ?

-Vâng, tôi nhớ cô Lan, tôi nhớ những năm Lan và các bạn say mê làm tờ đặc san cuối năm cho trường.

-Dạ, giờ chị Lan không thành nhà thơ mà là một doanh nhân tầm cỡ trong cộng đồng ở nơi đất khách quê người này.

-Tôi cầu mong tất cả mọi người đều thành đạt. Niềm hạnh phúc riêng tư của mỗi người là nắm giữ được những mơ ước có thật trong tay.

-Thầy có khoẻ không và hiện đang làm gì?

-Cảm ơn, có lúc khoẻ lúc không bởi tuổi già cứ rập rình ngoài khung cửa, giống như khập nước bị nứt. Bữa nay nước rỉ ra một chút, mai một chút cho tới khi cạn đáy coi như chấm dứt mọi món nợ trần gian.

-Thầy luôn có lỗi ví von gây sự chú ý. Tụi em nhớ thầy chính vì điểm này. Thầy luôn có sự khác biệt đối với những thầy khác, khó nói, khó tả chính xác. Xin lỗi thầy, giờ em có hẹn, em sẽ gặp lại thầy. Chúc thầy...

Ông gác máy, ngã người ra thành ghế, nhắm mắt làm một cuộc thanh lọc và tái hiện lần hồi, bắt đầu từ buổi sáng cầm sự vụ lệnh đến trình diện với bà hiệu trưởng. Giờ phút đầu tiên cảm viên phấn và đám nữ sinh xì xào bên dưới... Một khối trắng bệch bồng trôi trong phòng học, không phải là những con thiên nga giang đôi cánh trên trời cao mà là những chùm bông gòn kết dính, rối mù bay lả tả trong không gian hẹp đến khó chịu. Sự khó chịu kia có lần ông buộc miệng với bà hiệu trưởng: “Tôi không thể nào hiểu nổi ai đó ở bộ Giáo dục lại đưa ra ý tưởng lập một trường trung học toàn nữ. Sự mất thăng bằng về giới tính trong nhà trường dễ dẫn đến những hậu quả tai hại về học tập, sinh hoạt về vấn đề tâm sinh lý...”. Câu tổng kết kinh nghiệm mới mẻ kia được phát đi từ miệng anh thầy giáo non choẹt mặt mũi, non choẹt tuổi nghề, được đón nhận bằng những ánh mắt trái ngược nhau và đều có ngầm ý cho rằng ông đang nói trên vị trí của anh đô gàn của nhiều thế kỷ trước còn sót lại. Nhưng với ông, lúc đó hoàn toàn chính xác đến từng ly mét. Một thầy giáo mới ra trường, tuổi tác so với học trò chỉ cách nhau năm ba tuổi, có thể gọi là cùng thế hệ đã dẫn tới nhiều hệ lụy rất trẻ con.

Chất trẻ con đầu tiên ông đựng mặt là những câu tấn công tình cảm vu vơ trên bảng, đánh lừa người khác bằng cách viết tay trái. Thịnh thoảng lại nhìn thấy một cánh hoa đại bút vội đâu đó trên đường tới trường đặt trên bàn kèm theo mảnh giấy “*gửi đến thầy với trái tim tan nát*”, một tờ giấy pelure màu hồng sực nức nước hoa và những vệt nước nhoè trên mặt giấy mà ông đoán chắc là những giọt nước từ chiếc vòi ngoài sân cỏ. Nhưng khùng khiếp hơn cả là khi ông giảng về phong trào thơ mới ở Việt Nam. Hàng chục cánh tay giơ lên, nhao nhao tranh luận, đặt những câu hỏi phản biện như đùa như thật:

-Thưa thầy, tại sao *yêu là chết trong lòng một ít*? Vô lý, không yêu nhau thì thôi chớ chết chi cho uổng? Sao ông Phan Khôi tự dung đặt tên bài thơ là *tình già*, tình già khác tình trẻ chỗ nào, thầy? Lại còn *liếc nhau con mắt còn có đuôi*, bộ như đuôi chim đuôi gà hay kiêu tóc đuôi ngựa tụi con gái thời nay? Ông Nguyễn Bính so sánh khập khiễng: *Nắng mưa là bệnh của trời/tương tư là bệnh của tôi yêu nàng*. Dạ, cứ cho là bệnh đi, nhưng so sánh với mưa nắng thì nhà thơ dở ẹt... Dạ, thưa... có bao giờ thầy tương tư, thầy chê...ét... chưa ạ? Tiếng cười ồ òng loạt nổi lên. Tôi lúng túng thật sự. Lúc đó tôi không còn là ông thầy nghiêm trang nữa, mà

quay lại đúng vị trí anh thanh niên vừa tròn 23 tuổi mụ, đang bị bao vây bởi một bầy thiên nga lông trắng, nhao nhao bên dưới. Rất khó khăn tôi mới lập lại được trật tự. Và, cũng chừng ấy khó khăn, tôi bình tĩnh giải thích, cắt nghĩa rành rẽ về cấu trúc ngôn ngữ thơ ca, về tứ trong một bài thơ... đến khi chấm dứt giờ học, thay vì những tiếng cười ồ trước đây là những tiếng vỗ tay bôm bốp, kèm theo: “Ôi, thật tuyệt vời, thầy đáng yêu quá... Chúng em yêu thầy...”.

Chuông đổ, tôi thu gom tài liệu trên bàn, vụt ra cửa như một chiến binh bị địch truy đuổi phía sau. Những tiếng la í ới, tiếng đập bàn như thể những phát đạn bắn vởi theo.

*

Bầy thiên nga lông trắng ngày xưa với giấc mơ lông lẻo từ trời cao rớt xuống, cách một đại dương mênh mênh, nếu dừng lại ở đây thôi cũng đủ làm ông nhồn nhột, hướng chỉ ba ngày sau cuộc nói chuyện bất ngờ trên điện thoại, lại có một bức thư khác ở một địa chỉ e-mail khác, viết rằng: *Thầy có biết thầy là người vô tình không? Con Mai yêu thầy đến phát cuồng. Nó yêu thầy ngay từ ngày đầu thầy nhận lớp. Đã chồng con đê huê, nhưng mỗi khi nhắc trường xưa bạn cũ nó lại khóc ròn nói nhớ thầy. Nếu hồi đó mà thầy biết sự tình, giờ này chắc tròn trịa. Thầy có tưởng tượng ra nó chưa? Con Mai đẹp nhất trường, kiêu kỳ nhất, đa cảm nhất... và yêu thầy nhất...* Ông tắt cả hộp thư, shut down máy. Đầu óc vằng vắt, mệt muốn đứt hơi với mớ chữ vừa đọc.

Ông xô ghế, rót cốc nước lọc, uống từng hớp nhỏ. Thần kinh dịu xuống đôi chút. Lúc sau ông thử người ngồi nhìn chiếc laptop mỏng dính im lìm trên bàn: lẻ loi, cô độc bởi ông không đụng đến nó; im lìm như người có lỗi bị xua đuổi. Trong đầu bỗng dung lóe lên một ý nghĩ không mấy bình thường: nếu như ông biết sự thể kia, nếu như ông chấp nhận mối tình của cô bé học trò, nếu như hai người lấy nhau... thì giờ này ra sao nhỉ?

Những chữ “nếu” kéo dài và dính cục lại, bỗng bèn như cánh những con chim thiên nga lông trắng muốt trên trời cao vẫy những giấc mơ đẹp bay theo. Ông nhắm mắt lại và ngỡ như mình đang bay đuổi theo những cánh thiên nga trắng muốt kia.

Tháng 5/2010

Mục lục

Đồng làng
Con dao và lát bánh mì
Người đàn bà bay trên mây
Vòng trắng bay
Chân dung tự vẽ
Ngày thì tối, đêm thì sáng
Nhân dân ơi, xin chào
Miền không dấu chân người
Bóng nắng
Gió cuối chân mây
Cưới vợ ăn tết
Hương cau
Về làng
Mùa tết
Lên non hái trái
Giấc mơ
Mục lục